

Tác Giả và Tác Phẩm

Kiệt Tẩn (I)

Tiểu sử

Tên thật: Lê Tấn Kiệt. Sinh năm 1940 tại Bạc Liêu, Hậu Giang.

Tác phẩm

Nụ cười tre trúc (1987), Thương nàng bấy nhiêu (1988), Nghe mưa (1989).



Mục Lục

Em điên xóa tóc - 2

Nghĩ về Kiệt Tẩn – Nguyễn Mộng Giác - 21

Đêm cô tuyệt – 22

Hãy nằm im và lắng nghe những vũng nước xanh lơ xôn xao trong đầu – Cổ Ngư - 33

Nụ cười tre trúc – 40

Kiệt Tẩn, nụ cười tre trúc – Nguyễn Hưng Quốc – 46

Kiệt Tẩn – Nguyễn Vy Khanh – 52

Phụ đính:

Phòng vấn Kiệt Tẩn - Kiệt Tẩn: Rằng quen mắt nét đi rồi!

Cái râu bất tận của Nguyễn Ngọc Tư - Điên như Kiệt Tẩn

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Em điên xóa tóc

Giờ này chắc người con gái tóc dài hã còn thao thức. Cũng như tôi. Cũng như đêm qua, cũng như đêm kia, và biết bao đêm nữa. Trước khi nổi điên, người ta thường mất ngủ một thời gian dài. Có lần tôi đã mất ngủ cả năm nhưng không nổi điên. Lần này tôi mất ngủ tám tháng, và tôi nổi điên. Nàng cũng vậy, nhưng không biết đã mất ngủ bao lâu. Điên? Làm sao biết mình điên? Chỉ biết chúng tôi đang bị giữ trong bệnh viện tâm lý cùng nhiều người khác, nhưng trong đám tương đối tôi và nàng trẻ nhất. Sao chúng tôi nổi điên quá sớm? Và nàng còn sớm hơn tôi nữa. Nàng đẹp, phải công nhận nàng đẹp. Nhưng đâu phải là một lý do để nổi điên!

Hôm đầu tiên nhập viện, ngồi trong phòng ngó ra thấy nàng mặc một cái robe trắng thấp thoáng ngoài hành lang tôi tưởng nàng là nữ trợ tá. Nàng đi qua nhanh, tôi trông theo mắt bị thu hút kỳ lạ bởi mái tóc dài ẻo lả trên lưng, xuống tận dây nịt. Mái tóc gội rửa sạch sẽ xóa ra mềm mại, màu nâu thẫm, trong ánh sáng mờ tường như mái tóc đen dài của một cô gái đồng phương nào đó. Áo nàng màu trắng ngà phồng ra ở cườm tay, ở thắt lưng và bên dưới gối, trùm lên đôi ủng da cao màu đen, nịt da cũng màu đen. Cả người nàng toát ra nét thanh lịch và tha thướt theo từng bước đi, đuôi tóc phấp phới. Nàng lên phòng trực phát thuốc ở đầu hành lang, chập sau quay trở lại, đi ngang phòng tôi, tới cuối hành lang rồi mở cửa căn phòng ngó xéo với phòng tôi bước vào khép cửa lại. Nàng không biết có tôi đang ngó và đang bị mái tóc nàng mê hoặc. Tôi có ý chờ khi trở ra nàng sẽ ghé vào phòng tôi, mang cho tôi mấy viên thuốc ngủ cùng ly nước lạnh và vỗ về tôi uống. Tôi khép hờ cửa và chờ nghe tiếng bước chân. Khi cúi xuống tóc nàng xóa lên mặt tôi, thơm tho ngầy ngật – tôi tưởng tượng. Nụ cười của nữ trợ tá chan chứa thông cảm bao dung như tôi thường thấy. Trong tình trạng hiện tại, người tôi không còn một chút phần dẫu nào, như một bình điện hết hơi, tôi bỏ cuộc. Bốn bức tường bệnh viện ngăn cách tôi khỏi sự công phá từ bên ngoài. Cửa sổ có thanh sắt và kiếng mờ dày, tôi không thể nào đập vỡ và lao ra không trung bất thần được. Thế giới của tôi bây giờ có nàng và những người điên khác. Kiên nhẫn, một chút nữa nàng sẽ ghé vào. Vách phòng sơn trắng, giường trải nệm trắng, một bàn nhỏ, một ghế nhỏ, một tủ nhỏ cũng sơn trắng ở đầu nằm. Trong tủ có hai bộ quần áo, một bàn chải đánh răng, một cây lược, một cục xà bông thơm, một cuốn sách hình Mickey và một tập vở học trò tôi dùng để chép thơ còn độ một nửa tập giấy trắng. Tự nhiên tôi thêm viết, viết gì cũng được, miễn được cầm bút và ngụy ngoáy trên trang giấy trắng. Hồi còn học sinh, tôi hay viết nhật ký. Tôi dở tập đến hết phần thơ chép và cầm bút đặt lên trang giấy đầu còn lại. :

Bệnh viện Paul Brousse, ngày... « Có hai điều tôi sợ nhứt trên đời là bệnh tật và cô đơn. Mà rồi bây giờ tôi cô đơn và bệnh tật. Hôm nay là ngày đầu tiên tôi ở nhà thương điên - mỹ từ : bệnh viện tâm lý. Tôi không muốn vào đây nhưng Anh nói nằm nhà mãi tình trạng càng trầm trọng thêm và nàng khóc lóc. Tôi đành nghe theo. Chỉ sợ một khi vào đây, tôi sẽ không trở ra được nữa. Mỗi ngày tôi sẽ một điên thêm, người ta sẽ chuyển tôi hết bệnh viện này đến bệnh viện khác, sẽ chung chạ với những người càng lúc càng điên nặng hơn. Tôi đã từng chứng kiến người điên bị nhốt. Hồi học trung học, một anh chàng si tình phát điên bị nhốt trong phòng có song sắt hẳn ta miệng nói làm xàm không ngớt và leo trèo lòng vòng như con khỉ thấy phát chóng mặt. Một bạn khác đi thăm con nhỏ cháu tôi ở nhà thương Chợ Quán. Nó bị nhốt chung với rất nhiều người điên, nhà giam giống như chuồng nhốt súc vật ở sở thú. Mùi hôi hám nớp nhúa hực ra tanh thúi không thể tả. Nó đứng vịn song sắt khóc rùng và đòi về, nó nói đã hết điên rồi. Bỗng có một mụ dơ dáy quần áo rách bươm tới nắm tóc nó kéo đi và tru tréo sao nó giết con mụ ta. Nó dẫy dựa gờ ra không được. Tôi bắt nôn mửa phải lùi ra xa, để mà nó một mình đứng lại gần chuồng cũng không biết làm gì hơn.

Nhắc tới sự nhớ gia đình tôi có lẽ có dòng máu điên. Má tôi, anh tôi, chị tôi, cháu tôi, bây giờ tới tôi. Lúc đẻ ra chị tôi, má tôi bị bệnh rồi phát điên. Một bận đi xuống trên kinh Cờ Đỏ, má tôi bỗng nổi cơn tính nhặng chìm xuống cho chết hết bốn mẹ con, may có ba tôi ngăn lại. Bà bỏ chạy lên bờ, ba tôi rượt theo lấy ba cây roi mây chập lại đánh má tôi đổ máu rồi nắm tóc lôi xuống xuống. Nhắc tới, má tôi còn oán hận ba tôi sao ở ác. Sau đó bỗng một hôm có một bà sư quảy bịch thuốc đi ngang nhà mùi hương xông ngào ngạt. Bà bỏ cho má tôi một thang thuốc, má tôi uống vào hết điên luôn. Kể đến chị tôi hồi đẻ đưa con thứ ba phát bệnh tưởng chết, và cuồng trí gần cả năm. Tới phiên con nhỏ cháu tôi, hồi đẻ khó khăn, bị mẹ vườn nắm cổ lôi ra, đầu nó mềm nhũn như trái chuối chín mùi bị vấp. Lớn lên nó cứ ba trợn, tới mùa nắng là rượt theo trai và nổi khùng. Còn anh tôi không điên ra mặt, nhưng có chứng cuồng dâm. Khi dâm hành thì bất kể đẹp xấu, mẽ càn gãy gọn, sứt mũi sún răng, hôi hám nhớp nhúa, bao nhiêu đưa ở ông ta quơ tuốt, nhiều lúc bốc hốt luôn cả con em họ hàng, bất chấp tai tiếng loạn luân. Có lần bị con nhỏ ở thừa tội hiếp dâm, anh chàng bị nhốt, vừa chạy chọt được thả về ghé nhà tôi lại bóp vú con nhỏ ở cửa tôi, tới nhà chị dâu tôi lại rờ đít con nhỏ ở đằng đó. Máu cuồng dâm một khi đã bốc lên là mờ cả hai con mắt... »

Có tiếng gõ cửa. Nàng đã tới! Tôi giật thót vội vàng xếp tập lại. Lên tiếng : cứ vào! Người nữ y tá bước vào, mặc áo blouse trắng, chào tôi và mỉm cười dịu dàng. Không phải nàng tóc dài, tôi thất vọng, nhưng cũng chào lại. Cô ta hỏi thăm tình trạng tôi qua loa, đoạn đưa cho tôi hai viên thuốc an thần và pha cho tôi hai chực giọt thuốc ngủ màu hồng. Canh chừng cho tôi uống xong, cô ta chúc tôi ngủ ngon và quay gót. Chờ cho người nữ y tá trở về phòng trực, tôi nhẹ hé cửa ngó qua bên kia. Phòng nàng đóng im ỉm. Nàng có ở trong đó? Hay đã ra về? Về đâu? Giờ này đâu phải là giờ thăm thân nhân. Không có chút ánh sáng nào lọt ra ngoài. Tôi khép cửa lại, tắt đèn, lên giường nằm chờ thuốc ngủ ngấm và giấc ngủ an thần kéo về dập tắt ngọn lửa trong trí tôi. Màn cửa sổ chỉ kéo che một nửa, bên nửa kia còn ngó thấy nền trời và sao lung linh như một tín hiệu. Trời mới vào xuân, trong sáng êm ả. Đôi khi anh muốn tin ngoài đời chỉ có trời sao là đáng kể, mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em, đến ngày cuối ...* Tôi chọt nhớ tới Ánh và tội nghiệp nàng. Sáng nay nàng khăn gói đưa tôi nhập viện. Ngồi ở phòng đợi làm thủ tục, nàng nắm tay tôi mà khóc, nước mắt rùng rùng. Nàng an ủi tôi - lẽ ra nàng cần được an ủi mới phải. Nàng căn dặn tôi đừng bỏ trốn, nàng sợ lắm.

Tôi chỉ ngời thừ ra đó, như một động cơ hết nhiên liệu. Người ta có thể đổ nhiên liệu vào và đẩy tiếp sức, nhưng tình trạng này không thể kéo dài vĩnh viễn được. Tới một lúc nào đó động cơ phải tự nó bắt điện nổ máy và di chuyển lấy một mình. Bằng không nó sẽ nằm ì ra đó chịu cho rỉ sét gặm mòn tới lúc bị phế thải ra nghĩa địa, mưa gió đục phá cho đến khi hoàn toàn tan rã thành đồng bụi nâu đỏ và trái đất thu hồi trở lại. Thủ tục xong Ánh sắp về, tôi bịn rịn. Nàng về thật rồi. Tôi hốt hoảng và hối hận sao đã chịu vào đây. Tôi không biết ai hết. Tôi sẽ leo chạy bên trong chấn song sắt như con khỉ thất tình? Hay bị giật tóc như trong chuồng súc vật? Thân thể tôi tỏa nhiệt dần dập rồi vụt lạnh ngắt. Hệ thống điều hòa tự động của cơ thể rối loạn, mở đóng vô trật tự. Miệng tôi khô đắng, sắp bốc cháy. Ruột thắt lại, người muốn gãy quặt làm hai, như con múa rối bị đứt chỉ. Tôi xách cái túi nhỏ leo đẹo theo người dẫn đường lên lầu ba, phòng giành cho tôi nằm ở đó. Buổi trưa tôi nằm lì trong phòng, bỏ ăn. Tôi hối hận, ăn năn, giận mình. Trời nắng rục rỡ. Tôi kéo màn kín mít. Đầu phải để ngủ. Làm sao ngủ được. Đêm nào cũng mở mắt trợn trợn. Uống rượu tiêu sấu họa hoàn lắm cũng chỉ ngắt ngư được một chút từ hai tới ba giờ sáng rồi thức trắng dờ luôn. Cho tới lúc mặt trời mọc và tiếng huyền não lớn dần dưới đường đem trở về một ngày mới với nỗi sợ hãi rất cũ, bất di bất dịch, những đương cự với khó khăn của đời sống hằng ngày. Một câu hỏi duy nhất : làm sao tìm được việc làm. Một bé tắc duy nhất : làm sao tìm được việc làm. Làm như người ta sống ở đời chỉ duy nhất để làm việc. Thiệt là chó má!

Buổi chiều hai nữ y tá vào phòng đỡ dành tôi đi ăn cơm. Cực chẳng đã tôi phải nghe theo. Tôi để nguyên quần áo xốc xếch, không buồn rửa mặt, bước vào phòng ăn có đầu hơn hai chục người – hay nhiều hơn nữa không biết. Trước mặt tôi là người đàn ông có hai răng trước ở hàm trên bị gãy. Cạnh tôi là một anh chàng tóc quăn dài có râu quai hàm. Tôi không biết ai hết. Tôi không nói với ai một câu. Không ai hỏi tôi một câu. Tôi không thấy có ai khác da vàng như tôi. Tôi cầm muống nhúng vào đĩa xúp. Khi múc lên tay tôi chọt rung bắn. Tôi kinh hãi đặt muống trở lại đĩa. Tôi đổi tay trái. Cũng lấy bẫy như thường. Chắc tôi sẽ không bao giờ ra khỏi nơi này. Người ta sẽ chuyển tôi tới một nhà thương dành cho những người điên run rẩy như tôi. Tôi muốn chảy nước mắt. Tôi lén xé bánh mì chấm vào đĩa xúp rồi cúi xuống thật gần đút vào miệng khô đắng. Mẩu bánh mì vương ngang cổ thắt gút. Tôi đâu quen ai ở chốn này. Tôi muốn kêu Ách cầu cứu. Giấc ngủ đầu tiên ở bệnh viện đen ngòm như chén chí-bà-phủ. Không nhớ gì hết. Nó đến hồi nào? Như hòn đá quá nặng vụt chìm, không kịp ngó. Tôi mở mắt, dần dần định trí, nhớ ra mình đang ở đâu. Lần đầu tiên tôi không bị ám ảnh bởi việc mua báo, chúm mũi vào những trang rao vặt và viết đơn xin việc. Lần thứ năm trăm, bảy trăm, cứ mãi một câu kết : « Veuillez agréer, Monsieur, l'assurance... ». Ngủ nướng không được, tôi đứng dậy bước tới cửa sổ kéo màn. Trời đã thực sự vào xuân, nắng rạng rỡ tưởng như Tết. Tôi nhớ tô hủ tiếu hồi nhỏ chỉ dịp Tết mới được ăn, trên có miếng tôm chiên và lát gan khô, xịt tàu vị yếu « Hai Con Chuột »! vô, tôi gục đầu húp tới giọt nước lèo cuối cùng. Sương hết sức! Ai đã đuổi tôi ra khỏi thiên đường? Sự tinh ranh, suy nghĩ, tìm hiểu, muốn diễn giải, cắt nghĩa. Hành động nào cũng tự nó đầy đủ, như vậy chưa đủ sao? Vẫn luôn luôn chạy kiếm một cái gì bên ngoài, phía sau để biện minh chứng đúng. Khi chứng đúng được hành động của mình, người ta dám trở thành bạo ngược, tàn sát không gớm tay : Tần Thủy Hoàng, Hitler, Staline, Dalatôla, Pol Pot, Việt Nam Xã Hội!

Ăn hủ tiếu là ăn hủ tiếu. Hết. Sống là sống. Hết. Không gì có thể giải thích được gì hết. Giải thích là sa vào mê cung. Rời khỏi mê cung này là chỉ để dẫn mình vào mê cung khác. Tôi ở trong mê cung, giờ này phút này.

Tôi làm những vệ sinh thông thường, như hồi đi lính. Khi trở về tôi thấy phòng nàng vẫn đóng kín. Tôi ra ngồi ở ghế bành gần cửa sổ xem tiếp quyển Mickey. Hay xem lại, vì tôi đã xem tới xem lui nhiều lần mà không hiểu gì hết. Tôi mất khả năng chú ý. Đọc câu này nghĩ câu khác, đọc câu khác nghĩ tới chuyện hoàn toàn không ăn nhập gì, cứ thế, quanh quẩn trở lại những ám ảnh như đĩa đỏi hút cứng trong óc, nhức nhối. Khác với đọc, khi viết, ý nghĩ bắt buộc phải tập trung, diễn dịch theo một thứ tự tương đối nào đó. Cả chục năm nay tôi bỏ viết. Tôi không đủ đam mê. Tôi không viết để chứng minh. Tôi viết khi cảm thấy có nhu cầu. Nếu không viết mà sống vẫn hạnh phúc, tôi sẽ không bao giờ viết, vì tôi khi đó đang ở trong trạng thái quân bình. Nếu viết, tôi sẽ đánh mất quân bình. Khi viết, tôi như người lên đồng, lúc cười lúc khóc, vật vã, hành xác. Tôi lật nhật ký bỏ dở nửa chừng hồi hôm viết tiếp :

Paul Brousse, ngày...

« Đêm qua nàng đã không tới. Nàng, người con gái tóc dài đã đánh lạc hướng nỗi ám ảnh của tôi - để tôi lại sa vào một ám ảnh khác? Tóc nàng không làm cho tôi nhớ liễu, lệ liễu (nàng liễu rữ còn vì cơn gió dập, hay vì hoa đã lờ làng duyên), mà tóc nàng làm tôi nhớ tàng cây vú sữa vào buổi trưa nắng, có tiếng chó sủa. Lá vú sữa mặt xanh mặt đỏ, trái tương bóng như vú căng bên trong có sữa trắng, cả vòm cây tỏa ra hơi mát, tôi thường leo lên đó, đầu phải để hái trái. Tôi tới thăm chị em nàng, nàng có lông tơ trên cánh tay, mày rậm (dục tình ?), chị nàng tóc dài trắng trẻo, tôi không biết mình yêu ai, cũng chẳng bao giờ dám tỏ tình. Kiến vàng con lớn cắn nhức nhối. Thiêng Đức. Cầu sắt ván gỗ đã long, đường đá lờm chờm. Tôi vừa thắng xe đạp, chị nàng ngó ra kêu thốt : « Kìa em!... Ai đã đặt tên cho trái cây đó là « vú sữa »? Thiệt quá tài tình! »

Dưới nội cỏ bệnh viện hoa vàng rực chói mắt. Không phải hoa mai. Từng cụm nhiều nhánh từ dưới đất chĩa lên sai oằn bông vàng chi chít. Không thấy lá, hực hỡ chói lòa. Từng bầy chim sà xuống, loại chim đuôi ngắn ngắn không phải chim sẻ, không phải chim sẻ, cú đầu mỏ lia lia, chạy lúp xúp trong cỏ, không thấy chườn, tưởng như loài chim đồ chơi cơ động, lẩn trên hai bánh lẩn khuất, chạy tới chạy lui ngộ nghĩnh. Tôi thèm chạy trên cỏ. Lần nào nó chim chạy trên bãi cỏ nắng tôi cũng thấy mình ngu. Trời ơi! Sao hạnh phúc dễ ợt như vậy mà tôi không với tới! Bao nhiêu lần tôi đến ngồi trong vườn Luxembourg suốt mùa xuân suốt mùa hè để chỉ nghĩ đến chuyện thất nghiệp. Kia xem con chim bồ câu đang tắm rửa rửa lông và kêu rù rù bên ống nước lũng có tia nước xịt ra nhỏ rức, nó đâu có phải làm đơn xin việc kèm theo phiếu lý lịch có dán hình thất cà vạt hẳn hoi như tôi. Nọ xem con chim sẻ con đang chạy theo chim mẹ cánh xòe ra, mép vàng chưa mất dấu, há miệng chờ mồi, và mẹ nó hết sức kiên nhẫn tận tụy. Tình thương của trời đất. Đòi sống sờ sờ như vậy mà tôi tự ý ngoảnh mặt làm ngơ, giam mình trong ngục tù do mình dựng ra và do mình cai quản...

Buổi chiều, vẫn cảnh phòng ăn quen thuộc ồn ào. Nhưng ồn ào hơn hôm qua vì có một lão mới nhập viện, ngồi ở đầu bàn ăn phát thanh ra rả không ngớt. Bạ gì nói đó không đầu không đuôi, bắt chập luận lý, bắt chập mọi người chung quanh. Nói để nói, vậy thôi. Lúc đầu tôi bực lắm, nhưng sau này tôi thấy vui vui, rồi ngẫm lại lối nói của ông ta coi vậy mà còn ít điên khùng hơn lối nói của bọn cuồng tín, chủ thuyết, giáo điều giáo lý, rập khuôn lải nhải nói hoài một thứ, bắt chập thực tại, bắt chập đời sống. Ít ra lối nói của ông già điên này không biết người và hợp lý hơn so với cái phi lý vì muốn quá sức hợp lý, độc quyền hợp lý, nghe một hồi muốn... đi ỉa cho nhẹ bớt. Vậy mà con người vẫn hãnh diện vì mình biết nói, biết suy nghĩ, cotigo ergo sum, tôi suy nghĩ vậy tôi có, thay vì tôi có rồi tôi mới suy nghĩ. Mẹ rượt ! Tôi không suy nghĩ vẫn có như thường, không tin thử lấy kim nhọn châm vào đít triết gia đang say ngủ thì biết.

Trước mặt tôi và cạnh tôi vẫn anh chàng sún răng và gã râu quai nón. Hôm nay tay tôi hết run, không hiểu vì sao. Tôi nghe tiếng cười the thé khàn khàn của người đàn bà ở phía trước, không biết của ai, rồi tiếng muống thép rơi xoảng ở phía sau lưng, góc trái. Tôi quay lại ngó : Nàng ! Phải, nàng ngồi đó, tóc vẫn dài, áo vẫn trắng, khuôn mặt trẻ, buồn, mắt kẻ xanh phớt, đang cắn môi dưới, bối rối, chiếc muống kim khí nằm dưới chân. Nàng ngồi bàn nhỏ ở góc, một mình. Hiện diện của người con gái thanh lịch trong phòng ăn ồn ào điên khùng này thật là không phải chỗ, không lẽ nàng cũng... Gã quai nón lác vai tôi biểu đưa cho hấn lọ tiêu. Tôi cầm muống đưa lên miệng húp, máy móc. Không yên bụng tôi quay ngó lại. Người nữ y tá đang cố gắng đút muống xúp cho nàng ăn, nàng lác đầu, các ngón tay thon vò xé mẩu bánh mì. Tôi lo âu, người nữ y tá năn nỉ, nàng há miệng. Tôi bớt lo âu, trở lại đĩa xúp của mình, nhủ thầm nên nghĩ đây là tô hủ tiểu hồi còn nhỏ của mày đó, ăn đi. Đĩa xúp được dọn đi, tôi quay ngó lại, nàng không còn ở đó. Đĩa thịt dọn tiếp ra, tôi đói bụng tiếp tục ăn, không thấy ngon gì hết, thỉnh thoảng liếc ngược trở lại. Lòng buồn bã.

Bữa cơm chiều chấm dứt. Tôi không ăn tráng miệng, cầm hai trái táo đem về phòng để nhâm nhi lúc cỏ họng khô đắng. Phòng nàng còn mở hờ không thắp sáng, ngoại trừ ánh điện mờ từ ngoài hành lang hắt vào. Tôi tò mò ghé mắt nhìn. Phòng nàng cũng giống như phòng tôi, cũng chiếc giường nệm trắng và ở cuối giường nàng đang ngồi xòa tóc. Lưng quay ra cửa, nàng ngồi ở ghế bất động. Tôi hồi hộp và bồi hồi thương xót. Nàng làm gì ở đây? Chẳng lẽ nàng cũng điên như tôi. Tôi ba chục năm chiến tranh, bạn bè lớp chết lớp cụt tay cụt chườn, bà con tứ tán, bây giờ tôi thất nghiệp đã đành. Nhưng còn nàng? Tóc nàng quá yêu kiều thướt tha như một hạnh phúc nắm chặt khi luồn tay vào mái tóc ấy và nói yêu em. Nữ nào điên sao? Trong trí tôi lúc đó chỉ những người tâm địa xấu xa, mặt mũi xấu xa mới đáng điên. Còn nàng, tôi không tưởng nổi. Tôi không dám bước vào. Tôi không dám gọi. Tôi thò tay đặt trên giường nàng trái táo, như lén lút, rồi vội vã trở về phòng mình đóng cửa lại, tim đập mạnh. Tôi trèo lên giường

bật đèn. Tôi giờ tập thơ chép tay nhằm đọc các bài mình đã ưa thích. Sự rung động đã chết ngấm trong lòng. Tôi đứng đưng. Sự bất hạnh cũng là điều may mắn. Đôi khi tôi thèm được làm hòn đá vô tri mà trời đất đã bỏ quên trên một dốc núi hết sức tầm thường, không ai hay biết. Không có trí nhớ, không có dĩ vãng, không có tương lai. Chỉ nằm đó, vậy thôi, quá đủ, không cần chứng minh, chứng minh nào cũng thừa thãi, sai bét. Thú vật đâu có ngu như tôi. Đâu có con chó nào làm thơ, đâu có con chim nào đặt nhạc, đâu có con dế nào viết văn. Toàn những thứ bày đặt mà con người rất lấy làm hãnh diện, cũng như đã hãnh diện về cái tài biến chế, đề ra tôn giáo, chính trị, triết lý của mình. Triết lý, nhứt là triết lý tây phương, mới đi được một nửa hành trình từ có đến không. Chưa ai đi được - hình như vậy - nửa đường còn lại từ không đến có, cho trọn cuộc hành trình. Dừng lại nửa đường, đứng trước hư vô, họ kinh hoàng và đâm ra bạo động - để vớt vát ? Nào ai biết « không có gì đáng sợ bằng sự sợ hãi »!

Tôi lật đến phần nhứt ký viết tiếp : Đêm...

« Đã thực sự có một cuộc chiến tranh ở Việt Nam hay sao? Nó là cái gì và bây giờ nó ở đâu ? Chẳng lẽ nó là thằng điên đang nằm bệnh viện giờ đây. Hay là tên tù đang dang nắng xối mình trên núi đá ? Hay là gã bộ đội trẻ hồi hộp mang con búp bê bằng nhựa hồng sần sùi, có đôi môi đỏ choét in lạch ở chợ trời Sài Gòn về cho đứa em gái nhỏ ngoài Hà Nội để làm quà quý kỷ niệm ngày « giải phóng » miền Nam? Tôi không hiểu nổi. Tôi từ chối mọi giải thích, mọi logique, mọi biện chứng, mọi nhu cầu lịch sử. Chỉ có sự xuẩn ngốc. Tôi không thấy thương xót sờ. Tôi chỉ thấy giận dữ. Tôi giận Việt Nam. Cái xứ gì thật là chó chết! Hãnh diện? Hãnh diện cái mẹ gì? Đừng tìm đâu xa ai là thủ phạm. Chúng ta là nạn nhân của chính cá tính dân tộc mình. Chúng ta là đao phủ của chính chúng ta. Vậy mà cứ vỗ ngực cho rằng ở cùng Đông Nam Á mình ngon lành nhứt, mình khôn nhứt, mình oai hùng nhứt. Việt Nam số một! Tiểu xảo, khôn vặt, tào lao, nhằm nhí - nhằm nhí chết người! Tôi giận quá. Tôi giận tôi. Sao hỏi đi lính ở Việt Nam tôi không chết quách đi cho xong việc. Nghĩa địa tôi phải là một rãnh mương, bờ đê đất sét hay vòm bãi phù sa nào đó. Tôi làm cái khỉ mốc gì ở đây? Không ai cần tôi có mặt trong cái bệnh viện khốn kiếp này. Tôi trúng đạn đại liên nát ngực, ngã lộn trên bờ ruộng chết tốt, không kịp hối tiếc, chẳng hơn sao?

Qua thư nhà, tôi thấy mình còn tốt phước hơn nhiều người. Như anh tôi, như bạn bè tôi đang học tập cải tạo, có thằng đã chết. Vậy mà tôi không thấy sợ hãi khi ở đây. Địa ngục tôi trốn được. Nhưng còn cái địa ngục tôi mang kè kè trong đầu, tôi biết lẩn trốn ở đâu. Mỗi chúng ta mang sẵn thiên đàng địa ngục trong tâm tưởng.

Chính bác sĩ tâm lý của tôi, ông Cazas, đã khuyên tôi nên vào đây tịnh dưỡng. Phải rút tôi ra khỏi cuộc sống hàng ngày. Tôi đã tới phòng mạch ông ngồi lì, không chịu về, muốn rã luôn tại đó, mệt mỗi cực độ. Lúc chẩn bệnh, ông có yêu cầu tôi nắn tượng. Tôi nắn một người hai mặt ba chụn. Một chụn đứng trên sợi chỉ căng, một mặt hướng về quá khứ sau lưng một mặt hướng về tương lai phía trước, mặt nào cũng nhắm tít mắt, bốn tay đưa thẳng như người mộng du, hai chụn bước về hai phía đối nghịch, lơ lửng trong khoảng trống. Tôi mộng du, quên sống trong hiện tại, dù rằng không thể sống cách nào khác hơn được là sống trong hiện tại. Dĩ vãng tương lai cũng nằm trong hiện tại. Không có thời gian nào khác hơn là thời gian hiện tại.

Bạn khác tôi nặn cho ông một con trâu nước. Ông yêu cầu tôi giải thích. Tôi nói đó là hiện thân của tôi, con trâu nước. Tôi muốn trầm mình trong nước, vui bùn thành thơ, không ai ăn thịt tôi, tôi cũng chẳng ăn thịt ai. Con trâu nước không đẹp để cũng chẳng có ích gì cho ai, nhưng cũng chẳng phải ích kỷ. Nó sống, vậy thôi. Con vật nào sinh ra cũng để sống, vậy thôi. Chẳng phải từ đâu đến, đến đây để làm gì, rồi đi về đâu. Đó là những câu hỏi dựng đứng, bày đặt, lằm lằm. Tôi đã nhiều phen đặt những câu hỏi cà chớn như vậy, cũng như đã nhiều phen nổi loạn chống lại Thượng đế vì thấy ông ta quyền hành quá sức. Tạo ra một Thượng đế, phong cho chức tước quyền năng... rồi chống lại, tuyên chiến. Như hiệp sĩ Đông Ki-Xốt đánh lộn với cái quạt gió, hay Lucky Luke đấu súng với cái bóng của mình. Hào hứng tới phát khóc được... »

Sáng hôm sau khi ở nhà tắm đánh răng trở về, tôi thấy phòng nàng mở cửa. Nàng ngồi trên giường chải tóc, vắn mái tóc bông ẻo là đó. Áo nàng xanh da trời màu thẫm cũng loại vải mềm mại như áo trắng hôm trước, chân nàng cũng trần trắng phớt hồng, bàn tay dịu dàng gỡ lược. Tôi cúi đầu chào, nàng chào lại. Tôi gạ chuyện hỏi chiều qua nàng không ăn có thấy đói không, nàng lắc đầu. Quả táo cắn dở đang còn để trên bàn. Tôi rủ nàng lên phòng ăn sáng. Nàng dự dự rồi đồng ý. Tôi mặc áo sơ mi sọc, quần jeans, xỏ đôi giày rồi bước qua gọi nàng.

Nàng uống sô-cô-la sữa, không ăn. Tôi rót cho tôi một tô cà phê lớn và trét bơ lên bánh mì nướng. Tôi bảo từ ngày vào đây tôi có triệu chứng lên cân, mặc quần đã thấy chật. Tôi được biết nàng tên Evelyne và nàng vào bệnh viện đã được ba tháng nay. Trước đó nàng là nữ y tá cho một bệnh viện dành cho người già. Vì mới quen nên tôi không tò mò hỏi duyên cớ nào xui nàng vào đây. Nàng cũng không hỏi tôi vì sao phát điên. Nàng hay cắn môi, môi nàng màu hồng đều đặn, không dày không mỏng. Nàng không có vẻ gì bất bình thường, ngoại trừ đôi mắt như xa vắng, nhìn nhưng không chú ý, có đó mà như không có đó. Gương mặt sầu muộn man mác, thương nhớ đâu đâu. Nếu không điên, có lẽ tôi đã tán tỉnh nàng. Dung nhan nàng trùng hợp với mẫu người con gái mà tôi ưa thích. Ăn xong, chúng tôi về phòng chờ bác sĩ đến khám bệnh cho thuốc.

Sau bữa cơm trưa thằng râu quai hàm rủ tôi trốn ra phờ chơi - hẳn tên Christian. Đã hơn tuần nay tôi giam mình trong bệnh viện, hết ăn tới nằm, hết nằm tới ngồi, hết ngồi tới ăn, tôi cũng tù chân. Trời nắng đẹp, tôi đồng ý leo rào với hắn. Hai đứa lên ra cửa nhỏ, cuốc bộ ra đường cái đón xe buýt ra Paris. Ngồi trên xe buýt, tôi chỉ sợ nhân viên bệnh viện đón cùng xe lên thành linh và nắm cổ hai thằng điên lôi về. Chúng tôi an toàn đi vào thành phố, hai đứa rà rà xuống khu Opéra. Trở lại cái náo nhiệt của Paris, tôi thấy vui vui nhưng trong lòng cũng lo sợ vu vơ. Không biết lính cảnh sát có tới hỏi giấy bắt tử. Tôi muốn đi xi-nê nhưng không có tiền. Christian dắt tôi vào một tiệm sách, hẳn tìm mua một cuốn sách nói về phân-tâm-học. Hẳn là thầy giáo ở một khu hẻo lánh dưới tỉnh. Hẳn nói ở đó buồn quá, có mỗi một cô giáo đọc nhứt lại đổi đi nơi khác. Hẳn phát khùng, không biết có phải tại thất tình cô nọ.

Vào tiệm sách, hẳn lựa ba quyển nói về tâm lý, hỏi ý kiến tôi nên mua quyển nào. Có một quyển tôi đã đọc nên tôi xúi hẳn mua quyển đó, hai quyển kia in chữ nhỏ và có vẻ lập thuyết nên tôi không thích. Thuyết nào cũng chứa sẵn mầm loạn trong nó. Thuyết càng lớn, loạn càng lớn. Hẳn chọn một trong hai quyển kia mang ra quầy hàng. Khi cô hàng sắp tính tiền, hẳn đổi ý ôm quyển sách trở vào, lại hỏi ý kiến tôi. Tôi không đổi ý. Hẳn lại ôm quyển khác ra quầy rồi lộn trở vào đứng xớ rớ với ba quyển sách trên tay. Tôi không muốn mất thì giờ nên xúi hẳn mua mẹ nó ba quyển luôn cho được việc. Hẳn không chịu. Sau cùng hẳn cầm quyển sách tôi chọn ra quầy trả tiền. Xong hai đứa đi lòng vòng một hồi rồi đón xe buýt về bệnh viện. Trên xe hẳn lại cầu nhàu và tỏ ý hối hận vì đã mua quyển sách mà hẳn không thích. Tôi xì nẹt la chưa chắc mày đã biết mày thích gì nữa. Hẳn đòi xuống xe đi trở lại Paris đổi sách. Tôi dọa cô bán sách sẽ kêu cảnh sát vì thấy mày dị hợ quá, hẳn mới thôi. Hẳn tiu nghỉu nhưng cứ cục cựa trên băng xe hoài không yên. Tôi chỉ mong chuyển buýt tới chỗ phứt cho rồi.

Buổi tối, khi ăn cơm Christian lại đem đề tài cuốn sách hỏi chiều ra thảo luận. Hẳn công kích làm như thể tôi là tác giả cuốn đó. Nghe lý luận của hẳn tôi nghĩ bụng thằng cha này không thể nào đàn bà thích nổi, chắc chắn sẽ ở giá tới già. Tôi nổi sùng định gây thì may quá hẳn đổi đề tài qua chuyện đĩa bay, một chương mà hẳn cho rằng mình nắm giữ được nhiều tài liệu xác thực, chứng cứ đàng hoàng. Hẳn tin rằng người ở hành tinh khác sẽ đáp đĩa bay xuống quả đất này và mang tới một trật tự mới. Hẳn sẽ theo đoàn người ngoại địa kia bay lên không gian, nơi từ đó hẳn đã đập xuống đĩa cầu này. Hẳn nói say sưa rồi hỏi tôi tin đĩa bay có thật không. Tôi nói tôi không biết, có điều chắc chắn là ngoài thế giới loài người, còn có hàng hà sa số thế giới

khác nữa. Vả lại tôi chỉ mong cho bọn Nga bọn Mỹ bay tuốt lên hết không gian để lại quả đất già nua này cho tôi, tôi sẽ mừng biết mấy.

Sau bữa cơm tối Christian rủ tôi ở lại coi truyền hình, tôi chán nản trở về phòng nằm ngó ra cửa sổ thấy trăng mọc. Lòng tôi dịu xuống. Tôi chợt có một ý nghĩ rất đằm thắm về nàng, gần như tội nghiệp. Phòng Christian khít phòng tôi và ngang phòng nàng. Hắn nói từ ngày vào bệnh viện hơn tháng nay, hắn không thấy ai tới thăm nàng hết. Có hôm hắn nghe tiếng khóc la trong phòng nàng và hắn kêu cứu nhân viên trực. Người ta đến đem nàng đi hai ngày sau mới mang trở lại. Nàng xanh xao. Duy có điều là lúc nào nàng cũng ăn mặc đẹp đẽ và mái tóc gội rửa sạch sẽ óng chuốt. Hắn có gọi chuyện với nàng nhưng thấy không hợp – có gì đâu ngạc nhiên ? Tôi châm điếu thuốc và ngồi dậy viết nhựt ký.

Đêm...

« Có lẽ giờ này Ánh đang loay quay dưới bếp, trong tiệm ăn ; mùi xào nấu khét nghẹt, khói tỏa mù mịt. Giờ này khách bắt đầu đông dần, cho tới khuya. Tiệm anh Thận ở đường Saints Pères lúc nào cũng đông vì anh biết chiêu khách và tử tế với nhân viên, tuy thỉnh thoảng anh có bốc hốt ấu tã. Ánh than phiền nhưng tôi an ủi là đàn ông nào mà chẳng vậy. Tối khuya nàng lò dò về, len lén tắm rửa sơ sài rồi chui lên giường, mùi củ hành còn dính trong tóc. Có lần tôi than thở em có mùi củ hành, nàng phản đối hôm nay em chỉ xất tỏi chứ không có xất hành. Với tôi thì mùi nào cũng khó mà ôm vào lòng ngủ cho được. Tôi vốn đã mất ngủ, đang lúc thất nghiệp. Thế nhưng tôi vẫn ước ao khi nào có đủ tiền ta sẽ rước Kiều ra khỏi lầu xanh. Khi trước ở Việt Nam nàng làm nhà băng, qua bên Tây nàng làm nhà hàng, đâu cũng là nhà cả !

Một dạo tôi xuống đón nàng buổi tối, e nàng thân gái đậm trường. Đêm nọ dưới métro trạm Odéon tôi đứng lại xem một bọn bốn đứa da đen đánh trống hòa nhịp với nhau. Nghe tiếng trống dội tôi tưởng chừng như ai đang đập lên da thịt mình (con trâu nước ?). Đã nhiều lần như vậy và lần nào tôi cũng chảy nước mắt. Con trâu nước đang dẫy dụa dưới làn nước đục trên lưng còn dính cứng những mũi giáo nhọn, máu tuôn lênh láng. Con trâu nước trôi lên mặt nước, miệng há lớn lấy hơi thở, tôi hụp xuống lần trốn, con trâu nước trôi lên, tôi hụp xuống, con trâu nước mang giáo nhọn, tôi dẫy dụa dưới làn nước đục...Tôi vụt khóc sụt sướt và vội vã chạy ra khỏi métro, chạy băng qua đại lộ Saint Germain, chui vào mấy con đường nhỏ ở chợ Buci, rồi lần trốn dưới cổng lớn của trường Y khoa gần tiệm anh Thận. Tôi ấn núp để khóc cho thỏa thích, làm như khóc là điều xấu hổ phải giấu che. Tôi khóc rất lâu, tưởng chừng đứt mất hơi thở. Con trâu nước tuôn máu lênh láng, tôi khóc lênh láng. Khi dịu bớt, tôi đi đón Ánh. Ra về, trong toa xe, bất thần tôi lại tủi thân bật khóc. Ánh ôm tôi vỗ về, hành khách trong xe ái ngại. Từ đêm đó, tôi không đi đón nàng nữa.

Chúng tôi thuê một căn nhà hai phòng ở lầu bốn một cao ốc cũ kỹ đường Pyrénées, quận hai mươi Paris. Hai đứa nhỏ ngủ chung một phòng trên giường hai tầng, trong phòng lúc nào cũng ngổn ngang thùng giầy đựng quần áo, như sắp sửa chạy giặc. Tôi và Ánh ở phòng ngoài có ghé dài để ban ngày tiếp khách, ban đêm kéo ra làm giường ngủ, ăn cũng ở đó, xem truyền hình cũng ở đó, hội hè cũng ở đó. Không có hệ thống sưởi, chúng tôi mua một lò sưởi điện xài đỡ. Hôm nào lạnh quá, cha con ngồi co ro bên lò điện tìm hơi ấm. Suốt mùa đông Ánh đi làm việc, hai đứa nhỏ đi học, tôi nằm nhà trùm chăn kín mít cho đỡ lạnh, chỉ chừa một lỗ đủ để thở. Hôm nào có họp chợ lộ thiên, lúc tan chợ tôi lò dò đi lượm mấy trái cam ủng người ta quăng bỏ đem về vặt xén phần tư, nhâm nhi phần còn lại có mùi vị bất định cho đỡ thèm. Có bữa cơn động kinh bất chợt kéo về bứt cần cân não, tôi chổng lưng giựt tóc la hét một mình trong căn buồng mông quạnh, đầu vùi dưới gối cho không ai nghe thấu. Thất nghiệp, không tiền, không biết đi đâu, không có bận rộn gì khác ngoài viết đơn xin việc. Cố gắng ngủ, không được, mặt như phù thủng, vàng vọt, tóc trính ướt. Khi nghe tiếng chân Ánh về trên cầu thang, tôi cố gắng ngồi dậy cho nàng đỡ âu lo. Nàng về tôi mừng lắm, cũng thấy bớt sợ trong cảnh cô đơn.

Hết đông tới xuân, hết xuân tới hè, vẫn thất nghiệp dài dài. Đưa con trai nhỏ theo trường đi cắm trại miền biển, còn lại tôi và đưa con gái, cha con mỗi ngày ngò ngó nhau chờ má về. Nó học ở trường biết thổi sáo chút đỉnh, mấy bản ru em. Tôi mượn được cây lục huyền cầm, gảy lảng tãng. Mùa hè hai cha con tính xuống métro song tầu kiếm chút cháo của hành khách xui ngược. Nhưng sợ má bắt gặp bắt tử nên thôi. Tôi nghĩ nếu một mai tôi chết, khi viết hồi ký, con gái tôi chắc sẽ bắt đầu như sau : « Ba tôi là một người hết sức buồn rầu... ». Thấy tôi lừ đừ cả ngày, nó tự động lấy giấy bia nặn hình cái chén rồi vẽ bông hoa lên đó tiêu khiển. Tôi cũng xé hình màu ở các tạp chí dán lảng nhặng thành những cảnh trí khác để giải khuây. Chán tôi mua rượu về uống. Say chán tôi tỉnh dậy ngán ngẩm còn bao nhiêu rượu đem vào cầu tiêu đổ bỏ rồi giột nước cho trôi đi. Mùa hè các xí nghiệp đóng cửa hay chỉ hoạt động tà tà, không ai đầu dụng người. Lại chờ nữa.

Có hôm đứng ngó mình trong kiếng tôi ngỡ thấy một thằng điên. Tóc tai rũ rượi, mắt nổi gân đỏ, da mặt vàng ẻo. Tôi chợt hồi hận ăn năn vô cùng. Đâu để gì tôi xuất hiện trên trái đất này dưới lốt một con người. Phải bao nhiêu vạn kiếp, bao nhiêu cơ duyên. Sao tôi không nhiệt thành sống cuộc sống đó. Người ta sinh ra đâu phải để hạnh phúc hay để đau khổ. Người ta sinh ra để sống, và sống hàm chứa hạnh phúc lẫn đau khổ. Phải chấp nhận. Nên chấp nhận. Cũng không có cách nào khác. Tự tử để chứng minh mình có tự do thì tự do đó quả thật khôn nạn, hẩm hiu và kiêu căng xuẩn ngốc. Nhiều lần cầm mười viên thuốc ngủ trong lòng bàn tay, tôi do dự. Kiếp người, hành trình từ sống tới chết chỉ một chiều. Không thể đi từ chết trở lại sống. Đó là lý do duy nhất khiến tôi bỏ các viên thuốc ngủ trở lại ồng. Sống không hân hoan là một tật nguyên do chính mình tạo lấy, hoàn cảnh bên ngoài chỉ là một cái cớ. Nếu biết sống vẫn luôn luôn có một chút mặt trời đâu đó... »

Trước cổng bệnh viện là thành phố Villejuif. Thành phố này, đối với tôi, gồm hai khối nhà cửa xúm xít. Khối bên trái gồm nhiều cửa tiệm buôn bán, một hiệu cà phê, nhiều tiệm ăn, quán nước, tiệm giặt ủi, trường học và đặc biệt là một tiệm sách tôi thường ghé vào coi cạp tạp chí lảng nhặng. Khối bên phải gồm chợ nhà lồng có nhiều sạp bày bán quần áo, hàng xén, bánh trái, bông hoa vệ đường...trong những ngày họp chợ, một siêu thị và một quán nước trang bị các máy tiêu khiển, banh điện, banh bàn...bọn trẻ thường tụ họp ở đó. Ngày nào tôi cũng đi lòng vòng quanh hai khối nhà cửa đó, thét ròi thuộc lòng hết vị trí. Cũng chẳng biết đi đâu hơn. Đối với tôi, thành phố chỉ có vậy. Xa hơn, nhà cửa thưa thớt, cũ kỹ, đi vô đó sợ lạc.

Trời bước vào mùa xuân với những ngày nắng càng lúc càng tươi tốt, rạng rỡ. Tôi đánh một vòng qua khỏi hiệu cà phê đến tiệm sách. Tôi giột mình vì từ xa đã thấy nàng đứng đó, trước cửa tiệm sách, trong nắng vàng, tóc lùa gió xuân bay phất phới, hình ảnh thật tươi mát, hạnh phúc. Nàng mặc quần jean bó sát, áo sơ mi màu hồng nhạt như chim hạc xòe cánh hồng, tay cầm ví nhỏ, trông như một cô gái đang chờ tình nhân, mắt nàng chóa nắng nheo nheo. Nàng có vẻ không để ý gì đến quang cảnh chung quanh. Nàng có đó nhưng cũng đồng thời không có đó. Tôi đến gần, nàng không hay biết. Tôi gọi nhỏ :

Evelyne !

Nàng giột mình nhìn tôi bối rối, tay chân lúng túng như muốn che giấu điều gì. Tôi có cảm tưởng đã bắt gặp quả tang nàng đang...đứng phơi nắng. Tôi cố gắng mỉm cười cho nàng yên tâm. Tôi nói trời nói băng quơ :

Bữa nay trời đẹp thiệt ! Cô đi mua sách hả ?

Nàng áp úng :

Không... không...

Cô đang chờ một người bạn chẳng ?

Nàng lấp bắp :

Không... Tôi không chờ ai hết. Cũng chẳng có ai chờ tôi.

Nàng bối rối khiến tôi cũng bối rối. Tôi đề nghị :

Hay là...chúng mình cùng vào đây xem sách coi có gì thú vị chẳng.

Nàng ngần ngừ, tôi đẩy cửa tiệm sách, nàng liếc nhanh tôi rồi bước vào. Chúng tôi đứng trước sạp trưng bày các tạp chí và sách hình, dở xem lảng nhãng hết tập này đến tập khác. Tôi hỏi nàng muốn mua gì không, nàng lắc đầu. Sau đó tôi chọn cho nàng một cuốn *Mickey* mới xuất bản, bảo nàng giữ lấy xem trước, khi xong tôi sẽ xem sau. Rồi tiệm sách, tôi đề nghị nàng đi tới một khoảng vườn nhỏ trồng bông gần đó ngồi phơi nắng chơi, hôm nay trời quá đẹp. Trong vườn bông *tulipes* màu vàng, màu đỏ, màu vàng sọc đỏ nở rục rở, hồn nhiên. Con chim sẻ mới biết bay vỗ cánh cất mình la đà tại chỗ rồi rớt xuống, rất ngộ nghĩnh. Nàng nhìn thú vị, như đứa nhỏ đang khám phá đời sống. Tôi ngắt một cọng cỏ vò nát trên đầu ngón tay rồi đưa cho nàng ngửi. Mũi nàng hình hình, có vẻ chăm chú. Tôi kể sơ lược lý do đã khiến tôi vào bệnh viện. Cái tên Việt Nam đối với nàng như một địa danh đến từ một hành tinh xa lạ. Nàng hoàn toàn không biết những gì đã xảy ra ở đó trong mấy chục năm qua. Càng may cho nàng. Biết chi vô ích. Nếu thế giới cũng quên được Việt Nam như nàng thì dân Việt sẽ đỡ khổ biết mấy !

Khi nói về nàng, Evelyne lại tỏ ra lúng túng, hốt hoảng. Nàng nói nàng rối trí vì lý do gia đình.

Tôi hỏi :

- Chồng cô đâu sao không thấy tới thăm.
- Không, tôi còn độc thân.
- Ủa, chớ còn chuyện rắc rối gia đình..
- Gia đình đây là gia đình ba má, tôi sống với ba má và người chị sanh đôi duy nhất là Isabelle. Cách đây hai năm, lúc tôi được mười tám tuổi gia đình bắt đầu xào xáo. Má tôi ghen...

Nàng ngập ngừng. Tôi yên lặng. Nàng tiếp :

- Má tôi ghen với chị tôi. Lúc đầu bà nghi ngờ, rồi sau đó bà quả quyết là ba tôi đã ngủ với chị tôi. Ba tôi chửi má tôi, nói là bà ghen riết hóa điên, từ ngày lấy nhau bà đã luôn luôn hành hạ ông vì cái chứng ghen quá trốn của bà. Ngày nào cũng cãi vả rồi đi tới xô xát.

Mắt nàng mở lớn, sợ sệt. Tôi hỏi :

- Sao hai chị em không ra ở riêng ?
- Chúng tôi không có phương tiện. Hơn nữa ba tôi cũng không muốn. Một hôm trong phòng khách ba người lại cãi nhau. Má tôi buông lời tục tằn, ba tôi giận dữ đánh bà bạt tai, bà ré khóc la hét. Isabelle cũng khóc. Tôi trong buồng bước ra cầm lưỡi dao cạo trên tay dọa sẽ cắt gân máu nếu mọi người tiếp tục. Không ai nghe tôi. Tôi cứa dao cạo lên cổ tay, máu vọt ra lênh láng và ngã xỉu...

Mặt nàng nhợt nhạt. Tôi hoảng hốt nắm vai nàng lay tỉnh. Tôi gọi nàng :

- Evelyne ! Hết rồi ! Chuyện đó hết rồi ! Chúng ta đang ngồi trong vườn. Nhớ đi ! Nhớ đi ! Chúng ta đang ngồi trong vườn hoa.

Tôi hối hận vì vô tình đã đánh thức hoài niệm thương động của người con gái xõa tóc. Tôi nắm tay nàng vỗ về, tay nàng lạnh ngắt. Nàng bình tâm lại. Nàng mở nút tay áo đưa tôi xem, cổ tay trái nàng còn ba dấu cắt, một dấu dài ở giữa, hai dấu ngắn hai bên. Tôi bồi hồi thương xót, tôi vuốt ve vết cắt, cài tay áo nàng lại và bảo nàng hãy về buồng ngủ nghỉ ngơi. Nàng đứng dậy, quyển *Mickey* rơi xuống đất. Tôi cúi xuống nhặt và ngắt cho nàng một hoa *tulipe* đỏ. Để tạ lỗi. Sau lưng chúng tôi, chim trong vườn vẫn kêu ríu rít. Buổi cơm tối không có mặt nàng.

Paul Brousse, tối...

« ...Tôi vẫn còn ân hận và áy náy cho Evelyne. Tôi đoán là mờ câu chuyện của nàng còn nhiều uẩn khúc. Mà phanh phui nhắc nhở để làm gì ? Trí nhớ khôn kiếp ! Người ta cần có trí nhớ để

tiếp tục, nhưng cần phải lãng quên để sống. Trí nhớ, không biết đó là diễm phúc hay là nỗi bất hạnh của vạn vật, của con người. Sự tiến hóa đã sáng chế ra trí nhớ, chôn kín trong tế bào, không thể rút ra được nữa. Có lần tôi đã viết cho một người đàn bà ở Bình Dương : « Vui chôn trí nhớ đầu ghèngh, hồn nhiên hạnh phúc lênh đêngh cũng gằn », không biết nàng có cảm nhận điều tôi muốn nói ?

Vì không quên được nên tôi chưa thích ứng được với cuộc sống nơi đây. Dù giận què hương, Việt Nam vẫn còn đeo kín trong tâm tưởng. Gỡ ra bật máu, đau nhức như vết thương chưa lành. Ở đây, tôi phải thay đổi đời sống, làm những công việc khác, chấp nhận những luật lệ khác, chia sẻ sự khùng hoảng kinh tế của Pháp – và của thế giới – như mọi người. Sau thời gian thất nghiệp, tôi sẵn sàng làm bất cứ công việc gì, hay ít ra tôi tưởng vậy. Tôi tính đi bưng cơm và rửa chén ở tiệm ăn, nhưng Ánh cản tôi, vì nàng biết tính ý tôi. Tôi nhận đứng bán hàng trong một tiệm điện tử. Từ nhỏ tới lớn tôi nào biết buôn bán là gì. Tôi vốn ghét thương lượng, mặc cả, kiếm lời. Trưa nào tôi cũng xuống hầm gặm khúc bánh mì cạnh cầu tiêu. Một tháng sau tôi đổi việc làm.

Tôi nhận làm thư ký cho tiệm چاپ pho của một người đồng hương. Công việc ghi chép sổ sách kế toán, ngân hàng, kiểm điểm thanh toán hoá đơn và các công việc lặt vặt tạp nhạp khác, kể cả ôm máy bó củ hành, vọt quay, lạp xưởng ra ngoài nhà bưu điện làm thủ tục để gửi đi. Tôi có triệu chứng sa sút trầm trọng, ban đêm trao tráo, ban ngày ngủ gật, lơ đờ. Ngồi trong cầu tiêu tôi mê thiếp. Tôi làm việc với tâm trạng thất nghiệp, làm chưa đúng nghề của mình. Tôi bám níu nghề cũ, như thể tôi sinh ra để chỉ làm nghề đó, tâm trí vọng chấp. Mỗi tối, khi về Ánh thường gãi đầu tôi trong đêm khuya để dỗ tôi ngủ. Nàng thường ứa nước mắt chếp miệng « tui mình đâu có làm gì ác ! » Mỗi sáng tôi sợ hãi nhòm dậy sau một đêm چاپ chòn (như mấy trăm đêm đã qua), xỏ quần áo xốc xếch, xuống bếp pha ly cà phê lớn. Tôi lò dò bước xuống đường khi Ánh còn mệt ngủ vì làm đêm, về muộn.

Tiếp چاپ pho nằm ở khu Maubert. Khi tới gần tiệm, tôi sợ hãi, bước chậm lại muốn thối lui. Ngày nào cũng mùi nước mắm, xì dầu, hành hẹ, rau củ úng, ba khía, chả giò, cà ri, vãn vãn... Tôi đầy cứng cả phổi. Sách nào cũng anh chàng chà-và giữ quán đốt nhang Ấn Độ, vãn nhạc Ấn Độ, hát theo tiếng Ấn Độ, ngoáy ngoáy cái bụng kiểu Ấn Độ, quần áo ít khi thay đổi, hôi rình. Bước vào quán đã dội ngược. Rồi tiếng tru tréo của bà chủ, tiếng xĩa xối của đám con bà chủ, tiếng nạt nộ hách xược của ông chủ. Ngồi trong văn phòng (!) nhỏ xíu trong kẹt quán, tôi thường trải qua những giây phút kinh hoàng đột khởi trong tâm lý. Tôi sẽ trở thành lão thư ký già cạo giấy chết dần chết mòn giữa mùi cà ri sục nức này ? Không thấy lối thoát. Những lúc đó tôi thường nhìn bức tranh Quan Âm lộng kiếng treo trước mặt, tôi nhớ tới má tôi thường dắt tôi đi chùa hồi nhỏ, và tôi niệm Phật. Không phải vì tin tưởng, mà giống người sắp chết đuối níu phao, phao gì cũng được. Tôi thấy cắn rứt vì mình không tin tưởng Trời Phật một cách thành thực, bất vụ lợi. Tôi kêu gọi Trời Phật khi bị hiểm nguy, mong mọi điều đó có thể lợi ích cho tôi. Nếu không có lợi cho tôi gì hết, khó có thể tôi tin lâu dài được. Nếu Chúa Trời không có thiên đàng, có lẽ tín đồ sẽ chỉ còn lại loe ngoe mấy mống. Hơn nữa, nghe đâu ở cõi Cực lạc không có người nữ nên tôi chẳng tha thiết gì cho lắm. Và lại, tôi rất sợ « vĩnh viễn », bất cứ gì vĩnh viễn. Vui sướng vĩnh viễn! Hoan lạc vĩnh viễn (như thượng mã phong?) Hạnh phúc vĩnh viễn! Nghe qua phát ớn. Vĩnh viễn là một cái chết tuyệt đối. Mà sự hoàn hảo cũng là một thứ vĩnh viễn, một tình trạng bất khả đổi thay. Nếu Thượng đế hoàn hảo thì thật đáng tội nghiệp. Ông đã chết cứng khi mới xuất hiện, chết tuyệt đối, chết tại chỗ, không thể tiến lên, không thể tụt xuống.

Tiệm چاپ pho cách nhà thờ Notre Dame độ hơn trăm thước. Chỉ cần băng qua cây cầu đá bắt ngang sông Seine là tới. Tiệm không có lò sưởi nên mùa đông buổi trưa nào tôi cũng ôm khúc bánh mì chui vào nhà thờ tìm hơi ấm để ngủ gật. Trong nhà thờ có những vĩ sắt, hơi nóng từ bên dưới hắt lên. Ngồi đó đỡ khổ lắm. Những lúc ấy tôi thấy nhà thờ thật cần thiết. Tôi nằm co

trên ghế, không buồn ăn. Có khi người trong nhà thờ gọi tôi ngồi dậy, không cho nằm, sợ làm mất vẻ tôn nghiêm của thánh đường. Có lúc vào tối thì đã thấy hai ba anh chàng clochards chiếm mất chỗ tốt, tôi đành ngồi lùi phía sau không đủ ấm. Mùa đông năm đó sao lạnh kỳ lạ! Thỉnh thoảng tôi thắp một ngọn nến cắm trên giàn sắt dưới chân Thánh Thérèse. Sau ngày 28.4, tôi theo một cô bạn vào nhà thờ Notre Dame, cô bảo tôi Thánh Thérèse linh hiển lắm, tôi nên cầu nguyện cho vợ con còn kẹt bên đó. Tôi thắp nến nguyện cầu. Độ tuần sau, Ánh từ bên đảo Guam điện thoại sang cho biết đã trốn đi được hết sức tình cờ tại Tân cảng với hai con, ngày 29 tháng tư – ngày hôm sau Sài Gòn ..., năm 75. Khi nghe sự tích Thánh Thérèse, được biết Bà vốn là một kiều nữ bỏ đi tu, tôi cảnh thấy gần gũi với Bà hơn, có lẽ vì Bà có mang nhiều chất người trong lột Thánh. Cảnh tượng ngủ gật trong nhà thờ còn rành rành trong trí. Ngày nào ra khỏi bệnh viện, nơi này, tôi sẽ lại sa chân vào cái tiệm chạp phô, ngửi lại mùi cà ri và nghe lại nhạc Ấn Độ, chắc chẳng sớm thì chầy tôi sẽ trở lại đây và sẽ lại đi vòng vòng trong khu phố Villejuif. Có cách nào khác hơn không ?... »

Sáng hôm nay Evelyne trở lại phòng ăn với chiếc áo trắng hôm đầu tôi thoáng thấy nàng ngoài hành lang. Nàng có vẻ tỉnh táo, nhưng vẫn xa vắng. Tôi mừng cho nàng nhưng cũng không muốn quấy rầy. Tôi chỉ chào hỏi qua loa, không dám gọi chuyện. Nàng cầm trên tay quyển Mickey, thỉnh thoảng lật xem, mỉm cười (hình như mỉm cười). Trong khi đó quyển Mickey tôi mang theo khi nhập viện giờ đây tôi đọc đã theo dõi được câu chuyện, bắt đầu tập trung được sự chú ý chút đỉnh.

Ăn sáng xong, anh chàng sún răng rủ tôi đi dạo chợ vì hôm nay có họp chợ lộ thiên. Hãy còn sớm, chúng tôi đánh vài vòng. Chuyện vãn, được biết hấn bị vợ bỏ theo người đàn ông khác. Ba tháng sau nàng trở về, hấn tha thứ hết. Nàng dụ dỗ lấy hết tiền của hấn rồi trốn đi biệt tích. Hấn chán đời uống thuốc tự tử. Chờ vào nhà thương người ta phải cạy miệng để bơm ruột. Vì vậy hấn bị gãy hết hai răng trên. Hấn nói chắc sẽ không đại dột tự tử hay nghe đàn bà nữa đâu. Khi ghé chợ, chúng tôi dừng lại trước sạp bán sơn quần áo. Tôi chọn mua một quần jean đã bạc màu, nhưng hãy con tốt, rẻ rề. Hấn lựa mua hai cái quần lót. Khi người bán hàng quay lưng, hấn lén chọt một cái khác nhét vào bọc. Tôi sợ có người bắt gặp tri hô lên và tôi bị vạ lây, hai đứa sẽ bị dắt trở lại nhà thương điên nhốt kỹ, nhốt dài hạn. Vì vậy, rời khỏi sạp, tôi tìm cách thoái thác đi riêng, để hấn tự do hành nghề đạo chích một mình. Tôi đoán chừng hấn bị vợ bỏ chắc cũng có lý do gì đó.

Tôi ghé tiệm cà phê và gọi chai bia. Đã lâu lắm tôi không uống rượu vì chẳng thấy thú vị. Muốn trốn thực tại, sau cơn say tỉnh dậy các khó khăn vẫn còn nguyên vẹn, và càng thêm ngao ngán, mệt mỏi. Hôm nay uống bia thấy ngon. Ở quầy vài khách quen đi chợ về ghé qua uống rượu đầu hót. Tôi không có cảm giác xa lạ. Mọi vật hình như đã trở lại trật tự và vị trí phải chỗ của nó trong trí tôi. Xe cộ chạy xì xầm ngoài đường, tự nhiên hết sức. Ánh nắng lọt qua mặt kiếng lớn ở quán, trải lên quầy, tràn lên cánh tay tôi. Trong đường nắng đi, vẩn vi khói thuốc xanh xám và chút bụi mờ, mỗi hạt bụi là cả một vũ trụ. Tôi chọt cảm nhận khoảnh khắc này sẽ không bao giờ có nữa. Khoảnh khắc nào cũng độc nhất. Ngày này, tháng này, giờ này, khắc này, tôi đứng đây, ở quầy rượu này sẽ không bao giờ tái diễn. Tôi có cảm tưởng sẽ ra đi và sẽ không bao giờ trở lại trái đất này nữa. Tôi xúc động rơm nước mắt. Tôi chọt cảm thương khoảnh khắc độc nhất này vô cùng. Nhưng tôi không muốn giữ nó lại. Khoảnh khắc nào cũng như nhau, độc nhất. Và cũng vì độc nhất nên khác nhau.

Sau buổi trưa, tôi về phòng ngủ thiu thiu, chọt có tiếng gõ cửa. Evelyne ! Nàng nói hôm nay có buổi tập vẽ ở phòng ăn, ai muốn tham dự cũng được. Tôi không có dụng cụ. Nàng bảo trên đó có sẵn hết. Tôi theo nàng lên phòng ăn. Hướng dẫn viên là một người đàn bà có nụ cười hiền hậu đầy thông cảm. Tôi ngồi đối diện với Evelyne. Tôi pha sơn trên mấy khối màu nước như thờ còn đi học. Nhớ hồi nhỏ tôi ưa vẽ hình Zorro, Tarzan và những nhân vật tôi ưa thích. Tôi

gạch ô vuông và gò găm bắt chước vẽ cho giống trong sách hình. thiệt thú vị hết sức. Lớn lên tôi chạy theo gái và mất thói quen đó. Giờ này trong nhà thương điên tôi khám phá lại. Tôi không vẽ anh hùng đeo dao giắt súng. Tôi vẽ một cảnh tre có se sẽ đậu và trên tấm khác, một con chim hạc có đầu mỏ đen, cánh màu hồng và đôi chân dài khẳng khiu.

Evelyne nhúng cọ trong những vũng màu tôi pha và nàng vẽ những ô vuông đầy kín khác màu, ô này nằm chồng chéo lên ô kia, như một bức tranh trừu tượng. Nàng khoe với tôi và hớn hờ ra mặt. Tôi khen đẹp lắm, nàng đặc ý hỏi tôi :

- Thiệt hả anh ? Thiệt hả ? Từ thuở giờ em đâu có biết vẽ hình.

Tôi để ý thấy nàng đã đổi cách xưng hô với tôi. Tôi cầm tranh nàng lên ngắm nghĩa gật gù ra vẻ người thường ngoạn sành điệu. Nàng mừng rỡ như con nít. Tôi cảm động. Làm cho người đàn bà hạnh phúc bao giờ tôi cũng cảm động, như nhìn thấy con chim chạy tíu tít trong nắng. Nàng lại nhúng cọ vẽ những tầng tròn nhiều màu. Nàng nói đó là những bong bóng và mặt trời. Tôi lại gật gù thường thức. Mắt nàng rục vui và lần đầu tiên tôi thấy nàng thực sự có mặt, không còn xa vắng, lảng đãng. Bà hướng dẫn cũng khen nàng và tôi vẽ đẹp. Bà lấy đinh gút treo tranh của chúng tôi lên tấm bảng bằng gỗ mốp trong phòng ăn cho mấy người điên khác trong bệnh viện cùng thường thức. Tan buổi vẽ, tôi rủ Evelyne đi dạo. Nàng nói muốn về phòng xem tiếp quyển Mickey. Tôi một mình đánh hai vòng rồi về phòng mình viết nhựt ký.

Ngày... tháng tư...

« Hôm nay là sinh nhựt của tôi. Ngày tôi chào đời cách đây hơn ba mươi năm. Tôi được đẻ ra. Tôi ăn. Tôi uống. Tôi bài tiết. Tôi lớn lên. Thật vậy sao ? Tôi. Tôi ? Đã có lần, trong lúc nổi loạn chống lại Thượng đế tôi những tưởng đã nêu lên được trọng tâm của vấn đề : « Tôi đâu đòi hỏi sinh ra làm người. Tôi đâu chọn lựa làm người Việt Nam. Khi tạo ra tôi, Thượng đế đâu có hỏi ý kiến tôi. » Thiệt cũng khổ tâm cho Thượng đế. Trước khi tạo tôi ra, biết tôi ở đâu mà ông ta hỏi ? Tôi thường đặt ra vô số những vấn đề ngụy tạo như vậy. Trong lúc tâm thần bất ổn, thấy cục đá nằm bên lề đường tôi cũng thắc mắc : « Tại sao cục đá nằm đây ? Tại sao cục đá phải là cục đá ? Tại sao cục đá ù lì, câm nín ? Cục đá có tự do lựa chọn ? Yếu tính của cục đá này là gì ? » Nhưng đừng tưởng tôi xì- nẹt tại cục đá này nằm đây mà không nằm chỗ khác. Sẽ không có một « chỗ khác » nào thỏa mãn được câu hỏi tôi đặt ra đâu. Thượng đế có mang cục đá này về Thiên đàng chưa chắc tôi đã vừa ý. Điểm then chốt tôi muốn đặt ra là ý nghĩa của cục đá. Tôi muốn cái gì cũng phải có ý nghĩa. Ý nghĩa theo cảm quan của tôi, dĩ nhiên. Vì có như vậy tôi mới chấp nhận. Tôi chỉ có thể chấp nhận tôi. Thiệt hết sức logique. Hết sức hợp lý. Tôi đã tìm ra được triết lý của cái lỗ rún. Ngó lỗ rún của mình mà lý luận. Mê lắm. Tôi bắt buộc đời phải có ý nghĩa với cảm quan của tôi. Không có thì tôi đi tìm. Tôi vác gói dấn thân vào con đường siêu hình. Tìm không ra tôi xì- nẹt, tôi nổi giận với Thượng đế và tuyên bố cuộc đời phi lý. Cuộc đời trở thành vô nghĩa vì tôi muốn gán cho nó một ý nghĩa mà vốn nó không có. Cuộc đời không ý nghĩa cũng chẳng vô nghĩa. Cuộc đời vốn nó Như Vậy Đó. Ý nghĩa chỉ là chữ nói do con người ý niệm và đặt ra. Tôi muốn con cá phải có cánh bay như chim. Cá không có cánh, tôi nổi giận. Nhưng rủi thời mọi con cá đều vỗ cánh bay đầy trời như chim chắc chắn tôi sẽ lại nổi giận và đặt một câu hỏi then chốt khác, chẳng hạn : tại sao cá chẳng phải là cá, mà chim chẳng phải là chim ? Cuộc sống không phải để sống. Cuộc sống chỉ là một cái cớ cho tôi đặt câu hỏi. Tôi muốn dùng trí thông minh để giải quyết đời sống. Thiệt lắm cảm! Một mình nó, trí thông minh không giải quyết được gì hết. Nó tạo ra vấn đề nhiều hơn là giải quyết.

Ngày sinh nhựt! Tôi là thằng nhỏ đã sinh ra trong ngày đó, tháng đó, năm đó, bây giờ trở thành tôi nằm trong bệnh viện ? Thằng nhỏ là cái bào thai ba tháng lớn lên trong bụng mẹ ? Bào thai là cái trứng của má tôi được khai nở bởi con tinh trùng của ba tôi, một nửa sinh lý của cha, một nửa sinh lý của mẹ. Đó là tôi, bắt đầu từ sự giao hợp ?

Không! Tôi không hề được sinh ra. Tôi(?) đã có sẵn trong vũ trụ từ đời đời kiếp kiếp. Sinh ra, chỉ là một cách nói, một dấu mốc trong thời gian. Thời gian do biến dịch mà có. Không có biến dịch, không thể có thời gian. Không biến dịch không có cách gì biết được thời gian. Không biến dịch, chết tuyệt đối. Không có cái gì sinh ra cái gì được hết. Chỉ có một dòng biến dịch vô thủy vô chung. Vũ trụ chớp tắt không ngừng như một ánh đèn. Chớp, có đó. Tắt, biến mất. Chớp, có đó. Vũ trụ khoảnh khắc trước không sinh ra vũ trụ khoảnh khắc sau. Vũ trụ bao giờ cũng xuất hiện mới mẻ, từng khoảnh khắc. Khoảnh khắc nào cũng độc nhất. Độc nhất nào cũng mới mẻ. Vũ trụ, một chuỗi toàn là độc nhất, toàn là mới mẻ, vô thủy vô chung. Nói độc nhất, không phải độc nhất. Nói mới mẻ không phải mới mẻ. Không có hệ thống chuẩn, không thể so sánh. Ai so sánh ? So sánh với gì ? Đứng đâu mà so sánh ? Làm sao biết ? Biết vậy, chắc không ? Khi sai đúng đã mất hết ý nghĩa, chỉ còn im lặng mà cảm thức. Không phải ta cảm thức.

Tôi ngày hôm nay không phải là tôi ngày hôm qua trở thành. Tôi lúc nào cũng mới trong vũ trụ lúc nào cũng mới. Nói tôi nhưng không phải là tôi. Tôi ? Giới hạn của tôi ở chỗ nào. Chỗ nào là tôi, chỗ nào không phải là tôi ? Tôi tiềm tàng trong vũ trụ từ vạn kiếp. Tôi lảng đãng trong bụi sao, trong khí trời, trong hạt muối, trong ngọn cỏ, trong ánh sáng, trong sức nóng, trong con tép, trong vỏ cua, trong thịt chim, trong nanh khủng long, trong tiết mùa, trong tốc độ của trăng sao, trong lẫn lóc của trái đất. Không chỗ nào là tôi. Không chỗ nào không phải là tôi.

Rượu nằm trong ly không phải là tôi. Uống rượu vào bụng, rượu trở thành tôi, bài tiết ra ngoài, rượu không phải tôi. Cuồng rún nối liền tôi với vũ trụ là đường ống vô hình bắt ráp mũi tôi vào không khí, không khí dính liền với trái đất, trái đất với thái dương hệ, thái dương hệ với ngân hà, ngân hà với vũ trụ. Chỉ cần đường ống tắt nghẽn, một phút, hai phút. Óc não chết ngắt. Sự kiêu hãnh của trí tuệ chấm dứt. Không có ranh giới minh định giữa cái tôi và cái không phải tôi. Tôi mật thiết với vũ trụ như ngón tay với thân thể. Không có sự trao đổi thường xuyên, không có sự giao thoa vô khởi vô tận, sẽ không gì có thể có được. Tất cả đều có cùng lúc, hoặc không có gì có thể có được cả.

Hôm nay là sinh nhật của tôi. Và cũng không phải là sinh nhật của tôi... »

Buổi tối hôm đó trời mưa. Lâu lắm tôi mới được nghe trời đất gầm gừ, chớp xẹt và tiếng sét xé trời. Tôi không có nhu cầu cảm viết. Tôi lên phòng coi truyền hình. Máy đen trắng, hình ảnh hường rặng thưa, nhún nhảy, âm thanh tiếng mất tiếng còn. Ít khi tôi hiểu hết chuyện gì xảy ra trên màn ảnh nhỏ. Tôi lên đó, có mặt mọi người cho đỡ buồn. Vô tuồng đầu được nửa giờ tôi chợt nghe có tiếng dép lẹp xẹp bước vào phòng hát và giọng cười the thé khàn đục : nàng đã tới ! Nàng là một người đàn bà sơn phấn lòe loẹt, mặc áo ngủ dài mỏng, để ửng lộ cái xì líp đen và cái xú chen - đen bên trong - có khi màu đỏ, có khi không có xú chen - tóc chải cột đuôi phía sau, tai đeo vòng lớn, móng tay móng chân sơn đỏ choét. Nàng ôm trên tay một hộp kẹo thiếc, đi coi hát lần nào cũng vậy, cười nói tự nhiên như ở nhà, nhai kẹo rôm rốp. Tôi cũng được chần bần một cục kẹo the, bỏ vào miệng ngậm đỡ đắng.

Tối đó chiếu tuồng cao bồi có Gary Cooper, mọi người say mê theo dõi. Nàng ồn ào quá nên nhiều người « suyt, suyt ». Nàng cũng suyt suyt lại rồi cười ăng ắc coi như pha. Cái máy cà chớn lại nhảy hình. Bình thường như vậy, giữ im lặng coi cũng đã khó hiểu rồi. Đàng này nàng lại đেম theo tiếng nút kẹo lách chách, thỉnh thoảng phụ đề một câu rồi chêm vô một tràng cười. Khán giả bất mãn phản đối. Thế theo nguyện vọng của đồng bào, nàng ra cuối phòng hát ngồi với một cô bạn để tha hồ đầu hót. Tôi chẳng tha thiết gì với cái truyền hình nhảy cõn kia nên cũng lò dò theo ngồi bên cạnh nàng tán gẫu chơi, coi bộ vui hơn. Tôi tò mò hỏi nàng :

- Coi mày vui vẻ như vậy mà chui vào nhà thương điên thiệt cũng lạ.

Nàng bĩu môi :

- Tại mày không thấy tao hồi lúc mới vào cách đây hai tháng đó chứ. Lúc đó tao cú rữ như con gà mắc toi. Bây giờ mới đỡ đỡ, chịu diện trở lại, chịu liếc tình với đàn ông.

Nàng lại cười ăng ắc rồi đưa tay bịt miệng. Tôi lại hỏi tiếp :

- Ở ngoài đời mày làm gì ?

- Tao làm nghề đứng đường.

Nàng đáp tỉnh bơ, không do dự. Thấy mặt tôi ngớ ngẩn thộn ra, nàng nói :

- Bộ mày tưởng dĩ không biết điên hả ?

Máu đàn ông nổi dậy, tôi phản ứng :

- Biết chứ ! Hồi đó tao quen một con nhỏ khá xinh cũng làm dĩ. Khuya nào bà chủ cũng kêu dậy đi khách ba bốn lần. Tối nào nó cũng ngủ sật sừ, mơ màng chiêm bao thấy mình bị kéo đầu dậy đi khách, ban đầu nó chỉ ba trợn, thét rồi nó khùng thiệt phải chở vô nhà thương.

Nàng cướp lời :

- Trường hợp tao không phải vậy. Tao bị thằng dĩ đực của tao bỏ rơi. Nó đánh tao, lột tiền đi khách của tao chạy theo con dĩ khác. Thiệt chó đẻ! Tao thương nó quá nên mới phát điên.

Nàng gãi đùi, móng tay dài kêu sột soạt, lách cách. Thấy tôi không có ý kiến, nàng la :

- Bộ mày tưởng dĩ không biết yêu hả ?

Tôi chống chế :

- Tao đâu có nói vậy. Tao cũng đã có yêu dĩ nên biết sơ sơ...

- Đàn ông tụi bây xạo lắm. Chỉ có đàn bà mới biết yêu, đàn ông tụi bây đâu biết yêu, tụi bây chỉ khoái chơi đàn bà, chơi cho dĩ. Không phải vậy sao ?

Khi không bị bà xẹt bắt tử, tôi lúng túng. Biết mình không thể cãi lý với nàng được nên tôi cưỡi cầu tài rồi xin nàng cục kẹo khác. Nàng cũng phá lên cười. Tôi để yên cho nàng đấu hót với cô bạn bên cạnh, trong bụng thấy vui vui. Phim kết thúc, thằng ăn cướp mặt rần bị bắn chết. Ngoài đời, thằng dĩ đực của nàng giờ này chắc vẫn còn sống nhăn.

Dù sao với em bé đứng đường này, khán giả còn có thể theo dõi diễn tiến trên màn ảnh được, chứ nếu để ông già nói xàm lọt vào phòng hát là vô phương. Ông ta chiếm đài phát thanh độc diễn cho tới lúc khán giả ra về hết và hai nam y tá tới xốc nách dẫn độ đương sự ra về tận phòng khóa lại, còn nghe tiếng phân trần chói lợi vọng ra. Tôi không biết ông ta có bao giờ ngủ, và khi ngủ có còn nói làm xàm ? Cái máy hát có thể hết pin, còn ông này coi bộ không thể nào hết điện được, và cái nút tắt ai dĩ tháo gỡ đâu mắt.

Một bữa trưa dĩ ngoài hành lang, tôi chợt nghe có tiếng kêu giựt ngược :

- Mông-xừ Lê! Mông-xừ Lê!

Tôi ngẩn ngừ vì nhận ra tiếng gọi của đài phát thanh. Tiếng gọi càng khẩn thiết :

- Mông-xừ Lê! Xin ông hãy giúp tôi! Xin ông vui lòng ghé lại.

Tôi không nở lòng dĩ thẳng nên quay lại bước vào phòng phát thanh. Ông ta ngồi trên ghế, mặt nhăn nhúm coi bộ mệt mỏi, nhưng tiếng nói vẫn sang sảng :

- Tôi đứng không nổi, xin ông vui lòng mở tủ lấy hộ tôi cái áo.

Tôi mở tủ, tủ trống trơn chẳng thấy áo đâu. Ông nói :

- Ông xách cái túi trong tủ ra, tôi chỉ cho.

Tôi lôi cái túi du lịch *Air France* lớn màu xanh đặt lên bàn. Ông bảo tôi mở khóa kéo lôi ra từng món. Tôi làm theo. Mỗi món được lôi ra, ông kể tôi nghe lý lịch của nó, mua hồi nào, ở đâu, tại sao mua, mặc cả với người bán hàng ra sao, cửa hàng có cái gì đặc biệt, vân vân. Hết cái cạo râu đến bàn chải áo đến cái quần, hết cái quần đến cái dậu nịt, nghe một hồi tôi choáng váng muốn xỉu. Hết dây nịch đến cái áo xanh, tôi mừng quá tưởng dĩ hoàn tất nhiệm vụ, nhưng ông bảo không phải, ông muốn cái áo kẻ ô. Tôi sốt ruột trút hết túi đồ lên giường, bới tìm. Không thấy cái áo kẻ ô nào hết. Tôi bực dọc :

- Không có cái áo kẻ ô trong này.

Ông nói hết sức tự nhiên :

-Vậy hả ? Chắc vợ tôi đem về giặt rồi. Vậy xin ông vui lòng xếp đồ lại vào túi hộ tôi, tôi chỉ cho ông xếp.

Chương trình phát thanh tiếp tục. Tôi cúi sừa nhìn nhét đồ vào túi, bỏ vô tủ đóng lại. Tôi dợm bước ra, ông níu cánh tay tôi cứng ngắc, đôi mắt nài nỉ. Tôi sắp xiêu lòng. Nhưng tôi lấy can đảm gỡ bàn tay ông và bước nhanh ra cửa, còn nghe tiếng gọi giật ngược sau lưng :

- Mông-xử Lê! Mông-xử Lê! Xin ông vui lòng...

Tôi bỏ chạy xuống cầu thang. Đi khỏi tiệm cà phê, vòng ra tiệm sách. Hy vọng bắt gặp con chim hồng đứng xòe cánh phơi nắng. Không gặp ai, tôi bước vào tiệm sách, cũng không gặp ai. Tôi giờ một tờ tạp chí, làm bộ lật ngó rồi xếp lại đặt trả lên kệ, bước ra khỏi tiệm. Trời nắng nóng, xanh biếc. Tôi bỏ ý định đánh vòng. Tôi đi dọc theo con đường dẫn vào khu nhà cửa lưa thưa mà tôi vẫn sợ vào đó đi lạc. Xe cộ thỉnh thoảng vụt qua, tiếng máy ô tô rú ga xé màng nhĩ. Tôi lưỡng lự vô chủ đích. Bỗng từ xa tôi ngỡ thay mái tóc dài xòa trên lưng tựa băng gỗ vệ đường. Không lẽ nàng ? Tôi đi sát ven tường để không bị khám phá. Tới gần. Đúng là Evelyne, không còn ngờ gì nữa.

Nàng mặc áo sơ mi trắng tinh tay dài có kết ren ở cổ tay, quần jeans, giày trắng hở đế thấp, vai đeo túi nhỏ màu thuốc lá buộc dây thòng đến trước bụng. Mỗi lần xe vụt qua, gió cuốn tóc nàng phát phơ. Nàng có vẻ không quan ngại đến bụi bặm hay mùi xăng nhớt. Chuyển buýt xích đu, hành khách xuống xe. Nàng vẫn ngồi bất động. Xe rời trạm. Nàng không chờ xe đi Paris. Nàng đợi ai chẳng ? Lần nào bắt gặp nàng tôi cũng có cảm tưởng nàng đang đón đợi tình nhân. Tôi đến đứng sau băng gỗ vỗ nhẹ lên vai nàng. Evelyne giật bắn người. Ngó lại thấy tôi, nàng bốt sợ mím cười. Nàng hỏi :

- Kia anh ? Đi đâu đó ? Anh làm em hết hồn!

Cách xưng hô của nàng khiến tôi bạo dạn :

- Anh xuống tiệm sách không thấy em, nên đi lang thang, tình cờ tới đây.

Nàng đứng dậy phỉn đít, gặm nhấm đầu móng tay ? Xe vụt qua, tóc xòa lên mặt. Tay vén hất. Tóc diên gọi nắng. Cây trồng ven đường bị mé nhánh lúc tàn đông bây giờ nhú lá non , xanh như ngọc. Như tóc mai nhưng mượt trên hai máng tang thả xuống nhu mì.

Cử chỉ cố hữu, tôi ngó trời :

- Bữa nay trời nóng, tưởng như mùa hè.

Nàng gật đầu, mắt liếc. Tôi ngó thấy tiệm tạp hóa, trước tủ có bày tủ cà rem trên vỉa hè.

- Evelyne khát nước không ? Tới này anh mua cà rem ăn cho đỡ khát.

Nàng hớn hờ, mắt sáng trưng. Nàng lựa cà rem mùi dâu, tôi mùi chanh. Hai đứa liếm láp như con nít, cười ngỏn ngoãn. Tôi hỏi :

- Em biết khu phố trước mặt không ?

- Em không biết.

- Vậy mình thử tới chơi cho biết.

Hai đứa nói chuyện vu vơ, bắt sang xi-nê :

- Em có thích coi xi-nê không ?

Nàng đáp vội vàng :

- Thích chứ ! Em thích lắm. Mà lâu rồi em không được coi xi-nê. Không có ai dắt em đi hết.

Mặt nàng thoáng buồn, tiu nghỉu. Tôi an ủi :

- Nếu em thích thì hôm nào thuận tiện, mình trốn ra Paris coi xi-nê, anh sẽ dắt em...

- Thiệt hả ? Anh nói thiệt hả ?

Mắt nàng lóng lánh. Tôi gật đầu :

- Thiệt chứ ! Anh nói thiệt mà. Anh xin hứa với em.

Bàn về sở thích, nàng nói thích phim « Le Magicien d'Oz » và « Peau d'Âne ». Tôi hỏi nàng đã coi « Les Dimanches de Ville d'Avray » chưa, nàng nói chưa. Tôi nói phim thú vị lắm, chuyện kể một anh chàng đánh giấc về hơi khật khùng thường đến đón một cô gái nhỏ bị bỏ rơi ở trường học ngày cuối tuần. Cô gái tên Cybelle (si belle ?). Một đêm lễ, anh khật khùng leo lên đỉnh tháp chuông gỡ con gà bằng đồng trên đó về cho cô gái để làm quà tặng. Người trong làng nghi ngờ anh ta bắt cóc cô gái và có tà ý. Anh ta bị bắn từ trên tháp chuông rớt xuống đất, chết tốt, không kịp trời trăn. Evelyne nói, miệng nàng thoang thoang mùi dâu :

- Phim gì buồn quá, em không chịu coi đâu. Anh dắt cho em coi phim « Thằng Người Gỗ Pinocchio » vậy mà hay hơn. Em chưa coi. Anh hứa nghe.

- Ừ, anh xin hứa.

Hai đứa đi vào khu phố thưa thớt. Nhà cửa đen xì, đường sá hẹp tẻ, không có bờ lề. Mỗi lần có xe tới, hai đứa nép sát vách tường, còn sợ bị xe chẹt. May mắn có một tiệm cà phê ở góc đường. Tôi và nàng chui vào tiệm, ngồi ở góc vắng. Tiệm cũng trống vắng, chẳng có ai, ngoài hai đứa điên. Evelyne nói còng khát nước. Tôi gọi cho nàng ly bạc hà pha nước lọc, tôi thích màu xanh lục của bạc hà, nó gọi tôi nhớ tuổi ấu thơ, không biết hồi nào, lúc nào. Tôi hủ tiếu, ly bạc hà, và Tết và nắng trên những bức tường vôi cao, tôi chẳng đòi hỏi gì hơn. Tôi gọi cho mình ly bia. Tôi nghĩ thầm mùi bạc hà sẽ làm phai nhạt mùi dâu trên môi nàng.

Evelyne bỗng lên tiếng, mặt thoáng tái :

- Em sợ !

Tôi nắm tay nàng ve vuốt :

- Em sợ gì ? Đâu có gì đáng sợ. Đã có anh đây...

Tôi buông ra câu đó như một người hùng. Thật tình tôi chẳng biết làm cách nào bảo vệ nàng.

Nàng sợ gì tôi cũng không biết. Nàng nói :

- Em sợ trở về nhà, nhà của em, ba em, má em...

Tôi an ủi nàng :

- Em chớ quá sợ hãi, mọi chuyện rồi sẽ nguôi ngoai. Nhưng thiệt tình anh nghĩ tốt hơn hết là em nên bàn lại với ba em, để em và Isabelle ra ở riêng.

Mặt Evelyne nhợt nhạt :

- Isabelle chết rồi!

Tôi bắn người như bị điện giật :

- Sao ? Em nói sao ? Isabelle chết hồi nào ? Mới chết đây hả ?

Giọng nàng xa vắng :

- Isabelle chết hồi bảy tuổi... Hôm trước em có cho anh biết rồi mà...

Trong đầu óc khật khùng của hai đứa, tôi không biết nàng lẫn lộn hay tôi lú lẫn. Tôi chỉ ờ ờ chiếu lệ, không dám vặn hỏi sợ đánh thức hoài niệm thương động còn mê ngủ chập chờn dưới mái tóc sợi nhỏ yêu kiều. Nàng cúi đầu, tóc xòa trên bàn tay tôi đang nắm tay nàng.

Khi Evelyne ngừng đầu lên, mắt nàng có ngấn lệ. Tôi bối rối yên lặng. Nàng nói tiếp :

- Bữa đó ba em chở Isabelle đi chơi, hồi đó tụi em ở nhà quê. Đường vắng, tới ngã tư bắt thần có xe lớn phóng ra đâm vào xe ba em. Chị em chết ngay tại chỗ. Ba em thương Isabelle lắm. Ba em muốn phát điên sau tai nạn.

Nàng quệt nước mắt. Tôi siết tay nàng, xúc động :

- Kể từ đó ba em gọi em là Isabelle, còn má em thì tiếp tục gọi em là Evelyne, nhiều lúc em không biết em là Isabelle hay Evelyne nữa. Má em thường nhắc tới tai nạn và trách móc ba em. Má em sức khỏe yếu kém. Người gầy đét và đau yếu luôn.

Nàng đặt luôn bàn tay kia lên tay tôi níu siết như một bùa chú, một phao nổi :

- Từ lâu ba má em ngủ riêng. Má em lại hay ghen tương.

Tôi buột miệng :

- Má em ghen với...

Tôi ngưng lại kịp. Tôi mân mê lọn tóc xoắn. Tôi cầm ly bạc hà đưa cho nàng.

- Em uống đi, ngoan đi rồi mai mốt anh dắt đi coi xi-nê.

Mặt nàng bừng sáng trở lại :

- Thiệt hả anh ? Anh hứa thiệt hả anh ? Đi coi « Thằng Người Gỗ » nghe anh. Phim đó hay lắm.

Evelyne, anh xin hứa. Nếu phải leo lên chóp nhà thờ gỡ cho em con gà bằng đồng đúc cho em vui anh cũng xin tự nguyện. Mỗi người chúng ta đều đáng được chia xẻ nụ cười. Nhứt là em. Nụ cười trong lành thơm mùi dâu chín sau làn tóc tơ giăng. Trời trưa xé. Tôi dắt nàng trở về bệnh viện. Hai đứa đi ngược lại con đường hồi nãy, không có bờ lẽ, người sát vào tường như kẻ trộm, tay nắm tay sợ lạc. Tới ngã quẹo ra đường lớn, hai đứa dừng lại ngó nhau, hai tay tôi nắm hai bàn tay nàng. Chợt tôi thèm muốn hôn nàng, tôi thèm hết sức. Hai đứa ngó nhau, trời nắng đã muộn, không dám làm gì hết, Evelyne, Isabelle, tôi cố gắng nhìn rõ, chợt nhớ lần hẹn đầu với người yêu đầu ở bờ sông chùa Vĩnh Tràng, nàng đó... không dám làm gì hết.

Tôi bước vào phòng mình. Người đàn bà nằm trên giường, mặt úp, tóc xoắn, chần chập lên tới cổ. Hơi thở đều như tiếng động xa xa quen thuộc ban đêm. Tôi ngồi ở ghế bành ngó ra cửa sổ có miếng nhựa ngăn chận, chờ đợi. Nàng mệt ngủ. Phải để nàng ngủ. Tay chân cựa giật trong cơn mê, tội nghiệp. Tình yêu bền bỉ.

Khi giật mình thức dậy, Ánh ngạc nhiên hỏi anh về hồi nào. Em ở tiệm anh Thận ra mua mấy trái cam tới cho anh, chờ anh không được, em lên giường nằm, mệt quá ngủ quên. Sao, hôm nay anh thấy khỏe không ? Ờ, cũng khỏe, không có gì đáng lo. Anh còn ở trong này thì em còn lo. Em cứ lo anh hoài, anh đâu còn là con nít nữa. Đáng lẽ anh lo cho em mới phải. Tôi mở tủ lấy cái quần jeans mua sớm hôm trước khoe với Ánh, như trứng mới ngon. Nàng dỡ ra ngắm nghía, thử khóa kéo, kêu lên, trời đất! Quần này là quần đàn bà, anh mua cho ai vậy. Tôi sượng trân. Tôi không biết nói dóc. Ánh xoa đầu tôi, mỉm cười thông cảm. Nàng gọt cam cho tôi ăn rồi kể chuyện hai đứa nhỏ ở nhà và tin tức Việt Nam qua thư gia đình vừa nhận được. Sau khi bàn cãi, nàng lấy giấy trắng ra cho tôi viết đơn xin bảo lãnh Lộc anh tôi đi học tập đã bốn năm rồi chưa được thả, luôn cả vợ và ba con của anh. Một đơn khác cho gia đình của một người anh khác nữa. Nực cười. Tự thân mình, tôi bảo lãnh còn chưa xong. Tôi biên lên bìa của hồ sơ đó ba chữ : « Hồng Ngự Hải », tên của một hảo hán đã gồng mình đỡ tấm bưng đá cho anh hùng, những Võ Văn Thành Đồ, Lý Ngươn Bá, Đơn Hùng Tín, La Thành... đang bị sụp bẫy bít kín thoát chạy ra khỏi hang động. Đến khi đuối sức, Hồng Ngự Hải bị bưng đá đè lún từ từ, rồi chôn luôn xuống đất. Chết ngay tại chỗ.

Từ hai tuần nay, mỗi sáng sau khi uống cà phê xong, tôi và gã sún răng xuống phòng tập thể dục. Làm những động tác căn bản của cơ thể, thở hít, đưa tay, dõ chân, uốn ngực, ngồi xếp, giữ thăng bằng. Tôi ngỡ ngàng khám phá nhiều động tác tôi không còn làm được, hoặc làm rồi rã, bong trẹo, mất thăng bằng, té ngửa. Sau buổi tập tôi ra ngồi ở băng đá trên sân cỏ ngoài phòng tập, thở không khí thoáng mát. Trước mặt tôi cây trồng rải rác, cạnh băng đá là một thân cây có vỏ màu bạc trắng ngời ngời. Lá đã ra nhiều, từ xanh non ngả màu xanh lục thẫm.

Tôi có cảm tưởng cội cây vỏ màu bạc này không phải vừa mới có đây. Nó đã có từ vạn kiếp, cũng như tôi, bàng bạc đâu đó. Ngày nào cũng là sinh nhật. Tôi là nhánh cây, phần nổi dài của thân cây màu bạc kia, vì lý do gì không rõ, khoảng khắc này ngồi đây, trên băng đá. Tôi chợt thấy vỏ cây lay động và di chuyển ngược về phía trên. Cả gốc cây sẽ đột ngột bỏ chạy và cất tiếng sủa như chó ? Tôi ghé mắt cố nhìn kỹ. Vỏ cây nhúc nhích. Tôi tò mò đưa tay gỡ vỏ cây. Con bọ bên dưới vụt thoát chạy lên ngọn cây biến mất, không kịp nhận ra. Khoảng thân cây bị

lột vỏ để lộ màu nâu, trên nền nâu có một chấm trắng nhỏ, như bột phấn. Tôi thổi lên đó, chấm trắng chọt cựa quậy và dờn chỗ. Đó là con sâu nhỏ tí, thiệt bất ngờ và lạ lùng. Phải gọi chắt phần là sinh vật. Phải gọi ? Tại sao phải gọi ? Nó đã có từ đời nào, đâu đời tôi gọi mới có. Trước đó nó và cây chỉ là một, giờ tôi đặt nó tên « sâu nắng », cái tên như vết cắt, sự vật bị chia xẻ vô phương hàn gắn trong tâm thức. Ngôn ngữ như một thần chú, huyền hoặc, dặt vào mê cung. Khởi đầu là *một* theo trật tự thiên nhiên của trời đất vào trật tự của mình cho dễ nhận dễ hiểu, con người phân biệt, chia cắt, đặt tên cho sự vật. Và cái trật tự dựa trên *nhãn hiệu* đó, chính nó là hỗn mang.

Tôi đi một vòng ra chợ vì hôm nay có họp chợ trời. Mọi người tới lui tấp nập hết sức bình thường. Mọi người trả tiền rồi bỏ vật mua vào túi xách hết sức bình thường. Tôi thèm muốn được bình thường như mọi người. Không đặt câu hỏi, không thắc mắc. Mùa xuân trở về hết sức bình thường. Trời nắng hết sức bình thường. Chim gọi riu rít hết sức bình thường. Thêm một ngày trời đẹp, rất đẹp ! Bụng tôi thoát quặn đau, càng lúc càng dần thục. Tôi vội vã trở về bệnh viện.

Ngồi trong cầu tổng khứ xong, tôi thấy nhẹ người. Cơn đau đã qua. Tôi tận hưởng sự sung sướng tâm thường và tự nhiên đó. Dưới chân tôi có một tờ báo. Tôi cầm lên đọc, phát hiện bên dưới một quyển sách, trên bìa là hình một người đàn bà chụp phóng ảnh, đầu ngửa ra sau, đôi vú lớn nở nơ. Tôi vứt tờ báo, nhặt quyển sách. Sách loại dâm dật, không biết ai bỏ quên. Bên trong toàn hình chụp những pha làm tình cụp lạp giữa đàn ông với đàn bà. Bộ phận be bét, trương cứng, tục tĩu. Sao lại tục tĩu ? Không! Bộ phận đực là bộ phận đực, bộ phận cái là bộ phận cái, bộ phận đực cái dính nhau là lẽ tự nhiên, hết sức tự nhiên, sự tục tĩu chỉ *có trong đầu*. Không có bộ phận nào tục tĩu, không có cách thể nào tục tĩu. Người đàn bà nằm sấp. Người đàn bà nằm nghiêng. Người đàn bà úp trên giường, lưng uốn cong, cá thân hình là một lượn sóng, đường nét trơn tru không sười gầy như nét phẩy của ngọn bút lông trong một phút xuất thần. Bộ phận tôi phản ứng. Lâu lắm tôi mới khám phá lại cảm giác bị kích dục, động tình, rạo rực, thèm dâm. Cửa sổ nhỏ bên trên hé mở thoáng mát, ánh sáng lọt vào. Bên ngoài bệnh viện trời đất bao la, nắng xuân đẹp đẽ, chim xuân riu rít. Bên trong bệnh viện, giữa bốn vách nhà cầu, tên điên ngốc đang mẩn mó bộ phận sinh dục, tìm lại gạch nối giữa mình và đời sống sinh vật. Từ lâu tôi quên mất mình có một thân thể, từ lâu tôi đã sống như một người không có thân thể. Cơn điên bắt đầu từ đó ? Tôi ứa nước mắt.

Tôi châm điều thuốc nằm trên giường ngó ra cửa sổ kiếng nhựa nhà khói. Cảm giác uể oải dễ chịu. Màn vén hết hai bên. Năm nay mùa xuân sáng choang kỳ lạ. Tôi với tay lấy quyển nhật ký đọc lại những trang mình đã viết. Như thể ai đã viết, không phải tôi. Tôi điên, tôi biết tôi điên, nhưng tôi không dè mình điên tới mức như vậy. Có lẽ tôi sẽ không bao giờ ra khỏi nơi này. Tôi vứt nhật ký xuống sàn nhà, như vứt một con đĩa dói gốm ghiếc. Nằm lim dim một lát, tôi mở cửa định sang phòng Evelyne mượn lại quyển *Mickey* mua cho nàng hôm trước đọc chơi đỡ buồn. Cửa phòng nàng khép hờ, gõ cửa không ai trả lời, tôi đẩy nhẹ cửa bước vào. Evelyne ngồi bất động trên ghế ở đầu giường, lưng quay ra cửa, tóc nâu đen xõa trên vai áo trắng hôm đầu tôi gặp thấy. Tôi bước tới trước mặt nàng gọi nhỏ :

- Evelyne !

Nàng ngước lên nhìn tôi, nét mặt băng khuôn kỳ lạ, buồn bã khác hẳn mọi khi. Tôi lo lắng :

- Evelyne, em làm sao vậy ?

Nàng cúi mặt rồi ngừng lên, nước mắt chực tràn. Nàng nói chỉ đủ nghe :

- Em sắp rời khỏi nơi này. Người ta sẽ mang em tới một bệnh viện khác chiều mai.

Tôi choáng váng :

- Sao ? Đem em tới nơi khác chi vậy ?

- Người ta nói ở đây không đủ phương tiện. Ở bệnh viện kia có chạy điện...

Tôi bủn rủn. Người ta sẽ tra hai cực điện lên màng tang Evelyne và phóng điện vào óc nàng, tóc nàng cháy khét nghệt. Làm sao chịu nổi!

- Người ta nói ở đó trị, em mới hết bệnh.

Nàng nhìn tôi, đôi mắt van lơn :

- Anh! Em không muốn đi...

Nước mắt nàng rưng rưng lăn tròn xuống má. Nàng nhìn tôi chùng như tôi có thể bẻ bưng được cho nàng. Tôi thấy mình bất lực, phần ướt và hèn nhát. Tôi đưa tay định vuốt tóc nàng. Nhưng tôi không biết nói lời gì để an ủi, vỗ về hoặc trấn an. Tôi dừng tay lại rồi vụt chạy ra khỏi phòng nàng như một tên hèn nhát. Tôi chạy ra ngoài bệnh viện. Buổi tối, không thấy Evelyne ở phòng ăn. Gã râu quai hàm nói hỏi chiều có hai nữ y tá vào phòng nàng, rồi nàng theo hai người lên dãy nhà bên kia, có lẽ để gặp các bác sĩ trị liệu. Ăn xong tôi về phòng nằm nghe ngóng người ta đem Evelyne trở về. Chờ. Có tiếng động ngoài hành lang, không phải nàng, lại chờ. Khoảng mười giờ, người nữ y tá đem tới cho tôi hai viên thuốc an thần và pha những giọt thuốc ngủ màu hồng. Một giờ sau, giấc ngủ chập xuống như đám mây đen nghệt.

Buổi sáng vừa tỉnh ngủ tôi vội vàng nhảy xuống giường mở cửa ngõ sang bên kia. Phòng Evelyne mở toang. Người đàn bà da đen đang thay khăn trải nệm mới, trắng tinh. Phòng trống trơn. Tôi hỏi thăm, người đàn bà không biết gì hết. Buổi trưa, nghe tiếng động, tôi hé cửa ngõ qua. Trước cửa phòng nàng, một người đàn bà già nua mặc áo ngủ, tóc tai bù xù, đang đứng xớ rớ. Bệnh nhân mới. Cổ tôi vụt đau thắt, sắp rạn nứt, tôi nghệt thờ, nước mắt cứ ứa ra, nóng hổi. Lẽ ra chiều nay người ta mới đem nàng đi. Tôi giận dữ, không biết giận ai. Đau xót.

Tôi bỏ ăn cơm trưa. Tôi đánh vòng ra hiệu cà phê, ra tiệm sách rồi lang thang xuống con phố nhỏ, hẹp tẻ, không có bờ lề. Tưởng có thể bắt thần gặp lại nàng ở góc phố. Nàng đi lạc. Tôi đi lạc. Tôi sẽ dắt nàng đi trốn. Tôi quay trở về, chân mỏi, ngồi ở băng gỗ nàng ngồi bên trạm đó xe buýt hôm trước - nhưng nàng không đón xe buýt. Tiếng động cơ nổ ồn ào, chát chúa. Lại một ngày nắng nóng, trời xanh. Rời đường lớn, tôi trở lại khoảnh vườn nhỏ có hoa *tulips* vàng đỏ. Ghế đã nóng hâm hấp. Mùa xuân vẫn tiếp tục nắng tốt. Một con ong lẻ loi đang đánh vòng. Lá cây đã đổi màu đậm hơn. « ...*Đôi khi anh muốn tin ngoài đời thơm phức những trái cây của Thượng đế. Mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em, nguồn sữa mật khởi đầu...* » *

Người ta đang tra điện lên màng tang Evelyne, tóc nàng cháy khét. Nàng dẫy dựa, miệng há hốc, mắt trắng dã, hai tay muốn giựt thoát khỏi dây trói bầu lấy cực điện đang bốc cháy trên màng tang giựt ra. Có thể vậy sao ? Tôi ôm đầu rút tóc, không muốn chấp nhận. Không, Evelyne! Người ta sẽ không làm hư mái tóc xõa đẹp để của em đâu. Một ngày nào đó gặp lại, anh sẽ vuốt tóc em, anh sẽ mua cho em quyển sách hình vẽ, anh sẽ mua cho em cây cà rem mùi dâu, anh sẽ mua cho em ly nước bạc hà màu xanh non thời thơ ấu. Em sẽ không bao giờ lớn thêm, anh sẽ không bao giờ trưởng thành, hai đứa mình không ai lớn lên hết. Và anh sẽ đưa em đi coi hát bóng, coi những tuồng thần thoại hoang đường. Em sẽ là Công Chúa Da Lụa xinh đẹp choàng lốt lông thú ẩn thân trong rừng, trốn chạy phụ vương đang muốn kết hôn với con gái của mình. Anh sẽ là Thành Người Gỗ vụng về đi hết nhàm lẫn này đến nhàm lẫn khác. Cho đến bao giờ ?

Evelyne ơi! Ngày nào em rời khỏi bệnh viện, ngày nào anh rời khỏi bệnh viện, ngày nào anh và em hết khật khùng, anh hứa sẽ mua cho em cây cà rem và dắt em đi coi hát bóng. Sẽ không coi phim thẳng khùng ăn cắp con gà đồng, mà sẽ coi phim Thành Người Gỗ như em vùi vãnh.

Evelyne! Ngày nào rời khỏi bệnh viện, anh xin hứa. Giờ này anh ngồi trên băng đá, nước mắt lưng tròng. Còn em ở đâu ? Em đã bớt điên hay có còn sống sót ?

"Em điên xõa tóc" là câu chuyện kể về cô gái tóc dài mà người đàn ông tình cờ gặp gỡ trong bệnh viện tâm thần – nạn nhân của người cha loạn luân. Cô gái là thiên thần hay quỷ dữ, chưa có gì để biết được. Thiếu nữ chỉ là chất xúc tác, thực chất chính là câu chuyện của một người đàn ông luôn băn khoăn tự hỏi, tra xét về ý nghĩa cuộc sống, về thân phận con người trong cuộc đời nhưng không thể lý giải đến... phát điên. Chỉ vì: Chưa quên được quá khứ, luôn ám ảnh về cuộc chiến đã qua mà mình không tin là có thật, luôn ám ảnh về một quê hương rất nhiều yêu thương nhưng cũng đầy oán giận. Chưa hội nhập hiện tại, sống một cuộc đời vô vị, không có ý nghĩa ở xứ người. Luôn bị ám ảnh thất nghiệp. Mặc cảm "đời thừa", không chu toàn với vợ con. Tìm việc, tìm việc... hai từ này bàng bạc từ đầu đến cuối tác phẩm. Nhưng khi có việc? Thì công việc ấy có phù hợp với chính năng lực mình không lại còn là một điều nhúc nhối. Và thật trớ trêu, khi chính bản thân mình nơi xứ người tự lo chưa xong, thì lại phải gánh vác thêm trách nhiệm bảo lãnh những người thân ở Việt Nam. Vậy nơi nào là địa ngục, nơi nào là thiên đường? Nhân vật "tôi" không tin vào cuộc đời, hoàn toàn buông trôi cho số phận. Nhân vật chỉ chợt nhận ra sai lầm của mình khi bất ngờ nhìn những bước chân chìm đắm trên bãi cỏ vườn Luxembourg ... Thiên nhiên... Chim chóc... Tình thương của trời đất... Trời ơi! Sao hạnh phúc dễ ợt như vậy mà ta không chịu hiểu... lại ngoảnh mặt làm ngơ... tự giam mình trong ngục tù? Và thực sự bị sốc khi ngó mình trong kiếng "ngỡ thấy một thằng điên", và tự chất vấn "Đâu để gì tôi xuất hiện trên trái đất này dưới lốt một con người. Phải bao nhiêu vạn kiếp, bao nhiêu cơ duyên. Sao tôi không nhiệt thành sống cuộc sống đó. Người ta sinh ra đâu phải để hạnh phúc hay để đau khổ. Người ta sinh ra để sống, và sống hàm chứa hạnh phúc lẫn đau khổ. Phải chấp nhận."

Nghĩ về Kiệt Tấn Nguyễn Mộng Giác

Trong suốt thời gian phụ trách bài vở cho tạp chí Văn học nghệ thuật (bộ mới) và Văn học, tôi được cái may mắn đọc trước nhiều bản thảo của các văn hữu từ khắp nơi gửi về, sau đó theo dõi ảnh hưởng của tác phẩm ấy lên trên bạn đọc.

Hồi còn ở Việt Nam trước 1975, tôi dạy học ở tỉnh lẻ nên ít có cơ hội được gặp gỡ, tiếp xúc với giới cầm bút. Tôi có được nghe nói tới tập thơ "Điệp khúc tình yêu và trái phá" của Kiệt Tấn xuất bản năm 1966, nhưng chưa được đọc. Hình như từ lúc cho xuất bản tác phẩm đầu tay cho đến 1975, Kiệt Tấn bận chuyện học hành, bận sống cho hết cung bậc của yêu hờn giận ghét nhiều hơn là viết về những điều mình sống. Những kinh nghiệm, xúc cảm, suy tưởng trong thời gian ấy được áp ủ, tích lũy như một thứ rượu quý, để đến một lúc nào đó, không thể dừng được nữa. Kiệt Tấn để mặc cho xúc cảm tuôn trào nơi đầu ngọn bút. Truyện "Em điên xõa tóc" Kiệt Tấn gửi cho Văn học Nghệ thuật là kết quả của những kinh nghiệm đã chín mọng, những xúc động đã ngút ngàn, những suy tưởng đã viên mãn... Những cái "đã" ấy tất nhiên phải thành nghệ thuật. Quả đúng như thế, "Em điên xõa tóc" được in ra và phổ biến khắp nơi, liền được mọi người đón nhận nồng nhiệt. Đây là một trong những truyện ngắn hiếm hoi, có giá trị nhân bản phổ quát mà Văn Học Và Văn Học Nghệ Thuật được hân hạnh giới thiệu với bạn đọc.

Từ đó đến nay, Kiệt Tấn liên tục đem nhiều kinh ngạc cho những người theo dõi sát sinh hoạt văn chương ở hải ngoại. Anh lần lượt viết lại những cuộc tình Á-Âu lần những mối tình đầu của đời anh, từ *Đêm cỏ tuyết*, *Người em xóm học*, đến *Yêu em xứ tuyết*, truyện nào cũng thơ mộng tuyệt vời và nhục cảm ngùn ngụt. Anh viết bạo, viết hết tất cả sắc diện của tình yêu, anh đi suốt những gì mà những người viết khác chỉ dám đi một nửa, rồi bèn lên dừng lại ở chỗ tự cho là ranh giới. Nhờ thế, nhiều truyện tình của Kiệt Tấn có cái chất sống cuồng nhiệt của tác phẩm D. H. Lawrence trong đó tình yêu có đầy đủ cả những đóa hoa e ấp trao nhau, những nụ hôn ngượng ngập, lẫn những tham lam cuồng quít và những "hơi thở rướn cong"¹[1].

Nhưng Kiệt Tấn không chịu dừng lại ở đó. Trong cuộc phiêu lưu đi tìm cái ta riêng trong cái chung của nhân loại, đi tìm cái đặc thù tiêu biểu, Kiệt Tấn làm kinh ngạc người đọc ở cả những lãnh vực khác. Và trong loại đề tài nào, Kiệt Tấn cũng viết được những truyện ngắn xuất sắc. Một số trích đoạn đã được đăng tải trong tập trường thiên *Lốp lốp phù sa* của anh, cùng với *Nụ cười tre trúc*, *Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi*, *Năm nay đào lại nở* cho chúng ta thấy một Kiệt Tấn khác hẳn Kiệt Tấn trong những chuyện tình. Tình yêu quê hương của anh cũng hồi hồi y như tình yêu trai gái. Sức sống cuồng nhiệt, sự nhạy cảm của Kiệt Tấn, trải qua thăng trầm của lịch sử, đương nhiên dẫn anh tới những suy tưởng bao quát về cuộc đời, về con người. Kỷ niệm đẹp của một quê hương đã mất, lưu niệm của những ngày tháng tàn phai, cuộc sống lưu vong, đã đẩy đưa Kiệt Tấn viết *Vườn chanh miệt biển*, một thứ tùy bút pha lẫn bút ký và tự truyện, mà theo tôi, đánh dấu thành công viên mãn nhất của Kiệt Tấn trong loại sáng tác suy tưởng.

Mỗi người cầm bút thường chỉ có sở trường về một loại đề tài, một loại khung cảnh sống hoặc một loại nhân vật. Rất ít có người dám xông xáo vào nhiều lãnh vực, vì thấy trước sự thất bại. Trường hợp Kiệt Tấn khác hẳn. Anh viết về đủ đề tài, nhân vật, khung cảnh, thay đổi, từ một cô gái quê cho tới một cô tình nhân bụi đời ở kinh đô ánh sáng, từ những kinh rạch bán khai chằng chịt ở quê hương cho tới cảnh đô hội nơi đất khách... ở đâu Kiệt Tấn cũng xông xáo thông thạo như một "thổ công". Vì sao vậy?

Theo tôi, câu trả lời khá đơn giản: Kiệt Tấn đã sống hết mình, và viết hết mình. Khi sự chân thành đã đến độ giống như tự khóa thân trước cuộc đời, thì cái Tâm Thành đó cộng với Tài Ba phải thành Nghệ Thuật. Kiệt Tấn đã thực hiện được lời của Dostoevsky khi văn hào Nga này nói: "Tôi đã viết hết những điều mà thiên hạ chỉ dám nói có một nửa".

Thực hiện được điều đó, không dễ. Phải có một lòng yêu người nồng nhiệt, và một sự can đảm lớn lao./.

Đêm cỏ tuyết

Anh nói với em nhiều tiếng thâm trầm

Nằm đêm nghĩ lại nát bầm lá gan.

Ca dao

Tôi dắt Tuyết xuống bờ đê. Mùa gặt đã qua từ lâu, ruộng khô chỉ còn lác đác một vài gốc rạ. Trăng lười liềm kín đáo ngọt ngào. Tình nhân yêu nhau, trăng yêu tình nhân, từ muôn thuở. Nhưng có chắc tôi yêu Tuyết? Có lẽ. Nhưng điều đó nào có quan trọng gì với tôi lúc này. Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu.

Tôi tìm một lùm cây có bãi cỏ kéo Tuyết ngồi xuống. Trước mặt là con rạch nhỏ. Nước nhiều hay ít, tôi không để ý. Có lấp lánh ánh trăng hay không, tôi cũng không biết. Tôi chỉ có một mục tiêu duy nhất: Tuyết.

Khi nãy trên đường từ cầu Bắc chạy về, Tuyết biểu tôi dừng vespa, vì nàng mắc lằm ròi. Trước đó hai đứa tôi ăn cháo trắng hột vịt muối, uống trà đá ly cối, hèn gì. Tôi còn đang loay hoay dựng xe thì Tuyết đã chạy ù xuống ruộng. Xong, nàng ngồi chồm hồm mà giải thủy tinh bơ. Tôi bị kích thích, tim đập mạnh như bước hụt, chói với. Chẳng phải riêng tôi. Mấy chiếc xe hơi chạy ngang, thảng gập, tiếng bánh xe cày trên mặt đường rít nghe ê răng. Không có tai nạn. Cũng may. Khi sắp trở vào thành phố Vĩnh Long, tôi quẹo xe ở ngã ba và trực chỉ hướng Cần Thơ. Tôi đậu xe lại ở gần ruộng dưa gang và dắt Tuyết xuống bờ đê. Tuyết ngoan ngoãn đi theo, thỉnh thoảng cười rúc rích. Còn tôi thì chẳng biết gì đến cười nói, thần kinh bị kích thích căng thẳng, có lẽ mặt tôi lúc đó hắc ám lảm. Tôi tìm lùm cây khuất, từ mặt đường ngó vào không thấy phía sau. Tuyết vừa ngồi xuống là tôi đi thẳng vào nỗi ám ảnh của mình. Mê mẩn, sung

sướng, hạnh phúc. Cứ gọi là hạnh phúc, dù tôi chẳng có định nghĩa nào về hạnh phúc. Cả người tôi cháy thành một khối đê mê. Tôi đã biến mất.

Sau cơn cảm xúc mãnh liệt, tôi vội vã, hấp tấp. Loay hoay, luống cuống, bộp chộp. Tôi trật ngã, thiếu chút nữa lăn xuống rạch nước. Tuyết kịp nắm vai áo tôi giữ lại.

Và cơn dục tình của tôi đã được thỏa mãn. Khi đó tôi mới nghĩ tới hôn nàng. Tôi áp môi trên má nóng hồng của Tuyết và hít chùn chụt. Nàng vuốt ve lưng tôi, trách mắng: “Anh này đồ quỷ! Đã chưa?” và nàng cười rúc rích. Tôi ngồi dậy. Ánh trăng mát mẻ trên thân thể nàng thật tuyệt vời và hấp dẫn. Mùi ân ái còn thoang thoảng. Tuyết hỏi tôi:

- Thôi mình đi về, không có chị Tư chỉ la em. Hồi nãy xin phép đi có một giờ mà đi quá mạng, hết lên cầu Bắc rồi lại ghé đây.

Tôi cố tình chọc Tuyết:

- Em nóng ruột thì ra đón xe đò về trước đi.

Nàng la:

- Đồ quỷ! Thôi đừng cù nhây, đưa em về sớm, mời một chị Tư còn cho phép đi chơi. Tối nay thứ bảy đông khách mà quán chỉ có mình chị với con Liên, lo hồng xuể.

Tôi vừa cạp xe vào hông quán, quả nhiên chị Tư Tùng đã cất tiếng:

- Dữ thần hông! Đi đâu mà mất biệt làm chị lo muốn chết. Cậu chờ nó đi đâu vậy?

Tôi phịa đại:

- Thì cũng chạy gần gần đây thôi. Nhưng hồi nãy lên tới cầu Tân Bình thì xe bị bẻ bánh...

- Thôi cậu đừng có nói dóc. Cái tuồng đó tui rành quá mà!

Rồi chỉ vào bánh xe sơ-cua gắn trên chiếc vespa, chị hỏi:

- Vậy chớ cái gì đây? Còn mới tinh mà nói bẻ.

Tôi giả là:

- Thôi mà chị. Em biết trẻ sợ chị la nên nói gỡ gạc vậy thôi, chị thông cảm.

- Ai mà dám la cậu. Mà thôi mấy người cũng lớn hết rồi, muốn mần gì đó thì mần. Hồi nãy tui sợ không biết có tai nạn dọc đường gì không mà đi lâu quá, cả hơn hai tiếng đồng hồ nên mới nói vậy ... Cậu cũng biết tui thương con Tuyết lắm, coi nó như em ruột, gia đình không có nên

...

Lúc đó khách quen tới, chị đơn đả chạy ra chào khách. Tôi thừa dịp thoát thân, chạy qua phía bên kia quán, kéo ghế ngồi ở bàn đặt cạnh bờ sông. Gió từ bên cù lao An Thành thổi qua mát mẻ. Những đê lục bình chỉ còn là những khối đen lững lờ trên dòng nước. Nhìn Tuyết chạy lăng xăng khui nước, chặt dứa, xay rau má, lòng tôi tràn đầy hạnh phúc mền thương. Thỉnh thoảng nàng liếc tôi và cười ỏn ẻn, đồng lõa. Chập sau nàng đem tới cho tôi một ly cối nước cam-sô-đa với hai tròng đỏ hột gà nổi lờ đờ:

- Anh uống đi, bổ lắm!

- Bổ là có chuyện nữa!

- Đồ quỷ!

Chị Tư cưng Tuyết cũng phải. Nhan sắc nàng cũng đại khái thôi, nhưng thịt da mơn mớn dễ nhìn, cười lúm đồng tiền có duyên tuy hai răng trước có kẽ hở. Nàng hay cười nói vui vẻ nên kéo khách cho chị Tư cũng bộn – trong đó có tôi. Khi đó tôi vừa đậu xong tú tài đôi, về Vĩnh Long nghỉ hè. Ban ngày tôi họp bạn đánh đàn, đi thăm người yêu nữ sinh, hoặc ngủ li bì. Ban đêm tôi la cà. Chị Tư thì tôi biết từ hồi còn học đệ tứ, thuở tôi bắt đầu mặc quần đa-cờ-rông lằng cuống, thắt dây nịt nhỏ, chải đầu trét bi-dăng-tin, đi giày mỗ vịt. Hồi đó xuống quán là để

uống nước dừa, ăn cơm gà rô-ti, tán dóc với bạn bè. Và theo dõi đàn anh tán gái để chờ ngày xuống núi hành đạo (hay hành lạc?) Nói quán nghe rườm rà chớ thiệt ra đó chỉ là một cái chòi bằng thiếc khi giương thì mở ra bốn phía, khi sập xuống thì kín mít. Tuyết nằm ngủ bên trong với Liên, trên một diện tích khoảng hai thước hơn hai thước. Quán nằm phía cuối chợ cùng với ba quán khác, hai quán bán cơm, một quán bán nước cạnh tranh với chị Tư. Bàn ghế bắc xung quanh quán, không có vị trí nhất định. Tôi thường xuống quán rà rà để được ngửi mùi nem nướng hay thịt bò xào. Mùi thơm ngọt ngào sục nức, khói tỏa mịt mù mà thú vị biết bao! Tôi không ăn vì sợ ăn sẽ đâm ngán cái thú ngửi mùi đó. Tôi như một cô hồn thường thức đồ cúng. Tôi hạnh phúc mà không hay. Có lẽ nhờ vậy mà hạnh phúc. Khi hay, hạnh phúc tan biến.

Sống như con nít ngây thơ, ngờ ngác, lúc nào cũng khám phá, khám phá nào cũng tuyệt vời. Tôi khám phá đàn bà như con nít trước một rương đồ chơi bí mật. Lắm lúc tôi cười, nhiều khi tôi khóc. Tôi mê đàn bà, tôi tội nghiệp tôi, thằng ngốc tử. Tôi tội nghiệp các nàng đã trót yêu thằng ngốc tử.

Dĩ nhiên, nếu chỉ người thôi thì làm sao sống nổi. Tôi cũng có ăn. Tôi khoái nhất món hủ tiếu “đầu trọc”. Không phải ăn vô rồi là rụng tóc trọc đầu, mà bởi món này do một ông chệt đầu trọc gánh đi bán dạo, gõ nhịp lắc-cắc-cụp trên hai miếng tre ngắn đã lên nước. Hủ tiếu khô của ông có nước sốt gì nâu nâu sền sệt chan lên ăn là hết sảy. Xế trưa tôi một tô, Tuyết một tô, ních vô là thấy hạnh phúc nằm trong tầm tay, đâu cần gì phải đi hành hương xa xôi trắc trở. Lại thêm giọng cười rúc rích của Tuyết giữa trưa nắng rạng rỡ miền Nam, với ngàn ấy thứ mà không người thấy hạnh phúc thì dù có tu chín kiếp cũng coi như huê cả làng. Chị Tư không thích hủ tiếu nên thường làm một tô mì hai vắt, cũng mì khô có nước sốt màu nhiệm đó chan lên. Chị buôn bán nhưng tánh chị thật thà. Da chị ngăm đen, môi dày, mũi lân và... đa tình. Tụi tôi biết vậy nên dụ dỗ kếp Thế xuống quán. Kếp này là một tay tử chiếng giang hồ, lấy đi làm vợ, cao lớn đẹp trai, có nụ cười lém lỉnh như Gene Kelly. Chị Tư chấp lắm. Mà khi chị đã chịu đèn rồi thì tụi tôi dễ bề làm ăn với Tuyết và Liên. Có quá quắt thì chị cũng làm ngơ. Có chờ đi quá giờ thì chị cũng xí xóa. Dẫu giận mấy, có “anh Thế” xuống là xong ngay. Thành thử tôi cũng được rảnh chun rảnh tay “một mình thong thả mà ăn, khỏe quơ chài kéo một quãng câu giằm...”

Lúc đầu tôi xuống quán bên kia. Một tối Tuyết ngó tôi nheo mắt cười tình mấy cái là tôi di cư luôn qua quán chị Tư. Tuyết làm bộ hỏi:

- Anh ghé chơi một chút rồi dợt qua bên kia hả?
- Không, anh lấy cơm thảng ở đây luôn.
- Nàng cười rúc rích:
- Anh giỏi tài ba xạo!

Tôi cũng chỉ biết nhăn răng ra cười trừ. Rồi tôi tán tỉnh Tuyết ra sao tôi cũng không nhớ rõ. Tôi vốn đã ít nói. Mà cuộc trao đổi văn nghệ giữa một cậu tú mới toanh và một em bé bán nước dừa chắc cũng không có câu nào đáng đi vào văn học sử. Nhưng hai đứa cũng khăng khít nhau ra rít, đâu cần gì phải vô vọng cổ hay thao thức viết thư tình. Có lần tôi tò mò hỏi Tuyết:

- Em có yêu anh không?
- Em hông biết, nhưng em khoái anh?
- Khoái ở chỗ nào?
- Tại anh có hàm răng bệch-lông, cười có duyên thấy ghét.

Perlon là hiệu kem đánh răng đang được quảng cáo thời đó, với một nụ cười duyên dáng và hàm răng đẹp. Tôi có ngó vô kiếng cười thử, thấy răng cửa của mình lớn và hơi gie ra đằng

trước, không có gì đáng ca ngợi. Anh tôi bảo mày hô ông điếu (?) nên cười có duyên ngầm (!). Chắc tại tôi có cái duyên “ông điếu” nên Tuyết đắm mê.

Còn tôi, tôi thèm muốn Tuyết. Yêu? Gọi thế nào cũng được. Có đặt tên cho tình cảm hay không thì nó cũng vậy thôi. Riêng tôi, tôi không quan niệm tình yêu mà không có tình dục. Nếu ép tôi bỏ bớt một thứ, có lẽ tôi sẽ giữ lại tình dục. Tôi thường ngạo mấy cô tình nhân khi các nàng từ chối tình dục: “Em yêu anh bằng linh hồn, còn xác thịt em để cho người khác? Nếu vậy hãy cho phần thứ hai, anh xin trả lại em tình yêu”. Kết quả tôi lại bị rầy: “Anh khôn thấy mờ!” Té ra yêu bằng linh hồn là ngu lắm sao? Tôi bị rầy là nàng đã hiểu. Xong. Thành thử tôi chỉ có một tình yêu duy nhất không có tình dục: đó là lúc tôi học tú tài một ở Mỹ Tho và yêu Hoa. Không phải tôi thánh thiện mà vì lúc đó tôi chưa thành qui. Chưa gặp dịp, có lẽ.

Cùng lúc đắm lụy với Tuyết, tôi lại thánh thiện với Ánh, người yêu nữ sinh. Tôi tới nhà Ánh ngồi chơi, rất mực là thư sinh ngoan ngoãn. Nói chuyện gì tôi cũng không nhớ rõ. Nhưng nghĩ cũng phục tôi luôn. Nói gì mà nói nhây hàng giờ, ngày này qua ngày nọ, mà không sờ mó mân mê gì cả. Phục lẫn. Nhưng xét ra cũng chẳng có gì đáng phục. Tôi đã no nê dục tình với Tuyết, hơi sức đâu mà mơ ước chuyện gì khác. “Phàm một con hải cẩu...” nhưng tiếc thay tôi chưa bằng được con hải cẩu. Tôi chẳng bao giờ hẹn Ánh nơi tối tăm nào khác, bên lùm bên bụi hay (người hẹn cùng ta tới) bên lùm chuối...

Mỗi tuần tôi phải dắt Ánh đi xem phim Ấn Độ một lần, với bà má vốn mê phim Ấn Độ. Tôi thường bế một chùm bông thiên lý đem theo. Khi trên màn ảnh hoàng tử và công chúa bắt đầu nắm tay nhau ca múa và lắc lắc cái bụng cà ri là tôi ngủ gật với mùi thơm ngầy ngật của hoa lý ở đầu mũi. Nhưng tôi được an ủi lúc ra về. Ánh theo má đi trước, tôi leo đèo theo sau. Trăng lên cao, ngọn dừa dật dờ lấp lánh, dáng Ánh gầy gầy, bóng Ánh ngã trên đường nhẹ hồng như vết chim bay. Tôi nghĩ nàng chỉ cần đập cánh là có thể bay lên trời, bỏ tôi lại cõi trần gian dậm dật này cho Tuyết với đôi mông trắng mát. Có lẽ tôi sẽ khóc, nhưng rất bằng lòng. Tình thực tôi cũng chẳng giấu giếm gì Ánh. Tôi nói tôi ngủ với mấy cô bán quán. Ánh không tin và cho rằng tôi nói vậy để lấy le. Đến một hôm, Ánh bắt gặp tôi chở Tuyết chạy ngang nhà, nàng mới bắt đầu ngờ vực là tôi nói ... thiệt.

Mà trong cái tỉnh nhỏ xíu này, đi một vòng là gặp nhau hết, nói gì đi quanh quẩn năm này tháng nọ. Một đêm gần Tết, tự dưng Tuyết nổi hứng thay áo dài mới xanh lè quê một cục, nhứt quyết đòi tôi chở đi chơi. Tôi thấy Tuyết vui nên cũng chiều ý. Tôi chạy lòng vòng lạng quạng. Bỗng Tuyết đòi đi nhà thờ gần cầu Cái Cá. Nhà của Ánh ngay dưới dốc cầu. Tôi bán quá, mà từ chối thì sợ em buồn. Tết nhứt rồi, ai nỡ làm vậy. Nhưng lỡ Ánh bắt gặp, chạy ra níu áo rồi mới tính sao đây? “Di nhân nan! Di nhân nan!” Gần tới cầu tôi nảy ra sáng kiến (nhờ ơn trên?) Tôi khóa ga xăng, giả bộ xe lên dốc không nổi. Tôi biểu Tuyết xuống và đi bộ qua cầu vô nhà thờ trước chờ tôi. Chùi bu-di xong xe sẽ vọt ngon lành như trước, tôi qua sau. Tôi rất ghét nói dóc. Nhưng nói dóc với Tuyết tôi không thấy lương tâm bị cắn rứt một chút nào hết. Làm như thể...

Tuyết bỏ gia đình đi hoang năm mười sáu tuổi. Tuyết cùng một tuổi với tôi. Gia đình Tuyết ở Gò Công. Tôi không rõ lý do ra đi của nàng, hay nàng đã kể rồi mà tôi không nhớ. Tôi cũng chẳng để ý. Ôm được Tuyết, vật lộn với Tuyết trên bờ cỏ đối với tôi là quá đủ. Nếu có ai dọa sao chối xệt xuống làm tan băng hà ở Bắc cực, nước sẽ dâng lên cao ba thước khắp địa cầu, tôi cũng coi như pha. Chỉ cần bụi cỏ đen và đôi vú trần của nàng, kỳ dư tôi chẳng ăn nhập gì với quả đất quay nhanh hay chậm. Tôi là một vệ tinh vô danh tiểu tốt quay chung quanh ngực và mông nàng, quay điên cuồng và hạnh phúc. Cho đến ngày nổ tung trên trục quay, hay đến lúc tôi lạc quỹ đạo đâm sầm vào hành tinh mẹ và cả hai đều bốc cháy tan tành, trả lại bụi sao cho ngân hà, cho nguyên thủy, cho khai thiên lập địa, không có âm, không có dương, không có tôi, không

có nàng, không có đam mê, không có đam luyện, tôi với nàng chỉ là một. (Bởi duyên cớ nào khiến ta thành hai?).

Khi trước tôi ở nhà má tôi, gằn rạp hát. Mùa hè năm đó tôi dời đô về nhà ba tôi ở dốc Cầu Lộ cho dễ bề hành hiệp. Nhà ba tôi là tiệm mộc nên giường chõng tha hồ. Đi chơi khuya về thấy mừng giăng sẵn, giờ lên không thấy ai là cứ chun vô ngủ. Tối tối tôi đi đón Tuyết về. Có lúc trời nóng gặp ba tôi còn ngồi ngoài hàng ba phơi bụng hút ống vố, nàng khẽ cúi đầu:

- Dạ, chào bác.

Ba tôi cười khì khì đồng lõa, hỏi vợ vẫn:

- Tiết đó hả? Lóng rày bán khá không cháu?

- Dạ khá.

Cháu khá mà bác coi bộ thằng Kiệt nó hơi xanh.

- Dạ... Tuyết áp úng.

Tôi đỡ lời:

- Tuyết có cho tui uống cam-sô-đa hột gà hoài đó chứ.

Tuyết quay lại la tôi:

- Đồ quì!

Một bận tờ mờ sáng chúng tôi còn mê mệt ôm nhau ngủ thì ba tôi lay dậy:

- Mau mau! Vọt! Má mày tới!

Tôi còn đang lính quỳnh, ba tôi kéo Tuyết chạy ra nhà sau, giấu nàng trong cầu tiêu. Tôi giả bộ ngủ tiếp. Má tôi (có lẽ ai mét) ập vào kinh lý. Bà giờ mừng thấy thằng quý tử say ngủ chèo queo một mình nên yên bụng ra về. Tôi ra cầu tiêu kiếm Tuyết. Sau hồi chới với chúng tôi ôm nhau cười ngất. Nàng hỏi:

- Sao má anh khó quá vậy?

Tôi vớt vát:

- Chắc bả canh ông già chớ đâu phải rình anh.

- Vậy mà làm em cũng hết hồn.

Ba tôi trấn an:

- Ôi! Hơi sức nào mà lo! Bè gì đã có tao đứng mũi chịu sào. Cùng lắm là bả bắt thằng Kiệt về nhà dưới ngủ, không cho ngủ ở nhà tao nữa.

- Ý! Đâu có được.

Tôi phản đối tức khắc. Nhưng cũng may, mọi việc vẫn cứ tiếp diễn như trước, đêm đêm tôi đi đón Tuyết về. Đêm nào tôi ngủ quên thì Tuyết tự động ngồi xe xích lô về. Tuổi mười tám sao hăng quá sức, đêm nào cũng như đêm nấy. Tôi thấy đời tôi quá đầy đủ, không dư không thiếu một chỗ nào hết. Đôi khi quá hăng say, tôi đã được một anh thợ của ba tôi lưu ý:

- Thầy Sáu ác quá! Cái đi-quăng bữa nay giao cho người ta mà thầy làm sao ố hết trội, báo hại tui phải cạo sơn lại.

Rồi anh chỉ mấy vết vân vân trên mặt gỗ sơn làm tôi cũng hơi què, nhưng cũng hãnh diện ngậm, sự hãnh diện ích kỷ của con thú đực.

Một đêm, xảy ra chuyện “trục trục” với Lộc, anh tôi. Tuyết giận, lẳng lặng bỏ về.

Buổi trưa tôi xuống quán gặp Tuyết đang ngồi ăn cơm với chị Tư và Liên. Chị Tư mời lời:

- Cậu Kiệt ăn cơm.

Được lời như cời tấm lòng, tôi kéo ghế xáp vô bàn ăn liền. Để kiểm điểm, tôi gọi thêm một đĩa phá lẩu. Tôi gấp một miếng ngon bỏ vô chén của Tuyết. Tuyết cũng gấp lại cho tôi một miếng và cười rúc rích. Nàng cười là coi như tôi đã được tha thứ. Như vậy là huề. Tôi được thể kể thêm chuyện tiếu lâm cho mọi người cười cho vui bữa.

Ăn xong Tuyết kéo tôi ra bàn gần bờ sông ngồi hóng mát. Tuyết đi thẳng vào chuyện đêm qua:
- Sao hồi hôm anh làm kỳ vậy? Em mắc cỡ muốn chết.

Mặt Tuyết đỏ gấc, cả vành tai cũng đỏ.
- Em thương anh mà sao anh làm kỳ vậy?

Tôi sượng trân, không biết trả lời sao. Tôi áp ứng:
- Anh cũng thấy kỳ thiệt... Nhưng chuyện xảy ra quá bất ngờ, anh đâu có muốn như vậy. Em giận anh lắm hả?

Nàng ngẫm nghĩ một hồi rồi lắc đầu. Tôi cảm động nắm lấy tay nàng. Nàng liếc tôi mỉm cười:
- Thôi bỏ qua chuyện đó. Mà anh đừng có làm vậy nữa nghen. Em thương anh chớ đâu có thương anh Lộc, bộ anh không biết sao?
- Anh biết chớ.... Thôi anh xin lỗi em.

Tôi nói tôi biết chớ thiệt ra tôi chẳng biết khi mẹ gì hết. Tôi là thằng ngốc tử. Cho đến bây giờ, khi tổng kết tình hình quốc tế, tình hình quốc nội và tâm lý ái tình đời mình, tôi cũng chẳng biết là tôi có yêu ai không nữa. Tôi đam mê, nhiều lúc muốn tự vận thì có. Yêu? Còn phải hỏi lại. Biểu tôi định nghĩa tình yêu tôi cũng bí luôn.

Sau lúc con thuyền tròng trành, tôi và Tuyết trở lại khắng khít nhau như trước. Như không có chuyện gì xảy ra. Tôi lấy thêm một quyết định sáng suốt: Nếu thằng cha anh tôi còn dở trò lạng quạng là tôi sẽ quyết liệt mời hắn đi chỗ khác chơi. Bằng võ lực nếu cần. "Ồi thôi tôi mời cậu đi ra cho lẹ, nếu còn ở đây ắt sanh tử với tôi!" Hắn cũng nằm lòng câu hát đó.

Sau nhà tôi là một sà n nước, trên có để mấy cái lu. Thợ thuyền thường mặc quần xà lỏn tắm lộ thiên trên sà n nếu làm biếng tắm sông. Lần nào Tuyết về với tôi cũng quá nửa đêm, lói xóm ngủ hết. Tuyết tắm lộ thiên. Tôi có cái thú đứng ngắm Tuyết tắm. Thân thể Tuyết trắng muốt, ngực Tuyết no tròn, đứng sững đẹp tuyệt. Đã bao lần tôi ngã chết trên đó. Mà rùi có chết luôn tôi cũng không hối tiếc. Canh khuya dế kêu rĩ rả. Khi nàng xối nước ào một cái thì lũ dế êm tiếng. Khi nàng kì cọ thì tiếng dế lại trở lên. Có nhạc, có mỹ nhân, nghe thường là đó. Nếu Tuyết biết ăn nói văn chương và biết khảy đàn, tôi sẽ ngờ nàng là hồ ly tinh. Ôi con hồ ly yêu dẫu. Tiếng em kỳ cọ trên thân ngà nghe sao mà dâm tuyệt!

Tôi khổ sở nhứt là lúc mỗi tháng Tuyết treo cờ đỏ hươu chiến mấy ngày. Vào thời kỳ này đàn bà hay quạu cọ mà tôi còn quạu hơn Tuyết. Tôi đứng ngồi không yên như bị táo bón, nhẩn nhẩn nhí nhí như khi ăn ớt. Khi nàng hạ cờ xuống là tôi mừng quýnh như con nít má đi chợ về. Nàng lại có dịp la tôi: "Đồ quỷ, làm gì dữ vậy?" Nàng treo cờ, tôi khổ sở. Nhưng nàng không treo cờ, lại là một nỗi bận tâm khác. Một lần nàng nói nhỏ với tôi:

- Sao tháng này em trễ quá, có hơn hai tuần rồi. Lỡ em cần rồi làm sao hả anh?
Đã không lo, trái lại tôi còn thấy vui:
- Cần rồi thì mang bầu.
- Mang bầu kỳ chết.
- Mang bầu thì để chớ kỳ gì.
- Để rồi làm sao?

- Đẻ rồi thì nuôi chớ làm sao.
- Anh này nói nghe dễ ợt. Lấy cái gì mà nuôi đây chớ?
- Tôi đặt tay lên vú nàng:
- Thì lấy cái này...
- Nàng hát tay tôi ra:
- Đồ quỉ!

Thấy tôi cười khi khi nàng cũng tủm tỉm cười theo, hai má đỏ rực.

Tuần sau, một đêm tôi thiếp ngủ, khi giật mình không thấy Tuyết bên cạnh, tôi hơi lo sao đêm nay nàng không về. Trưa hôm sau xuống quán thấy có một mình chị Tư. Tôi hỏi Tuyết đâu.

- Tuyết nó đang nằm trong quán
- Tôi chui vào quán thấy Tuyết nằm co quắp. Tôi đỡ Tuyết dậy hỏi:
- Em bịnh hả?
- Tuyết xanh ẻo thều thào:
- Em mệt.
- Chị Tư nói thêm:
- Tuyết nó bị thuốc hành nên mệt.

Cách đây mấy bữa tôi nghe chị Tư bàn lén với Tuyết về vụ đó. Tôi nắm vai Tuyết lắc lắc:

- Em phá thai phải không?

Tuyết cúi đầu không nói. Cơn giận đột nhiên bốc dậy trong tôi bùng bùng. Tôi xáng Tuyết một bạt tai ngã chúi vô góc quán rồi đứng dậy. Tuyết gục đầu, nước dãi nàng chảy ra ở miệng. Biểu diễn xong màn tạ-dặng nổi giận, tôi nhảy lên vespa rồ ga phóng thẳng. Chạy lòng vòng một hồi rồi trực chỉ ngã ba Cần Thơ. Chui vô một cái nhà sàn gọi bia ra uống. Bà chủ quán còn trẻ. Mặc quần áo xốc xếch, một tay bồng nách thẳng con lem luốc, một tay bào nước đá. Tôi vụt hỏi hạn chua xót. Tôi bỏ chai bia rồi phóng xe trở lại quán chị Tư. Nghe tiếng xe đậu lại, Tuyết lồm cồm bò dậy ra đứng vịn ở cửa quán. Mắt nàng đỏ hoe. Tóc tai bù xù. Tôi ăn năn quá đỗi. Tôi chỉ muốn chạy thẳng ra bờ sông và nhảy ùm xuống dòng nước đục (không phải để tự vận). Tôi muốn lội băng qua con sông lớn, tới cù lao An Thành bên kia. Tôi leo lên đó trốn hết mọi người, ẩn dật ở cù lao, biến thành con xà niên hay con dã nhơn gì đó. Cho không còn ai nhận ra tôi, cho Tuyết không còn bao giờ nhận ra tôi, gã bạch diện thư sinh sau cái bộ mặt lông lá. Mối Tuyết khô queo, tay run rẩy. Trời nắng chang chang. Hai đứa ngó nhau rung rưng nước mắt.

Rồi mùa hè qua. Nắng hết vàng rực. Phượng vĩ hết đỏ. Dế hết còn gáy ở sà nước. Tuyết hết còn khóa thân tấm lộ thiên. Và tôi cũng bị đuổi ra khỏi nghề thường. Hai đứa vẫn còn kháng khí, nhưng nàng ở lại quán, còn tôi lên Sài Gòn bước vào đại học. Sau khi đậu tú tài, tôi thi rớt liên miên. Thi công chánh: rớt. Thi trường điện: rớt! Thi sư phạm: rớt! Thi quân y: đậu. Và đậu hạng nhứt, ngành nha khoa. Ba tôi vốn ghét nghề “nhỏ răng và thiến heo” của đám hành nghề đạo trong xóm nên ông chửi tôi tàn canh gió lạnh vì tôi thi đậu ngành nhỏ răng. Ông nói:

- Tao với má mày gia tài còn có mấy cái răng ăn cháo bộ mày tính học về nhỏ luôn cho hết hả? Rồi bà con đau bụng đẻ, rước mày tới mày nhỏ răng cho chết luôn hay sao? Mày học cái nghề gì mà ác ôn quá vậy?

Tôi nản quá nên bỏ ngành quân nha. Tôi lêu bêu vào năm đầu đại học khoa học. Tôi lạc lõng mất hướng. Tôi chỉ mong cuối tuần để vọt về Vĩnh Long. Có lúc kẹt xe, tôi về tới thành phố thì trời đã tối mò. Tôi ghé nhà Ánh trước vì gần bến xe. Nhà nàng ngủ sớm (ông già làm thầy giáo). Một tay gõ cửa mà tay kia tôi còn lặn theo khúc bánh mì thịt chưa kịp ăn. Chị nàng ra mở cửa la lên:

- Ánh ơi! thằng Kiệt nó về.

Anh chạy ra mừng rỡ. Tôi ghé vào nói chuyện lấp dáp một chút rồi vọt, hẹn bữa sau trở lại. Tôi kêu xe lỏi đi thẳng xuống quán. Trên đường tôi tạt ngang báo cho ba tôi biết tối nay tôi ghé ngủ nhà để ổng cho đem mừng ra tối về có mà giăng. Thấy tôi về Tuyết cũng mừng lắm. Lại một tô hủ tiếu “đầu trọc”, một ly cam-xô-đa hột gà. Và tôi lại chết thiếp trên ngực hồ ly, bằng lòng, hạnh phúc. Có dạo bạn học quá, cả tháng không về được, tôi nhận được thư Tuyết. Nàng viết: “... Anh biết hông, mỗi bữa chiều em bắc ghế ra ngồi trước quán ngó ra đường thấy người ta đi qua đi lại, em nhớ anh thấy mờ. Chừng nào anh học thuộc bài hết rồi thì anh mau mau về đây cho em thả mẫn...”.

Trong thư nàng kèm theo một tấm hình sau lưng có viết mấy chữ: “Em xin tặng anh một đá hoa hồng để làm kỳ nhiệm. Tuyết.”

Kỳ nhiệm? Hay kỷ niệm? Tôi đoán lờ mờ. Chữ nghĩa không làm tôi bận tâm, nhưng khi nhìn tôi đâm lo. Thường thì mấy cô nữ sinh cầm nhánh bông hay đá hoa hồng để làm duyên khi chụp hình. Đàng này Tuyết cầm hẳn chậu bông đưa thẳng ra một bên, phía trên có cụm hoa hồng bằng nhựa màu. Tôi chỉ sợ nàng mỗi tay buông ra bắt tử thì đổ nợ. Thà nàng giả bộ leo lên máy bay ló đầu ra chụp hình như anh tôi mà coi bộ còn khá hơn. Chớ cầm chậu bông kiểu này là kiểu chết con người ta. Bữa nợ thẳng bạn lục bóp tôi, lỏi ra tấm hình Tuyết, ngắm xong, đọc xong, nó bèn ngửa mặt lên trời cười hô hố, chảy cả nước mắt nước mũi. Tôi quê quá nên từ đó giấu biệt hình nàng.

Trở lại việc học vấn của tôi. Trong cái rủi mà còn có cái may. Một bữa nợ, nhờ phát phơ trong Chợ lớn tôi gặp một thằng bạn cũ khá thân. Nó kéo tôi về nhà ở đường Da Bà Bàu tán dóc. Khi mở hộc tủ kiếm cây viết, nó chợt à một tiếng rồi lỏi ra một xấp giấy đưa cho tôi. Đó là đơn xin du học Canada. Nó nói tao quá tuổi rồi xin không được, mày nhỏ hơn tao hai tuổi, đậu hai tú tài hạng bình nên xin có hi vọng lắm. Tôi nhắm mắt điền đơn, nạp đại rồi quên bẵng. Ba tháng sau, đúng một cái tôi được mời khám sức khỏe, làm thủ tục xuất dương: tôi đã được chọn. Tôi cầm tấm giấy mời chơi với. Có bao giờ tôi nghĩ tới hay mơ ước chuyện xuất dương. Nhà tôi đủ ăn, ba má tôi dốt nát. Tôi là một thứ cao bồi hương thôn. Dù tôi có bận quần jean’s cỡi bò đi chãng nữa, là cũng để chà lét ở miệt vườn. Thế giới của tôi có cù lao An Thành, có cây đa Cửa Hữu, có cái miếu Bà, có cầu Cái Cá, có bến xe đò. Và có cái quán nước của chị Tư Tùng. Và trong quán nước có Tuyết, dĩ nhiên. Tôi không muốn đi đâu hết.

Tán thối lưỡng nan. Ông anh thứ ba (không phải Lộc) của tôi biết vậy nên đặc cách cho một lâu la của anh dắt tôi đi làm hết mọi giấy tờ. Thành thử tôi kẹt cứng. Tôi chẳng biết gì về Canada hết ráo, từ nguồn gốc cho tới ngôn ngữ. Má tôi hỏi: “Nghe anh Ba mày nói mày sắp đi Cá Bá Đại há? Nghe nói ở đó ngập nước quanh năm, mày qua bên đó mần chi vậy?” Tôi bí. Phải chi bà hỏi ở chợ Vĩnh Long có mấy cái quán cóc, quán nào bán cơm quán nào bán nước, quán nào có mấy cô, tên gì, mấy tuổi... Tôi bảo đảm sẽ trả lời rọt rọt, đúng đến chín chục phần trăm.

Nhưng rồi mọi việc cứ tuần tự diễn tiến, theo một trật tự bất kham. Bánh xe du học cứ lăn tới và kéo tôi ra cái cứ địa “cao bồi hương thôn”, mặc tình cho tôi trì kéo lại. Còn ba tháng nữa sẽ xuất dương, rồi hai tháng, rồi một tháng, rồi nửa tháng. Rồi chỉ còn một tuần lễ. Tuyết có theo dõi tình hình quốc nội do Lộc báo cáo nên nàng cũng khăn gói lên Sài Gòn để gặp tôi, vì tuần chót tôi kẹt luôn ở thủ đô để lo giấy tờ, thủ tục, thông hành, hối đoái v.v... Một tối, nàng hẹn gặp tôi trước rạp Khải Hoàn, không phải để coi hát, mà là để giã biệt. Đúng hẹn, tôi dắt Tuyết qua chợ Thái Bình ngang rạp hát. Nàng đi guốc mộc xanh, bận quần sa-teng trắng, áo xá xí màu hường lợt. Lần đầu tiên tôi để ý nàng vẽ mắt đen, tô son lợt và đeo bông tòn teng. Coi cũng hấp dẫn lắm. Nhưng tôi thích Tuyết tắm trường xối nước ở sàn nhà hơn. Tuy nhiên tôi cũng khen nàng một câu lấy lòng.

Tôi đề nghị nàng kiếm gì ăn cái đã, vì lúc đó đã hơn mười giờ đêm mà tôi chưa ăn gì từ chiều. Nàng đồng ý. Tôi hỏi nàng muốn ăn gì, nàng đáp tùy ý anh, em không đói. Không có hủ tiếu đầu trọc, tôi đề nghị nàng ăn mì ở một cái xe đẩy trong chợ. Xe cần kiếng đủ màu kể lại sự tích Tam Quốc có Quan Công mặt đỏ, sau nồi xúp nghi ngút là một xi thẩu bụng phệ, không trọc đầu nhưng tôi tin tưởng. Tôi kêu một tô mì đặc biệt có mì và hoành thánh trộn lẫn. Còn nàng, một chai xá xí Con Nai. Bụng đói nên tôi cúi gầm đầu ăn một mạch gần hết mới ngừng lên gợi chuyện:

- Em lên đây hỏi nảo?
- Hỏi chiều hôm qua.
- Lên đây em ở đâu?
- Ở đậu nhà bà dì con Liên trong chợ Bàn Cờ. Còn anh, bữa nào thì đi Da... Da... Cá Đại, hay cái gì Da Da đó?
- Bữa nay thứ ba. Còn đúng một tuần nữa thì anh đi. Đi Gia Nã Đại.
- Cái gì Gia?
- Gia Nã Đại.
- Ờ, vậy há? Gia Nã Đại! Cái tên gì kỳ thấy mờ, nói muốn trọ bán hợng. Nghe nói bên đó đất thấp nước ngập dữ lắm phải hông?

Không biết ai đồn cắc có như vậy. Tuyệt cũng hỏi một câu y chang như má tôi. Tôi giải thích: Em đừng có lộn Gia Nã Đại với xứ Hòa Lan. Nàng càng mù tịt nên tôi lảng sang chuyện khác. Em có tính ở lại Sài Gòn để đưa anh lên máy bay luôn không?

- Ý, đâu có được! Chị Tư bị cúm hỏm rày nằm liệt địa. Quán chỉ có mình con Liên coi, bê búi lắm. Sáng mai em phải về. Hơn nữa...

Nàng ngập ngừng:

- ... Hơn nữa gia đình anh, em chỉ biết có ba anh và anh Lộc. Má anh lại khó nữa, khi không em nhào vô đưa anh đi coi kỳ chết.

Thiệt ra nếu nàng đòi đưa tôi ra tới tận phi trường mới là đồ nợ. Vì hôm đó sẽ có Ảnh tiễn tôi, chương trình đã in như vậy rồi, cáo phó đâu có kịp nữa. Tôi dò dẫm:

- Em về dưới rồi tính làm cái gì ăn?
- Thì bán quán chớ làm cái gì?
- Bộ em tính bán quán hoài sao?
- Không bán quán chớ anh biểu em làm cái gì bây giờ?

Tôi ồm ờ:

- Thì chờ anh học thành tài về nước cưới em.

Nàng ngó tôi hoài nghi:

- Anh đừng có nói giả ngộ. Bản mặt anh mà cưới em.

Tôi kênh kênh:

- Thiệt chớ! Em mà dám chờ thì anh cũng dám cưới cho mà coi.

Nàng nghiêm mặt (ít khi tôi thấy nàng nghiêm như vậy) làm thẳng nhỏ hơi teo:

- Hỏi thờ giờ em có biểu anh cưới em lúc nào đâu mà bữa nay anh phát thình nói kỳ cục vậy?

Mắt nàng hoe đỏ. Tôi sợ nàng khóc bất tử nên gạt ngang:

- Em không tin thì thôi anh không nói nữa.
- Nàng ngó tôi ngần ngại:
- Mà em hỏi thiệt, anh có thương em hông?

- Có nói em cũng không tin nên anh không nói.

Nàng nài nỉ:

- Hồi nào tới giờ em đâu có hỏi, bữa nay em mới hỏi thiệt anh chớ có thương em hông đó?
- Thương chớ, thương đứt ruột.

Thấy nàng chưa chịu tin, tôi đưa một ngón tay lên thề:

- Đưa nào nói láo cho ông Táo đội nồi cơm.
- Anh thiệt là ba xạo!

Nàng cười, tôi cũng cười theo. Nàng cười là tôi đỡ lo. Nàng cười là tôi đã được tha thứ, chấp nhận. Tôi nắm tay nàng ngó trân trân:

- Bữa nay em đẹp lắm... Anh muốn ngủ với em một đêm chót.

Nàng ngần ngừ:

Bộ anh tính đem em về ngủ nhà anh hả?

- Anh tá túc nhà anh Ba. Má anh cũng ngủ ở đó... Anh về nhà em được không?
- Ý, nhà dì con Liên em đâu có quen. Hơn nữa nhà có chút xíu, dì ngủ trên gác còn em ngủ bộ vạt ở dưới với mấy nhỏ. Anh tới đó làm quỉ đâu có được.

Chợt ngó lên trời tôi đề nghị:

- Hôm nay có trăng lười liềm, hay anh chở em dạo một vòng ra Bình Điền, ở đó có cây cối...

Nàng gạt ngang:

- Ở dưới mình khác, ở đây khác. Anh làm bậy bạ lính bắt là hết có đi Gia Cái Đại luôn đó. Anh ẩu tả, bữa đó ở Cầu Bắc về anh thiệt thành quỉ... Em mà níu anh không kịp là anh lọt tuốt xuống mương rồi!

Nàng cười rúc rích. Lời Tuyết nói vô tình càng kích thích tôi mãnh liệt. Tôi nhớ rõ lắm, tôi nhớ rõ hết, tôi nhớ đóa hoa thắm kín cửa nàng lần đầu tiên dưới bàn tay tôi mân mê, sục sạo, tôi nhớ bụi cỏ đen, tôi nhớ ánh trăng mát mẻ trên thân dưới lồ lộ của nàng. Tôi thèm muốn điên cuồng, tôi thèm thường muốn chết. Tôi cúi đầu tiu nghỉu, như những lần Tuyết treo cờ đỏ huy chiến. Nàng ngó tôi một hồi coi bộ không êm. Nàng kêu tính tiền, trả tiền rồi nói:

- Thôi mình về anh, khuya rồi.

Thấy tôi cứ ngồi đực mặt ra đó, nàng nắm tay tôi kéo đi, nói nhỏ:

- Thì anh về với em, về Bàn Cờ.

Tôi riu riu theo nàng. Về tới đầu xóm, nàng biểu tôi dừng xe lại, tắt máy, rồi dắt xe theo nàng. Đi quanh co một hồi tới một căn nhà lợp tôn nàng ra dấu là đã tới. Tôi dựng xe, theo nàng đi vòng cửa sau mở khóa vào nhà. Bên trong chỉ có một bóng đèn nhỏ thấp tù mù. Bốn phía vắng lặng. Nàng chỉ lên gác, đưa một ngón tay lên môi ra dấu cho tôi giữ im lặng.

Tôi tuột giày ra. Nàng nắm tay tôi dắt vào nhà tắm nhỏ hẹp, bên trong kê một cái lu nước và một cái khạp thấp. Nàng khép cửa lại tối om, tôi không thấy gì hết. Tôi nghe tiếng sột soạt. Tôi cũng trút bỏ quần áo theo nàng. Tôi mở hờ cửa cho ánh sáng đổ lọt vào. Ánh sáng đổ trên da lụa càng tăng thêm kích thích, tôi muốn cắn lên đó. Tôi mở rộng cửa phòng tắm cho ánh sáng tù mù vào đầy. Tôi hạnh phúc muốn phát điên. Tôi sắp nổ tung như một bóng đèn quá cường độ. Tư thế bất tiện mà tuyệt vời. Ngực nàng rung rinh, đôi bông tai nàng lắc lư, đôi mắt nàng khép hờ mở nửa cánh thiên đường cho tôi lọt vào (và lạy trời cho tôi đừng lọt ra nữa). Trong trận mưa dục tình tôi hôn nàng khắp mình mẩy (tôi chưa hề hôn nàng như vậy). Hai đũa ôm riết, không muốn rời, không nỡ rời, không chịu rời. Tuyết! Tuyết! Tuyết!

Buổi chiều hôm sau đứng một mình ở bao lơn, tôi chợt nhận thức Tuyết đã lọt khỏi tầm tay tôi biệt mù. Nàng đang ở đâu đó bên bờ Tiền Giang có gió mát, trăng thanh, hay đang nằm dật dựa trong quán. Nàng đang chặt dưa, xay rau má xôn xao giữa đám khói tỏa mịt mù của sườn nướng. Tôi chợt lo sợ vu vơ. Tôi lo sẽ không bao giờ còn gặp lại nàng nữa.

Nhà anh tôi ở đường Hùng Vương, cạnh đường rầy xe lửa. Bên kia đường là dãy bàng cao, rất cao, lá lớn xào xạc. Buổi chiều sắp hết, trời chạng vạng. Cơn mưa chiều vội vã đến, rồi vội vã đi. Gió không có hướng nhất định, lay lắt lá bàng, nước rơi lộp độp. Tôi chợt sợ hãi, ruột quặn thắt. Bên tôi không có Tuyết, không có Ánh. Mai mốt đây không có người tình quán nước, không có người yêu nữ sinh, chắc tôi không sống nổi (tôi nghĩ vậy). Trong cơn bàng hoàng, đầu tôi chợt lờn vờn bài thơ tôi muốn viết tặng người yêu và người tình:

*Tôi đã khóc như thành đô đã khóc
Mưa chiều nay đánh đắm ngõ đi về
Dãy bàng cao u đọng chút sầu tê
Và rồ lệ như lòng tôi đã khóc*

*Tôi sẽ chết như hoàng hôn đã tắt
Mây bay đi không cuốn được u hoài
Chớm đêm về mưa gió sẽ chia tay
Cho lá nhớ mưa buồn dâng ướt mắt...*

Rồi tôi đi du học. Những năm lang thang ở xứ người, tôi đã yêu những cô gái khác, ôm ấp những bộ ngực khác, mân mê những bụi cỏ sắc màu khác, chết giấc bên cạnh những hồ ly khác. Tôi quên băng Tuyết. Có lúc tôi yêu đời, có lúc tôi muốn tự vẫn. Nhưng may mắn tôi còn sống sót về nước sống giai đoạn bị thương của xứ sở - cùng những hồ ly khác nữa của quê hương, giữa cái chết và cái sống dằng co mỗi giờ mỗi phút.

Ngày về, một nửa những người khi trước đưa tiễn tôi lên đường đã ra đón tôi. Có ba tôi, có má tôi, có Ánh, có Lộc .v.v.. Dĩ nhiên không có Tuyết. Mọi người kéo về nhà anh Ba tôi ăn mừng. Tôi mệt quá lăn ra ngủ một giấc, mơ thấy những chuyện trên trời dưới đất. Bữa chiều, tôi đang đứng bên đường rầy xe lửa, chợt ba tôi tới bên cạnh tôi hỏi:

- Ở Kiệt, mày còn nhớ con nhỏ Tiết không Kiệt?
Tôi giật mình:
- Nhớ chứ ba. Tui nhớ chứ. Bộ nó còn bán quán hả?

Ba tôi lắc đầu:
- Nó đã đi lấy chồng.

Tim tôi chợt nhói. Ba tôi nói tiếp:
- Tội nghiệp! Con nhỏ đó có lòng lắm. Nó ghé thăm tao hoài và bạn nào nó cũng hỏi thăm mày.

Hai năm trước, lúc đi lấy chồng nó có lợi nhà mình lựa mua cái tủ ba buồng chở về Tân Bình. Chồng nó có tuổi, góa vợ, buồn bán coi mời cũng khá. Năm rồi nó mang bầu nhưng rủi ro có chữa ngoài tử cung. Khi hay được đem vô nhà thương thì trễ quá cứu không kịp...

Mình mảy tôi vụt lạnh ngắt, xây xẩm. Tôi băng qua bên kia đường Hùng Vương, đi dọc hết dãy bàng cao rồi chui vào một quán nhỏ. Bên ly bia tôi ngồi khóc lặng lẽ. Tôi muốn dằn cơn khóc mà nước mắt cứ vọt ra. Tay bưng mặt, tay ôm bụng, tôi tưởng chừng như ruột gan mình đang đứt ra từng đoạn một. Tôi giận tôi, tôi giận đời sống, tôi giận đủ thứ. Sao đành để Tuyết nhận

chịu bắt công như vậy? Trong lúc nàng đi lấy chồng đảng hoàng (không phải với thằng giỏi tài ba xạ như tôi), muốn làm ăn đảng hoàng, muốn có con đảng hoàng thì nàng lại lăn đùng ra chết. Chết tức tử. Dãy bàn cao còn đó, bài thơ học trò tôi tính tặng nàng hãy còn đó, dù chẳng bao giờ nàng đọc, có đọc cũng chẳng bao giờ nàng thích:

*Đốt hoàng hôn vỡ thành theo khói thuốc
Ai dầy vò mà khói thuốc cong queo
Gió cuốn vợi vàng mây phải bay theo
Và tôi gục ngã như hoàng hôn giấy chết*

Nhưng không phải tôi, mà là “nàng đã gục ngã như hoàng hôn giấy chết”. Tôi thương Tuyết bạc phước của tôi, tôi nghĩ tới những người con gái bất hạnh. Không bao giờ tôi còn được cái thú viết vớ va vớ vẩn để tặng nàng như thuở còn là học trò nữa. Tuyết ơi là Tuyết ơi!

*Thôi nhé em về yên Xóm Cỏ
Sự đời đã trải cuộc yêu đương
Nhớ nhau vấy bút làm mưa gió
Cho nắm xương tàn được nở hương*

Hãy nằm im và lắng nghe những vũng nước xanh lơ xôn xao trong đầu Cỏ Ngự

Tôi không nhớ rõ đã liên lạc với nhà văn Kiệt Tấn từ lúc nào, nhân chuyện gì. Hình như bắt đầu bằng điện thoại. Ông gọi cho tôi trước, hay ngược lại, cũng quên tuốt luốt! Chắc vì cái mốc khởi đầu ấy, với tôi, không phải là một sự kiện cực kỳ quan trọng, bắt người ta phải ghi nhớ, để sau đó một năm, năm năm, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, một trăm năm sau, lại lôi ra làm sinh nhật, tưởng niệm, dựng bia, đặt tượng, vỗ tay hay nhỏ lệ. Tôi kinh ngạc, rồi quen dần với cách nói chuyện qua điện thoại của ông, giọng miền Nam lè nhè, lâu lâu lại bị ngắt quãng rồi được tiếp tục bằng một tiếng *toác* rất ư gợi cảm! Ông vừa gọi *phone*, vừa uống, vừa say. Và tôi ngồi ở đầu dây bên này, loay hoay tìm cách giải mã những điều ông đang nói. Nói chuyện điện thoại đầu đôi ba lần, rồi cũng được dịp gặp mặt. Nhìn dáng ông xách cái túi nhựa của siêu thị Tang Frères đứng xó rớ chờ vợ đi chợ trong khu tam giác vàng Chinatown của quận 13 Paris hay hì hụi kéo một xe đẩy sách lên cho Thư viện Diên Hồng, tôi không nghĩ đó là một Kiệt điên vì mê, cuồng vì yêu từ thời "Bến đò trao thơ", "Đêm cỏ tuyết", qua "Người em xóm học", "Yêu em xứ tuyết" cho đến "Sáng dậy nghe em khóc", một chàng *playboy* bánh toong chạy quanh nhiều cuộc tình với những Hoa, Tuyết, Ánh, Diane, Louise, Danyèle, Hường... Tôi hình dung ra một Út Kiệt với bộ bà ba trắng lụa lèo thong dong giữa ruộng vườn bát ngát miền nam. Vĩnh Long, Bạc Liêu, Mỹ Tho, có phải là những nơi ấy không? Vậy mà ông đứng đó, cũng như tôi, với chiếc *parka* dày sụ, cổ quần mấy vòng khăn quàng, rồi nón, rồi găng, giữa gió lạnh đất Pháp. Mấy chục năm sống nơi xứ người, từ thời du học cho đến ngày "xin nhận nơi này làm quê hương bất đắc dĩ", với vóc đậm, mặt vuông, Kiệt Tấn vẫn giữ nguyên cho mình dáng vẻ chân chất của người đồng bằng sông Tiền sông Hậu, dường như lúc nào cũng sẵn sàng ngả ra mời: *dzô* một ly, rồi *xuống* sáu câu vọng cổ thiệt mùi. Vậy mà...

Thuở nhỏ, tôi có dịp sống khoảng bốn năm ở Thủ Đức. Cho đến bây giờ, tôi biết, đó vẫn là những tháng năm tôi được gần gũi nhất với thiên nhiên, dù cái khoảng thiên nhiên thời thơ bé đó chỉ gồm một vuông sân trước với ba tầng trứng cá, một hàng rào dâm bụt đơn đỏ hồng, một dãy dâm bụt kép đủ màu, vài cây sứ cùi, và một mảnh vườn sau đủ rộng để có chuồng gà

chuồng vịt, ao thả rau muống và cá rô, một cây ổi, một cây mít, một cây chanh, một cây phượng, bụi xả, bụi chuối, mấy thân đu đủ khổng khiêu đeo nặng trái. Nhưng cho một đứa trẻ ở những năm đầu tiểu học, đó đã là khoảng sân chơi khổng lồ, với cả một *microcosmos* - vũ trụ vi mô - phát phới nhiều cánh bướm muôn màu, chuồn chuồn hổ, chuồn ớt, chuồn kim, chuồn voi, lúc nhúc nào để than, để lửa, để côm, để trũi, cào cào, châu chấu, sè sành, bọ ngựa, bọ cam, bọ sít, ốc sên, ốc ma, sâu róm, kiến đen, kiến lửa, nòng nọc, thằn lằn, kỳ nhông, đôi khi lạc loài cả một trạ cóc xù xì hay vệt nhái bén xanh mướt vút xuống ao. Cùng với những đứa bạn đồng lứa, chúng tôi chơi trong thiên nhiên, chơi cùng thiên nhiên. Thấm nước miếng vào trái đậu nỏ, quơ gót chân trên đám lá mắc cỡ, xách thùng đổ nước đầy hang để côm, hay để một chàng kiến tướng đen trũi banh ngàm đọ sức với gã kiến lửa có cái đầu to bằng hạt mè, bóng láng, đồ lụng, nhìn phát nể! Thiên nhiên thơm mẽ cá rô chiên dòn rụm, hăng mùi lá chanh non mới hái hay nòng nân khắp vườn ngày mít căng, da nứt. Thiên nhiên chiêm chiếp mở tròn con mắt nhìn đời sau cú khẻ mở quyết định của từng lứa gà, lứa vịt hay nhón nhén ngon lành cùng chiếc răng thỏ cắn ngập vào thân xanh càng cua tròn mướt... Đùng một cái, gia đình dọn về Sài Gòn, còn tôi ngỡ ngác như *đàn bò vào thành phố*^[1]. Khu Đakao. Cầu Bông, cầu Sắt với con kinh đen kịt bùn. Ngôi chợ ồn ào quà bánh. Căn nhà thiếu ánh sáng, không cửa sổ, chỉ có những khoảng trống phía trước phía sau, vừa đủ để hứng khí trời, để thấy một khoảng xanh trên cao và mái ngói đỏ xỉn màu rêu của nhà hàng xóm. Phía trước cũng có sân. Tráng đặc xi-măng. Phía trước cũng có cây. Thân bông giấy leo, gai tua tủa, cứng ngắc. Tôi mất thiên nhiên. Vùng vàng đi tìm. Con gà nhép, con vịt lùa nuôi trong lồng chúc mỏ vào ăn trong lòng bàn tay tôi, rồi cũng chết vì thiếu hơi mẹ. Con nhen mua ở Chợ Cũ, loài sóc nhỏ có vằn đen trắng dọc sống lưng, nâng lát chuối cắt bằng hai tay nhỏ xíu, rồi cũng chết trong lồng vì nhớ rừng. Thành phố, căn nhà cùng với nhựa đường, xi măng, gạch ngói chung quanh đã biến thành chiếc chuồng khổng lồ, nhốt tôi trong đó, rồi vô tình, tôi lại bắt chước người lớn, nhốt những con vật đáng thương vào chiếc lồng nhỏ hơn. Và chúng chết. Nhưng chỉ thêm vài năm sau nữa thôi, là đến 1975. Tháng tư. Cùng với những tan loạn, đau thương của người lớn, thêm một lần nữa, tôi mất: tuổi thơ.

Không thể nào tìm lại được tuổi thơ trong thời khốn khó, tôi cố vớt vát thiên nhiên bằng cách thỉnh thoảng chui vào sở thú, lang thang trong vườn Tao Đàn hay ngồi hàng giờ bên thành hồ ngôi chùa Tàu thờ Ngọc Hoàng ở gần nhà, nhìn vài đầu rùa nháp nhô chìm nổi trên mặt nước sóng sánh những đốm nắng hiem hơi lọt được qua mấy tầng cây vú sữa rậm lá. Tôi đi tìm lại cái *microcosmos* của mình qua bước chân phiêu lưu của chàng đế mèn trong truyện Tô Hoài. Tôi mơ về một thiên nhiên hoang dã còn vắng bóng người với "Hương rừng Cà Mau" của Sơn Nam. Rồi khi qua đến Pháp, tôi gặp Kiệt Tấn. Và tôi thấy mình gần với ông hơn so với Tô Hoài hay Sơn Nam. Ngồi trong *métro*, tôi chảy nước mắt khi đọc:

... Bên bờ giếng, tôi dành một khoảng đất nhỏ để chôn cất mấy con vật đã cùng tôi bầu bạn một thời: chim sáo, cá lia thia, đế than, trâu đất, cu cườm... Tôi không chơi đá cá đá đế. Cá và đế của mấy thằng lỏi trong xóm cho đá với nhau tới lúc trầy vi tróc vảy, sứt càn gãy gọn ngất ngư hết mới chịu quăng ra. Tôi lượm về rón lấy nước muối và đất sét chập chộ cho tỉnh hồn. Mấy thương binh gương sống ngắc ngoài thêm được ít bữa mới chịu nhắm mắt lia đời. Tôi khóc lóc và đem đi chôn ở nghĩa địa riêng của mình bên kia bờ giếng.^[2]

Thằng bé-tôi lúc sáu tuổi không có được cái tâm bồ tát như thằng bé Kiệt lúc sáu tuổi, và những con nhen, con gà nhép, con vịt lùa chết trong lồng bị vứt vào thùng rác, đổ đi. Mảnh sân thành phố đặc cứng xi măng, làm gì có đất để đào mà chôn với cát, mặc dù con vịt lùa tôi nuôi có khác gì lắm so với em vịt vàng của Út Kiệt:

... Lép lép! Lép lép! Con vịt con thò chiếc mỏ vàng nhỏ xinh xắn rĩa mấy hạt côm tôi vừa móm ra cho nó ở miệng. Nó ngược lên nuốt mấy hạt côm, chiếc cổ nhỏ xíu ngừng lên trời ngửa ra

sau, xong nó giương đôi mắt khù khờ nó kêu lép kếp chờ đợi. Tôi đưa vịt con cạ cạ lông nhưng mịn của nó lên má mình, lòng rạt rào sung sướng, thương quá là thương! Tôi sáu tuổi, con vịt con vừa nở được năm ngày. Nó đưa chiếc mỏ rĩa trong vành tai tôi nhột nhột khiến tôi rụt đầu ngoẻo cổ qua một bên. Vậy mà đã ghê. Vịt con thủ thỉ chuyện trò với tôi, lép kếp! lép kếp!... Chỉ có một mình tôi hiểu được em tôi muốn nói gì.

Tôi mở tay ra. Con vịt nhỏ nằm gọn lỏn trong hai bàn tay tôi, ngoan ngoãn, lép kếp! lép kếp! Toàn thân con vịt màu vàng, lông tơ mịn màng non nớt thơm tho, mỏ và chân hơi ửng màu cam, trên mỏ có chấm hai lỗ thờ nhỏ xíu, mắt tròn vo đen lay láy, ngây thơ ngờ nghệch. Lép kếp! Lép kếp! Tôi lại mớm cho nó mấy hạt cơm. Tôi dặn nó kêu nho nhỏ, sợ má nó nghe được chạy tới đòi lại...

Cái tình của tôi đối với những con vật nuôi chỉ dừng lại ở những giọt nước mắt tuổi thơ, ở cái bàn thần suốt tuần, ở việc bỏ cơm một buổi, nhưng với Kiệt thì khác, cái đau xé lòng hơn nhiều:

... Chiếc xe cam nhông thứ hai lần tới áng khuất, cụm lông vàng mịn không còn ngó thấy đầu nữa, tôi chỉ kịp nghe một tiếng "chép" thâm thương bên tai, thôi rồi! Chết em tôi rồi, tôi ngã quy xuống lề đường, đầu gối đập lên đá cục mà không cảm thấy đau đớn gì hết!... Đoàn xe tiếp tục lần qua chậm chạp, từ từ, nhưng tiếng động cơ phát ra xầm xì không hề át được tiếng "chép! chép!" thâm thương nhỏ nhít của em tôi còn đang chấn động từng chập trong cùng tận ruột gan mình. Tôi gầy quặp người tới trước, hai tay cầu lấy bụi cỏ lông gà, ghệt kéo để cổ dần tiếng nấc đang cướp mất hơi thở mình... Bụi cỏ tróc gốc, tôi lại té ngửa ra sau, một chân lợt xuống mương nước, tôi nấc tiếp liền mấy tiếng bút ngang hô hấp, miệng không thể nào khép lại được nữa, tôi nhăn hàm răng xiết ăn ngó trời, lệ tuôn đầm đìa lai láng, trời mây trên cao tan loãng thành vũng nước mắt không còn hình thù gì nữa, tất cả mờ run mịt mùng, lung linh nhòe nhoẹt. Hết rồi! Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi! Em đã chết, bỏ tôi thiệt rồi!...

Em vịt vàng chết vào những ngày giáp Tết, nên chú bé Kiệt, dù giờ đây đã thành ông nội, ông ngoại, vẫn rưng rưng nhớ về mỗi khi xuân đến:

... Nơi tôi ở bây giờ, ngoại ô Paris, không có mai vàng. Chỉ có anh đào trở một màu hường phơn phớt lợt mọc trên dốc đồi thoải bên những cội lê liễu xòa tóc dịu dàng.

Và năm nay đào lại nở!

Phải, năm nào mà đào lại chẳng nở. Đào lại nở, tôi lại nhớ em tôi, em vịt vàng nhỏ xinh xắn tội nghiệp. Mỗi năm, khi vừa chớm đông, từng bầy vịt hoang và ngỗng trời từ Bắc Âu vỗ cánh bay ngang Paris, rồi di chuyển về miền Nam để trốn lạnh, sang đến tận Châu Phi.

Khi ngó lên trùng trùng chấm đen lướt qua cao vút trên đầu, lần nào tôi cũng tự hỏi không biết có em vịt vàng nhỏ của tôi trong bầy chim hoang đó hay không, và lần nào tôi cũng thầm lo ngại không biết em tôi có được đủ ấm như một thuở xa xưa nào khi Tết gần đến, tôi đã từng ôm em úm trong lòng để mớm cơm cho em ăn và chuyện trò cùng em thủ thỉ. Nhưng tôi lại tự nhủ chắc là em không có mặt trong bầy vịt đang bay trên cao tít, bởi lẽ quê hương của em, quê hương của tôi, quê hương của anh em mình không phải ở đây. Tôi hình dung giờ này chắc em đang tung tăng bơi lội trong một vùng nước mặn ấm áp quanh năm trước mương lộ của nhà tụi mình ở Xóm Mới, miệt Hậu Giang phù sa mận mòi, đồng ruộng phì nhiêu quán quít sông ngòi đặc ngừ tôm cá...

Rồi cũng có dịp đến thăm nơi tôi ở bây giờ, ngoại ô Paris, không có mai vàng, chỉ có anh đào trở một màu hường phơn phớt lợt. Căn appartement chệnh vênh nơi từng mười lăm một cao ốc.

Có cả em vịt vàng ở đó nữa. Nhưng chỉ là một mẫu vịt nhồi bông đứng cứng đờ tội nghiệp bên một hàng gáy sách. Nhà của một người viết văn có nhiều sách. Dĩ nhiên, sách xếp dài trên kệ, ngăn nắp. Nhưng bên cạnh, còn rất nhiều cây, lá xanh tươi, mướt bóng. Một chút không gian nhiệt đới? Một chút không gian đồng bằng sông Cửu Long? Ai mà chẳng thèm, cái một-chút-mà-thật-khó-tìm ở nơi chốn này, phải không? Trong khi người lớn bắt đầu ăn uống, bắt đầu nói chuyện văn chương, chuyện nắng mưa, chuyện trên trời dưới đất, thằng con hai tuổi rưỡi của tôi, đưa con nít duy nhất trong buổi gặp mặt, lẩn thẩn chơi một mình. Như con chó nhỏ đi đánh hơi từng góc kẹt căn phòng lạ, thằng bé lang thang chỗ này chỗ kia, cầm lên đặt xuống những con thú bắt gặp đây đó trên con đường khám phá. Lâu lâu, thằng bé chạy lại há mồm xin miếng cơm, rồi trở về góc của nó. Có lúc, khi xin cơm, nó cầm theo một con vật, giơ cao hỏi chúng tôi: "Con gì đây bố? Con gì đây mẹ?". Tôi phải đe trước: "Con đừng làm hư mấy con thú nhe, coi chừng ông rầy!", rồi mới trả lời nó, này là con trâu, kia là đàn heo, nọ là gà trống, gà mái, gà con. Ở cái tuổi nhỏ xíu của nó, thằng bé cũng đã thấy voi và hươu cao cổ trong sở thú, thấy vịt gà ngan ngỗng, bò dê lừa ngựa, heo cừu thỏ... chuột ở trang trại gần nhà, nhưng tại những nơi đó, nó chỉ được đứng xa xa để ngó qua chấn song chuồng, chứ làm gì được đưa tay sờ mó như ở nhà ông Kiệt! Tôi nhìn quanh, và chợt hiểu, người đàn ông ngồi trước mặt cũng đang rất thiếu thiên nhiên, đang rất thèm thiên nhiên. Ông đang bị nhốt trong một chiếc lồng chật hẹp, và có phải luôn vùng vằng muốn tìm cách thoát ra, bằng thật nhiều những chậu cây xanh lá, bằng thật nhiều những con thú ẩn hiện góc này góc nọ quanh nhà? Con trâu bằng đất nung phủ verni bóng loáng kia, có phải đã gọi lại một hình ảnh cũ:

... Nhà ông Dương có được cặp trâu cổ khoẻ mạnh, mình mẩy phình lớn đen xám, lông thưa đều cứng mướt, cặp sừng cong dài quót ra hai bên cách nhau ngót một thước bề rộng, dọc trên thân sừng có nhiều ngắn dợn hững. Dáng trâu bậm trợn hùng dũng như vậy mà cặp mắt trâu, trái lại, hiền lành ưu ái vô cùng, lông mi trên mi mắt mọc đan khít nhau càng tỏ điểm cho ánh nhìn của mắt trâu thêm dịu dàng. Theo truyền thuyết, trâu là hiện thân của một vị Bồ tát hạ thế để tế độ cho nhân gian có lúa gạo mà ăn. Cây cây vốn việc nông gia, ta đây trâu đó ai mà quản công. Bao giờ ngọn lúa còn bông, thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Đại để tánh trâu rất hiền lành chậm chạp, tuy nhiên thỉnh thoảng cũng có lúc trâu nổi máu hung hăng và cụng húc nhau ầm ĩ. Những lúc đó, không một ai can nỏi, lạng quạng có thể bị sừng trâu vít lòi ruột như chơi. Vì vậy, chú Tám dặn hai đứa cháu mình một mẹo nhỏ là lúc nào đi chăn trâu cũng nên thủ sẵn trong người một khúc sừng trâu gãy. Khi nào trâu cụng nhau hăng quá thì liệng khúc sừng đó vào giữa hai đối thủ. Trâu nọ ngó trâu kia, thấy cặp sừng còn nguyên vẹn, tưởng đâu sừng gãy nằm dưới đất là của mình, bèn bỏ chạy. Cuộc đấu sức đọ sừng chấm dứt.

Xóm gà vịt lít nhít nọ, có phải đã gây hứng để ông nhớ về những hình ảnh sống động độc nhất vô nhị của một gã vịt cuồng dâm:

Cùng lứa với con Mẫu Hậu là con vịt xiêm đực, hỗn danh Đại Bàng, tên này cũng do ba tôi đặt. Con Đại Bàng mắc chứng cuồng dâm nên vịt xiêm, vịt ta, vịt lớn hay vịt nhỏ gì đều cũng bị nó đập mái ráo trời. Cả gà ngỗng cũng bị nó hiếp dâm luôn. Gà mái bị đã đành, gà trống cũng bị như thường. Gặp nhằm gà nòi đá đố, anh chàng bị phang cho mấy cựa đỏ máu dạt ra, mà rồi cũng không tổn. Ngay cả con heo thiên mã tôi nuôi trong chuồng cũng bị Đại Bàng đập đại lên lưng mổ cắn tri kéo lỗ tai heo và vện vẹo cái đuôi vịt, không biết ý gì. Bạn khác, bà chủ nhà của tôi ra ngồi ở bãi cỏ khuất mà giải thủy, tưởng đã yên chí, ai dè Đại Bàng nằm vùng ở đó tụt lúc nào bèn đưa mỏ cứng ướm thử cái bàn ngồi của bà chủ một phát. Bà la chói lói và chạy vô mắng vốn má tôi: bà bị con vịt phải gió của nhà tôi nó rĩa. Ba tôi che miệng cười khúc khích nói nhỏ với anh Hai tôi: "Gặp tao, tao cũng rĩa nữa... huống hồ là con vịt! "

Mãi về sau này, dung rui lẩn nọ, khi đã tàn cuộc truy hoan trên mương lộ trước nhà, Đại Bàng

còn hùng chí vỗ cánh phùng xòe bản Hành Dâm Khúc mà quên thu hồi báu kiếm. Xảy đâu có chàng cá lóc lội ngang nhác thấy, tưởng là mối bờ, trồi lên đớp mất. Thế là... tàn đời bạo chúa! Nhưng Bạo chúa không chịu bằng hà, cho nên mới chết dân lành. Vì khi bị dâm hành mà đập mái không được, Đại Bàng nổi điên vỗ cánh bay lên ngọn cây rượt theo mấy con quạ và chim tu hú mà cắn mà mổ. Rồi một chiều mưa gió nọ, Đại Bàng đã lướt gió tung mây vĩnh viễn ra đi, vịt cồ nhất khứ bắt phục phân (hay là bạo chúa đã xuống tóc đi tu?) Kể từ đó, thanh bình mới thực sự được vẫn hồi cho gà vịt heo ngỗng (và bà chủ nhà) trong Xóm Mới hiền hòa của tôi.

Un clin d'oeil, bất ngờ có thể gây bật cười với những tình huống ngộ nghĩnh, được kể lại bằng một giọng văn không kém phần dí dỏm. Loài vật như biết khóc, biết cười, biết thương, biết hận trong văn Kiệt Tấn. Đôi khi, chúng còn được ngòi bút Kiệt Tấn đẩy lên cùng với nhiều hành trạng lạ lùng, quái gở:

... Cái hiện tượng kỳ bí dị thường này cứ thỉnh thoảng lại thấy xảy ra ở đồng quê vào những đêm trăng rằm, ngoài ruộng vắng. Như thể cả lươn lẫn rắn đều say rượu trắng và bầy lươn vừa chệnh choáng vừa bị thôi miên lơ đãng tự động bò lên bờ lênh nghênh để tình nguyện nộp mình cho rắn nuốt. Cũng không rõ bằng cách nào mà cả hai lũ đều biết được nơi hẹn hò để lướt tới. Đây cả một mương dài lúc nhúc toàn những rắn và lươn quấn lấy nhau vặn vẹo uốn éo, thân nhót và vẩy mun lấp lánh rờn rợn dưới trăng sáng. Cả hai loài bò sát đều ngát ngưỡng truy hoan trong cuộc dạ yến kỳ quặc, trong cuộc tế lễ ma quái mà cả hai phe chịu tế lẫn phe nhận tế đều phải trả bằng mạng sống của mình. Rắn luôn luôn nuốt lươn khởi sự bằng đầu. Rắn nhỏ hơn lươn, chỉ nuốt được phân nửa rồi cả hai đều nghẹt thở mà chết. Rạng ngày, cả mương đầy nhóc những rắn và lươn dính chùm lẫn với nhau, tàn cuộc hoan mê, không còn một mống nào sống sót.

Đôi khi thay vì lươn là rắn, cuộc dạ yến chỉ có độc toàn là những rắn và rắn tham dự. Cả tập thể rắn bê ngoài mới ngó vô tường chừng như hỗn độn đó mà thiệt ra bên trong lúc nào cũng chỉ gồm rất hai loại rắn khác nhau mà thôi. Và lúc nào lũ rắn nhỏ cũng nuốt trọn lũ rắn lớn hơn mình. Để rồi cả hai bầy đều chết tiệt không còn một mống. Như một cuộc hò hẹn cùng định mạng khắc nghiệt, trói buộc bất khả phân ly bởi tử thần tự kiếp nào, không có cách gì ngăn cản nổi. Một cuộc tự sát tập thể, điên rồ, thúc bách, bất cưỡng.

Đoạn văn khiến tôi nhớ ngay đến một khúc phim tài liệu của hãng Walt Disney được xem ở Hội Việt-Mỹ, hồi nhỏ. Một loài gặm nhấm đào hang dưới đất, những con *lemmings*, mỗi năm cứ đến mùa xuân, lại lũ lượt rùng rùng kéo nhau về những triền đá ven biển rồi chen chân nhảy xuống nước để... chết chìm! Chỉ những con chuột lạc bầy hay quá nhỏ, chưa đủ sức trầy hội là còn sống sót, để tiếp tục gây dựng nòi giống, chuẩn bị cho một cuộc tự sát tập thể vào mùa xuân năm sau. Không người lớn nào trả lời nổi những câu hỏi "tại sao?" của tôi lúc đó. Khi lớn hơn một chút, tôi nghĩ, có lẽ chiến tranh cũng là một cách tự sát tập thể của loài người, để bớt nạn nhân mãi. Nhưng khác với con thú, con người xâu xé lẫn nhau, khoan khoái nhìn đồng loại đau đớn dây chết, trước khi đến lượt chính mình ngã gục. Khác với con thú, con người vẫn mình ngày càng rời xa nguồn cội đơn sơ của thiên nhiên, để mắc kẹt giữa chính cái màng nhện rối rắm do mình đan dệt nên, và hối hận, than trách:

... Dưới nội cỏ bệnh viện hoa vàng rực chói mắt. Không phải hoa mai. Từng cụm nhiều nhánh từ dưới đất chia lên sai oằn bông vàng chi chít. Không thấy lá, hực hỡ chóa lòa. Từng bầy chim sà xuống, loại chim đuôi ngắn ngắn không phải chim sẻ, không phải chim sáo, cúi đầu mổ lia lịa, chạy lúp xúp trong cỏ, không thấy chùn, tưởng như loài chim đồ chơi cơ động, lẩn trên hai bánh lăn khuất, chạy tới chạy lui ngộ nghĩnh. Tôi thèm chạy trên cỏ. Lần nào ngó chim chạy trên bãi cỏ nắng tôi cũng thấy mình ngu. Trời ơi! Sao hạnh phúc dễ ợt như vậy mà tôi không với tới! Bao nhiêu lần tôi đến ngòi trong vườn Luxembourg suốt mùa xuân suốt mùa hè để chỉ nghĩ

đến chuyện thất nghiệp. Kìa xem con chim bồ câu đang tắm rửa rửa lông và kêu rừ rừ bên ống nước lũng có tia nước xịt ra nhỏ rức, nó đâu có phải làm đơn xin việc kèm theo phiếu lý lịch có dán hình thất cà vạt hẳn hoi như tôi. Nọ xem con chim sẽ con đang chạy theo chim mẹ cánh xòe ra, mép vàng chưa mất dấu, há miệng chờ mồi, và mẹ nó hết sức kiên nhẫn tận tụy. Tình thương của trời đất. Đời sống sờ sờ như vậy mà tôi tự ý ngoảnh mặt làm ngơ, giam mình trong ngục tù do mình dựng ra và do mình cai quản...

Và cũng chính từ những con thiêu thân nhỏ nhít, những cánh bướm đêm dật dờ, những dáng chim mỏng manh ấy, mà đôi khi con người ngộ ra được nhiều điều thú vị:

... Con chim sẽ sẽ lại bay lên, lại sà xuống, lại cắn lại mổ lên mẩu bánh mì. Lần nào nhìn con chim sẽ sẽ nhảy nhót, tôi cũng không khỏi bồi hồi. Con chim đẹp để hết sức. Đẹp để không phải vì nó có bộ lông rức rở. Bộ lông nó hết sức giản dị, nâu xám trộn lẫn, vậy thôi. Nhưng nó đẹp tại vì tôi ngó thấy nó đẹp. Biết nhìn, thì con chim nào lại không phải là một con chim đẹp, bông hoa nào lại không phải là một bông hoa đẹp, ngọn cỏ nào lại không phải là một ngọn cỏ đẹp? Mỗi vật trong trời đất là một đẹp để, một chiêm ngưỡng, một kỳ công, một nhiệm mầu.

Con chim sẽ sẽ lại mổ, lại ngó chừng, lại kêu chim chirp, lại mổ, lại ngó chừng, lại sợ, lại dáo dác. Nhìn con chim nhỏ thường thức mẩu bánh mì và ham sống, tôi xúc động sa nước mắt. Trời ơi! Cuộc sống đối với nó giản dị, đẹp để và đáng sống biết chừng nào!

Bị bứt rời khỏi xứ sở, xa cách cả với thiên nhiên, sống lơ lửng ở tầng lầu mười lăm, một nơi tay chưa với tới trời mà chân đã không còn chạm đất, văn Kiệt Tấn chất đầy kỷ niệm, đầy hình bóng cũ, đầy mùi hương, đầy tiếng động. Từ mùi chanh ở một kỷ niệm gần, một không gian gần, vùng biển ấm miền Nam nước Pháp:

... Gió đưa hương chanh chín mùi luồn qua màn lưới đan khít gắn ở cửa sổ. Bên kia cửa sổ, vườn chanh đang khua lá giạt rửa dưới dòng trăng, rì rào suối nguyệt. Lẫn trong hương chanh, còn có mùi biển mặn mà từ lòng vịnh dưới tháp ủa lên. Cửa sổ bằng cây tôi quên cài móc đập vào khung cửa - là lúc dây đàn tôi đứt phựt? Con mơ "Vọng Nguyệt" một lần nữa lại trở về...

Thoáng chốc, mạch hồi tưởng của người viết đã dẫn người đọc vút ngược về quá khứ xa hơn, trên cùng một nơi chốn, Le Vieux Nice, để tự tình trong đêm bên người yêu cũ, rồi vào một mạch, vượt cùng lúc cả không gian, thời gian, trở lại thuở thiếu thời với một mối tình vụng dại nơi bên đò. Miền Nam nước Pháp hay miền Nam nước Việt? Nắng râm, gió lộng, biển mở ra bát ngát, mùi trái chín, mùi thịt da... Ở đâu, cũng thấy tràn trề nỗi nhớ!

Bạc Liêu là xứ quê mùa,

Dưới sông cá chớt, trên bờ Tiều châu.

Cơn gió chiều ào ạt xoáy quanh hàng chân cầu bê tông cốt sắt, lượn uốn vi vu dưới gầm cầu rồi thốc vọng lên cơn gió mát mẻ lồng lộng. Chiều nào, hàng hàng nam thanh nữ tú cũng đưa nhau từng cặp ra Cầu quay hứng gió. Những cơn gió râm nắng đượm tẩm hương vị thịt da của Hậu giang lúa chín, đậm đà sức khỏe mặn mòi của muối biển Cà Mau. Nơi cuối điểm này của châu thổ sông Cửu Long, xứ sở trương rộng mũi phũ sa hít thở không gian bát ngát của Thái bình dương mà ước mơ những chuyến viễn du có bầy cá nước muối mun phóng mình lội đua với ghe lườn trong buổi chiều nắng quái.

Cầu quay bắc nhịp nối liền làng Vĩnh Châu vào tỉnh lỵ Bạc Liêu, một trong những kho lúa tràn trề của miền Hậu Giang với đồng ruộng cò bay thẳng cánh. Làng Vĩnh Châu dàn trải bãi bùn đen và cát mặn ra tận ranh giới của thủy triều đại dương, tạo thành biển nhãn. Gọi biển nhãn bởi lẽ hai tiếng rùng rợn nhãn không đủ sức mô tả những hàng nhãn điệp trùng chiếm cứ nhiều diện tích mênh mông mút mắt dọc theo ven biển. Những góc nhãn cổ thụ xen lẫn chòi non,

muôn vạn vòm nhãn tỏa tròn trương xòe đột nhãn mềm mại mượt tươi nhấp nhô trùng trùng đột sóng xanh lục ủa nhau xô tràn ra biển cả như muốn lặn ngược dòng thủy triều để vượt khơi, nếu không có những chùm rễ tua tủa của rừng mắm ven biển cắm sào giữ lại. Những chùm nhãn nơi đây tích tụ tinh anh ngọt thơm luyện cát từ cát bùn và gió biển, một sự huyền nhiệm mà chỉ tay tạo hóa mới trở tài làm nổi. Tới mùa nhãn chín, mùi nhãn thơm lừng lay dậy sức nức khứu quan trong đêm tối, khiến cho trọn cả một vùng lân cận bao la thao thức mất ngủ. Và mỗi năm, dòng họ nhãn lại tung ra một đòan tuyệt kỹ: Nhãn Chú Út. Những trái nhãn cuối cùng, kết thúc cuộc đời của cội nhãn sau hai mươi năm dâng hiến trái ngọt cho đời. Nhãn Chú Út lớn bằng trái chanh, hột nhỏ bằng hột đậu đỏ. Lớp vỏ vàng nhám bên ngoài lột đi, lớp da non mỏng trắng bên dưới bày lộ, bao bọc lấy côm nhãn no đầy thanh khiết, cắn vào, vị ngọt lẫn hương thơm vương vấn cả một đời khó quên.

Ông yêu thiên nhiên. Và rất yêu mẹ của mình. Nên khi ông lòng hai tình yêu ấy vào cùng một khung cảnh, người đọc bắt gặp được một hình ảnh quen thuộc lắm, nhưng cũng tha thiết lắm:

... Buổi trưa, khi ngồi vá áo bên cửa sổ, bà nói tôi cười móm trong vương nắng, tự nhiên tôi có cảm giác đang nằm dưới một gốc tre già bên bờ ao, lá tre trên cao thoảng gió rì rào, giọt nắng trộn lẫn bóng lá tre nhảy nhót trên khuôn mặt tôi mát rượi, tôi thiu thiu ngủ, giấc mơ thơ thới... Ôi! Chi xiết êm đềm "nụ cười tre trúc"! Cho dù má tôi không cười thành tiếng, tôi vẫn nghe có tiếng rì rào thanh thoát của tre trúc rộng lượng chở che. Tôi là con trâu nghé nằm trong bóng lá im buổi trưa hè nắng gắt...

Thiên nhiên luôn song hành bên cuộc đời người viết, từ ruộng vườn làng mạc quê hương, qua xứ tuyết khắc nghiệt Gia Nã Đại hay ào ào tiếng sóng bên Bãi Thiên Thần đêm Địa Trung Hải. Đôi khi, trong phút xuất thần, hai đối tượng "Tôi" và "Thiên nhiên" đột ngột hội tụ, trùng chéo, tan nhập thành một:

... Cô đơn mãnh liệt tới mức tạo cho tôi một cảm giác đau đớn vật chất, như một mũi tên nhức nhối bắn phủng qua đầu. Cô đơn muốn ngắt xiêu. Chung quanh chỉ có tuyết rơi và tuyết rơi. Thành linh tôi chợt thấy mình tan trong tuyết: Tôi và vũ trụ chỉ là một. Cảm giác gây sự ngây ngắt mãnh liệt bàng hoàng. Cô đơn chợt tan biến...

Nhiều năm sau khi đọc văn Kiệt Tấn, tôi đã có dịp qua Tiền Giang đục lờ phù sa, xuôi xe ngang nhiều xóm thôn trù phú, toong teng mắc võng giữa bóng lá lao xao, nghe tiếng eo óc của gà trưa gáy xen vào giữa bài vọng cổ. Tìm được ở đâu cái cảm xúc vừa yên bình, vừa cô quạnh ấy, ngoài miền Nam nước Việt? Vậy mà, tôi không được may mắn nghe hò, lẫn về quê ấy. Hay những câu hò điệu lý cũng đã rơi rụng hết cả trong dĩ vãng, vì không đủ sức đương cự nổi với truyền thanh, truyền hình, đầu máy *karaoke* của thời đại tân kỳ? Hình ảnh cũ, âm thanh xưa, chẳng lẽ chỉ còn thoi thóp trên những trang sách, những thước phim chờ đầy hoài niệm?

... Trời đã sáng hẳn. Vùng kim ô chói rọi trên mặt nước lóa chóia, chim nhạn dập dìu trên nhánh nước mênh mông, gọi bầy lao nhao, cắn mổ kiếm mồi, tranh la xao xác. Những cánh trắng xòe ra chờ nắng tươi tốt đảo vòng trong không khí ẩm mát, chốc chốc vụt chúi xuống, xốt một con cá vẩy bạc óng ánh rồi vút bay lên hớn hờ rộn ràng. Ghe lớn ghe nhỏ từng đoàn túa ra dòng thủy lượng lượn cọn phù sa, chờ khẳm trong khoang hàng hóa, đồ ăn, vải vóc, trái cây, tuôn về chợ Phong Điền, chợ Cần Thơ, chợ Cái Răng cho mọi người từ thôn dã đến thị thành đua nhau mà sắm Tết. Chú Ba cảm thấy sướng lây, lơ tay khoan xói mái dầm để thưởng thức cái tiết xuân đang tỏa ra trên sông rộng, để ngắm nghía cái khí xuân đang bương bả trong những cánh tay vạm chèo thúc bách. Một chiếc tam bản vượt lên dưới sức khuấy động của cô gái trẻ sung mãn, nón lá mới tinh khô ngả bóng tròn trên nách áo vãi mồ hôi khiêu khích. Chiếc tam bản qua mặt chiếc ghe cà dom chờ dưa hấu nặng khẳm, người đàn ông chống sào dài trên mũi ghe hoát

cười rộng miệng, đưa tay ngoắc ngoắc cô gái rồi buông tiếng hò hoa nguyệt:

Hò ơ ơ ớ...

(Chớ) Ngó lên Châu Đốc Vàu Nao

Thấy buồm em chạy như dao cắt (ờ ớ) lòng

Hò ơ ơ ớ...

Bữa nay loan phụng hiệp bầy

Hò chơi nhơn đạo (ờ ờ)

(Chớ) Hò chơi nhơn đạo sau vầy nhơn (ờ ớ) duyên (ơ ơ)...

Nhưng, tại sao tôi cứ phải đặt quá nhiều câu hỏi? Tại sao tôi cứ phải thắc mắc với những điều, những việc đã, đang và sẽ xảy ra, lớp này chồng lên lớp kia, xô đẩy, nhấn chìm, bồi xóa? Vũ trụ có sự tuần hoàn của những chu kỳ, nảy sinh-trưởng thành-tàn lụi, xuân-hạ-thu-đông, đêm-ngày, mới-cũ, thịnh-suy... Đã cứ là như thế, từ muôn đời, nghìn kiếp. *Những con cào cào non vẫn tiếp tục bay nhay tíu tít. Những con chim ngắn đuôi vẫn tiếp tục bay lên đáp xuống tìm mồi. Đời sống vẫn tiếp diễn và đang tiếp diễn, không hề ngừng nghỉ một giây phút nào. Đời sống vẫn luôn luôn sẵn đó, vốn nó sờ sờ như vậy, từ bao giờ, tự bao giờ...*

Thắc mắc làm gì, tại sao làm gì. Một lúc nào đó, hãy gạt bỏ hết mọi tất bật eo sèo của cuộc sống, nhắm mắt, tĩnh tâm, yên, để nghe: thiên nhiên quanh ta đang phập phồng sống-chết, trong cái lẽ tự nhiên, thường tình nhất của đất trời:

Khởi viết sau giao thừa - Bagnolet - Choisy-le-Roi - 01-03.2006

Nụ cười tre trúc

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Chén rượu tha hương, trời! đắng lắm
Trăm hờn nghìn giận suốt mùa đông
Chiều qua ngòi ngấm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao nhớ lạ lòng

Mỗi năm tôi đều chép một hai đoạn Xuân Tha Hương của Nguyễn Bính để gửi về cho chị Trúc ở Vĩnh Long. Không biết Nguyễn Bính có may mắn hơn tôi hay không, riêng tôi, tôi không bao giờ được chị Trúc trả lời. Chị Trúc của tôi không có máu văn nghệ văn gừng gì hết. Chị có trái tim nhân hậu, nhưng tôi không biết chị tìm gì trong cuộc đời này. Tình yêu? Tuyệt đối? Vui chơi? Trật lất hết. Chị Trúc rất hiền lành và chơn chất, đâu có lăm lăm đi tìm một cái gì siêu việt. Chị nấu cơm kho cá, chị khâu và thêu thùa, đặc biệt chị làm bánh rất ngon. Tết đến chị làm bánh lu bù. Còn tôi thì ở phương xa.

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi chị một em em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông

Mấy con sông? Sông Cái Cá, sông Cổ Chiên, sông Long Hồ, sông Thiêng Đức, sông Cầu Lộ, sông Cầu Lầu, sông Định Tường, sông Cửu Long, sông Tiền Giang... Càng xa chị Trúc tôi càng lãng mạn, tôi càng rên rỉ, nhứt là lúc gần Tết.

Tết đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công
Em không khóc nữa không than nữa
Đây một bài thơ hận cuối cùng

Mà nào tôi có hận gì ai. Thiệt lãng xẹt! Vậy mà năm nào tôi cũng lẩn ra nằm vạ với chị Trúc. Và dĩ nhiên chị không bao giờ trả lời trả vốn cho cái lãng mạn nửa mùa của tôi. Riêng tôi, tôi cũng chẳng phiền hà gì về sự im lặng của chị. Thành ra Tết nào cũng vậy. Tết này chưa chắc em về được. Mà em về được hay không về được gì thì chị Trúc vẫn đốt lò nướng bánh và chăm chỉ thêu thùa. Chị rất khéo tay, trong Xóm Cái Cá ai cũng đã từng thưởng thức tài nghệ của chị. Nãy giờ chắc ai nấy đều thắc mắc. Chị Trúc tài như vậy, còn sắc thì sao? "" Đẹp!"" Ôi, chị Trúc của tôi đẹp lắm. Đường nét xấp xỉ Thẩm Thúy Hằng. Cũng mũi thẳng mắt to, môi dưới mòi mọng và nhứt là trắng tươi, trắng rất trắng. Ngực vừa phải, eo thon, hông tròn trĩnh, thích mặc áo dài trắng học trò. Mỗi lần lướt ngang Xóm Rạp Hát của tôi, bọn con trai ủa ra ngắm nghía, chắc lười "Người Đẹp Bình Dương", không ai thấy mình có đủ tiêu chuẩn để chinh phục một mỹ nhân như vậy. Phần tôi, tôi cũng chỉ còn biết dậm cẳng kêu trời. Tết đến cho em thêm một tuổi, thế nào em cũng phải thành công. Thành công? Thành công cái gì? Ở tuổi dậy thì, sự thành công có nghĩa là thành công trong tình yêu. Và tôi đã thành công! Không, không, không phải như quý bạn tưởng đâu. Tôi đâu có tham vọng chinh phục Người Đẹp Bình Dương. Tôi bắt bò với Ánh, em nàng. Tuy Ánh tài sắc không bằng chị, nhưng dung nhan này cũng làm rung rinh bao trái tim ở Cầu Cái Cá, Xóm Lò Tường, Xóm Rạp Hát, trong đó có tôi. Nhờ thằng bạn học cùng lớp là em bà con của Ánh, tôi lọt vào nằm vùng ở nhà chị Trúc. Không biết lẽ gì, chị Trúc lại ưng bụng tôi nên chị lén mở tập ảnh gỡ vài tấm ảnh của Ánh tặng tôi cho thỏa tình mơ ước - và bỏ bốp lấy le với bạn bè.

Chị ơi Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não nùng
Uống say cười vỡ ba gian gác
Ném cái chung tình xuống đáy sông

Tết năm đó, tôi viết cho chị Trúc như vậy. Lúc đó tôi với Ánh chưa tỏ tình gì hết, và tôi cũng chưa biết uống bia. Vậy mà tôi vẫn cứ cười sập gác trọ ầm ầm và liệng gà-mên xuống sông Định Tường ào ào. Tôi du học Mỹ Tho và yêu Hoa xóm Bến Đò. Tôi không khổ sở vì yêu đương, nhưng cũng rên với chị Trúc cho có lệ. Tôi còn muốn tỉ tê hơn nữa. Rượu say nhớ chị hồi con gái, thương chị từ khi chị lấy chồng. Nhưng chị Trúc đâu có ưng ai mà lấy với bò. Chị tiếp tục cặm cụi làm bánh và cũng chẳng buồn khi móc gì hết. Nhiều lúc nói chị, tôi cũng rung rung trái tim. Nhưng người rung rinh trái tim hơn hết là Lộc, anh tôi. Chàng là kếp độc trên sân khấu học trò của cả tỉnh Vĩnh Long nên có nhiều ưu điểm để lọt vào mắt người đẹp. Bởi vậy cho nên Ánh lo lắng. Ánh lo rùi Lộc rước chị Trúc về làm vợ thì tôi với Ánh kẹt cứng. Anh ơi nếu mộng không thành thì sao? Non cao đất rộng biết đâu mà tìm? Thành thử khi Lộc ghé chiếc Vespa vào nhà chị Trúc thì Ánh và tôi tìm đủ mọi cách để đẩy chàng ra - không xì bánh xe là may. Để an ủi chàng, Ánh mang tập ảnh ra cho chàng xem. Chàng lựa những tấm hình mỹ miều mơ mộng nhứt của chị Trúc và lén gỡ dặt bốp lấy le. Người ta bận bịu mọi thứ, riêng tôi tôi trấn an Ánh "Lộc cưới chị Trúc thì Lộc cứ cưới, còn anh cưới em thì anh cứ cưới, đã chết ai". Ánh la kỳ chết!

Nhưng Lộc không phải là người duy nhất mê chị Trúc. Trăm vạn người mê. Nhưng đi hỏi cưới chính thức lúc đó thì chỉ có một người: Phước. Phước lớn tuổi hơn tôi nhưng học cùng lứa với tôi. Phước âm thầm yêu chị Trúc lâu lắm, khi nàng theo học lớp nữ công gia chánh. Thuở đó, cuối năm học đều có diễn tuồng. Lộc đẹp trai được đóng vai Ngô Quyền, Phước xấu trai đóng vai tướng Tàu - từ chết tới bị thương khi màn sập. Phước có tài diễn và diễn rất có duyên. Mỗi

lần Phước kể chuyện vui là tôi ngã lăn ra cười chết bổ. Người sao mà có duyên dữ vậy! Nhưng than ôi, ý kiến của chị Trúc lại hoàn toàn trái ngược. Về Phước, chị phê bình người gì mà mặt dài như mặt ngựa, chuyên làm hề cho thiên hạ, chưa nói đã cười. Dù biết hay không lời phê bình bất lợi một trăm phần trăm đó, Phước vẫn thừa thắng xông lên và xúi má mình chính thức đến nhà ở Cầu Cái Cá hỏi chị Trúc về làm vợ. Vâng em trẻ dại em đâu dám, thôi để người ta được kén chồng. Nhưng chị Trúc không kén chồng. Chị không từ chối hẳn lời cầu hôn của Phước, chị dùng kế hoãn binh. Lúc đó Phước được học bổng du học Mỹ hai năm, nhưng Phước nói nếu chị Trúc nhận lời cầu hôn thì Phước sẽ ở lại quê hương để cưới chị - sợ ra đi thiên hạ sẽ thừa cơ cướp mất cái bàn thờ của mình. Chị nói Phước hãy du học trước đi, lúc về rồi hẳn tính sau. Phước xin đính hôn trước khi lên đường nhưng chị từ chối. Và Phước ôm mối mộng tình lớn lao lên đường du học.

Ôm bao hy vọng lúc ra đi!

Trong thời gian đó có nhiều người tới dạm hỏi chị về làm vợ, trong số đó có Tất. Tất là đại úy, tướng người cao lớn, tuy không đẹp trai nhưng rất bền chí, dù đã bị chị Trúc từ chối hai lần cầu hôn. Và chị cũng không nhận lời ai hết - chẳng phải là để thủy chung với Phước. Chị tiếp tục thêu thùa nướng bánh, và bọn con trai Xóm Rạp Hát tiếp tục chắt lưỡi trầm trồ Người Đẹp Bình Dương và cô em bé nhỏ xinh xinh - trong số đó vắng mặt tôi. Bởi lẽ tôi đã lên đường du học Canada. Em ơi em ở lại nhà, vườn dâu em đón mẹ già em nuôi. Ánh ở lại nhà đeo chun má tôi rất kỹ. Đáp lại má tôi cũng thủy chung với Ánh hết dạ hết lòng.

Còn tôi thì trúng tử thư Nguyễn Bính. Năm nào, khi Tết đến ở Canada tôi cũng lăn ra dẫy đàn đạp nằm vạ với chị Trúc: Tết này chưa chắc em về được. Em về không được là cái chắc. Con đường Québec - Vĩnh Long nào đâu có ngắn như con đường lục tỉnh Sài Gòn - Vĩnh Long, sáng đi chiều về. Càng chắc chắn về không được tôi càng làm dữ - với mọi da đở địa phương.

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ một thêm đông
Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng

Ở Canada những năm 60 mà tôi đã bày bán gạo nếp, nước mắm, bánh tét và dán biển đỏ ở cột nhà hàng xóm tùm lum. Thầy kệ, sư phụ biểu sao thì tôi làm vậy. Trời Québec càng xuống tuyết tôi càng la chói lói. Áo rét ai đan mà ngóng đợi? Còn vài hôm nữa hết mùa đông.

Tôi lạc quan quá trớn. Mùa đông ở nơi đây dài bất tận, hết làm sao nổi mà hết. Ánh không biết đan áo, còn chị Trúc thì lo nướng bánh kẹp. Thăng em chỉ có từ chết tới bị thương. Năm vạ ở Québec đã đời tôi đáp tàu thủy sang Paris nghỉ hè và kết tình với Diane, người em Xóm Học. Hết mùa hè tôi chia tay với Diane bước chân xuống đò trở về Xứ Tuyết. Lênh đênh trên mặt biển, nhớ Diane quá cỡ, tôi khóc lóc (và một lần nữa) lại lăn ra nằm vạ với chị Trúc.

Chị cho em chị chiếc khăn thêu

Ý chị thương em khóc đã nhiều
Khóc chị giờ đây mình lại khóc
Cho mình khi tắt một tình yêu
Đêm nào tôi cũng la cà ngất ngư ở quây rượu.
Ồ say thương nhớ vô cùng!
Rượu hay lệ ướt khăn hồng chị cho?

Trong lúc tôi muốn thất vọng trên mặt biển thì ở nhà chị Trúc ra sao? Chị Trúc vẫn mạnh giỏi và vẫn tiếp tục từ hôn. Từ hôn trở thành một phản xạ tự nhiên của chị. Nhưng oan nghiệt thay! Lần này trầm trọng hơn. Chị từ hôn Lộc? Không phải. Chị từ hôn Tất? Không phải. Chị từ hôn Hồ

Chí Minh? Không phải. Chị từ hôn một nhà tu? Không phải. Chị từ hôn quốc trưởng? Không phải. Nhằm nhò gì ba cái lễ tẻ đó. Chị Trúc, một lần nữa, lại từ hôn. Và nạn nhân là Phước, sau khi du học ở Mỹ hồi hương.

Ôm bao hy vọng lúc ra đi
Chuồn lấy buồn thương lúc trở về
Lòng mỗi lần đi lòng bão táp
Mỗi lần là một cuộc phân ly

Chị Trúc từ hôn và Phước lâm trọng bệnh. Bệnh tương tự. Tóc rụng một nửa phần đen, nửa phần còn lại bạc lựa thưa. Đa mang chi nữa tình mây nước. Để mặc sương sa bạc mái đầu. Má Phước phải đưa Phước vào chùa tịnh dưỡng cho nguôi ngoai mỗi tình oan nghiệt.

Hoa đào tưởng bóng đào xưa,
Thuyền sang bến nọ dòng mờ khói vơi.
Hoa dương vàng nhạt sầu người,
Ta về uống nước sông khuấy khôa lòng.
Con chim mùa nọ chưa chồng,
Cũng bay rời rã trong dòng xuân thu.

Mặc dù không phải chị Trúc từ hôn Phước để đi lấy chồng, nhưng tôi cũng e rằng chị Trúc đã tạo nghiệp chẳng lành. Mấy tháng sau, được tin Phước lâm bệnh ngặt nghèo, chị hối hận có nhờ Lộc đi thăm Phước. Lộc đến nơi được một ni cô cho biết Phước đã rời chùa. Rồi từ đó những nay biệt luôn tung tích. Lộc về nói lại, chị Trúc bưng mặt khóc ngất.

Thì thôi tóc ấy phù vân,
Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương,
Thì thôi mù phố xe đường,
Thì thì thôi nhé đoạn trường thế thôi.

Rồi Xuân tiếp nối Xuân, Tết tiếp nối Tết, tôi tiếp tục rên rỉ với chị Trúc Tết này chưa chắc em về được. Cho tới một mùa Xuân nọ, một lần nữa, lần thứ ba, đại úy Tát lại đến gõ cửa xin cưới chị về làm vợ. Nhờ bà mai trong gia đình nói khéo, ba má chị bằng lòng, phần chị Trúc có lẽ ngó lại tuổi Xuân mình nên cũng gật đầu. Thế là đám con trai ở Xóm Rạp Hát của tôi đều rút khăn mu-xoa ra mà lau lệ. Chạnh nhớ thuở nào ở xóm này, tôi ra ngồi ở đồng cây trước nhà ngắm Ánh đạp xe chở Người Đẹp Bình Dương về ngang ngõ, hương đơm ba ngày hương chửa tan.

Lần nọ có lẽ tôi ngó kỹ quá nên Ánh luống cuống đâm xe vào một con chó lớn đang chạy băng qua đường bất kể đèn xanh đèn đỏ. Bị đụng vào đầu đau điếng, con chó la oảng một tiếng lớn (là cái cẳng!) chạy lộn trở lại, còn hai Kiêu thì cũng té ngựa xuống đường chổng gông. Tôi vội vã chạy tới đỡ hai nàng lên một cách rất nịnh đầm? Không! Tôi chỉ biết nhăn hàm răng hô ổng điếu của mình ra mà cười. Hai Kiêu thẹn đỏ mặt. Hai nàng lật đật dựng chiếc xe đạp lên, thay tài xế rồi đạp thẳng một mách về nhà.

Ánh giận lắm, mét với chị Trúc là "thằng nhỏ vô duyên!" Đó là thời kỳ tôi chưa lọt được vào sào huyệt của hai Kiêu và chưa nằm vạ với chị Trúc.

Đã có yêu nhau là đến thế,
Đừng về Chiêm quốc nhé Huyền Trân.

Bọn con trai ở Xóm Rạp Hát đều nhất tề năn nỉ chị Trúc một mực như vậy mà người đẹp vẫn bước lên kiệu hoa đành đoạn. Huyền Trân thì trao thân cho vua Chiêm còn chị Trúc trao thân cho ai? Than ôi, than ôi và than ôi! Chị Trúc đã trao thân làm tướng cướp.

Cũng là thôi cũng đã đành,

Sang ngang lối bước riêng mình chị sao?
Tuổi son nhạt thắm phai đào,
Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người.
Em đừng khóc nữa em ơi,
Dấu sao thì sự đã rồi nghe em.

Sau khi cưới hỏi đủ lễ nghi, chị Trúc theo chồng lên Sài Gòn sống chung ở Xóm Vườn Chuối. Khi chị có bầu, Tất bắt đầu hắt hủi chị và bỏ nhà đi suốt đêm. Lúc đó mới vỡ lẽ ra là Tất đã có vợ lớn cư ngụ tại Chợ Lớn. Một buổi chiều Tất chê cơm chua canh mặn, mắng mỏ chị, chị cãi lại, hấn xô chị ra ngoài đường rồi khóa cửa lại bỏ đi mất. Một thân một mình trên đất khách, chị Trúc chỉ còn biết ra ngồi bên lề đường đô thành bụi bặm mà khóc suốt mướt. Lối xóm thấy tội nghiệp đem chị về nhà mình an ủi và cho tá túc. Sự thể càng lúc càng trầm trọng nên má phải lên Sài Gòn rước chị về Vĩnh Long chăm sóc. Vậy mà đâu có êm. Tất lại đuổi theo về tận Vĩnh Long quát mắng, đòi ăn như giặc, rồi lại chê cơm chua canh mặn, vỗ bàn đập ghế, đánh chó mắng kẻo. Thấy ai nấy nín thinh nên hấn làm tới. Có lần hấn nói với Ánh: "Phải chi mà vợ tôi được lanh lợi như cô Tám..." Ánh trả đũa liền tức khắc: "Anh có phước lớn mới cưới được chị tôi, gặp tôi, tôi đã tống cổ anh ra ngoài đường từ khuya". Hấn nín thinh xò câm. Ma nhát bất mặt người có khác. Tuy giận hấn, nhưng chính một tay Ánh đã nuôi nấng đứa con đầu lòng của Tất, vì sau khi sinh nở thì chị Trúc ngã bệnh li bì. Vậy mà lần nào Tất về Vĩnh Long cũng có một màn đòi ăn năng nặc như con nít đòi bú, như giặc!

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này ô thế mà vui chán
Những một mình em uống rượu hồng
Rượu say nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng

Ở Canada, mỗi lần Tết đến, lạnh teo bu-gi, tôi lại tiếp tục lăn ra nằm vạ với chị Trúc, mà nào tôi đâu có hay biết gì về kiếp hồng nhan bạc mạng của chị. Cũng may mọi người đều giấu biệt tin tức bất lợi cho đệ tử Nguyễn Bính. Nếu không có lẽ tôi đã đáp máy bay về hành thích bạo chúa, đại úy dâm tặc, và ra hầu tòa một cách hiên ngang. Sang Tàn tráng sĩ Kinh Kha chết, Máu đỏ trôi sông Dịch Thủy về. Ta hê là tráng sĩ. Ta tráng sĩ là hê! Tiếc thay trời đã không cho tôi dịp may so gươm với đại úy Tất và cứu chị Trúc của tôi đang bị con quỷ râu xanh uy hiếp. Chị thà coi như là hạt bụi, em thà coi như hơi rượu cay. Nếu biết thế, tôi đã đêm đêm mài kiếm dưới trăng, hâm bầu máu nóng, dọn đường về nước. May thay tôi không biết gì hết và tiếp tục lãng mạn. Rồi Diane, trở về Québec, tôi gặp Louise và trở thành người tình của nàng. Nàng bèo bọt quá em lăn lóc, Cháp nói nhau hoài cũng ổng công. Một trăm con gái đời nay ấy. Đừng nói ân tình với thủy chung!

Tết này chưa chắc em về được. Tuy nói vậy nhưng tôi đã trở về. Về quê hương. Về Việt Nam. Về Vĩnh Long. Tôi cưới Ánh - đám con trai Xóm Rạp Hát thêm một lần nữa, lại rút khăn mu-xoa ra mà lau lệ. Đừng về Chiêm Quốc né Huyền Trân, Ta viết thư này gửi cố nhân. Năm mới tháng Giêng mừng một Tết, còn nguyên vẹn cả một mùa xuân. Bẵng đi một dạo tôi không còn viết thơ Xuân cho chị Trúc nữa. Chị có hai con rồi ba con. Và tiếp tục không hạnh phúc. Một lần chúng tôi về, tôi nằm đưa võng kéo kẹt trong căn nhà bên Cầu Cái Cá, chị kéo Ánh về nhà kế bên tâm sự. "Mày có phước hơn tao. Tao không biết hạnh phúc và sung sướng là gì hết. Mỗi chiều tao lo cho thằng chả ăn. Thằng chả ăn no, dọn dẹp xong thằng chả leo lên bụng tao. Như gà đập mái. Xong lăn ra ngủ ngáy phì phò. Sáng thức dậy đòi cà phê bánh mì như giặc..." Trong khi đó cuộc chiến tranh chó má ở quê hương ta vẫn tiếp diễn, từ những năm 60 sang những năm 70. Tôi đi lính và Tất lên lon Thiếu tá, phục vụ ở Bộ Quốc Phòng. Ánh có hai con thì chị Trúc đã được năm con. Ra đường thiếp hầy còn son, Về nhà thiếp đã nằm con cùng chàng.

Chị Trúc vẫn còn tươi tắn, đẹp đẽ, dù bất hạnh.
Tết này chưa chắc em về được. Em về không được là cái chắc, vì năm đó là Tết Mậu Thân 68. Tôi kẹt ở Hàng Xanh, chị Trúc kẹt ở Vĩnh Long. Và Việt cộng bắn chết một nhân vật mà cả tỉnh Vĩnh Long đều yêu mến: Chín Khùng. Bởi lẽ Chín Khùng không hiểu gì về cuộc chiến tranh tương tàn giữa phe ta và phe bên kia hết. Chín Khùng bỏ ra ngoài tai tiếng hô cảnh cáo "Đứng lại!" và rốt cuộc bị cán binh lạ tỉnh lạ người bắn chết. Dứt Tết Mậu Thân, qua năm 69 tôi xung vào quân đội rồi được biệt phái về dân sự. Tôi có gặp Tất một vài lần và thầm tiếc cho chị Trúc. Nhưng mọi sự đều quá muộn màng. Em đi theo đuổi tơ duyên, Dò mãi lòng sông sấm mãi thuyền. Cho đến một hôm em mới nhớ: "Lòng người..." chị Trúc nhớ hay quên? Hỏi là hỏi chơi vậy thôi chứ chị Trúc có bao giờ cầm bút lên trả lời tôi - thằng em lãng mạn lắm cầm. Cuộc chiến khốc liệt tiếp diễn dai dẳng và kết cuộc là miền Bắc nuốt trọn miền Nam năm 1975. Giải Phóng? Đó cũng là một cách nói, một cách diễn dịch lịch sử. Điều trước mắt là mọi quân nhân, công chức Ngụy đều phải đi học tập. Tôi, Ánh và hai con may mắn không kẹt lại. Tất, bấy giờ đã lên lon trung tá, còn kẹt lại và học tập rất xa, tận ngoài Bắc Việt. Chị Trúc lên đường khăn gói thăm nuôi từ Nam ra Bắc và được chồng trách là nuôi ăn thiếu thốn, không đúng tiêu chuẩn. Chị Trúc chỉ còn biết giấu mặt âm thầm quệt nước mắt. Từ cái ngày tang thương năm 75 đó, tôi không được tin tức trực tiếp gì về chị Trúc. Chị chết, chị sống, chị hạnh phúc, chị khổ đau, tôi không biết gì hết. Dù rằng mỗi năm tôi vẫn cặm cụi viết cho chị.

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc chị bên xanh má dậy hồng

Cho tới một Tết nọ, có người về thăm quê hương trở qua và mô tả nhan sắc hiện thời của chị Trúc. Ánh vội vàng gọi tiền về cho chị trông rảnh. Chị biên thơ cảm ơn, không xin gì thêm. Ngày qua ngày, và cuối cùng trung tá Tất trở về và đòi bán nhà để ăn uống tiêu pha. Chị Trúc khóc lóc, năm đứa con của chị phản đối kịch liệt ba nó mới chịu buông tha. Rồi Tất nộp đơn xin ra đi với diện HO. Lúc bấy giờ tôi và Ánh đang ở Pháp và được thư chị Trúc cầu cứu: "Em gửi cho chị bốn cây để chị lo giấy xuất cảnh cho cả gia đình". Dĩ nhiên Ánh từ chối vì chúng tôi không có tiền, mặt khác chúng tôi lại sợ Tất làm áp lực chị Trúc để lường gạt. Ngoài ra, lo sợ cho sự dốt nát của chị, "to eat, to drink" không biết, Ánh khuyên chị chớ nên ra đi. Được thư Ánh, chị Trúc lặng thinh cho tới ngày chị lên đường sang Mỹ. Chúng tôi được tin chị tới Mỹ qua lá thư đứa con trai của chị cảm ơn nhờ Ánh khuyên dụ mà bây giờ má nó, nó, và em gái nó được tha hồ uống sữa và Coca Cola - có hình kèm theo. Được thư Ánh giận lắm, gửi trả lại khổ chủ và dặn chị Trúc phải biết dạy con. Chị Trúc, như bao giờ, chẳng trả lời trả vốn gì hết. Đúng mừng một Tết nọ, chị Trúc viết thư cho Ánh biết là chồng chị đã đứng ra lãnh hết tiền trợ cấp của chánh phủ Hoa Kỳ, xua chị và hai con ra đường mặc kệ. Nhờ người chỉ dẫn chị đã nộp đơn xin ly dị với Tất. Chị đòi chết. Chị kêu cứu. Chúng tôi biết đại khái chị ở vùng Philadelphia, nhưng không có một địa chỉ chính xác nào hết. Thư gửi về địa chỉ cũ bị trả lại. Ánh báo động cho người anh thứ Năm - trung tá ra đi với diện HO- cư ngụ ở Cali tiếp tay tìm kiếm. Chị Trúc vẫn biệt vô âm tín. Xứ Mỹ minh mông, chim trời cá nước biết đâu mà tìm. Tôi và Ánh vô cùng lo lắng. Nhưng có lo lắng cách mấy cũng đành bó tay mà thôi. Tôi tưởng tượng chị Trúc lang thang trong gió lạnh mà lòng mình như dao cắt. Tôi mở địa đồ nước Mỹ ra tìm kiếm. Philadelphia nằm gần New York, mùa đông rét buốt biết chừng nào. Mà biết chị Trúc có còn ở đó hay không? Chiếu chần phủ lạnh y xiêm, Y xiêm còn đó cánh chim biệt mù. Ánh và tôi tiếp tục hồi hộp cho chị Trúc. Cho tới một hôm tin tức từ quê nhà nhắn qua cô cháu gái của Ánh ở Paris cho biết chị Trúc đã trở về Việt Nam và ở lại luôn bên đó - cũng ngôi nhà cũ bên dòng sông Cái Cá êm đềm. Chúng tôi mừng húm, thờ phào nhẹ nhõm. Đứa con trai của chị cũng về theo, cưới người xứ ta rồi dắt vợ trở qua Mỹ sinh sống.

Riêng tôi bây giờ, cơ hội lãng mạn đã trở lại. Mỗi độ Xuân về, như Xuân năm nay, tôi lại được dịp lần ra nằm vạ với chị Trúc:

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này ô thế mà vui chán
Những một mình em uống rượu hồng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhủ
Xa nhà rượu uống có say không?

Được thư tôi, chị Trúc lần mò xuống gian bếp nhỏ lợp lá còn đọng khói, kéo chiếc ghế nhỏ xục xịch, ngồi vào chiếc bàn ăn nhỏ, vặn nhỏ ngọn đèn dầu. Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong đời, chị Trúc rưng rưng viết cho tôi mấy câu bằng mực tím tràn đầy thương mến:

Vườn nhà Tết đến hoa còn nở
Chị gửi cho em một cánh hồng
Vớ lá thư này là tất cả
Những lời tâm sự một đêm đông
Chị về ở lại vườn dâu cũ
Buồn cũng như khi chị lấy chồng

Kiệt Tấn, nụ cười tre trúc Nguyễn Hưng Quốc

Có người nào đó, ngày xưa, từng quan niệm, một nhà văn một nhà thơ, về phương diện chủ quan, cần có ba điều kiện: tài, trí và tâm. Từ đó, nhiều người có khuynh hướng chia ra ba loại người cầm bút: một loại mạnh về tài, một loại mạnh về trí và một loại mạnh về tâm. Tôi nghi ngờ sự phân biệt rạch ròi ấy. Tôi nghĩ, thật ra, chỉ có hai. Bởi tài là yếu tố căn bản, chung nhất. Có cái tài thiên về trí, tức kỹ thuật. Có cái tài thiên về tâm, tức cảm xúc. Kiệt Tấn thuộc loại sau. Đọc Kiệt Tấn, trước khi thấy một tài năng, người ta gặp một tấm lòng. Tình yêu đối với cuộc đời, theo tôi, là yếu tố quan trọng nhất góp phần định hình nên phong cách văn học độc đáo của Kiệt Tấn. Hiếm có người nào có cách nhìn đời triu mến và thiết tha như vậy. Không thể tìm thấy ở Kiệt Tấn, bất cứ một thái độ hờ hững hay dửng dưng nào.

Đưa đũa ngòi bút Kiệt Tấn không phải là lí trí mà là trái tim lúc thì rạo rục, lúc thì ngây ngất, không lúc nào không xôn xao trước vẻ đẹp của trời đất của con người. Tình yêu trong văn Kiệt Tấn giống ánh trăng trong thơ Hàn Mặc Tử. *Cả trời say nhuộm một màu trắng*. Cho dù tác giả không tả vàng trắng, cho dù tác giả chỉ tả một con ngõ, một dòng sông hay một khu vườn với những cây lá đong đưa, những nụ hoa đang âm thầm nở và tỏa hương trong khuya khoắt, thì người ta vẫn nhận ra, đâu đó, lấp lánh, cái ánh trăng kia đang lấp lánh. *Không gian giày đặc toàn trắng cả. Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng*. Cho nên, tuy đề tài *Nụ cười tre trúc*⁽¹⁾ khá đa dạng, có truyện về mẹ, có truyện về quê hương, có truyện đậm đà màu sắc triết lý; thực sự là chuyện tình, chỉ có hai: *Bến đò trao thơ* và *Em điên xõa tóc*, thế nhưng, đi vào *Nụ cười tre trúc*, người ta cứ ngỡ đi vào một tình yêu bát ngát.

Hãy để ý cách xưng hô trong truyện Kiệt Tấn. Lạ lắm. Đặc biệt với những người phụ nữ, với người lớn tuổi: má. Với người trẻ trung: em. Nhắc đến một người đàn bà bán cà-rem trước cổng trường tiểu học thuở nào, Kiệt Tấn hạ bút: *"Má tôi đó"*. Với Kiệt Tấn, một người người đàn bà già nua, lam lũ và khốn khó trên quê hương đều là "má tôi". Ông gọi họ bằng một cái tên

chung: “*những bà già quê hương*” (tr 158). Và ông coi đó là những “*Mối tình đầu*” thật sự của mình (trang 158). Những người không phải là má thì đều là em. Vợ là em. Người tình là em. Một người con gái mất trí gặp gỡ tình cờ trong một bệnh viện tâm thần là em: “*Em điên xõa tóc*”. Ngay cả một người con gái hoàn toàn xa lạ, mãi mãi xa lạ, chỉ nhắc thấy một lần duy nhất trong công viên cũng được Kiệt Tấn gọi vợ là em, hơn nữa, “em tôi”: “*Từ phía sau lùm bông ngả vàng hực chợt một mái tóc nâu vàng óng ánh xuất hiện. Người con gái từ từ đi vào công viên, trên tay cầm trái táo xanh. Em tôi bước vào vườn cây lừng thừng tiến về phía trước và Ánh đang ngồi ôm nhau yên lặng*” (tr.200). Dĩ nhiên người con gái ấy đi qua rồi đi xa hẳn. Vĩnh viễn. Như một áng mây. Trước cặp mắt nhà văn đang ngơ ngẩn ngơ.

Với người, là thế. Với vật cũng thế. Tất cả đều là em. Con vịt con là “em”. Khi con vịt bị xe cán chết, Kiệt Tấn, lúc ấy mới sáu tuổi, đã khóc nghẹn ngào: “*Hết rồi! Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi! Em đã chết bỏ tôi thiệt rồi*” (tr.46). Bao nhiêu năm sau, bèn bồng trên đất khách, buồn tênh trong lưu vong, Kiệt Tấn vẫn nhớ mãi đứa em ấy: “*Phải, năm nào mà đào chẳng nở! Đào lại nở, tôi lại nhớ em tôi, con vịt vàng nhỏ xinh xắn, tội nghiệp*” (tr.49).

Người ta thấy gì qua những cách hô gọi như vậy? Thấy một điều. Rất rõ. Là, với Kiệt Tấn, mọi người mọi vật trên đời đều là đối tượng để yêu thương. Tất cả đều là ruột thịt, đều là thân tình. Kiệt Tấn là một tình nhân trước khi là một người cầm bút.

Trong tình yêu của Kiệt Tấn, phần nồng nàn nhất dành cho phụ nữ. *Làm sao sống được mà không yêu. Không nhớ không thương một kẻ nào.* Thơ của Xuân Diệu. Con người của Kiệt Tấn. Qua trang viết, cứ ngỡ Kiệt Tấn suốt đời là một khách tình si. Yêu sớm. Yêu nhiều. Yêu dễ dàng. Yêu cuồng nhiệt. “*Muốn chết. Thèm chết. Thèm chết vì quá yêu một cô gái nào đó*” (tr.211). Yêu và được yêu. Chưa đủ. Lúc nào cũng quay quắt muốn đi đến cái tận cùng, cái tuyệt đối của tình yêu. “*Nghẹn ngào khi đi bên cạnh nàng mà còn tương tự người yêu, tương tự nàng, cùng lúc*” (tr.93). Tình yêu trong văn Kiệt Tấn có nhiều cung bậc. Từ lặng lẽ đến xôn xao. Từ băng khuâng đến say đắm. Có nhiều sắc độ. Lúc thì hiền lành, lúc thì trăng tráo. Lúc như cơn gió, lúc như cơn bão. Tình yêu nhuốm đầy tình dục. “*Bộ phận đực là bộ phận đực, bộ phận cái là bộ phận cái, bộ phận đực cái dính nhau là lẽ tự nhiên, hết sức tự nhiên, sự tục tĩu chỉ có trong đầu*” (tr.144). Nhiều người cho là Kiệt Tấn viết bạo. Thêm điều này nữa: bạo nhưng không bao giờ nhớp nhúa. Thiếu cái trong sáng của Thạch Lam, tình yêu trong truyện Kiệt Tấn lại gần hơn với sự thực, với cuộc đời.

Trong tình yêu của Kiệt Tấn, phần đầm thắm nhất dành cho mẹ. *Nụ cười tre trúc*, truyện ngắn đầu tiên trong tập, được dùng làm tựa cho cả tập, là truyện ngắn hay. Nó là truyện ngắn, nhưng thật ra, nó chỉ là trích đoạn từ bộ trường thiên tiểu thuyết *Lớp lớp phù sa* chưa xuất bản. Lấy một bài vọng cổ làm cái cớ, Kiệt Tấn thả ký ức mình trôi dạt miên mang về những quãng thời gian khác nhau, ở đâu, lúc nào cũng hiện hiện long lanh hình ảnh người mẹ tần tảo, lam lũ, chịu thương chịu khó, suốt đời lo cho chồng, cho con, rồi cho cháu.

Ở Kiệt Tấn, nếu tình yêu trai gái gắn liền với tình dục thì tình yêu mẹ lại gắn liền với quê hương. Đó là lý do tại sao Kiệt Tấn lại đặt tập truyện ngắn của mình là *Nụ cười tre trúc*. “*Cho dù má tôi không cười thành tiếng, tôi vẫn nghe có tiếng rì rào thanh thoát của tre trúc rộng lượng chở che. Tôi là con trâu ghé nằm trong bóng im buổi trưa hè nắng gắt*” (tr.15). Trong tình mẹ có tiếng đàn dịu dàng của trúc lẫn bóng mát yên ả của tre. Trong tình mẹ có hình ảnh của làng xóm, của đất nước. Mà không chỉ ở mẹ mình. Kiệt Tấn coi mọi bà mẹ đều là hiện thân của quê hương. “*Có lẽ tại tôi nhìn thấy quê hương qua những bà mẹ đó, một quê hương vừa yêu dấu vừa ngậm ngùi... Những bà già đó tượng trưng cho quê hương. Không! Những bà già đó là quê hương. Những bà già có làn da nhăn nheo thơm tho mùi đất, có nụ cười rì rào tre trúc, có bàn*

chân nứt nẻ phù sa, có trái tim từ bi vô lượng, trái tim đó đã bơm máu vào rún tôi từ trong bụng mẹ, từ lúc tôi còn nhỏ xíu, lớn chưa bằng đầu ngón tay. (tr.152)

Không là đề tài chính của bất cứ truyện nào, song nhờ sự kết hợp trên, hình ảnh quê hương vẫn thấp thoáng, bàng bạc cùng khắp *Nụ cười tre trúc*. Trong quê hương Kiệt Tấn tập trung ngòi bút vào ba địa điểm: Bạc Liêu, Vĩnh Long và Sài Gòn. Hai hình tượng nổi bật nhất là sông rạch và đêm trăng. Vang vang trên sông rạch, vang vang dưới đêm trăng là những câu hò, những tiếng đàn, tiếng hát, những hẹn hò và những yêu đương. Kiệt Tấn không có chủ tâm viết loại truyện phong tục, một đề tài được nhiều nhà văn đồng hương của ông khai thác triệt để. Phong cảnh trong truyện của ông, do đó, thường ít đường nét. Không một làng quê, không một thành phố, thậm chí, không một dòng sông, một con rạch nào đầy đủ chi tiết để thành một bức tranh hoàn chỉnh. Tuy nhiên Kiệt Tấn lại thành công ở một phương diện khác: ông tạo được một không khí ở đó có những con người sống thật. Truyện của Kiệt Tấn là loại truyện tâm lý pha màu sắc triết lý.

Yêu phụ nữ, yêu mẹ, yêu quê hương, không phải là cái gì riêng của Kiệt Tấn. Kiệt Tấn chỉ đặc biệt ở mức độ: mọi tình cảm ấy, ở ông, đều nồng nàn đến đắm say. Và hơn ở phạm vi: từ những đối tượng cụ thể, tình yêu của Kiệt Tấn mở rộng ra, mênh mông, bao trùm cả cuộc đời. Kiệt Tấn là một nhà văn đầy nhân ái. Cách nhìn đời của ông trong trẻo, dịu dàng và nhất là, tha thiết vô hạn. Không biết thù hận, chưa bao giờ Kiệt Tấn cho phép ngòi bút của mình dừng lại tỉ mỉ ở những sự xấu xa. Nếu Kiệt Tấn có căm ghét điều gì thì điều đó chính là óc duy lý và đưa con đề của nó: sự cuồng tín. Căm ghét vì cả hai đều là nguyên nhân trực tiếp gây ra những lầm lạc và khổ não cho từng người: “*Tôi muốn dùng trí thông minh để giải quyết đời sống. Thiệt lắm lắm! Một mình nó, trí thông minh không giải quyết được gì hết. Nó tạo ra vấn đề hơn là giải quyết*” (tr.134). “*Khi chúng đứng được hành động của mình, người ta dám trở thành bạo ngược, tàn sát không gớm tay: Tần Thủy Hoàng, Hitler, Staline, Dalatôla, Pol Pot, Việt Nam Xã Hội!*”(tr.116). “*Chân lý? Có chăng chân lý? Mẹ rượt! cũng vì ba cái vụ chân lý với lại... căng lý đó mà nhân loại ỉa dài dài*” (tr.214).

Kiệt Tấn đề cao trực giác và tình cảm, đề cao cuộc sống hồn nhiên. “*Ăn hủ tiếu là ăn hủ tiếu. Hết. Sống là sống. Hết. Không gì có thể giải thích được gì hết. Giải thích là sa vào mê cung. Rời khỏi mê cung này chỉ để dẫn mình vào mê cung khác*” (tr. 116) “*Đi vào kinh pháp cũng như nghệ thuật, con đường trực giác và cảm xúc là con đường thẳng. Đi vào kinh pháp cũng như nghệ thuật, con đường trí tuệ và phân tích là con đường mê cung*” (tr.184).

Truyện “*Ngoài cửa kính*” có lẽ được sáng tác với mục đích minh họa cho các luận điểm trên. Một người nào đó, vô hình và vô danh, từ ngoài khung cửa kính, ngó vào một căn nhà. Không nghe một âm thanh nào cả. Hoàn toàn. Bần bật. Chỉ thấy những hình người di động, múa may. Như xem một màn kịch câm. Người xem phân vân đặt ra hàng trăm nghi vấn và nghi vấn nào cũng là một lửng lơ, bế tắc. Không thể hiểu được những người trong căn nhà kia làm gì, nghĩ gì, cảm xúc ra sao. Chỉ đoán. Đoán mò. Quan hệ giữa con người với con người trong cuộc đời có lẽ cũng thế. Mỗi người bị ngăn biệt bằng một khung cửa kính. Để mỗi người là một bí ẩn vô tận trước người khác. Để mọi nỗ lực giải thích về nhau đều trở thành vu vơ và hàm hồ.

Tư tưởng Kiệt Tấn không mới. Người ta đã gặp những tư tưởng ấy đây đó, nhiều lần, nhiều nơi. Nhưng không nên đánh giá một nhà văn như một triết gia. Tư tưởng quan trọng nhất để đánh giá một triết gia là tính chất độc sáng. Tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá tư tưởng một nhà văn là sự chân thành. Mà Kiệt Tấn thì tin vào tư tưởng của mình lắm. Nó trở thành một thứ triết lý chủ đạo chi phối toàn bộ sáng tác của ông. Đó là thứ triết lý mang đậm màu sắc Thiền. Đó cũng là thứ triết lý nhân đạo: “*Mỗi người chúng ta đều đáng được chia sẻ nụ cười*” (tr. 141). Và rất lạc quan: “*Nếu biết sống, vẫn luôn luôn có một chút mặt trời đâu đó*” (tr. 125).

Trong truyện *Em điên xõa tóc*, một lần Kiệt Tấn tâm sự về chuyện viết lách của mình: “*Cả chục năm nay tôi bỏ viết. Tôi không đủ đam mê. Tôi không viết để chứng minh. Tôi viết khi cảm thấy có nhu cầu. Nếu không biết mà vẫn sống hạnh phúc, tôi sẽ không bao giờ viết, vì tôi khi đó đang ở trong trạng thái quân bình. Nếu viết, tôi đánh mất quân bình. Khi viết, tôi như người lên đồng, lúc cười lúc khóc, vật vã, hành xác*” (tr.116).

Tôi tin Kiệt Tấn. Tôi ít tin nhà văn nào như tôi đã tin Kiệt Tấn. Ở những nhà văn khác, tôi thấy tài hoa. Ở Kiệt Tấn tôi vừa thấy tài hoa vừa thấy sự thành thật. Truyện nào của Kiệt Tấn tôi cũng có cảm giác là tự truyện. Chính Kiệt Tấn cũng công nhận trong lời giới thiệu in ở bìa sau tập *Nụ cười tre trúc*: “*Nụ cười tre trúc, một chuỗi truyện ngắn, dù y chang chuyện thật hay thần thoại hoang đường, vẫn là tự truyện*”. Trong *Nụ cười tre trúc* có tám truyện thì sáu truyện rõ ràng là tự truyện. Và đó là sáu truyện hay. Dường như ngòi bút của Kiệt Tấn chỉ tung hoành hết sức khi nhân vật xưng “tôi”. Lúc ấy, Kiệt Tấn tha hồ đi sâu, thật sâu vào mọi ngõ ngách thăm thẳm, tế vi của tâm hồn. Có lúc Kiệt Tấn đi quá xa. Thành lan man với những liên tưởng bất tận. Làm cho khuôn khổ của truyện ngắn cơ hồ bị rạn nứt. Truyện ngắn nghiêng gần tùy bút. *Nụ cười tre trúc* và *Vườn chanh miệt biển* là những truyện ngắn pha lẫn tùy bút.

Có thể nói, những truyện ngắn hay nhất của Kiệt Tấn đều có tính chất tự truyện trong nội dung và tính chất tùy bút trong nghệ thuật.

Hai đặc điểm có lẽ là hai đặc điểm chung cho những nhà văn gốc miền Nam. Tính tình cởi mở, nhu cầu đối thoại lớn, hình như nhà văn miền Nam nào cũng có sở thích kể về mình. Nhân vật xưng: “tôi” trong tác phẩm của họ nhiều “chi tiết kể”. Khó có thể hình dung cuộc đời và con người của các nhà văn miền Trung, miền Bắc, nếu chỉ căn cứ vào truyện của họ. Rất dễ hình dung ra cuộc đời và con người của các nhà văn miền Nam qua những truyện họ viết, ngay cả những nhân vật không phải là họ. Đọc các nhà văn miền Trung, miền Bắc, người ta thường thấy một nỗ lực tự kiểm chế rất lớn. Để giấu đi một cái “tôi đáng ghét” (!). Đọc các nhà văn miền Nam, người ta thường thấy tác giả hiện ra lồ lộ trên từng dòng chữ. Để phơi bày đến từng chi tiết cái “tôi” tuệch toạc, xởi lởi, say sưa tâm sự. Tính chất lỏng lẻo, tản mạn mà người ta hay nói về các công trình khảo luận của các nhà văn miền Nam cũng xuất phát từ nguyên nhân này: nhà văn hiếm khi để tự tưởng bó mình trong một trật tự thuần túy duy lý. Mạch văn của họ, ngay khi viết nghiên cứu, vẫn bênh bồng trên những ngọn triều cảm hứng và dạt dào.

Kiệt Tấn, cũng như phần lớn các nhà văn miền Nam khác, thích tham dự trực tiếp vào câu chuyện. Câu chuyện của Kiệt Tấn không phải chỉ có các nhân vật. Nhà văn không chịu là một khuất lánh hoàn toàn. Ông đi bên cạnh các nhân vật. Thành thoảng ông lại lên tiếng, tán thưởng điều này, phản đối điều khác. Câu văn của các nhà văn miền Trung miền Bắc thường cố ý nén lại, bình thản đến lạnh lùng. Câu văn của Kiệt Tấn và nhiều nhà văn miền Nam khác phập phồng hơi thở của người viết ra nó, náo nức với những niềm vui của nhân vật, rưng rưng với những nỗi buồn của nhân vật. “*Nhà có cả thầy bầy anh chị em, chết hai còn năm: hai Phát, ba Lợi, tư Trinh, năm Lộc và sáu Kiệt tức là tôi đó*” (tr.11). “*Bà vớt xác lá chà lên đám ghè của tôi (Bà con thử nghĩ!) tôi khóc hết nước mắt*” (tr.12). “*Nếu miền Bắc có lụt sông Hồng thì miền Nam có Tết Mậu Thân (1968), chắc ai cũng nhớ*” (tr.26)...

Hẳn nhiều người sẽ cho những cách nói: “*Sáu Kiệt là tôi đó*”, “*Bà con thử nghĩ*”, “*chắc ai cũng nhớ*”... là thừa thãi. Mà thừa thãi thật. Chúng không có lý do gì để tồn tại cả. Trừ lý do tâm lý: nhu cầu bộc bạch, tham dự của tác giả.

Nhu cầu bộc bạch, tham dự dẫn đến một đặc điểm khác về nghệ thuật; sự pha trộn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là một quan hệ cực kỳ

phức tạp. Lịch sử văn học của nước nào cũng diễn tiến giống nhau: thoát đầu văn học được hình thành từ ngôn ngữ nói. Một thời gian, sau quá trình chau chuốt, tinh lọc, một số ngôn ngữ nói biến thành ngôn ngữ viết, chúng có sự sống riêng, chủ yếu là trên trang giấy. Rồi đến lúc nào đó, người ta chợt thảng thốt nhận thấy, loại ngôn ngữ viết ấy tuy đẹp đẽ thật, song lại là kiểu cách và sáo mòn quá, người ta lại quay về với thứ ngôn ngữ trần trụi, gân guốc của cuộc đời. Truyền thống văn chương miền Nam là truyền thống tôn vinh ngôn ngữ nói. Từ Nguyễn Đình Chiểu, người ta đã bắt gặp những cách nói chan chát từ trước vắng bật trong thơ văn: *“Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi cha ông nó”. “Vân Tiên ngó lại, rằng: U!”...*

Có nhiều người sa lầy trong ngôn ngữ nói: tác phẩm của họ thuần túy là những câu chuyện kể nặng chất dân gian. Một ít người nâng được ngôn ngữ nói lên thành ngôn ngữ văn học: từ vựng là ngôn ngữ nói nhưng kết cấu câu văn là ngôn ngữ viết với những yêu cầu gãy gọn, chặt chẽ và trong sáng. Kiệt Tán thuộc vào số ít ỏi đã tạo được cho ngôn ngữ nói một sắc thái thẩm mỹ độc đáo.

“Hồi đó tôi thỉnh thoảng tôi lên vít một cục vôi nhỏ trong ô trầu của má tôi gắn lên đầu cọng lạt dứa, đưa lên vách run run như mấy trụ thần lằn. Có con khờ khạo ngó thấy tưởng bỡ, đĩnh ninh là côn trùng nhào tới đáp liền. Cẩn nhằm cục vôi tá hỏa, anh chàng lúc lắc cái đầu như múa lân rồi say mèm vôi nong, rớt bịch xuống đất. Tôi tính lượm lên bắt chơi thì má tôi rầy:

- Đùng con! Tôi chết. Con thần lằn nó hiện thấy mờ. Nó còn ăn bột muối trong nhà sao con hại nó làm chi?” (tr.10)

Nhờ sử dụng nhiều ngôn ngữ nói, câu văn của Kiệt Tán thường sinh động, khỏe khoắn:

“Tôi mừng hùm, cắn một miếng ngọt xốt rồi miếng thứ hai, và cứ thế lúm hết trái mận một mình ngon lành, không bẻ cho bà một miếng” (tr.21).

Câu văn của Kiệt Tán nhiều động từ. Câu văn nhiều tính từ, trạng từ thường du dương mà nhẹ. Câu văn nhiều động từ thường cứng cáp và mạnh:

“Anh tôi bèn lấy vòng dây làm bẫy túm được con cắc kè đem tuốt qua sân banh quăng bỏ” (tr.10). “Cá ông chỉ rửa sơ, không cạo nhớt, rồi để cá sống nhả nguyên con như vậy mà đổ vào nước sôi đậy nắp lại, cá bóng còn nhảy soi soi trong nồi lụp bụp. Chập sau, ông gỡ nắp ra vớt cho tới hết bọt rồi mới rót nước mắm ngon vào mà nêm nếm” (tr.41).

Cách dùng tính từ và trạng từ của Kiệt Tán cũng lạ: luôn luôn có cái gì gay gắt, cực đoan. Như thơ Hồ Xuân Hương. Ông không mừng, ông “mừng hùm”. Ông không khoái, ông “khoái chí tử”. Ông không quên, ông “quên tuốt luốt”. Ông không hôn, ông “hun chùn chụt”. Ông không rầu, ông “rầu thúi ruột”. Ông không sợ, ông “sợ xanh máu mặt”... Cứ thế. Rất nhiều trạng từ và tính từ ghép vừa gợi hình vừa biểu cảm. Móm phải là “móm xọm”. Trống phải là “trống lổng”. Dài phải là “dài thòn”. Hẹp phải là “hẹp té”. Nhọn phải là “nhọn lểu”. Đen phải là “đen xỉ”. Mập phải là “mập ú”...

Mỗi câu văn của Kiệt Tán luôn luôn có xu hướng muốn biến thành một hình ảnh. Người khác hẳn chỉ viết: “Nhiều buổi trưa nóng, tôi cời trần ngồi thờ dốc”. Kiệt Tán thì phải viết: “Nhiều buổi trưa nóng, tôi cời trần ngồi le lưởi thờ dốc”. Người khác hẳn chỉ viết: “Hai người sanh giặc với nhau, quên cả giặc Thổ đang rượt theo”. Kiệt Tán thì phải viết tiếp: “... Rượt theo sát bên đít”. Người khác hẳn chỉ viết: “Má tôi muôn dậm tìm chồng”. Kiệt Tán thì phải viết: “Má tôi muôn dậm tìm chồng rượt theo níu cổ ông lại”. Người khác hẳn chỉ viết: “Tối đêm đó tôi trần trọc không ngủ được”. Kiệt Tán thì phải viết: “Tối hôm đó tôi trần trọc trắng dờ con mắt”. Nhiều. Thật nhiều những định ngữ giàu hình ảnh như thế trong câu văn Kiệt Tán.

Một hiện tượng có vẻ nghịch lý là, bên cạnh chất mộc mạc ấy, Kiệt Tán lại rất giàu chất thơ. Văn chương Kiệt Tán vừa có cái sần sùi của cuộc sống lại vừa có cái lung linh của mộng ảo.

Sự kết hợp ấy làm cho văn chương Kiệt Tấn có một khí hậu riêng, rất mực lạ lùng. Như ở trên mà như chơi vui trong sương khói.

Khởi sự cầm bút, Kiệt Tấn là một nhà thơ. Tác phẩm đầu tay của ông là một tập thơ: “*Diệp khúc tình yêu và trái phá*” (1966). Sau gần hai mươi năm im lặng, cầm bút trở lại, Kiệt Tấn đổi tay: từ thơ ông chuyển qua văn. Thì cũng không lạ. Chuyện khá bình thường ở Việt Nam: một nhà thơ thỉnh thoảng viết văn và một nhà văn đôi lúc táy máy thử nghiệm ngòi bút của mình trong cái cõi bằng bằng trắc trắc bằng bằng. Điều độc đáo và thú vị của Kiệt Tấn là, từ thơ chuyển qua văn, ông đã giữ lại, trong văn, cái cách nhìn và cách cảm đạt dào chất thơ của một nhà thơ.

Kiệt Tấn thuộc khá nhiều thơ, hò, vè và vọng cổ. Ông thích dẫn vào giữa những câu văn của mình, một câu thơ, một lời ca. Văn xuôi Kiệt Tấn, nhờ vậy, xôn xao nhạc điệu. Hơi thở và hơi ca đầy hơi văn bay bành lên, lênh đênh trôi về những chân trời xa khơi của tưởng tượng. Những chất thơ trong văn xuôi Kiệt Tấn không phải chỉ có thế. Nét đặc biệt nhất của Kiệt Tấn là ở chỗ khác, chỗ ông có thói quen sử dụng nhiều biện pháp tu từ chỉ thường gặp trong thơ, vốn đặc trưng của ngôn ngữ thơ. Ở đây, tôi chưa nói đến vấn đề hay hay dở. Chỉ nhấn mạnh một điều: ít có nhà văn nào sử dụng, trong văn xuôi, nhiều hình thức ẩn dụ và hoán dụ như Kiệt Tấn trong *Nụ cười tre trúc*. Hình thức ẩn dụ: “*Vườn chanh đang khua lá giặt rửa dưới dòng trắng*” (tr.170); “*Ánh trắng xanh xao ngủ trên võng chanh giãng ở đầu ngọn đong đưa*”. (tr.174); “*Con gió hắt hiu luồn tay chải gỡ lòa xào giữa tóc chanh rối lá*” (tr.181); “*một con quạ mặc áo sa ten tuyên óng ánh đi đứng đỉnh trên bãi cỏ úa*” (tr.212); “*Rồi Paris xuống tóc qui y trong ngôi chùa Đông Tạ*” (tr.249);... Hình thức hoán dụ: “*Cánh đen vỗ mạnh bay lên cây*” (tr.212); “*Tôi đưa tay bắt nải chuối mắt kịch cộm của người đàn ông cao lớn*” (tr.234)...

Nhiều câu văn của Kiệt Tấn nghe như thơ, thơ Hàn Mặc Tử: “*Ánh trắng trần truồng*” (tr.181); thơ của những người theo thuyết Tương giao giữa màu sắc, hương vị và âm thanh (Correspondances): “*Hương chanh chín mùi*” (tr.170); “*Ánh trắng bụi ngọt*” (tr.92)... Giọng văn của Kiệt Tấn, như vậy là một thứ hợp chất giữa khẩu ngữ và thi tính.

Một đặc điểm khác cũng khá phổ biến trong “*Nụ cười tre trúc*”: Sự dí dỏm. Từ cách dùng chữ đến cách mô tả, cách kể chuyện của Kiệt Tấn dường như lúc nào cũng thấp thoáng một nụ cười tinh nghịch. Tinh nghịch một cách nhẹ nhàng và có duyên. Mà hình như đây cũng là đặc điểm chung của nhiều nhà văn miền Nam khác. Các nhà văn miền Nam, ít nhất trên trang sách, thường xuề xòa, dễ tính và vui tính. Bình Nguyên Lộc, Vương Hồng Sển, Hồ Hữu Tường... rồi Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Tấn Hưng, Võ Kỳ Điền. Sơn Nam không vui tính nhưng cũng dễ tính và xuề xòa. Chỉ có hai người cầm bút miền Nam thực sự nghiêm trang và trịnh trọng: cặp vợ chồng Đông Hồ và Mộng Tuyết. Nhưng cả hai đều bị ảnh hưởng nặng nề của văn phong miền Bắc. Khi nghiêm trang và trịnh trọng họ phải giả giọng.

Ở trên, tôi cố gắng nhận diện những đặc trưng nổi bật nhất trong phong cách văn học của Kiệt Tấn. Cũng không giải thích được bao nhiêu. Ở Kiệt Tấn có một cái gì khác, cao hơn, vượt ra ngoài những nhận định có tham vọng khái quát ấy. Mọi tài năng nhưng thực sự thường đa dạng. Khả năng đa dạng hóa có lẽ xuất phát từ sự nhạy cảm. Ưu điểm lớn nhất của *Nụ cười tre trúc*, nghĩ cho cùng, không phải ở ngôn ngữ hay thơ, cũng không phải ở phong cách pha ít nhiều tự truyện hay ít nhiều tùy bút, mà thực chất là ở khả năng khám phá nhạy bén và tinh tế những tâm lý phức tạp của con người.

Trong lãnh vực này, ít người đi xa và đi sâu hơn Kiệt Tấn. Kiệt Tấn như một nhà thám hiểm đại dương, ngòi bút ông không ngừng phát hiện từng sự thật mong manh, khuất giấu trong đáy cùng tối thẳm của lòng người. Nếu Nguyễn Mộng Giác là người nhạy bén trong việc khám phá

và mô tả những trạng thái tâm lý bình thường trong đời sống hằng ngày như niềm vui, nỗi buồn, sự giận hờn, sự thương nhớ... thì Kiệt Tấn lại là người cực kỳ nhạy bén trong việc khám phá và mô tả những trạng thái tâm lý bất bình thường của con người. Không ai, trong nền văn học hải ngoại hiện nay, có thể viết về một cơn điên, một giấc mơ dữ, một tình yêu cuồng nhiệt... hay hơn Kiệt Tấn.

Văn chương của người gốc miền Nam từ trước tới nay thường tập trung khai thác nhiều ở các đề tài: phong tục, lịch sử, thể sự và luân lý. *Nụ cười tre trúc* mở ra một thế giới khác, thế giới truyện tâm lý và triết lý.

Nghe nói Kiệt Tấn đang hoàn thành bộ trường thiên tiểu thuyết *Lớp lớp phù sa*. Một số đoạn trích trong đó được đưa vào tập *Nụ cười tre trúc*. Những đoạn trích ấy đều hay, đặc biệt, *Vườn chanh miệt biển*, rất hay. Nhưng giá trị của cả bộ trường thiên tiểu thuyết ấy sẽ ra sao? Dĩ nhiên là phải chờ đến lúc tác giả cho ra mắt. Riêng tôi, vừa chờ vừa thất thỏm. Có thể, khác với *Nụ cười tre trúc*, lần này Kiệt Tấn sẽ thất bại. Kinh nghiệm: những nhà văn có giọng văn pha nhiều chất tùy bút ít khi thành công trọn vẹn trong truyện dài.

Tôi nghĩ đến Nguyễn Tuân, đến Mai Thảo và Đền Võ Phiến. Truyện dài của họ hay thì đành là hay so với vô số những cây bút khác. Nhưng với họ, cái hay ấy tôi có cảm giác có cái gì không trọn vẹn. Như truyện ngắn của họ. Như tùy bút của họ. Như chiều cao của họ đòi hỏi nó phải ngang tầm.

Mong là Kiệt Tấn sẽ gặp may mắn./.

(*) Thơ trong bài này mượn của Nguyễn Bình, Phạm Thiên Thư, Thâm Tâm.

Kiệt Tấn Nguyễn Vy Khanh

Kiệt Tấn sống hiện sinh hết mình, sống thật, trong đời sống cũng như tình yêu. Nhân vật Kiệt nổi loạn, sống và đòi sống, bất kể hậu quả. Ông hết mình vì không giấu giếm với người đọc. Một tâm hồn thẳng tuột, không sợ mất lòng, không cả rào đón lo "an ninh" cho "cá nhân"!

Trong tiểu thuyết *Lớp Lớp Phù Sa*, ông viết về phong tục và đời sống xưa khó khăn, tình con người hào hớn và băng đảng hội kín. Tình cảm đặc biệt tràn đầy, cảm động trong *Nụ Cười Tre Trúc* về người mẹ, về "nụ cười tre trúc rì rào". Trong nỗi nhớ, giữa những người thân và bạn bè còn có những bà-già-quê- hương bán hàng rong mà tác giả đã gặp. Năm Nay Hoa Đào Lại Nở (NCTT) chính là nỗi nhung nhớ quê nhà qua một bà bán đậu phộng, nỗi nhớ mỗi năm hoa đào lại nở ở xứ người!

Ông hay trích thơ nhạc, câu hát cải lương, cả ngay trong câu văn, may mà tác giả thường cẩn thận cho in chữ nghiêng: "... *Vài con vịt xanh đỏ xinh đẹp nhởn nhơ trên mặt sông. Vịt nằm bờ mĩa rĩa lông, cảm cảnh thương chồng đi học đường xa. Vịt đưa mỏ rĩa lông chăm sóc sự phình nổi của mình. (...). Thôi thì em chẳng yêu tôi, leo lên cành bưởi nhớ người rưng rưng. Bút rời em, tôi còn biết sống với ai?"* (EO'ĐT, tr. 99).

Vấn đề xác thật trở nên yếu tố không thể thiếu của đời sống nổi loạn đó. Tình dục ở Kiệt Tấn không là vấn đề để bàn, mà phải sống, phải hiện sinh, với điên cuồng nhiệt tình, với tối đa cảm xúc. Trong nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn khác nhau, người đọc được gặp lại hơn một lần những cô Út thời học trò nhỏ, cô Tuyết bán quán ở Bắc Mỹ Thuận, Hoa bên đò Rạch Miễu,

những cô gái mắt xanh tóc vàng Michèle, Danielle ở Xóm Học (Quartier Latin) Paris, Diane, Danyèle, Louise của đất Quebec, Canada mà nhân vật ông dịch là Ca Bá Đại. Chưa kể những chuyện ăn chơi nhậu nhẹt bên những cánh hồng nơi chỗ tối tăm (Sáng Dậy Nghe Em Khóc, Những Đoá Hạnh Phúc Không Ngờ trong *Thương Nàng Bảy Nhiêu*). Nhưng bên cạnh vẫn có nhân vật Ánh xuất hiện ở những lúc cần thiết để "chà răng", đưa tác giả trở lại thực tế cuộc đời. Tính chất tự-truyện khiến tác phẩm ông thành công, dù có khi sống sượng, như hai anh em chung người yêu, Hoa, Liên, Diane,... Vô luân, chính Kiệt Tấn đề cập đến nhưng lại cho đó là một cách nhìn của xã hội cần phép tắc và lễ nghi để trị an nhưng theo ông "*đôi lúc càng trị loạn, loạn càng dữ*" (3). Ông từng thú "*gian lận trong tình yêu*" vì với đàn bà, ông "*chỉ biết si tình và đam mê thôi chứ không biết yêu*" (4).

Kiệt Tấn đùa tình với phái nữ, tình nghịch với đời, với ông anh (Lê Dung Sang Tề, Thư Cho Lộc, ...) và bạn bè (ông viết bút ký thăm Montreal và Toronto cũng đặc biệt lạ lẫm không kiêng dè). Nhưng nghĩ cho cùng, Kiệt Tấn hay nhân vật trong tác phẩm của ông, đều có ý dùng kinh nghiệm sống để vượt lên trên, làm người. Cái hết mình, "dzô, dzô", "100%" trong truyện Kiệt Tấn, chính là Nam-tính rất địa phương đó! "Ông hôn chùn chụt..." diễn tả đặc biệt chi li động tác, tình cảm sâu, nặng như mùi cái lương. Trong các truyện nhiều chi tiết trở lại như những tham chiếu, tiếp nối. Như ba truyện ngắn Bến Đò Trao Thơ, Người Em Xóm Học và Em Điền Xóa Tóc đã mở đầu cho truyện *Vườn Chanh Miệt Biển*(NCTT).

Không biết những nổi loạn, sống hết mình của Kiệt Tấn có ảnh hưởng gì đến con người tác giả không, vì truyện Em Điền Xóa Tóc (sau in trong *Nụ Cười Tre Trúc*, 1987) chứng tỏ người viết truyện đã từng sống trong bệnh cảnh đó! Nói chung, tính chất tự truyện, hiện thực trong tác phẩm của Kiệt Tấn đã làm mạnh thêm tính lãng mạn và thi vị. Tự trung chuyện ăn chơi, đam mê, làm lỡ,... của nhân vật xưng tôi hay Kiệt đã là những tác phẩm khá thơ mộng và thành công để lại nơi người đọc sự quý mến, dĩ nhiên là với người đọc không đạo đức giả! Sống thật vì theo ông, hạnh phúc chỉ là một cảm giác (4). Cũng nên ghi lại đây quan niệm về truyện ngắn khác người của ông: "*Tôi có quan niệm về truyện ngắn hay hoặc dở như sau: tôi tưởng tượng độc giả là người nữ. Khi sáng tác truyện ngắn, tác giả rủ độc giả làm tình. Nếu cả hai đều đã đời, truyện ngắn thành công. Nếu chỉ có một bên đã đời, truyện ngắn thất bại. Nếu không có bên nào đã đời, truyện ngắn thảm bại...*" (5).

Gần đây, cái sôi nổi, hết mình của Kiệt Tấn đã được thể hiện dưới một hình thức khác cũng vốn là sở trường của ông khi bắt đầu nhập làng văn nghệ: thi ca. Ở những ngày tháng đời mà kỷ niệm và kinh nghiệm sống trút lại trong sinh mệnh của tập thể, đất nước, ông cho xuất bản tập trường ca *Việt Nam Thương Khúc* gồm 3100 câu song thất lục bát, tiếng ca những đau thương, hệ lụy thăng trầm của đất nước, của con người. Nguyễn Văn Sâm khi giới thiệu đã viết "*Đó là cái không khí tình người bạt ngàn thương yêu gia đình và đồng loại của những nhân vật nạn nhân, đó là sự dấy dựa cố thoát khỏi nghịch cảnh của những người bị con quái vật định mạng kéo vào lò tai ương. Đó là một hơi thơ trong suốt không bao giờ lạc vận, được phụ họa bằng những chữ dùng trang nhã mà chính xác. Dĩ nhiên tất cả tình tiết và sự kiện lịch sử xảy ra trước đây, người đọc đã cất kỹ trong ký ức sẽ được trí đón nhận trở về một cách thích thú vì Kiệt Tấn dùng những sự kiện đó làm nền cho câu chuyện của mình...*". Xa những vần thơ thiết tha nhưng trầm buồn Ba Mến của Bình Nguyên Lộc, và xa hẳn những nổi loạn tâm hồn tuổi trẻ của những *Điệp Khúc Trái Phá* (1966):

đêm hôm đó / khi trúng đạn người lính giận dữ / chửi thề / rồi phun ra một búng máu / sáng hôm sau / người nông dân mang cà ra đồng nhìn thấy vũng máu / chửi thề / rồi xẻ đường cho máu đi vào đất / mạ gieo xuống / mạ không buồn đếm xỉa máu của bên này bên kia / mạ mọc lên / bình thản / tốt tươi / khỏe mạnh" (Trong Con Bình Lửa).

Phụ đính :

Phỏng vấn Kiệt Tấn Phan Thị Trọng Tuyền, Đặng Mai Lan thực hiện



Nhà văn Kiệt Tấn

Truyện ngắn đầu tay anh viết lúc nào, trong bối cảnh nào?

Truyện ngắn đầu tay của tôi? Thiết tình mà nói, tôi cũng không nhớ rõ. Bởi lẽ tôi đã viết lai rai từ thuở còn học trung học và đại học. Hình như truyện ngắn đầu tay tôi viết về Diane, người em xóm học, khi tôi từ Paris trở về Québec năm 1961, không còn nhớ rõ tựa, đăng trên nội san *Đất Lạnh* số 1 của nhóm sinh viên Việt du học tại Québec chủ trương. *Đất Lạnh* ra có mỗi một số thì toà soạn đóng cửa đình bản vì cạn vốn, các mầm non đại văn hào đều bị bắt buộc nghỉ dài hạn không ăn lương.

Trước khi nói về văn chương, xin lạc đề một chút: hình như anh hơi kì thị chủng tộc? Anh đã chẳng mê toàn mấy cô đầm, hết đầm Âu đến đầm Mĩ. Hay là đầm để mê Kiệt Tấn hơn Mít?

Nói kì thị chủng tộc thì hơi quá đáng...

Hay là vì đạo đó có lẽ thiếu con gái Việt Nam đi du học? Hay là việc "giao du" trai gái Việt Nam có nhiều khó khăn, trở ngại (thí dụ: không thể có sex nếu không cưới nhau)? Con gái Việt Nam khó "thương" hơn? Anh nói sơ về khoảng thời gian du học ở Québec...

Thời buổi đó ở Québec chỉ có mỗi một cô sinh viên người Việt, lại lớn tuổi hơn tôi và chỉ có những là xương. Đành chịu thua. Sức người có hạn!

Mấy cô đầm mới ngó vô thấy lạ, bỏ bịch rồi thì cũng quen lần. Lên giường, lúc lâm trận mịt mờ thì cô gái nào cũng chỉ là một cô gái thôi. Chỉ có chia động từ thì khác... Còn rên rĩ thì cũng y chang như nhau... Còn chuyện viết lách. À!... Để tôi động não ráng nhớ lại coi. Nếu không lầm thì "Trước mặt" là truyện tình đầu tay của tôi được lên mặt báo, nhưng báo nào thì tôi không

còn nhớ rõ. Đó là sự nối tiếp của cuộc đời tình ái lãng nhãng của tôi. Truyện kể tôi đến nhà đón một cô vũ nữ bỏ bịch đi chơi. Trong lúc ngồi chờ cô em trang điểm, tôi hồi tưởng lại những cuộc tình đã qua ba trật bốn vuột của mình mà ngán ngẩm. Những Hoa, những Tuyết, rồi Diane, Louise, Danyèle, những Nguyên, Hương, Nhung... đều lần lượt già biệt. Buồn ời! Ta xin chào mi. Truyện kết thúc bằng những câu hỏi miên man không dứt: Cô em sẽ phụ tôi, tôi sẽ bỏ nàng, tôi và nàng sẽ yêu nhau dai dẳng, nàng sẽ có con với tôi, tôi sẽ cưới nàng, nàng sẽ bỏ tôi bất thần để đi lấy chồng? *Hoàng hôn lần nữa năm hầu hết, hờ hững ai xui thiếp phụ chàng...* Tôi không còn dấu vết nào của truyện "Trước mặt".

Thời đó đưa vũ nữ bỏ bịch đi chơi có "dễ dàng" không? Vì giới nghiêm, thiết quân luật, vợ nhà... vân vân.

Đưa vũ nữ bỏ bịch đi chơi có "dễ dàng" hay không là tùy ở tài nghệ và tâm tánh của mỗi người. Giới giang hồ có câu "chịu chơi thì đừng có run". Nhắc giới nghiêm, tôi nhớ một lần đó, còi giới nghiêm vừa hạ, tôi lật đật nhảy lên xe bốn bánh phóng ào ào từ quán nhậu ở Chợ Đũi về Hàng Xanh, queo cua lờ trốn lạc tay lái ùi sập bót cảnh sát ở gần nhà, may nhờ chỗ công chức quen mặt nên sếp bót thông cảm ...

Khi trở về Việt Nam, anh làm việc ở đâu? Làm công chức cao cấp có chán không?

Tôi làm chuyên viên ở Bộ Kinh tế. Tánh tình, tóc tai, áo quần dị hợm nên bị đi làm chuyên viên dài dài. Cho đến mười năm sau, dùng một cái, được đề cử lên làm Giám đốc Định chuẩn. Nghề đó không ai giành, không do bè cánh hay *piston* đẩy lên chi hết. Khi làm giám đốc một cơ quan tự trị gồm toàn những người trẻ do mình tuyển dụng, tôi rất phấn khởi...

Truyện của Kiệt Tấn đa số đều đưa vấn đề tình dục vào? Tại sao?

Câu trả lời thật ra khá đơn giản: Cuộc tình nào của tôi cũng tay chẹn rồi beng, thịt da bát ngát, đòi núi chập chùng, cỏ non mút mắt. Khi hồi tưởng và viết lại thì nó y chang như vậy thôi, cũng đất trời chói sáng, thịt da bán loạn, đâu có mất công gì phải đưa với đón tình dục vào truyện hoặc hư cấu làm chi cho nó nhức cái đầu, mệt thẳng nhỏ (*Cười cười*). Xin cô Hai thông cảm.

Có lần, khi nói về tình dục, tôi đã minh định: "Tôi viết về tình dục với mục đích cho độc giả thấy tình dục là một điều tự nhiên và đẹp đẽ". Lần khác, khi viết về tôi, Nguyễn Hưng Quốc đã nhận xét: "Nhiều người cho là Kiệt Tấn viết bạo. Thêm điều này nữa: Bạo nhưng không bao giờ nhớp nhúa. Thiếu cái trong sáng của Thạch Lam, tình yêu trong truyện Kiệt Tấn lại gần hơn với sự thực, với cuộc đời" (*Tuyển tập Kiệt Tấn*, trang 476).

Anh có thể đưa ra một vài đoạn văn tiêu biểu của anh khi viết về tình dục?

Khi đọc những truyện tình hồi hồi tình dục của tôi trong *Tuyển tập*, ở trang 17, Đoàn Nhã Văn đã phân tích và để ý được điểm này: "Một trong những điểm đặc thù ở chữ nghĩa của Kiệt Tấn, trong vùng cấm địa này, là đặt nhiều cặp tính từ đằng sau một câu nói để nhấn mạnh điều diễn tả. Cặp chữ này nối liền cặp chữ kia tạo nên những đợt sóng dập dờn trong dòng suy nghĩ người đọc. Vì thế, người đọc thấy mình tham gia đủ đầy qua những vùng chữ nghĩa mang hơi hướm đàn bà:

Tuyết vừa ngồi xuống là tôi đi thẳng vào nỗi ám ảnh của mình. Bàn tay tôi sục sạo tìm kiếm đoá hoa thâm kín của nàng. Mềm mại, ấm áp, trơn mượt, nhưng êm. Mê mẩn, sung sướng, hạnh phúc. (TNBN, "Đêm cỏ tuyết", tr. 56).

Chân tay hai đũa quán quýt chẳng chặt rồi beng, tưởng không thể tháo rời được nữa. Rên rĩ, năn nỉ, xô ra, quán vào, cuồng nhiệt, mê toi, cực điểm, chết ngất... (TNBN, "Người em Xóm Học", tr. 105)".

Cái gì anh cũng ngó, cũng mó, cũng sờ, cũng ném tuốt tuột. Ừ, dễ dễ sợ: anh cầm cái bông bưởi, anh hửi cái bông hồng, anh bông cái bông cúc, anh hít cái bông mai, anh liếm luôn bông lys... Chẳng còn chi là đoá hoa thành thị/ núi rừng/vương giả! Chẳng lẽ với đàn bà anh luôn "phạm tục" như vậy sao? Chuyện tình của anh chóng vánh đi đến... đỉnh cao xác thịt, phải chăng anh cố ý bỏ quên phần... trái tim? Trái tim thì rất khó sờ mó! Bởi cách một lớp thịt mỡ!

(Đưa hai tay lên trời) Ôi! Tôi chỉ sờ ném cái gì mà đàn bà có thôi, chớ tôi đâu có sờ mó cái gì đàn bà không có đâu mà cô Hai cự nự? (Giờ Tuyển tập ra) Ở trang 492, Thụy Khuê đã nhận xét: "Đứng trước vẻ đẹp của người đàn bà, Kiệt Tấn trở thành thi sĩ. Văn ông không hề gọi dục, khi viết dường như có chất thơ đâu đó lảng đàng bước vào. Nhục cảm của thi nhân bỗng nhiên trong sạch lắm: Hương nắng còn đọng trên da lụa, tay khua tưởng đánh thức mặt trời, dục lên sóng biển và điệu tây ban cầm sẽ phả ra từ khung cửa sổ khuất kín của nàng. Dấu cổ mắt còn đó? Dấu bầm bên vú trái còn đó. Lời thề yêu em suốt đời còn đó. Tôi nựng nịu gò tình. Hôn lên ẩm ướt. Yêu. Yêu." (TNBN, "Người em Xóm Học", trang 113)

Đó! Cái cung cách yêu đương và thường thức đàn bà của tôi là như vậy đó. Viết về tình dục kiểu đó cô Hai có bị dị ứng không?

Dạ dị ứng thì không dị ứng, chỉ thấy hơi sảm chộp... giùm má nàng. Toàn là những người nữ tội nghiệp hết sức. Thôi xin hỏi tiếp câu sau. Rất nhiều ca dao trong truyện Kiệt Tấn. Tại sao?

Tôi được cái may mắn là từ thuở lọt lòng, tôi sống ở nhà quê và xóm bình dân. Lối xóm ai ru con cũng đều biết ầu ơ ví dầu vài ba câu ca dao. Má tôi cũng biết ầu ơ... Ví dầu ví dẫu ví dẫu, ví qua ví lại ví trâu vô chuồng. Hoặc: Má ơi đừng đánh con đau, để con hát bội làm đào má coi. Rồi lớn lên, khi đi học, nhờ học giỏi, tôi được lãnh thưởng mấy quyển sưu tầm tạp lục ca dao, tôi đọc thấy sượng ran, bèn đọc đi đọc lại nên thuộc lòng hồi nào không hay. Khi cầm bút lên viết thì nó cứ rỉ rả tuôn ra vậy thôi chứ chẳng có bí quyết gì hết ráo. Hơn nữa, khi viết về miền Nam ruộng đồng mát mắt, sông nước tư bề, khi viết về những người bình dân sống nơi miền đất này mà không có hò hát, không có ca dao, tôi nghĩ là một thiếu sót lớn. Hò hát và ca dao tạo được bầu không khí quê mùa cho truyện viết, cũng hợp tình hợp cảnh lắm chớ. Nên lắm! Ngoài ra, khi còn đi học, đôi khi tôi còn dùng ca dao để chim gái, như dụ dỗ cô Hoa trong "Bên đò trao thơ" khiến cho cô xiêu lòng mà trao duyên cùng tướng cướp: "Hãy thể với anh hết miếu qua chùa, Ai cho anh uống thuốc bùa anh mê?" Rụng rún chưa em Hai?

Dạ rụng là cái chắc, nhất là mấy em nào tưởng ca dao là thơ anh... làm thiệt. Tiêu tủng mấy hồi cả một đời huê! Bây giờ xin nói chuyện liên hệ... với nhóm Sáng Tạo (Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyển...) như thế nào?

Nhóm Sáng Tạo à? Để coi... Nói gần nói xa không qua nói thiệt. Tôi nghĩ sở dĩ nhiều người tưởng rằng tôi có liên hệ nhiều với nhóm Sáng Tạo là vì Sáng Tạo đã đứng tên xuất bản *Điệp khúc tình yêu và trái phá*, tập thơ đầu tay của tôi năm 1966. Thiệt ra, khi tôi về nước khoảng cuối năm 1963 thì tờ *Sáng Tạo* đã đình bản. Tôi cùng nhiệm sở với Cung Tiến nên nhân một dịp đi chơi chung, Cung Tiến có ghé ngang Thị Nghè giới thiệu tôi với Mai Thảo và Anh Ngọc ca sĩ khi đó đang lai rai ba sợi.

Giao tình Kiệt Tấn với các vị ấy ra sao?

Rủi thay, Chưa gặp anh, em đã có bầu! Mới gặp nhau lần đầu mà tôi và Mai Thảo đã chạm súng lẻ tẻ (Cười cười).

Anh còn nhớ lí do cuộc chạm súng đó không? Sau này bác Mai Thảo mỗi lần sang Pháp có gặp lại anh không? Và rồi sao nữa hả anh Kiệt Tấn?

Cũng chẳng có trăng sao gì hết. *No stars where!* Nói tiếp. Sau khi tờ *Sáng Tạo* đình bản thì Mai Thảo quay sang làm tờ *Nghệ Thuật*, toà soạn toạ lạc tại đường Phạm Ngũ Lão, máy in cũ mèm chạy sầm sập như trời đổ mưa. Viên Linh làm thư ký toà soạn, Anh Ngọc thủ quỹ. Ca sĩ nhà ta thủ rất kỹ nên tôi chẳng bao giờ được trả nhuận bút. Tới toà soạn chơi thỉnh thoảng gặp Thanh Nam, Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền, Tạ Tỵ, Phan Lạc Phúc, Cung Trầm Tưởng và nhiều tay khác nữa. Bài thơ đầu tiên của tôi đăng báo *Nghệ Thuật* hình như là bài "Biết bao giờ" tặng Lộc và Diane. Trong những bài kế tiếp, có nhiều anh ngợi khen bài thơ "Dòng sông và con thuyền 20 tuổi" của tôi. Trong nhóm, có lẽ tôi còn lỏi nhứt thời đó.

Còn chuyện "bắn" nhau?

Mai Thảo khi đó tiếng tăm lẫy lừng trong giới văn nghệ, "ràng nghe nổi tiếng cầm đồ". Mai Thảo ra cái vẻ đàn anh văn nghệ, còn tôi thì chẳng có viết lách gì. Văn nghệ văn gừng không mắc mớ gì tới tôi hết. Do đó mà có chạm súng lẻ tẻ. Sau này, thỉnh thoảng Mai Thảo sang Paris chơi, có gặp tôi vài lần. Một bận, tôi rủ Mai Thảo và một số bạn bè: Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Nguyễn Cầm, Nguyễn Hưng Quốc... về nhà nhậu nhẹt. Lần này thì chạm súng lớn hơn với Mai Thảo về chuyện ăn uống. Cứ cái giọng kên kên "Bắc kì là nhất" thì làm sao mà chịu đời cho thâu? Còn Thái Tuấn, hồi ở Sài Gòn ngày trước chỉ gặp nhau có một lần: bữa đó tôi xin quá xin nên bật ngựa cười hả hả trong buổi nhạc thánh phòng tổ chức tại nhà một ông Bộ trưởng chịu chơi. Sang Pháp, thường lui tới với nhau vì hợp tính. Thái Tuấn tặng tranh miễn phí là tôi chép ngay. Thích lắm.

Có còn cuộc "chạm súng" nào khác nữa không?

Thì thỉnh thoảng đi ăn nhậu với nhau cho vui vậy thôi. Tôi vốn không thích bàn cãi hay tranh luận văn nghệ. Tôi chủ trương "Viết không có chủ trương", và viết từ bên trái sang phải, từ trên xuống dưới là ăn chắc. Thời viết cho tờ *Nghệ Thuật*, thỉnh thoảng tôi xách một chai *Johnnie đi bộ* tới toà soạn, rồi kéo nhau đi nhậu. Thế là xong.

Trước đây anh đọc tác giả Việt Nam nào. Anh thích ai? Tại sao? Anh có đọc tác giả hiện nay trong nước không?

Tôi đã có dịp trình bày ý kiến mình về văn chương Việt trong bài "Thơ văn quê nhà trong trí nhớ" đăng trên *Văn Học* số 203 & 204 năm 2002. Nhắc lại, khởi đầu tôi đọc và học thuộc lòng *Quốc văn giáo khoa thư*, kế tiếp là quyển tiểu thuyết đầu tiên *Đông quê* của Phi Vân, theo sau là các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn cùng với các tiểu thuyết nẩy lửa của Vũ Trọng Phụng, trinh thám của Thế Lữ, Phạm Cao Củng... Vài truyện ngắn và tùy bút của Võ Phiến, Mai Thảo, truyện tình của Nguyễn Đình Toàn, biên khảo và truyện phong tục miền Nam của Sơn Nam. Thơ thì đầu tiên là *Lỡ bước sang ngang* của Nguyễn Bính, theo tiếp là các nhà thơ tiền chiến. Rồi thì chiến tranh Pháp Việt bộc phát, kết thúc bằng trận Điện Biên Phủ, đình chiến và chia cắt đất nước năm 1954. Thời kỳ từ 1954 đến 1975, chiến tranh Mỹ-Quốc-Cộng phùng phục đổ lửa, đất nước loạn cào cào, tôi đọc sách lung tung nhưng phần lớn thì ham chơi hơn là ham đọc và viết. Thời kỳ này, tôi thích Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Tạ Ký, Dương Nghiễm Mậu, Thế Uyên, Nhã Ca và còn những ai nữa, nhưng quanh đi quẩn lại thì vẫn là những người làm thơ, phần lớn.

Cũng nên nhắc lại là tôi thuộc thế hệ 40 nên lãnh đủ cuộc chiến tranh đằng đẵng 30 năm Pháp-Mỹ-Quốc-Cộng từ 1945 đến 1975. Thiệt là chó chết! (*Lắc đầu*).

Anh thích Nguyễn Bình và trích dẫn ông thi sĩ này khá nhiều, nhưng thơ anh không có tí ti âm hưởng của ông ấy.

Tôi khám phá Nguyễn Bình lúc 13, 14 tuổi gì đó. Thuở tôi bắt đầu biết si tình đàn bà con gái... và âm thầm đau khổ y hịch như sự phụ mình vậy. Tôi không hề có tham vọng làm một Nguyễn Bình thứ hai. Bờ lý đó là cách tự sát tốt nhất.

Hiện nay anh còn giữ được liên lạc với ai? Những suy nghĩ của Kiệt Tấn về văn học trong và ngoài nước? Và về những bạn văn của anh?

Để đáp câu này, tôi lại dựa vào bài viết “Thơ văn quê nhà trong trí nhớ” đã nhắc lại khi nãy. Nhưng lặp lại những ý kiến đó thì dài dòng lắm. Nếu tò mò muốn biết thì xin tìm đọc bài đó.

Anh nghĩ sao về tương lai (có về điều hiu) của văn học Việt Nam ngoài nước?

Khi nói về văn học ngoài nước, tôi tự ý giới hạn trong phần *sáng tác bằng Việt ngữ*. Theo tôi nghĩ, môi trường sống dài hạn của các sáng tác bằng tiếng Việt phải là nơi mà mọi người đều đọc được tiếng Việt, nói được tiếng Việt và viết được tiếng Việt. Vì có như vậy mới có người thưởng ngoạn, phê bình và bàn cãi. Một điều rõ boong^[1]: Môi trường đó phải là đất nước Việt Nam. Ngoài nước, các sáng tác hải ngoại bằng Việt ngữ chỉ sống ngắc ngoải như người bị bệnh nan y, sống vất vưởng như một lũ cô hồn. Bờ lý ấy, tôi mong là một ngày nào đó, một ngày đẹp trời, các sáng tác hải ngoại sẽ được hồi hương, chấm dứt kiếp sống lưu đày, và được in lại trong nước. Chuyện này không mắc mớ gì tới cộng sản cộng siếc gì hết. Chế độ nào rồi cũng phải có ngày chấm dứt. Còn sờ sờ đó cái màn cộng sản Nga sập tiệm, phần cộng sản Tàu thì giờ đây còn tư bản hơn cả Mỹ. Chớ cộng sản mà cứ “kéo dài xa tít tận chân trời” thì bỏ mẹ người ta hết sao? Nếu sau này chẳng may không có cơ hội nào được in lại trong nước thì tất cả những sáng tác Việt ngữ có giá trị tại hải ngoại sẽ trở thành những *mối tình ôm xuông tuyền đài chưa tan* ráo trôi!

Biết đâu được sẽ có những giọt nước mắt Mị Nương bất ngờ? Nói chuyện gần gũi cho dễ kiểm chứng, thưa anh. Ai cũng thở than cho tương lai của văn thi sĩ hải ngoại, anh thấy đúng không? Anh xử cho một quê coi.

Thì thôi, thể theo lời yêu cầu của cô Hai, tui cũng làm gan đứng ra làm thầy rùa, rờ mu rùa mà xử cho một quê, nếu không trúng thì thể nào cũng trật, mát mát gì đâu mà sợ! Theo tôi, biến cố lịch sử tháng Tư 75 đã làm phát sinh hiện tượng văn học hải ngoại. Và như mọi hiện tượng trong trời đất, nền văn học hải ngoại đã sống như một hiện tượng, rồi giờ đây hẳn hoi đang thoi thóp như một hiện tượng, để rồi sẽ biến đi như một hiện tượng. Một điều rõ rệt, trong lãnh vực sáng tác bằng Việt Ngữ tại hải ngoại, số lượng người viết càng ngày càng ít đi, số lượng người đọc cũng càng ngày càng ít đi. Tuy nhiên bù lại, nhờ có mạng lưới nên hiện nay người viết tại hải ngoại đã mở rộng lượng người đọc của mình về địa bàn trong nước. Nhưng (lại nhưng!), ngày nào tại hải ngoại hết còn ai sáng tác “ra hồn” nữa thì cũng đành ngậm củ tỏi mà thôi! *Bó giò!* Xin kiếu gia chủ ta thắng!

Khoan! Khoan thắng đã thưa anh Kiệt Tấn. Anh có bi quan quá đáng không, bởi vì như anh đã nói, nhờ mạng lưới truyền thông, sáng tác, sách vở đôi bên trong và ngoài nước hầu như không còn biên giới nữa, và chuyện giao lưu, du lịch đôi bên cũng mở rộng: thì đến một ngày nào đó,

khi chế độ độc tài nhiều ngăn cấm răn đe này cáo chung, khi đó việc phổ biến, in ấn, trao đổi... kể cả tương lai văn học trong ngoài lúc bấy giờ không còn là vấn đề nữa. Nhưng (lại nhưng!) đó là chuyện... tương lai. Anh chưa trả lời mục các bạn văn của anh.

Cô Hai đã trót la "Khoan! Khoan!" rồi thì phải xuống vọng cổ để tui đây / Tây dui còn phụt đèn màu chói! Thì thôi, *khoan khoan ngồi đó chờ ra*. Như đã nói hồi đầu, tôi không thích bàn cãi hoặc tranh luận chuyện văn chương. Tôi chỉ chú trọng phần sáng tác. Tôi thấy phe ta cứ cãi gì mà cãi nhau như giặc, cãi như mổ bò. Có cầm bút lên mà sáng tác hay không thì bảo? Cũng bởi lẽ không thích tranh cãi văn nghệ nên không có luôn trao đổi văn-giững, do đó làm sao mà có được bạn văn-dênh? Bạn nhậu thì có, cái đó thì không. Bạn cầm bút, nếu có gặp nhau thì cũng rủ đi nhậu. Nhưng rủ thay, cũng có người thích uống nước dừa, uống sữa đậu nành, hột é lười ươi hoặc sương sa hột lựu. Mấy cha nội này thuộc phe "trà đá chanh đường". Thì mấy chả rán mà chịu cho quen! Làm gì mà cứ nặng nề chề rệu như mèo chề mỡ: "Em chấ! Em chấ!", nghe sót cả ruột.

Cách dựng truyện của anh như thế nào? Hình như anh luôn luôn chủ trương "nói hết, nói thiệt 'chăm phần chăm'?"

Hầu hết những truyện tôi viết đều là tự truyện, nên "Có sao nói dzậy người ơi! Xin người đừng gian dối đời nhau!". Tuy nhiên, tôi không phải là một người đêm đêm kể chuyện đời xưa cho con nít nghe hay một ký giả chiến trường viết bài tường trình cho một tai nạn tình ái kèm theo ảnh chụp. Về cách dựng truyện, trước khi viết, tôi hồi tưởng lại cuộc tình của mình, sau đó tôi sắp xếp các sự kiện, các chi tiết để cho chúng xuất hiện theo một thứ tự nào đó mà tôi thấy là "hết xẩy". Tôi thường đảo lộn trật tự, cắt đổi thời gian, hoán chuyển không gian. Khi viết, tôi cố gắng tôn trọng sự thật tới mức có thể được. Thứ nữa, thêm một điều quan trọng: *Độc giả chỉ muốn đọc một truyện hay* chứ không nhất thiết phải là truyện thật một trăm phần trăm. Họ cóc cần, có thể nói thẳng ra như vậy. Thế nhưng nếu hư cấu quá trớn, truyện viết thấy "xạo" rõ ràng thì độc giả cũng chịu đời không thấu. *Xem xong nàng khẽ thở dài, người đâu tả ở mấy dòng thơ đây?*

Khi viết anh quan tâm điều gì nhất? Chủ đề? Hình thức? Anh hạ bút viết thẳng một lèo hay "đút ròi lại nôi", cần một chỗ yên tĩnh, nghe nhạc, uống rượu, hút thuốc lá?

Có những truyện tôi viết suôn sẻ, có truyện viết xong tôi xé hết, viết lại từ đầu. Tôi viết chậm, có thể nói là rất chậm, sau đó là đọc đi đọc lại, sửa đi sửa lại, có khi thời gian sửa còn nhiều hơn cả thời gian viết. Không hiếm những lần tôi sửa tới sửa lui sửa xuôi sửa ngược một câu cho chán chê rồi cuối cùng trở lại giữ câu đầu tiên viết ra. Khùng thiệt! Tuỳ cảm hứng, có khi tôi viết cho tôi, nhưng phần lớn là tôi *viết cho người đọc*. Khi sửa chữa bản văn, tôi đặt mình vào địa vị người đọc, tôi sửa tới sửa lui, đọc đi đọc lại nhiều bận rồi tự hỏi: Liệu đọc như vậy *đã sướng chưa?* Cái cảm giác chung chung mà tôi đón nhận được ở những người đọc truyện của tôi là "đã". Đọc thấy *đã* (sướng ran!). Như *đã đời!* Như nuốt vô thấy *đã*. Nhậu biết *đã*. Gãi đúng chỗ ngứa, *đã* quá *đã!* *Nhứt gái một con, nhì thuốc ngon nửa điếu. Đã* ời là *đã!* Tui nói thiệt đó cô Hai. Cô cứ thử đi thì biết.

Hầu hết những người phê bình sáng tác của tôi đều đi tới cùng một nhận xét chung chung: *Kiệt Tấn sống thật, viết thật. Kiệt Tấn sống hết mình, viết hết mình*. Và Thụy Khuê đã chung kết nhận định: "Cung cách đặc biệt dấn vào văn chương như thế, mấy khi chúng ta gặp được." (Tuyển tập, tr. 499)

Bên cạnh cái cảm giác *đã* là *cười*. Khi theo dõi truyện của tôi, bỗng phát bật lên cười một tiếng. Có nàng cho biết đã bị đấng ông chồng yêu dấu chất vấn: "Bộ khủng tới nơi rồi hả? Sao khi

không phát cười khời khời một mình vậy?". Dẫu cho truyện tôi viết có kết cuộc không khá, kết cuộc không có hậu, kết cuộc buồn hiu buồn hắt đi nữa thì vẫn cười hoặc mỉm cười lai rai suốt khi đọc truyện. *Chưa thấy quan tài chưa nhỏ lệ!*

Những nhà phê bình đều cùng nhau đi tới chung nhận xét: *Kiệt Tấn dí dỏm, hóm hỉnh, tinh nghịch*. Rất tiếc chưa có ai viết một bài đặc biệt có dẫn chứng về điểm này cho vui nhà vui cửa. Theo chỗ tôi nghĩ, trong đời sống, *nụ cười* giải toả được rất nhiều chuyện rắc rối, loạn tâm, nhức đầu, táo bón. Tôi rất nghi ngờ, dị ứng và sợ run sự nghiêm chỉnh. Một điều hiển nhiên: bộ mặt đạo đức giả bao giờ cũng phết lên mình một lớp sơn nghiêm chỉnh. Ai không đồng ý điểm này xin hãy thay bộ đồ lớn, thắt cà vạt đen, giơ cao tay lên và đứng dậy bước lên bục gỗ lớn tiếng phản đối... một cách nghiêm chỉnh! Một cách nghiêm chỉnh, *please! S'il vous plaît!* *Yakitori!* Phần tôi, tôi xin được phép bạn xả lỏng rần, ngồi tại chỗ, giơ cao tay lên và đứng dậy... *dét toa lô, dô toa lét. Sorry! Désolé! Hara kiri!*

Khi dựng và viết truyện, anh chú trọng phần nào nhất? Phần đầu, phần giữa hay phần cuối?

Khi thực hiện *Tuyển tập Kiệt Tấn*, tôi bắt buộc phải đọc lại hầu hết các truyện mà tôi đã viết ra. Nhất là với những truyện đã được tuyển chọn, tôi phải dò tới dò lui để sửa chữa *từng chữ một*, hoặc để bỏ tấc hay cắt bỏ một vài chỗ, một vài đoạn mà mình không ưng ý. Trong lúc đọc lại các truyện viết của mình, tôi không khỏi ngạc nhiên khi nhận thấy phần lớn cách dựng truyện với nhiều đề tài khác nhau của tôi, dù không cố tình, cũng có điểm giống nhau chung chung. Đó là cách thức vào truyện và phong cách ra khỏi truyện. *Mở đầu*, bằng một hình ảnh loá choá, tôi thường ném độc giả thẳng vào cuộc tình hay câu chuyện sắp được kể, đầu khoảng giữa chừng, khiến cho độc giả hoang mang không biết chuyện gì đã xảy ra trước đó, để rồi tò mò theo dõi, chờ đợi được giải thích, sự lời cuốn đã được tạo nên. Rồi câu truyện được kể ra, không nhất thiết theo thứ tự thời gian. Tôi sử dụng rất nhiều hình ảnh, rất nhiều sự kiện, rất nhiều chất sống thực, rất nhiều *trải nghiệm*, nói tóm rất cụ thể. Phần *kết thúc*, tôi thường đưa độc giả ra khỏi truyện bằng một *xúc động*. Cái cảm giác mà tôi muốn để lại cho người đọc là một nỗi băng khuâng, man mác, có khi là một chút ngậm ngùi, tiếc nuối, có khi là một hoang mang, nghi vấn. Truyện tôi viết hiếm khi có kết thúc vui, một *happy ending*. Ý thì vậy nhưng không biết là tôi có tạo được xúc động mong muốn hay không, ngòi bút tôi có dẫn dắt độc giả vào những vùng cảm giác đó được hay không. Một đôi lần, có người cho biết là sau khi đọc xong truyện tôi viết đã ngủ ngủ sa nước mắt. Còn tôi thì khi viết, tôi đã nhiều lần khóc nghẹn ngào, đành phải buông bút ôm mặt khóc ngất. Hoài niệm thương động. Ôi! Những hoài niệm thương động! (*Cúi mặt, bùi ngùi*)... Theo cảm quan của tôi, sau khi đọc xong bất cứ một truyện nào đó, điều đáng kể là một chút cảm giác khó quên, một chút ám ảnh khôn nguôi, một chút không khí lạ lùng, một chút ấn tượng nhớ hoài còn sót lại ở người đọc. Truyện viết được như vậy mới có thể gọi là thành công, là "*đạt*". Bởi lẽ đó nên khi cầm bút, tôi viết theo cảm quan của tôi, tôi viết theo tính khí của tôi chớ tôi không viết theo một chủ trương nào hết, cho dù chủ trương đó mới toanh hay cũ mèm.

Anh viết rất ít về tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của chính đàn bà? Bà nào cũng "đòi núi chập chùng, cỏ hoa tượng bưng rậm rạp, động hang thăm thăm" nhưng nhịp đập trái tim và sóng gió tâm hồn họ ra sao ít ai biết? Chỉ thấy họ rất "dễ thương", nhiều tình cảm, chất phác, mộc mạc, nhất là... dễ tin. Nhưng đó cũng chỉ là "cảnh trí" bên ngoài. Anh có thấy vậy không? Thật sự anh nghĩ sao về họ?

Đàn bà... Lại đàn bà! (*Gật gù, đẩy về cảm khái*)

"*Nghĩ sao về đàn bà?*", cô Hai hỏi chi khó vậy? Có câu nào dễ hơn không? Chẳng hạn đàn ông gặp đàn bà nơi thanh vắng thì làm cái gì? Hoặc: Thấy người đàn bà mặc áo hở ngực rộng có đôi vú lớn thì Kiệt Tấn ngó cái gì trước? Ôi thôi! Thiếu gì những câu hỏi dễ ợt, sao cô Hai

không chịu hỏi? Lại đi hỏi "nghĩ sao về đàn bà?". Là giết đời nhau đấy biết không? Nhưng giờ đây cô Hai đã trót quãng câu hỏi nhón lên không trung rồi thì tui cũng phải cố gắng động não để giả nhời sao cho lọt lỗ tai cô Hai: Trước nhứt, tôi đến với đàn bà không bằng trí tuệ, cho nên hỏi tôi nghĩ sao về đàn bà thì tôi đành quãng khăn lên đài chịu thua. Tôi đến với đàn bà bằng đam mê, bằng rung động, bằng linh tính và bằng năm giác quan trời cho: *Thấy, nghe, sờ, ngửi, nếm*. Y chang như loài thú vậy. Có đi thực tế mới hiểu được lòng dân. Bằng không thì chỉ nói khơi khơi về đàn bà, hư cấu khơi khơi về đàn bà mà chưa hề đụng tới một sợi lông, một sợi tóc nào của nàng hết. Như thầy tu chính cống mà lại đi thuyết pháp về đàn bà thì nhứt định phải hồng bét là cái chắc!

"Sờ nếm nghe thấy" đàn bà? Vẫn rất là cụ thể! Vẫn rất là thể xác. Anh xác nhận đến với đàn bà không bằng trí tuệ, mà bằng đam mê, bằng rung động, bằng linh tính và bằng năm giác quan trời cho: Thấy, nghe, sờ, ngửi, nếm. Y chang như loài thú vậy.

Vì sao? Vì theo tôi, chỉ có cách đó mới thực sự xâm nhập được đối tượng và thực sự thấm nhập được tâm trạng người nữ ...

Thấm nhập được bên trong bằng "sờ" bên ngoài: nghe ra cũng rất là... tưng ca thân xác; rồi thì sao ạ? Người đàn bà nào cũng chỉ duy nhất "lồ lộ, dày dầy" một thể xác? Mà về thể xác ấy, đọc giả cũng không nghe thấy anh hỏi như ai kia "cổ trên mình mấy em sâu ra sao?". Những người nữ của anh hình như là những con búp bê tội nghiệp, yếu đuối và... nạn nhân. Bộ anh không có ý nghĩ nào về đàn bà "siêu" hơn một chút?

(Ngần ngừ). Thiệt khó mà diễn tả được rớt ráo những gì tôi nghĩ về đàn bà. Mà nghĩ lại, thiệt tình có bao giờ tôi nghiêm chỉnh bóp trán nghĩ ngợi về đàn bà đâu! Tôi chỉ biết ham sống. Tôi chỉ biết si tình và đam mê đàn bà. Nhưng sự ràng buộc mật thiết giữa tôi với đàn bà nó kỳ lạ lắm. Nó vượt ngoài lý luận, ngoài phân tích. Tôi không diễn tả nổi!

Anh thú nhận là không nghiêm chỉnh suy nghĩ về họ, nhưng nếu chẳng diễn tả nổi thì anh cứ thử nói đại coi. Tuy nói vậy chứ anh hãy thận trọng, nhiều nhà nữ quyền đang "dòm chừng" anh đó. Coi như đây là câu hỏi thách thức: về đàn bà, dường như anh chỉ biết "yêu" cái thể xác, còn về cái "tình anh"? Có ai thấy anh viết về nỗi đau, ước mơ hay nhu cầu, hoài bão, khó khăn của họ trong đời sống? Và nếu đàn bà mặt mũi xấu xí, ngực lép, mỏng teo hoặc quá dữ dằn, quá trí thức, hoặc "đòi" được "yêu toàn diện" thì anh... tính sao?

(Cười cười): Nói đại? Chết bỏ! Lại mấy bà nữ quyền! Mấy bà dòm chừng thì có dòm chừng thiệt đó, nhưng "ngó thấy" thì chưa chắc đã ngó thấy được cái gì. Các bà nữ quyền có cái quyền của người nữ, thì cứ tha hồ phát cờ khởi nghĩa đòi cái quyền của mình. Tôi không có quyền gì hết ráo, bởi lẽ đó muốn giành quyền với tôi cũng khó lắm thay! Lại lắm: khi đàn ông chúng tôi mó tới các bà là các bà la toáng cả lên: nào là đồ lợn lòi, chỉ biết ham muốn hành dục với đàn bà, thử đồ mắc dịch! Nhưng thử tưởng tượng, một ngày đẹp trời nào đó, nhờ ánh sáng Phúc Âm chiếu rọi, bọn lợn lòi chúng tôi hết còn ham muốn mó tới các bà nữa thì chừng đó các bà chỉ còn nước rút khăn mù soa ra mà lau lệ thương tiếc cho thời đại vàng son đã mất. Rồi đây các cô gái già biết đổ đâu cho hết! Đổ xuống sông sáu chề, đổ xuống biển cá mập lác đầu! A, vẫn còn câu hỏi thách thức: Về đàn bà, dường như anh chỉ biết "yêu" có cái thể xác? Với tôi, cái thể xác của người nữ là để ôm ấp, thưởng thức và chung vui. Còn cái "tình anh" là để chiêm ngưỡng, trân quý và duy trì liên hệ. Nếu cứ đem cái tình anh ra mà "blablaba" thì cũng chỉ là bói mò, tán hươu tán vượn để kiếm điểm với các nàng (hầu kiếm chút cháo?)... Trong truyện tôi, qua các cuộc đối thoại và hành xử của các nhân vật nam nữ, người ta cũng có thể đoán biết được cái "tâm tình" và cái "tình anh" của các nàng. Bởi lẽ nếu đem cái linh hồn ra mà cắt xẻ cho "banh xà rồng" thì còn chi là nghệ thuật? Còn hỏi tôi tính sao với mấy bà "xấu xí, ngực lép,

mông teo"? Nói gần nói xa chi cho mệt. Mẫu người đó tôi không có cơ hội xáp vô nên chưa hề bị đòi yêu trí thức, hoặc "yêu toàn diện". Vì vậy tôi chưa biết "giả nhời sao cho phải lẽ". Phải hỏi lại thằng bé. Thằng nhớn tuy hết sức xuề xoà nhưng ngược lại thằng bé vô cùng khó tính. Nhiều khi "trên" bảo mà "dưới" nó cứ nhứt định không nghe. Cứ gục mặt "Em chã! Em chã!" Thiệt là kẹt! "*Giờ thì cũng yêu mà yêu... yếu xìu!*"

Hình như anh dùng những luận điểm luận cứ rất chung chung, y như lúc phòng trào nữ quyền phát triển trong những năm 70 thế kỉ 20. Khi các nhà nữ quyền... phát cò ở phương Tây, các ông Tây cũng phân pháo bằng từng ấy lời phê (vu cáo). Nói như thế là giản tiện hoá vấn đề.

Nếu các bà nữ quyền cứ nằng nặc "Em chã! Em chã!" hoài thì sẽ có ngày: *đi đâu mà chẳng lấy chồng? Người ta lấy hết, chồng mông mà gào.* Mở ngoặc, một giai thoại: bữa nọ một cô gái già từ lâu sống một mình, lén gọi điện thoại đến bót cảnh sát nhờ ông cò tới bắt hai cha con thằng ăn trộm đang trốn dưới gầm giường của mình. Cô dặn thêm: "Ông nhớ chỉ bắt thằng cha già thôi nghe, còn thằng nhỏ để lại cho tui". Đóng ngoặc.

Trở lại tiết mục "đàn bà". Hồi đầu, Nguyễn Hưng Quốc đã nói lai rai về ba cái tình dục của Kiệt Tấn rồi. Giờ xin để cho kếp Đoàn Nhã Văn lên tiếng giùm tôi. (Lật lật *Tuyển tập*). Đây nè, trang 16: "Với ông (Kiệt Tấn), đàn bà là cả một thế giới bí mật. Con gái cũng vậy. Càng nhỏ tuổi càng bí mật. Nhưng khi lớn lên, các nàng lại tặng thêm bí mật một cách khác (EOBDT, tr. 40). Càng bí mật, ông càng nhứt mực tôn thờ. Ông đến với họ như một thứ tôn giáo của riêng ông, mà ở đó đã mở ra những đấm đui, say mê, cời mở, hạnh phúc, hùng hực, dập dồn, xồn xang, xao xuyên, thềm thuồng, quuyến luyến v.v... Và ông bơi lội trong vùng không gian này thoả thích. Thiếu họ, ông mất quân bình, như một bình điện hết hơi, nằm cú rũ, phê thải." Ông nói tôi tôn thờ và ghiền đàn bà như vậy đó, chịu chưa?

Trở lại chuyện này, tôi xin trích dẫn tiếp theo: "Ông viết về họ là muốn cho họ sống lâu dài trong lòng độc giả bằng một sự *trần trọng* của mình. Ông mình định một điều: '*Tôi không thể yêu một người đàn bà không có thân thể. Thứ đến, tôi không tách rời nhục cảm ra khỏi tình yêu chớ tôi không nhìn đàn bà với con mắt thuần nhục cảm* (EOBDT, tr. 70)'. "Sao? Vừa lòng chưa cô Hai?

Dạ thưa chưa. Ai dám đòi anh tách rời nhục cảm ra khỏi tình yêu bao giờ đâu! Dĩ nhiên, yêu ai cũng vậy, yêu tôi, tôi cảm ơn vì tôi sẽ... cất hết vô túi!! Yêu kiểu đó thì ai (ông nào) lại không ham! Yêu nhiều ở đây là nhiều người (cùng một lúc - như hai bà đầm đưng độ thời anh ở Canada! Thiệt anh đúng là... đào hoa nước Việt. Nôm na thì là... anh chắc cảm tình con... dê!

A! A... Thì ra cô Hai vẫn chưa chịu tin mấy qua là người lớn tuổi. Nhưng không tin lời đàn ông nói thì chẳng lẽ lại không tin lời đàn bà luôn sao? (Lật lật *Tuyển tập*). Thì đây nè, trang 491-492 Đào Thụy Khuê viết: "Tôi không chắc thứ tình Kiệt Tấn đối với đàn bà chỉ là tình yêu, mà còn *đưa mang, pha trộn giữa yêu thương, đam mê, ham muốn và che chở*. Qua cái vỏ ngoài có vẻ sống sượng, trần trụi của ngôn ngữ, bên trong áp ủ một tình yêu dịu dàng, êm ái. Tiếng Pháp có chữ *tendresse*, tôi không tìm được chữ tương tự trong tiếng Việt, để chỉ cái tình yêu của Kiệt Tấn đối với đàn bà: Âu yếm đã đành, mà thắm thiết cũng chưa gói tròn hết nghĩa. Kiệt hay Kiệt Tấn ngó đàn bà trong trạng thái nguyên thủy (không quần áo), với *con mắt một họa sĩ trước vẻ nữ khoả thân*: Ông trân trân nhìn cái đẹp. Sự thèm muốn trước cái đẹp thể xác là điều tất đến như đói thì ăn, khát thì uống, không có gì xấu xa, không có gì cần phải che đậy, thật thà và hiện hữu như những nhu cầu chính yếu của con người." Qua lời phân tích của Thụy Khuê và Đoàn Nhã Văn, tôi cũng không dè tôi yêu, tôi mê, tôi ghiền đàn bà tới mức kỳ cục như vậy nữa. Giờ đây, sau phần trình bày, tôi để cho cô Hai tự ghiền ngấm mà suy ra "cái nghĩ" của tôi về đàn bà. Thôi, tạm ngưng trình diễn cái tiết mục *đàn bà* ở đây. Đã câu giờ nhiều quá rồi. Cô Hai hỏi giùm cho câu khác.

Dạ, thì đành phải hỏi câu khác tuy vẫn còn ảm ức. Và vì ảm ức nên xin hỏi thêm: Đặc biệt đối với người đàn bà của Kiệt Tấn: Ánh, người yêu nữ sinh. Anh hãy nói đôi chút về người ấy.

Suyt! Suyt!... Cô Hai hỏi chi mà kệt tôi quá vậy? Bộ tính làm khó để đàn anh văn nghệ đó hả? (*Xuống nhỏ giọng*). Mà tui có lỡ thành thật khai báo gì về nàng rồi thì cô Hai cũng đừng có méc lại với bà nghe. Cô Hai hứa với tui đi.

Thì xin hứa. Mai mốt báo tới, anh giấu chị ấy. Để ợt!

(*Sau khi ngẫm nghĩ hồi lâu*). Ánh, bà xã tôi, là mối tình duy nhất mà kết cuộc có hậu. Còn những mối tình kia, những Hoa những Tuyết những Diane những Louise, những Danyèle những Nguyên những Hường... đều đi trót quót hết. Mà giả như những mối tình lãng nhãng này kết thúc bằng "hai mái đầu xanh chung một túp lều lý tưởng" thì có thể giờ này tôi đã trở thành ông chủ bến đò bụng phê, hoặc đã mở tiệm cà phê, mở quán bán hủ tiếu, bán bia ôm, bán nước dừa, mở tiệm cắt may hoặc trở thành mục sư, mở nhà chứa lén hay là cái chi chi nữa đó, tôi cũng không rõ.

Không rõ vì rất có cơ may anh sẽ là tất cả các thành tựu nói trên: chủ đò kiêm chủ quán bia ôm & cà phê kiêm chủ tiệm hủ tiếu & tiệm may, chủ chứa vân vân? Vì sao đây là cuộc tình có hậu? Chị Ánh có những "đường nét", cá tính nào đã khiến anh "dừng bước giang hồ" trái tim đa mê?

Ngoài những mối tình đầu với những bà-già-quê-hương, thiệt ra Ánh mới thực sự là mối tình đầu của tôi chứ không phải là Hoa. Tôi chíp Ánh từ thuở tôi còn học lớp đệ tứ, 15 tuổi. Còn *tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba*... Sau khi đậu xong tú tài 2, lúc 18 tuổi, tôi mới tỏ tình với Ánh và được nàng mở rộng vòng tay đón nhận... kẻ bạc tình. Tôi bạc tình Hoa. Lúc ấy Ánh có mái tóc đẹp và đôi mắt to đen, nhưng gầy lắm. Tôi thường hát tán tỉnh "*Anh nhớ trước đây đáng em gầy gầy*...". Có lẽ thời đó tôi còn thích gặm xương. Chớ nếu như thời đó mà tôi mê mấy cô vú bự như bây giờ thì chắc chắn là mộng sẽ không thành.

A, ra là vậy... Mối tình đầu cũng là tình cuối (?... Dấu chấm hỏi này lơ lửng vì nghe đâu đạo này anh hay bay về Việt Nam, những Hoa, những Tuyết, Hường... bây giờ nhiều, trẻ đẹp, và lắm cô cũng rất cần được thương yêu, che chở!) Biết đâu anh sẽ có dịp... tái bản những cuộc tình trong một hoàn cảnh hậu hiện đại, hậu chiến, hậu hoà bình... Tha hồ mà "sờ mó chiêm nghiệm sự thật"... Chết, lạc đề rồi! Xin trở lại cuộc tình có hậu. Kể ra thì anh đã thâm yêu trộm nhớ Ánh suốt ba năm liền. Nhưng sau khi kết tình với Ánh rồi thì thấy coi bộ anh... tình bơ như chưa bao giờ... cưới vợ? Ra đường anh hãy còn ngon, về nhà anh đã lợi non mấy lần!

Thì tôi vẫn tiếp tục... bạc tình (*Dụi dụi mũi*). Cùng lúc bắt bớ với Ánh, tôi lại cặp với Tuyết bán quán. Tình với Ánh thuộc loại tình phẳng lì, *platonique*, ngược lại tình của tôi với Tuyết thuộc loại tình áp rún đỏ mề hôi hột, tình lăn lộn trên bãi cỏ, tình ôm nhau ra rít trong nhà đêm đêm. Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, có thể đó cũng là một điều may mắn cho Ánh. Sau này, thỉnh thoảng tôi có nói với Ánh: "Em nên cảm ơn cô Tuyết, vì Tuyết đã dang thân ra đỡ đạn giùm em, Tuyết đã chịu trận sự ham muốn tình dục của anh ở thời mới lớn. Nếu không có Tuyết, anh sẽ trút hết dục tình lên em thì chắc là em đã bỏ chạy có cơ". Và Ánh đã gạt đầu tán đồng.

Xin lỗi lại hỏi anh lần nữa chuyện đời tư: hình như chị không đọc truyện của anh hoặc chị không ghen với những gì có thể đem lại hứng cho anh tiếp tục viết?

Ánh vốn thuộc nòi chung thủy, còn tôi thì vốn có máu không được chung tình gì cho lắm. Dĩ nhiên là làm khổ nàng ngất ngư. Chết đứng chết ngồi nhiều phen. Tình yêu của Ánh rất sâu

đậm, đầm thắm, chịu đựng và bền bỉ, *thương chàng phải lụy cùng chàng*. Còn nhớ lúc tôi vào bệnh viện tâm thần lần thứ hai ngót ba tháng, trưa nào Ánh cũng tắt bật phóng xe vèo vèo vào bệnh viện để được lên giường nằm song song bên cạnh mà thoi thóp với tôi cho đủ cặp uyên ương. Các cô y tá thỉnh thoảng ghé mắt vào buồng không khỏi ngạc nhiên, không biết ai là người thăm nuôi, ai là con bệnh thiệt.

Hồi ở Việt Nam, khi ra đường Ánh thường vái trời cho đừng bắt gặp đấng lang quân chung tình của mình đang cặp kè với một yêu nữ, bởi lẽ *thịt da ai cũng là người, lẽ nào hồng rụng thắm rời chẳng đau?* Bận nọ, một bà chị dâu điệp viên của tôi báo cáo với Ánh là tôi có bồ và rủ nàng đi bắt ghen. Ánh sợ xanh mặt, khoát tay lắc đầu lia lịa. Thà chết sướng hơn!

Thảo hèn nào, bây giờ thì bạn đọc sẽ không còn thắc mắc sao chị Ánh để yên cho anh viết những truyện tình nhặng nhện của anh. Viết thiệt kỹ, viết tận tường, đầy đủ hết, không thiếu một món nào, như thể làm báo cáo cho chị...

Có lẽ nên hỏi bà xã tôi thì hơn. Nhưng theo chỗ tôi nghĩ, những chuyện tình của tôi, tôi đã kể cho Ánh nghe hết rồi, nàng đã biết hết từ khuya. Có khác chăng là giờ đây tôi viết ra trên giấy trắng mực đen như một tờ tự thú. Mà tôi thì có tật không quen nói dóc, viết dóc. Và lại cũng chớ nên lo lắng cho nàng lắm. Vì "*Bụt chùa nhà không thiêng*", bởi lẽ đó nên ít khi nàng ghé mắt vào sách của tôi mà khán binh thư.

Có lẽ chị lí luận: chuyện đã qua, ma nữ đã lặn hết, chỉ còn lại chàng Kiệt! Trở lại câu hỏi về bạn bè. Anh cho biết những người bạn tâm đắc là ai? Đề tài những cuộc nhậu: Cuộc đời? Văn chương?

Như đã nói, tôi vốn không có bạn văn nghệ văn gừng. Cũng không thích bàn chuyện văn chương. Hồi ở Việt Nam trước 75, tôi cũng chẳng viết lách được bao nhiêu, phần lớn là lách nhiều hơn là viết. Đi nhậu nhẹt và trai gái vui hơn. Cái gì khiến tôi suy nghĩ về cuộc đời? *Thì cái đó chính là cuộc đời* chớ chẳng có cái gì khác hơn! Với tôi, *người ta sinh ra ở đời là để sống, mọi thứ khác chỉ là bày đặt*. Còn văn chương hay nghệ thuật? Tôi chẳng dành cho nó một vị trí đặc biệt nào cao hơn hoặc thấp hơn trong đời sống. Nó chỉ là một sinh hoạt cũng như mọi sinh hoạt khác của con người, vậy thôi. Với tôi, đời sống bao trùm văn chương nghệ thuật chớ không phải văn chương nghệ thuật bao trùm đời sống. Bởi vậy khi nghe ai đó đánh trống động chuông ì xèo quanh văn chương nghệ thuật và đặt nó lên bàn thờ mà quý mọp, tôi rất lấy làm khó chịu. Vừa phải thôi chớ! Nhờ anh tí! Việc gì mà phải nghiêm trang và long trọng đến thế?

Vậy theo anh, cái gì quan trọng trong đời sống?

Từ lâu, tôi đã đi tới ý nghĩ sau đây: "*Trong đời sống cái gì cũng quan trọng. Nhưng nghĩ cho cùng, cũng chẳng có cái gì quan trọng*". Tôi xin nói rõ, ý nghĩ của tôi có hai mệnh đề chớ không phải chỉ vồn vện có một mệnh đề là "trong đời sống chẳng có cái gì quan trọng". Có bí hiểm lắm không?

Trong thời chiến tranh, anh viết Điệp khúc tình yêu và trái phá với tâm trạng như thế nào?

Trong thời chiến tranh Mỹ-Quốc-Cộng (1954-1975), ngay tại Sài Gòn, đảo chánh chính lý liên miên, xuống đường và hít lựu đạn cay như ăn cơm bữa, chính khách xôi thịt thì tro mặt mo ra mà giành ăn. Tôi viết *Điệp khúc tình yêu và trái phá* trong tâm trạng phẫn nộ. *Phẫn nộ!* Phải, phẫn nộ.

Bây giờ nhìn lại Điệp khúc tình yêu và trái phá, anh nghĩ gì? Hình ảnh Kiệt Tấn ngày đó khác

với bây giờ như thế nào, ở chỗ nào?

Điệp khúc tình yêu và trái phá xuất hiện vào thời điểm chiến tranh khốc liệt, trong môi trường lửa đạn dai dẳng ở Việt Nam. Thời đó đã qua, tôi không muốn khơi lại nữa. Về hình ảnh tác giả khác nhau như thế nào à? Dễ ợt! Điểm nổi bật nhứt: Kiệt Tấn bây giờ già hơn khi xưa rất nhiều, đó là cái chắc! Còn nghĩ gì? Tôi cố gắng không nghĩ tới, hay không muốn để ý tới chiến tranh. Như vậy tốt hơn. Tốt cho sức khoẻ, đỡ nhức đầu mà cũng chẳng làm được gì hết ráo.

Còn chiến tranh à? Thì từ thuở còn lông lá sù sụ ở trong hang động có đốt lửa ấm cho tới thế kỷ 21 ngày hôm nay rụng gần hết lông và ở trong nhà có gắn máy lạnh này, con người có ngót đánh nhau bao giờ đâu? Chỉ có vũ khí thì càng lúc càng tinh vi, chớ còn lòng người thì trước sau vẫn vậy, vẫn tham lam, vẫn gây hấn, vẫn xuẩn ngốc. Trên mặt đất này chưa thấy có loài nào tìm cách giết và tiêu diệt đồng loại kỹ như con người. Vậy mà là "*đỉnh cao trí tuệ*" đấy! Đừng có giỡn mặt tử thần! Mẹ rượt! Bởi lẽ đó, lúc cuộc chiến Việt Nam sắp kết thúc, trong vài năm cuối cùng còn lại, tôi đã lấy một quyết định sáng suốt: bỏ làm thơ *tình yêu và trái phá*, quay sang làm thơ *bia ôm và trái cóc*. Vui hơn là cái chắc!

Bia ôm đã có từ dạo ấy rồi ư? Không phải nó xuất hiện sau tháng Tư 1975?

Hình như vào 1970, 1971 gì đó. Sau "giải phóng", khoảng 75 đến 85 làm gì có bia để mà tu và làm gì có em để mà ôm? Hoặc giả có bia thì phải uống lén, có em thì ôm lén, có "xúc cát" thì cũng phải "xúc cát" lén. Cả thịt heo, nếu có cũng phải ăn lén! Tới lúc "đổi mới" (lấy cũ) năm 1989 thì mấy em mới lai rai được phép hành nghề trở lại. Và bây giờ thì không chỉ phải có bia ôm mà thôi. Bây giờ cái gì cũng đều "ôm" hết ráo!

Bây giờ nhìn lại, anh nhớ tiếc điều gì của thời đó? Cái đau khổ rất "Romantique" (Anh trai thời loạn)? Tuổi thanh niên?

Nhìn lại, tôi chẳng thấy tiếc nuối một điều gì hết, ngay cả tuổi trẻ của mình. Thời buổi gì mà bầm vập như vậy, nhưng đó là *lẽ trời*, biết làm sao mà cãi bây giờ? Chẳng lẽ hát tuồng "con kiến mà kiện củ khoai"? Còn nhớ những gì? Cái đó còn tùy. Nhưng nói ra sợ vợ nhà cho ăn đòn. Đối với tôi chẳng có anh hùng và chẳng bao giờ tôi chiêm ngưỡng anh hùng hết ráo. Toàn là phỉnh gạt và ba xạo. Cái ba xạo chết người.

Hỏi tôi về đau khổ? Cái đau khổ nào cũng đều đau (đau lắm!) và cũng đều khổ (khổ lắm!) *Anh, trai thời loạn (hề!); Héros romantique! Người hùng lãng mạn!* Mấy em gái hậu phương nghe tới tên người ắt phải rụng rún. Đã làm anh hùng mà còn đeo thêm lãng mạn nữa thì chỉ có nước châu Diêm Vương sớm!

Anh theo dõi và biết rất rõ về tình hình chính trị thế giới và cả Việt Nam, anh vẫn nói tình dục là "hơi thở của đời sống", nhưng còn chính trị? Chính trị có là hơi thở của đời sống?

Nói rằng tui "biết rất rõ về tình hình chính trị thế giới và cả VN" thì tội nghiệp tui lắm cô Hai. Vô tình cô đã xô tui vào "vũng lầy của chúng ta", tui sẽ phản đối trước Liên Hiệp Quốc tới cùng.

"*Tình dục là hơi thở của đời sống*". Ờ! Gì chớ cái đó thì quả nhiên tôi có nói. Một điều rất rõ rệt, sờ sờ trước mắt: Tình dục ban cho ta hơi thở đầu tiên và tình dục cũng cho phép ta ban hơi thở kế tiếp, và vân vân, cứ thế mà làm. Sự tiến hoá đã xui khiến đất trời bày ra âm dương, đực cái, nam nữ, đàn ông đàn bà, lấy tình dục làm phương thức sinh sản. Nếu bây giờ đột nhiên tình dục biến mất trên mặt đất này thì sẽ có rất nhiều loài tắt thở, trong đó có phe ta: Loài người.

Còn chính trị? Theo tôi nghĩ, chính trị phát xuất từ nhu cầu sống xúm xít của con người. Xúm xít rồi thì chia phe, chia nhóm, chia bè, chia đảng: Chính trị phát sinh. Có tình dục thì đời sống có cơ tiếp tục. Có chính trị thì đời sống có cơ tiêu diệt. Bằng cơ: Thế chiến thứ nhất, thế chiến thứ hai. Chưa hết. Năm 1962, Nga Mỹ kinh chống, Kennedy và Khrushchev chơi trò chính trị thượng tầng và dùng vũ khí nguyên tử để thâu cáy nhau, thiếu chút nữa đã đẩy loài người vào con đường huỷ diệt tập thể, đưa tới cơ hoạ tuyệt chủng, và muôn loài khác cũng bị vạ lây. Vì vậy, nói rằng "Chính trị là hơi thở của đời sống" tôi nghi ngờ lắm, và quyết cự nự cho tới cùng. Chính trị từ xưa tới nay, theo tôi, là một *tai hoạ* chẳng đặng đừng đặc thù của loài người.

Chính trị có lẽ còn là cách thức tổ chức đời sống sao cho hài hoà sung sướng, khỏi tranh chấp, chiến tranh v.v... nhưng không lẽ chúng ta lại đi định nghĩa chính trị ở đây? Câu hỏi là sống đời thi sĩ cách nào trong một hoàn cảnh chính trị đảo điên, ngoài tác phẩm (Tình yêu và trái phá) một công dân thi sĩ (đã) có thể làm gì khác?

Tôi không biết thế nào là một công dân thi sĩ. Theo tôi, công dân và thi sĩ là hai ý niệm tách biệt nhau. Đã là *công dân* thì phải thi hành bổn phận công dân. Tới tuổi quân dịch thì đi lính đánh giặc. Dĩ nhiên cũng có thể trốn quân dịch hoặc đào ngũ, nhưng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn sự chọn lựa của mình.

Còn *thi sĩ*? Muốn đáng được gọi là thi sĩ thì phải làm thơ cho ra hồn. Thi sĩ chẳng có đặc ân hay đặc quyền gì trong chiến tranh hết ráo. A lê hấp! Cũng nón sắt, ba lô, giày đinh và ắc ê như mọi người. Lạng quạng là hít đất, là phạt dã chiến. Tuy nhiên, cũng có thể vừa đánh giặc vừa làm thơ, có sao đâu. Nhưng coi chừng, nếu rủi ro trúng nhằm số con rận hay lơ mơ không biết ẩn núp là sẽ bị bẻ gáo như chơi. Nếu may mắn còn sống sót thì lấy bút lấy giấy ra mà mãn thơ tiếp tục. Như Quang Dũng thời kháng chiến Pháp-Việt chẳng hạn: *Giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến, Quạnh vắng chiều sông lạnh bến Tề (...)* Áo bào thay chiếu anh về đất, *Sông Mã gầm lên khúc độc hành (...)* Hoặc gần đây hơn, Tô Thuỳ Yên trong cuộc chiến Mỹ-Việt: *Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc, Trong vết thương người bạn nín rên. Người chết mấy ngày chưa lấy xác, Thấy sinh mặt nát lạch mương tanh...* Hoặc một Lâm Hào Dũng giận điên người: *Mai ôm đầu mộ dẫm thàng chết, Hát lại bài ca hận chiến trường. Lúc điên muốn bắn dăm ba phát, Cho đã tay cò lãng việc quân.* Muốn làm thơ chiến tranh thì phải có kinh nghiệm chiến trường, như vậy thơ mới đạt. Lỡ có gục ngã ngoài trận mạc thì đành thôi chứ biết làm sao bây giờ? Chết bỏ! Trời kêu ai nấy dạ. Chết bỏ! *Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiếu, Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?*

Nghĩa là một con người là con người sống trong xã hội, vừa làm công dân vừa làm thi sĩ, hay bác sĩ kiêm nhạc sĩ, chẳng có gì tách rời hay loại trừ! Cũng như... đàn bà con gái không phải chỉ có cái thể xác... Về điểm này, xin phép trở lại vấn đề tình dục với Kiệt Tấn. Vì nói gì thì nói, thấy Kiệt Tấn vẫn cứ còn lẩn quẩn bên bóng dáng, bên nhục thể, bên "núi non, thung lũng" của người đàn bà và nhất là chỉ để diễn tả cái đê mê của mình. Nhưng còn trong thâm tâm anh, anh nghĩ gì? Có bao giờ anh hỏi: còn ẽm, ẽm đăm mê và sung sướng thoả mãn ra sao? Thoả mãn, đăm mê ấy có "xứng đôi vừa lứa" với cái "đê mê chết giặc" của mình không?

Em Ba đã trót hỏi khó qua quá thì qua sẽ trả lời dễ ợt. Nói đến thoả mãn thể xác thì đành phải nói thẳng? Dĩ nhiên tôi không nói theo kiểu "Xúc cát trước bàn thờ". Làm vậy kỳ chết!

Dạ, cảm ơn, anh lịch sự với mấy em...

Em Ba thắc mắc tại sao tôi không đã động đến cái thoả mãn của người nữ trong truyện của tôi? Đọc kỹ lại đi, tại tôi chỉ nói loáng thoáng, nói té nhị, bởi lẽ tôi tôn trọng người nữ...

Ô, I don't agree with you, cái này là dường như hơi... nguy hiểm! Anh mãi lo nghe ngóng cái Tôi

của mình...

Thiệt mà cô Hai, khi vầy cuộc, người nữ biểu lộ cảm giác của mình hơn người nam rất nhiều: môi lệch lạc, miệng rên rỉ, đầu vật vã, tay cào cấu, mắt mở hờ, tuy có mở thiệt đó mà... đã hết thấy đường! Không lẽ tôi đem hết mấy món này vào trong truyện và cho các nàng la toáng lên: “Sướng quá! Đã quá! Khoái quá! Chết em rồi? Ôi làng nước ôi!”. Thì còn chi là nghệ thuật? Khi đó em bé hậu phương chắc chỉ còn nước độn thổ và không quên xỉ vả tôi là đồ thô bỉ trước khi lặn xuống dưới mặt đất.

Ha ha, xin ngắt lời anh Kiệt Tấn, anh có nhớ cái màn diễn tả xuất thần trong quán ăn của Meg Ryan trong phim Quand Harry rencontre Sally chưa? Dạ, thôi, không sao, xin anh nói tiếp, hấp dẫn quá... bí quyết của nhà văn Kiệt Tấn đây rồi...

Cô Hai hỏi tôi chớ cái khoái cảm của các nàng có xứng với cái đê mê của tôi hay không? Xứng làm sao được mà xứng! Nếu đem ra mà so sánh thì cái tột đỉnh (đôi khi rất nhiều đỉnh) của mấy em nó chập chùng như Hi Mã Lạp Sơn, còn cái đê mê của tôi (và của bọn đàn ông nói chung) thì ôi thôi, nó giống như núi Bà Đen hay là cái núi Sam núi Sập lè tè bên xứ ta vậy đó! Khi viết, tôi đâu có nhằm mục đích tả chân tả cảnh những giây phút tơi bời hoa lá đó làm gì. Nếu thiệt sự tôi muốn viết dâm thư? A, cái đó thì khác! Bảo đảm báo Playboy sẽ không dám đăng. Và lại, chỉ những người nữ đã có trải nghiệm cái tột khoái, cái *orgasme*, mới hiểu được tôi muốn nói gì. Còn những người nữ không may mắn, cứ bị bắt mẫn kinh niên về tình dục thì khi đọc truyện của tôi, sẽ cảm thấy khó chịu, ảm ức và tức anh ách. Bởi lẽ họ tưởng tôi là “con yêu râu xanh” chuyên môn tấn công và giày vò người tình của mình. Đối với họ, trong truyện, người đàn bà là nạn nhân, chỉ có thể cảm thấy đốn đau chứ không thể nào khoái lạc được - y chang như họ vậy, bắt mẫn kinh niên (Đàn bà mà biết khoái lạc à? Đồ nói dóc!) Bèn bắt bình, bèn tức khí! Và vớ lấy ngọn cờ nữ quyền mà phát loạn xì...

Xin ngắt lời anh, và lập lại: lí luận này của anh (féministes = mal baisées: mấy bà (làm) nữ quyền (là vi) không được thoả mẫn tình dục) nghe xưa quá rồi! Có những ...

Tôi không có ý chụp mũ là các bà nữ quyền đều bị bắt mẫn tình dục, nôm na tiếng Tây là *mal baisées*. Tôi chỉ muốn nói các nàng bắt mẫn tình dục kinh niên khó thể có cảm tình với bọn đực rựa (vô tích sự!). Xin nói tiếp ý khi nãy. Các bà vừa phát cờ nữ quyền vừa la toáng lên “Ôi làng nước ôi! Cái thằng Kiệt Tấn nó hiếp dâm con bồ của nó!”, hoặc hợp ca thống thiết bài *Nữ quyền hành khúc*: “Thằng Kiệt Tấn *macho* nó giành độc quyền, nó chủi, nó cấm nữ phái viết về tình dục!” Thiệt là y xèo! Oan ơi ông địa! Về tấm lòng của tôi đối với đàn bà, tôi lại lòi kếp Đoàn Nhã Văn ra làm chứng (Lật *Tuyển tập*). Đây nè, trang 15, ông kếp viết: “Mỗi người một vẻ, mỗi kẻ một đam mê, và mỗi nàng một cháy bỏng khác nhau. Tất cả những nhân vật đó góp phần làm nên văn phong vui tươi, sinh động của Kiệt Tấn trong vùng tình cảm đầy ướm át này. Tuy vậy, chỉ cần để ý một chút, ta sẽ thấy ngay ông viết về những người đàn bà với một *tấm lòng*, một *đam mê* và đằng sau đó là *chiêm ngưỡng*, là *trân quý*”.

A, sau khi đọc bài viết bà Khuyên kết án anh khinh thường phụ nữ. Mà hai đứa chúng tôi nghĩ khác: bài nói trên chỉ là phản ứng anh muốn trả lời những bài viết về sex tả chân quá sức văn chương đẹp đẽ nhưng vô cảm và vô cùng giả tạo hoặc coi vậy mà hồng phái vậy cũng như anh điếm mặt những tên đàn ông “voyeur” (khoái dòm trộm) khiêu khích đàn bà viết về tình dục cho họ được rửa mắt và thoả mẫn lòng tò mò bệnh hoạn? Có đúng như vậy không? Theo như anh giải bày, là oan ơi ông địa, vậy anh trả lời thế nào cho “hiểu lầm” này?

Khi viết về tình dục, tôi đặt nghệ thuật lên hàng đầu. Thiệt tình mà nói, viết gì cũng dễ, nhưng viết cho hay mới thiệt là khó. Viết về tình dục mà viết cho hay, quả thiệt là thiên nan vạn nan!

Nói "hay" là có chủ quan trong đó rồi, dĩ nhiên. Vì vậy người viết phải tự lựa chọn một bút pháp riêng cho mình. Phải cẩn thận và tôn trọng người đọc. Không được cầu thả, ném bừa bất kỳ rác rến tạp nhạp nào vào mặt độc giả. Ngay cả viết tâm thư thú vị, cũng phải viết cho có nghệ thuật. Trừ phi viết với mục đích nhục mạ, buộc tội và làm cho người ta nhợn tình dục thì đó là chuyện khác. Người ta cứ tưởng bở: Gì chớ viết tình dục thì dễ ợt! Cứ việc cầm bút lên mà kể lể ê hề ba cái chuyện nằm sấp nằm ngửa, chống hông, gặm củ cải... của mình ra. Thế là văn chương! Thế là nghệ thuật! Dễ ợt! Nói vậy thì mấy em sến biết đọc biết viết chỉ việc cầm bút lên mà kể lại tuốt tuốt các cuộc hành dâm của mình là có thể ở trường đồng đồng mà đi vào văn học sử như chơi! Xin nhắc lại: viết về tình dục mà viết cho hay thật là vô cùng khó khăn. Bởi lẽ quanh đi quẩn lại, diễn viên chỉ có hai người nam và nữ. Chỉ có ngàn ấy bộ phận, chỉ có ngàn ấy động tác, chỉ có ngàn ấy cảm giác và rất ít đối thoại, ngoại trừ rên rỉ và thở ào ào. Loay hoay chỉ có vậy thôi. Trừ phi viết tâm tưởng và viết hoại dâm thì tha hồ! Nhưng chính vì vậy mà viết tình dục một cách nghệ thuật đòi hỏi một sự điều luyện và một bản lĩnh rất cao ở người viết. Chỉ cần sai chạy *một chữ* là hỏng bét...

Hát nữa dĩ Hương, hát điệu nhạc... tình nghe Hương...

Trở lại cái vụ *mal baisées*. Tôi nghĩ có lẽ phải chờ một dịp may chớ dắt, được rớt đúng vào vòng tay một tướng cướp điệu nghệ, khi trải nghiệm được cái "tột khoái", người nữ bất mãn tình dục sẽ bớt táo bón và bớt hẳn học với bọn đàn ông (lợn lòi) chúng tôi. Nhắc lại lần nữa: viết về tình dục một cách nghệ thuật không phải dễ. Cũng bởi lẽ đó mà sau khi đọc những trích đoạn tình dục của các ngài bút nữ trên *Hợp Lưu* (số 81/2005) tôi cảm thấy "nhợn" nên có phản ứng *nóng*. Dĩ nhiên, không có gì chứng minh rằng tôi đúng hay một ai đúng hết. Ở đây chỉ có vấn đề cảm nhận và thưởng ngoạn, và điều này vốn rất khác biệt nhau ở từng người một. Nhưng viết về tình dục như chèo xuồng tát nước, như đốn cây bừa củi, như phóng uế chùi đít. Viết để ới ới nước nhiều nước ít, hay nó chảy re re. Viết để so sánh cu nhỏ cu lớn, cu ngắn cu dài. Viết để chấm điểm coi thằng nào chơi sướng thằng nào chơi dở, một ngày ta hạ được mấy thằng. Nhiều cảnh hành dâm và bạo dâm để lộ tính cách hư cấu quá trớn. Thú thật cái lối viết đó, cái chuyện làm đó, hồi mới lớn và tập tễnh đi chơi bời ba bốn chục năm về trước ở Gò Vấp, Ngã Ba Chú Ía, Cầu Hàng, tôi đã thấy mấy chị em ta làm rồi và có ghi chép sổ sách hẳn hoi. Đâu đợi gì phải học cao hiểu rộng, có bằng phó tiến sĩ hay Ph. D. mới làm nổi cái loại thống kê dương vật đó. Tôi có cảm tưởng các ngài bút nữ viết tình dục của phe ta chưa hề đọc (nhiều) văn chương gợi dục (érotique) và ngay cả tâm thư (porno). Viết sần sùi kiểu đó, các nàng chỉ cần bỏ năm ba đồng và bước ra sạp báo vỉa hè là có ngay. Và hơn nữa, bài viết còn ly kỳ hấp dẫn hơn thập bội, đôi khi còn có cả phụ đề hình màu cho dễ hiểu. Than ôi! Văn chương (?) tình dục của phe nữ ta mà như thế đó ư? Theo chủ quan của tôi, nghệ thuật nó chẳng nghệ thuật, mới nó chẳng mới, nhưng om sòm thì nó lại rất là om sòm. Vì thế, tôi bị dị ứng sau khi đọc các trích đoạn trên *Hợp Lưu*. Dị ứng vì thấy cách viết về tình dục kiểu như vậy vô tình đã bôi nhọ và hạ bệ hình ảnh người đàn bà, nói riêng người đàn bà Việt Nam, trong đó có bà Khuyên. Bởi lẽ ấy bèn xâm mình viết bài "Xúc cát trước bàn thờ" để đả kích loại viết đó cũng như để bình vực người đàn bà nói chung. Trước khi cầm bút lên, tôi biết chắc chắn bài viết của mình sẽ bị hiểu lầm và cá nhân mình sẽ bị các bà nữ quyền bễ hội đồng.

Quả nhiên! Vừa mới xáp vô bài "Xúc cát", bà Khuyên đọc ba chớp ba nháng, hiểu chưa chắc đã hiểu được một chút gì, mà lại còn đồ quạu, te te thảo luận cái kiến nghị, cái *pétition*, đưa lên mạng lưới xin chữ ký khắp nơi để chụp mũ tôi "khinh thường phụ nữ"! Chẳng biết bà đã xin được chữ ký của Monica Lewinsky và Hilary Clinton chưa? Luôn tiện, xúi bà đưa luôn Bill Clinton vào liên danh tranh cử của Kiệt Tấn cho đỡ khỏi phải mất công thảo một kiến nghị thứ hai. Bà Khuyên kiến nghị để kiện tôi trước tòa án nữ quyền? Nghe đâu đây tiếng hò hét như ong vỡ: "*Thiến dái nó! Thiến dái nó!*" Than ôi, trời đã hại Sa Vệ! Chắc phen này Hạng Võ phải biệt Ngu Cơ, xuống sáu câu vọng cổ thiệt mùi rồi gặt nước mắt hiên ngang vác chiếu ra hầu

Toà án Quốc tế La Haye. Sạt nghiệp văn chương là cái chắc! Thôi nàng ở lại nuôi con một mình! Và hãy lấy chồng (người) khác mà làm ăn lương thiện!

Cám ơn anh Kiệt Tấn!

Phụ đính:

Kiệt Tấn: Rằng quen mắt nét đi rồi!
Trần Nghi Hoàng

I.

Cái thời tôi còn chủ trương tạp chí *Văn Uyển*. *Văn Uyển* ra một năm 4 số, theo... mùa. Trên tạp chí thì ghi là Xuân, Hạ, Thu, Đông, chả cần ngày tháng... Nên tôi muốn *Văn Uyển* xuất hiện giờ nào trong ba tháng của mùa đó năm đó, cũng an toàn, chưa có quý độc giả hay quý văn hữu cộng tác nào tỏ lời phiền trách.

Một trong 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông của *Văn Uyển* năm 1992, có bài Thạch Các, một tay viết phê bình văn học rất sắc bén... mà nhân hậu của *Văn Uyển*, viết về Kiệt Tấn. Và sau đó, tôi và Kiệt Tấn có giao thiệp qua điện thoại. Từ California nói chuyện với một quận ngoại ô của Paris Pháp quốc. Kiệt Tấn cứ nằng nặc bài viết ký tên Thạch Các là của tôi. Tôi phải đưa tay thẻ thốt Thạch Các là một ông giáo hồi trước 1975, có xương da máu thịt rành rành, rất giỏi về ngữ pháp Việt Nam... Xin ông Kiệt Tấn đừng có lấy công của người mà giao cho tôi, tội nghiệp!

Tôi đọc hầu hết của Kiệt Tấn. Dư luận về Kiệt Tấn trong văn đàn quả không phải ít! Nhưng tự trung, những nhà phê bình đều nói, đại khái, Kiệt Tấn là một nhà văn nhân bản tuy có hơi bị nặng về tình dục; tự do mà yêu thiên nhiên; mê đắm và duyên dáng... Thậm chí xấu đẹp tùy người đối diện...

Lúc chưa đối diện với Kiệt Tấn (tận mặt đá vàng), tôi thấy Kiệt Tấn như sau:

Kiệt Tấn từng viết:

"Nếu có người xả mình binh vực những nhân vật không cần ai binh vực hết (như Thượng đế, như lãnh tụ, như chủ tịch, như tổng thống) thì tôi, tôi binh đi."

Trong bức thư gửi cho Lộc (Lê Tấn Lộc, anh ruột của Lê Tấn Kiệt tức Kiệt Tấn) có in trong *Nghe mưa*^[1], Kiệt Tấn viết:

"Em vừa vạch da cây vịnh bốn câu ba vần trong 'Đêm cỏ tuyết' là quần hùng nhón nháo. Có thân hữu đề nghị bôi chữ cỏ. Em nói: Tao đã cạo chữ kia để thay bằng chữ cỏ, bây giờ mày biểu tao cạo chữ cỏ thì biết thay bằng chữ gì bây giờ? Chẳng lẽ để cho em bé đòi luôn? Lại có thân hữu khác đưa ra nhận xét: Truyện mày viết sao chỗ nào cũng thấy đưa ra đi điếm. Đáp: Tao ở gần xóm đi từ nhỏ tới lớn, không viết về đi thì biết viết về cái gì bây giờ? Hỏi: Sao truyện của mày đầy áp tình dục? Đáp: Tình dục nuôi nấng tao từ tấm bé cho tới lúc lưng dài vai rộng thì tao viết về tình dục là một lẽ đương nhiên..." (trang 246-247)

Thực ra, có phải Kiệt Tấn chỉ chuyên viết về tình dục không? Và Kiệt Tấn là một nhà "Đĩ

Quyền" chuyên bênh vực đĩ?

Thưa, theo tôi thấy thì không hẳn vậy. Thấy vậy mà chưa chắc vậy đâu nghe!

Kiệt Tấn viết về tình dục, đúng. Mà viết hay hết sẩy nữa! Nhưng điểm cần lưu ý là, thái độ của Kiệt Tấn đối với tình dục, đối với việc rờ rẫm sờ mó và màn tình nó hết sức... trong sáng mà mê đắm... Như một đứa bé đòi mẹ viên kẹo hay cái bánh... Thử đọc một đoạn thư của Louise, Nữ Chúa Tàu Ma hay người tình xứ tuyết Ca Ná Đà của Kiệt Tấn viết cho cho Kiệt Tấn:

"Tức cười khi hình dung một ngày nào đó Bambino của em bắt buộc trở thành một đảng lang quân, dù là của em hay của ai khác. Thú thật em không hình dung nổi. Anh để ý mà coi. Khi gặp em, anh làm điều gì trước tiên? Anh luồn tay vào áo em... Mà khổ một cái là em cũng không đủ can đảm theo như bản tính mình để từ chối điều gì với anh được hết. Si tình là như vậy chẳng? Nếu vậy thì em đã si tình anh mất rồi! Em chấp nhận. Em chấp nhận hết những gì anh muốn. Em có cảm tưởng nếu em gỡ tay anh ra thì biết đâu chừng anh sẽ lặn ra... nằm vạ! Anh muốn em. Vậy thôi. Rất dễ thương..." (Sđd, trang 57)

Không ai nói về Kiệt Tấn tình dục có thể đúng bằng những... người đàn bà con gái trong đời Kiệt Tấn! Và tôi nhận ra, Kiệt Tấn không chỉ "binh đĩ", mà đối với phái đẹp, với tất cả những vị nữ lưu, Kiệt Tấn luôn dùng một ngôn ngữ văn chương gượng nhẹ, âu yếm, tôn xưng và nhất định đứng về phần... khấp nép (giả dạng quân ta, hạ cha nội?).

Thử đọc một đoạn Kiệt Tấn "tả" chuyện người yêu xứ tuyết, nàng Louise tình cờ tới một dạ tiệc và bắt quả túm Kiệt Tấn ta đang ôm trong tay nàng Danyèle mà Kiệt Tấn tặng cho cái hỗn danh là "tắm nệm xóp":

"Sau khi di tản từ góc này sang góc khác mà vẫn không trốn lánh được, tôi quyết định ra trình diện. Ôm tắm nệm xóp khư khư trong vòng tay học trò, tôi lẩn lẩn trong điệu luân vũ trong bóng mờ từ từ tiến ra pháp trường hồi chánh. Lả lướt hồi chánh.

Và rồi chuyện gì phải xảy ra bèn xảy ra. Louise bước tới túm lấy cổ áo veston của dâm tặc, giận run, nghẹn lời. Và dâm tặc đã lưu lại một vết như muôn đời không rửa sạch trong lịch sử tình ái: Dâm tặc từ từ rút hai cánh tay tinh bơ ra khỏi áo, để lại cái veston tồn teng trên tay Nữ Chúa! Mạnh Lệ Quân thoát hải! Tôi cũng không dè trong người mình lại ẩn tàng một *tiềm năng tồi bại tới mức như vậy*. Thiệt là cầu trệ. Tuyệt cùng cầu trệ! Tôi cũng không khỏi ngạc nhiên sao nàng lại không cầm chai rượu xáng lên đầu tôi một cái phun máu ngay lúc đó."

Kiệt Tấn không "gồng mình" khi viết văn. Ông viết về Kiệt Tấn hay viết về bất cứ gì cũng bằng giọng văn... thành thật một cách vô tội vạ như vậy. "Tôi cầu trệ, tôi tồi bại. Vậy đó. Rồi sao?" Hai chữ "rồi sao?" không phải để thách thức. Mà là một câu hỏi cho thấy cái tình huống huề vốn của vấn đề! Tôi từng đọc nhiều đoạn văn tả cảnh đánh ghen. Nói rõ hơn là tả công cuộc đánh ghen của những bậc nữ lưu. Nhưng chưa ai tả một công cuộc đánh ghen mà mình là nhân vật chính, lại... vui và hấp dẫn như Kiệt Tấn. Không có níu tóc quào mặt. Không có xé quần xé áo tình địch. Không có "con đĩ ngựa này con đĩ chó kia..." giữa hai người phụ nữ. Mà chỉ thấy hành vi "cầu trệ và tồi tệ" của thằng cha làm ra chuyện!!!

Kiệt Tấn yêu "đám Ca Ná Đà" thì như vậy. Chứ Kiệt Tấn mười bảy tuổi yêu nữ sinh tình nhỏ thì sao? Kiệt Tấn đưa Hoa (người yêu của Kiệt Tấn trong "Bến đò trao thơ") đi xem hát bóng (tức xi-nê-ma) tuồng Việt Nam có cái tựa ly kỳ khó hiểu: *Lý chơn tâm, Anh hùng cỡi củi!* Tôi nhỏ hơn Kiệt Tấn nên chưa biết được có cái tuồng này (than ôi!). Trong rạp hát, dĩ nhiên chàng Kiệt Tấn ta còn tâm trí đâu để mà xem xi-nê-ma... Xin mời đọc:

"Tôi không thiết gì tới tuồng tích. Bàn tay tôi lúc đầu nắm lấy bàn tay nàng trong bóng tối, từ từ buông ra dọ dẫm. Sa-ten mát rượi. Hoa rùng mình chụp lấy tay tôi giữ lại cứng ngắt. Nắm siết. Chặt chẽ. Rồi yếu dần, bông lỏng, thờ dài... Tôi cũng thờ dài mà ngực nghẹn tức..." (Kiệt Tấn, *Nụ Cười Tre Trúc*, Văn Nghệ xuất bản 1987. Trang 91)

Thủ phạm thờ dài mà nạn nhân cũng thờ dài. Trời đất! Lý Chơn Tâm xẹp lép trong màn ảnh đang cỡi củi bay chập chờn trên mây, chứ chàng Kiệt Tấn nhà ta thì đã bay lên chín tầng mây mà chỉ cần có một... cây củi nhỏ xíu (nếu so với bó củi của Lý Chơn Tâm!!!)

Đó chỉ mới là sự vụ mở đầu! Đừng nóng, từ từ mà đọc thêm đoạn sau đây:

"Trước khi ra về, chúng tôi ra ngồi quán nước cạnh bờ sông giải khát hứng mát (và chờ cho Hoàng Tử Lưng Gù hạ hoả)... Đêm khuya thức dậy ngó trời, thấy sao phía Bắc đã dời phía Nam... Hai câu ca dao còn lớn vờn trong đầu, tôi vói bàn tay mặt ơ thờ cầm cái ly đá chanh ầm hơi nước đọng bên vách ly đưa lên định... bỗng giật mình vì ly nước chợt vượt khỏi bàn tay nắm của mình, như bàn tay có thoa mỡ, *trơn mượt!* Ly đá chanh tuột xuống va trên mặt bàn khua một tiếng rè đục như sắp bể... Không ai hiểu. Tôi cũng không hiểu, ngay lúc đó. Tôi đổi ly sang tay trái, đưa lên uống bình thường. Ngẫm nghĩ. Chợt hiểu! Và cũng chợt bồi hồi xúc động thương người yêu bé bỏng của mình hết sức! ..." (Kiệt Tấn, *Nụ Cười Tre Trúc*, Văn Nghệ xuất bản 1987. Trang 91)

Kiệt Tấn *hiểu* chuyện gì vậy cà? Những chuyện mà hầu như những nhà văn đều... tránh viết ra, hoặc nếu viết ra theo kiểu... hiện đại của phái "cách mạng tình dục" gì đó bây giờ, thì vô duyên và thô tục, thì Kiệt Tấn đã viết được bằng những đoạn văn thơ mộng dễ thương. Nhất là, sau sự vụ đi xi-nê-ma tối đó về, chàng Kiệt leo lên chiếc giường trong phòng trọ học:

"... Lưng đau như dần. Tôi lăn sấp người lại úp mặt trong lòng bàn tay, rên ư ử. Thoang thoang một dư hương rất lạ, chưa từng biết, ngậy ngắt trong lòng bàn tay. Gì như thể... như thể... Đúng rồi! Hương Trinh Nữ! Hương của Hoa..." (Kiệt Tấn, *Nụ cười tre trúc*, trang 94 ^[2])

Cách nay gần hai mươi năm, khi đọc truyện này, tôi đã phone cho Thạch Các:

"Ông tìm đọc Kiệt Tấn đi."

Theo nhận xét của tôi, Kiệt Tấn không "sáng tác" truyện... tình. Kiệt Tấn chỉ kể lại những mối tình của ông với những người đàn bà con gái trong đời ông. Kiệt Tấn yêu dĩ, yêu nữ sinh, yêu đàn bà, yêu con gái, yêu vũ nữ, yêu ca ve, yêu gái quê... đều "bằng như nhau". Kiệt Tấn không... phân biệt giai cấp trong tình yêu lẫn tình dục của ông.

Đó là Kiệt Tấn qua "văn bản" mà tôi bắt gặp gần mười lăm năm trước... Cho đến khi...

II.

Năm 2002 thì phải, là lần đầu tôi gặp mặt Kiệt Tấn. Đó là buổi ra mắt thơ của PTNN tại Washington DC. Vợ chồng tôi và vợ chồng anh chị PTNN & QĐ khá quen thân. Trong buổi ra mắt thơ của chị PTNN, Kiệt Tấn và tôi là hai trong bốn diễn giả nói về "tác phẩm và tác giả"...

Người nói trước tiên là Kiệt Tấn, rồi đến tôi.

Lúc Kiệt Tấn nói, có lẽ vì buổi sáng chàng chưa đủ độ rượu, cũng có thể vì cái giọng lè nhè không "ăn micro" nên hơi bị khó nghe! Đã vậy, Kiệt Tấn còn soạn một bài khá dài (tuy rất có

duyên và tinh tế) lên nói... Phía dưới, có dăm bảy người không biết Kiệt Tấn là ai. Và chắc cũng "đáp tàu" lơ chuyển đến với buổi ra mắt sách sao đó nên để bề nóng ruột... bèn la inh ỏi đòi đuổi Kiệt Tấn xuống. Chàng Kiệt Tấn thản nhiên khoát tay xuống mấy quý vị đó rồi phán một câu xanh rờn:

"Nhằm nhò gì mấy cái lẻ tẻ!"

Rồi tiếp tục nói hết bài của Kiệt Tấn viết về tác giả PTNN.

Sau đó, tôi và Kiệt Tấn cũng có ngồi với nhau qua dăm ba bữa rượu lai rai. Nhưng là ngồi chung với nhiều người ngoài giới... "giang hồ". Và, Kiệt Tấn không ở Washington DC lâu mà đã "lưu diễn" qua California liền sau đó. Nên tôi và Kiệt Tấn chỉ kịp "nhận" nhau, cũng có nói chuyện qua lại, nhưng chưa có một bữa rượu tới bên để "biết" nhau.

Còn nhớ, cả Kiệt Tấn lẫn QĐ sau đó đều kể cho tôi nghe một câu chuyện như sau:

"Một lần, QĐ rụt rè hỏi Kiệt Tấn:

"Anh Kiệt Tấn à, tôi nghe nhiều người nói là anh... điên! Mà anh có điên thiệt không vậy?"

Kiệt Tấn trợn mắt trả lời:

"Điên thiệt quá đi chứ cha! Tui điên có 'bằng cấp' mà!"

Hai năm sau, Kiệt Tấn lại từ Pháp bay qua Washington DC dự đám cưới của con gái anh chị PTNN & QĐ. Tôi quên nói, chị PTNN và Kiệt Tấn rất thân nhau, đã quen biết từ thời ở Việt Nam. Tôi được anh chị PTNN & QĐ nhờ lo phần tiếp tân và chiêu đãi quần hào văn nghệ sĩ. Do đó, hàn xá bèn biến thành biệt viện cho quần hào tạm trú mà bày đại tiểu yến, cũng như dưỡng quân sau khi đã liên hồi đánh đấm! Những danh tài như Nguyễn Xuân Thiệp, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Trọng Khôi, Lâm Chương... bèn mỗi ông được nhà tôi, Hoàng Thị Bích Ti phát cho hai tấm chăn, một cái gối... Có vị sẽ hỏi tại sao tới hai tấm chăn, bộ thời khoảng đó là mùa Đông, lạnh lắm hả? Xin thưa, lúc đó chưa tới mùa Đông. Nhưng mỗi danh tài được phát hai tấm chăn là vì một tấm để lót trên sàn nằm và một tấm để đắp!

Thế là, không tiệc lớn ở nhà anh chị PTNN & QĐ thì tiệc nhỏ ở nhà tôi. Nhiều lần, Kiệt Tấn thấy bọn tôi vui quá, bèn bồn đảo không chịu ở nhà PTNN & QĐ, mà lánh nạn qua nhà tôi để... tha hồ uống rượu và có bạn để đấu hót.

Trong một bữa rượu, Nguyễn Trọng Khôi giả giọng ông Tông Tông Trần Văn Hương, đọc bài nói chuyện của Tông Tông cựu nhà giáo trong một trường trung học, như sau:

"Kính thưa Ban Giám Học, kính thưa quý thầy, quý cô cùng các em học sinh thân ái! Tôi xin lưu ý Ban Giám Học rằng là, tôi nhận thấy các em nữ sinh của trường mình mặc quần áo hơi quá mỏng. Tôi xin lập lại là quá mỏng! Làm cho quý thầy và các em nam sinh trường ta đi đứng có phần hơi bị... khó khăn!"

Cả nhà tất nhiên lăn ra cười! Riêng Kiệt Tấn, sau đó, cứ ngồi lảm bảm câu: "đi đứng có phần hơi bị... khó khăn" mà thắm ý cười tùm tùm hoài!

Lúc vừa gặp lại Kiệt Tấn tại nhà anh chị PTNN & QĐ, tôi nói:

"Ông Kiệt Tấn, cái bài 'Sục cặc trước bàn thờ' của ông trên talawas, nhà tôi, Ti khen hay lắm. Tôi có đăng lại trên báo LP. Sau đó, liền bị mất hai trang quảng cáo, ông ạ!"

Kiệt Tấn nhìn Ti gật gù:

"Lạ thiệt! Lạ thiệt! Cô là vị nữ lưu đầu tiên mà chắc cũng là cuối cùng khen cái bài mắc dịch đó! Viết bài đó, tôi bị mấy bà, mấy cô cầm rơm đay nghiến quá trời!"

Tôi lại nói với Kiệt Tấn:

"Còn phần tôi thì tâm đắc nhất hai câu của ông. Dĩ nhiên tôi cũng thích thú cả bài."

Kiệt Tấn hỏi:

"Hai câu nào?"

Tôi cười, đọc:

"Ờ hải ngoại lẫn trong nước, các bà các cô đều vọc lòn mình mà la làng hết ráo... (rồi) Đụ là đụ! Đâu có cần gì phải quăng cái lòn lông lên không trung mà đặt câu hỏi nhón (không dè nó rớt xuống trúng u đầu có cục)."

Chú thích thêm của Trần Nghi Hoàng:

Kiệt Tấn vốn rất trang trọng và trân quý chuyện tình dục. Đối với Kiệt Tấn, tình dục và tình yêu đều rất đẹp như nhau. Kiệt Tấn không "chịu" được khi một số các nhà văn gần đây cứ mang chuyện tình dục ra mà viết một cách "thiếu nghệ thuật", tục tĩu. Đa số trong các nhà văn ấy lại là các cô, các bà! Do đó, ông viết "Sục cặc trước bàn thờ". Một bài viết tục và dữ dằn hết cỡ để phân bác, theo nguyên tắc "lấy độc công độc". Đoạn cuối bài, Kiệt Tấn có tuyên bố sẽ sẵn sàng "lý luận" tiếp, nếu có ai đó lên tiếng khó chịu về bài này. Cho đến hôm nay, Nov 26 - 2006, tôi chưa thấy có phản ứng nào một cách chính thức về bài viết này!

"Sục cặc trước bàn thờ" là bài viết của Kiệt Tấn nhân đọc mấy bài tung hô các nhà văn nữ hiện đại đòi quyền "khoẻ lòn và các thứ" qua các văn bản của các nhà đòi "Lòn Quyền" và không đòi gì hết sau:

- *"Tình dục và các nhà văn nữ di dân Việt Nam" của Thế Uyên. Hợp Lưu số 81, 2005. (Bài này tôi chưa đọc, nhưng nguyên cái tựa có ba chữ 'nhà văn nữ' đã không thấy ổn! Trên thế giới này, kể cả từ xưa cho đến hôm nay, dường như chỉ có Việt Nam ta mới 'đề' ra ba chữ 'nhà văn nữ'!)*
- *"Nhận diện một số nhà văn Việt đầu thế kỷ 21" của Nguyễn Văn Lục, Hợp Lưu số 81, 2005. (Bài này tôi cũng chưa đọc luôn! Vốn dĩ, tôi rất ít khi nếu không muốn nói là chả bao giờ bỏ công đi đọc những cái vụ "nhận diện"... này nọ. Bởi, xấu đẹp tùy người đối diện. Mỗi người sẽ có một "đường lối" nhận diện khác nhau!)*
- *"Trò chuyện với hoa thủy tiên" của Nguyễn Huy Thiệp, Văn Học số 223, 2006. (Bài này thì tôi có đọc, đọc kỹ và đã có mấy bài "góp ý cò ý kiến".)*
- *"Có thật đa số các nhà văn đều vô học, các nhà thơ đều lưu manh" của Trần Mạnh Hào, Văn Học số 223, 2005. Bài này tôi cũng có đọc, và cũng đã có bài "góp ý cò ý kiến".)*
- *"Khi nhà văn cưới nhà thơ" của Ngọc Anh, Văn Học số 223, 2005. Bài này tôi chưa đọc.*

Hết chú thích.

Trong một bữa rượu ở nhà tôi, có mặt đầy đủ quần hào và thêm một vị nữ lưu vốn là nhà văn,

xin tạm gọi là L. Cô nhà văn L này hay bị tôi và Nguyễn Trọng Khôi, người luôn tự nhận là Điền Bá Khôi... (nhưng xem ra lại rất đứng đắn đàng hoàng, chưa từng thấy dở trò... nài hoa ép liễu bất cứ ai!) cáp độ, tức là gán ép (chơi cho vui) với Phan Xuân Sinh. Thấy có bóng hồng trong bữa rượu, Kiệt Tấn ta bèn mặt mày sáng rỡ. Cái dáng lừ đừ biến mất hết năm chục phần trăm. Kiệt Tấn vừa ngồi bên kia bàn uống tí ti, vừa lom lom ngắm nghía nhà văn L. Câu chuyện trong bàn chắc chắn là đang diễn ra tương bừng hào hứng. Hốt nhiên, Kiệt Tấn từ tốn đứng dậy khỏi ghế, đứng đỉnh bước qua phía bên kia bàn, tiến trước nhà văn L. rồi ôm cô này và hôn một phát! (Hôn ở đâu xin quý vị cứ tự do tưởng tượng, như vậy mới ly kỳ... hấp dẫn!). Cô nhà văn L. tỏ ra là một cao thủ trong những trường hợp bất ngờ và thậm chí bất an (nhinh) như vậy, cô cười cười nói:

"Anh Kiệt Tấn hôn L., không sợ anh Phan Xuân Sinh ghen sao?"

Phan Xuân Sinh cũng tỏ ra là một tay hào hoa phong (cá) độ:

"Ai "hun" cứ "hun". Tôi yêu tôi cứ yêu."

Kiệt Tấn đã về đến cái ghế của mình. Vừa ngồi xuống ghế, Kiệt Tấn vừa làu bàu:

"Ai yêu cứ yêu. Tui thích "hun" thì cứ "hun" hà!"

Quả là kỳ phùng địch thủ. Bên nửa cân, người tám lạng, phong vũ ma chiết trùng trùng nhưng không khí vẫn rất ồn ào vui vẻ!

Bữa rượu cuối cùng sau tiệc cưới. Một bữa rượu khuya ở nhà anh chị PTNN & QĐ. Gần 3 giờ sáng. Đã vài anh hùng hảo hán rớt đài, nằm đâu đó hay la liệt nơi phòng khách mà an giấc điệp. Trong bàn còn anh Nguyễn Xuân Thiệp, Kiệt Tấn, Độc Cô Cầu Thắng, QĐ (ra vô on & off), anh Tông, Hoàng Thị Bích Ti và tôi. Chẳng biết câu chuyện lan man thế nào, mà hai ông bạn lớn (tuổi) Kiệt Tấn và Nguyễn Xuân Thiệp lại đi vào đề tài tình yêu! Trời đất!

Tôi nghe loáng thoáng Nguyễn Xuân Thiệp nói:

"Tôi cho rằng, tình yêu đích thực nó tồn tại mãi với thời gian, dù rằng hai người xa xôi cách trở. Chỉ cần gặp lại, hôn lên trán người yêu một cái, là tôi thấy đã quá đủ. Quá hạnh phúc rồi!"

Giọng Kiệt Tấn đã đến giai đoạn lè nhè, lè nhè ở mức không thể lè nhè hơn:

"Ông nói sao tôi hồng biết! Chứ với tôi, yêu là phải sờ mó, phải nắn bóp, phải... đủ thứ. Tức là phải có màn tình thì nó mới "trọn vẹn cái chữ yêu" ông ơi!"

Thế là hai ông bạn lớn (tuổi) của tôi cứ tiếp tục tranh luận về hai quan điểm "yêu" rất khác nhau như vậy tà tà. Cuộc tranh luận xem ra hết sức lảng lệ nhưng vẫn hoà bình và đầy tình thân ái. Đến nỗi, có lúc hai ông rót rượu cho nhau, ôm nhau thắm thiết (xin có hình đính kèm làm bằng, để tránh lời ong tiếng ve cho rằng là Trần Nghi Hoàng tôi bịa chuyện!).

Tuy nhiên, chẳng bữa rượu nào mà kéo dài mãi... phải không? Có điều, cho đến lúc tàn cuộc rượu, đâu chừng khoảng 5, 6 giờ sáng (vì tôi nghe vắng từ lùm cây ở sân sau nhà anh chị PTNN & QĐ có tiếng chim ríu rít), tôi không biết hai ông bạn lớn (tuổi) của tôi, Nguyễn Xuân Thiệp và Kiệt Tấn đã dất nhau đi đến cái chỗ kết luận chung cuộc ra sao. Điều này vẫn còn là một bí mật cho đến ngày hôm nay. Quý vị nào thắc mắc, xin cảm phiền tìm hỏi thẳng hai đương sự để tận tường thoả mãn.

Với tôi, từ tiếp cận Kiệt Tấn qua văn bản, tôi đã tiếp cận Kiệt Tấn tận mặt đá vàng! Kiệt Tấn đáng yêu ngay ở *tiềm năng tôi bại tới mức như vậy* của ông ta. Kiệt Tấn có khả năng tôi bại một cách cực kỳ... trong sáng và vô (số) tội!

Cái rầu bất tận của Nguyễn Ngọc Tư

*chiều chiều chim vịt kêu chiều
bâng khuâng nhớ bạn chín chiều ruột đau*

*Nắng Tiền giang mưa Hậu giang
Mưa kín chân mây nắng rộn ràng
Lòng mong nắng đến chờ mưa tới
Mưa nắng trong tôi nghĩa đá vàng*

Tôi thả những dòng thơ này trên sóng nước phù sa sông Tiền sông Hậu từ cuối thế kỷ trước. Tới đầu thế kỷ sau tôi mới đón nhận được, qua văn chương, những trận nắng dữ tợn miệt Tiền giang và những cơn mưa hiền hậu miệt Hậu giang trên da thịt mình. Tập truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* và quyển Tạp văn *Nguyễn Ngọc Tư* đã ám áp lọt vào vòng tay ân cần của tôi vào tháng sáu năm 2006, nhân dịp tôi về thăm quê hương. Thời gian đó ở miền Nam trời mưa hoài mưa hủy, mưa dai mưa dắng, mưa dầm mưa dề, mưa không dứt hột. Mà mỗi khi mùa mưa tới, mỗi khi mưa xuống là tôi thêm yêu, thêm được thất tình, thêm được chết vì quá yêu một cô gái nào đó. (Mà sao không thể là Nguyễn Ngọc Tư, dù chưa một lần tận mặt?)

Tôi đọc miên man *Cánh đồng bất tận (CĐBT)*, gói kê đầu giường. Tôi mê mãi đọc *Nguyễn Ngọc Tư (NNT)* trong những chuyến xe đò chờ tôi xuôi ngược trên những con đường quê hương. *Mưa Tiền giang nắng Hậu giang, Trời cao đất rộng chiếc diều bằng. Cò bay thẳng cánh đo đồng ruộng, Chín cửa ra khơi mộng hải bằng.* Những câu văn đậm tình sông nước, cuộn cuộn phù sa của Nguyễn Ngọc Tư làm nhớ bài thơ Tiền giang Hậu giang của tôi đã viết cách đây hơn mười năm. *Nắng Hậu giang mưa Tiền giang, Nhìn nhau mà lệ rớt hai hàng... Dạt dào... xào xạc... bì bõm...*

Tôi sinh đẻ tại Bạc Liêu có biển nhãn lẩn trần minh mông, mút mắt. Thời đó, phong trào chống Pháp bắt đầu bộc phát. Tới năm 9 tuổi tôi theo gia đình lên định cư ở Vĩnh Long sông nước tư bề, vào trung học. Từ miệt đồng ruộng phì nhiêu tôi dời lên miệt vườn hoa lá sum suê, um tùm bốn phía. Tôi được nuôi dưỡng bằng không khí thơm tho bùn đất và những dòng máu thấm đỏ phù sa, chẳng chịt như sông ngòi quần quít đồng bằng Cửu Long. Chín con rồng biển đã cưu mang tôi từ lúc tôi mới tượng hình, có chút xíu, lớn chưa bằng đầu ngón tay.

Tư cũng chào đời tại Bạc Liêu (Tạp văn NNT, trang 189), vùng đất có rừng bần lấp loáng sáng trắng những đêm rằm trong trẻo. Một năm sau "giải phóng" 75. Đến năm 4 tuổi thì Tư trôi giạt về Cà Mau, để rồi quần hết churen tay mình mẩy của mình vào cuộc đất này như đôi tình nhân nguyện thề từ muôn vạn kiếp. *Cỏ mọc bờ giếng cheo leo, Lâm chung có bậu hiềm nghèo có qua.* Sinh ra từ đất Hậu giang, Tư vẫn cứ một dạ thủy chung với cuộc đất này. Từ rừng bần sáng trắng, Tư trôi giạt về tử thủ vùng đất ngập nước có rừng mắm khua động dưới từng nhíp chèo, từng mái dầm bơi xối dòng phù sa ngẫu đực "*Bạc Liêu là xứ quê mùa, Dưới sông cá chốt trên bờ Tiểu châu*". Xứ quê mùa thì sanh ra giọng nói quê mùa: "*Bắt con cá gô bỏ dô gô, nó nháy gô gô gột gột*" Hoặc "*Gầu ghĩ gầu ghia ga gậm gạp. Gờ gầu gầu gụng gờ gún gún gung ghinh*". Tình cờ tôi và NNT đã ràng buộc nhau bởi đất đai, bởi sông ngòi, bởi cá tôm và cách nói của miền nước nổi sông Hậu hiền hòa từ hồi nào không biết. Có lẽ nhờ vậy mà tôi *cảm*

nhận được tận tường hơn những gì tuôn chảy ra dưới ngòi bút của Tư chăng? Mưa Tiền giang nắng Hậu giang, Phù sa lớp lớp bón đồng bằng. Thương hồ kết nghĩa cùng châu thổ, Hồ ó tan hòa theo nước trắng...

Đọc hết CĐBT, tôi gặp lại cái tình bà con đậm đà của người Hậu giang, gặp lại cách cư xử ân cần tử tế, gặp lại lời nói cục mịch, gặp lại dòng sông con rạch ngẫu đực, gặp lại tô mắm kho thơm phức, cọng bông súng dòn rụm, gặp lại cái không khí ôi sao mới là quen thuộc! Quen thuộc... nhưng mà buồn. Buồn vì những hoàn cảnh khắc nghiệt, éo le, ngang trái. Buồn vì những lối làng, cách biệt, hắt hủi. Buồn vì những đổi thay khiến cho con người nơi đây vui bớt đi lòng tử tế, vui bớt đi cái tính tình chơn chất và lòng tin cậy nguyên thủy. Cái buồn man mác dàn trải trên khắp các truyện kể. Buồn, nhưng vẫn tiếp tục đọc.

Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư cũng là những câu chuyện kể --tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng. Càng đọc tôi càng thấm nặng cái buồn. Rất buồn! Buồn muốn lâm bệnh. Và lại thêm ngọt ngào, ngao ngán. Cho tới lúc tôi đành bỏ dở nửa chừng. Buồn quá, chịu hết nổi. Tôi buông sách bỏ đi theo bạn bè nhậu nhẹt giải khuây, đi bia ôm, karaoke, trà đình tửu quán. Rồi dần dà nguôi ngoai. Tôi lãng quên dần dần... *Vai mang bầu rượu chiếc nem, Mãng say quên hết lời em dặn dò...* Và rồi tôi cũng bỏ quên luôn quyển *Tạp văn* của Tư lại quê hương. Tư mà biết được chắc buồn. Buồn năm phút!

Rồi một năm qua, hai năm qua... Cho tới một bữa nọ có cô cháu tình cờ chợt quăng câu hỏi lớn lên không trung (rớt xuống u đầu!): “Sao chú là cây bút miền Nam mà chú không viết về cô Nguyễn Ngọc Tư, cũng là người miền Nam như chú?” Tôi thêm: “Hơn nữa Tư lại là người miệt Hậu giang, cũng như chú!” Ờ hã, sao kỳ vậy? Tôi biểu cô cháu tìm cho tôi các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư để tôi đọc lại. Biết đâu chừng sẽ có hứng viết một bài về NNT. Không phải một bài thuộc loại phê bình văn học (bỏ đi tám!) mà là một bài theo kiểu “điểm sách” nhằm giới thiệu ngòi bút và các truyện ngắn đặc sắc của NNT với bạn đọc. Người viết sẽ không lên tiếng thay cho tác giả mà sẽ để cho chính NNT trực tiếp nói lên cảm nghĩ của mình qua các trích đoạn rải rác trong các tác phẩm. Người viết tránh suy diễn ý nghĩ của tác giả, hầu bảo toàn sự trung thực của sáng tác, đọc và cảm nhận như thế nào thì cứ viết y chang như vậy, không thêm không bớt, cho nó giữ được cái “truyền thống” ăn ngay nói thiệt, cục mịch quê mùa “*con cá gồ nhậy gồ gồ gọt gọt*” của miệt Hậu giang ta.

Lần này tôi có được trong tay 4 tác phẩm của NNT, tất cả đều do nhà xuất bản Trẻ Sài Gòn ấn hành. Tôi sẽ tuần tự đọc theo thứ tự thời gian vào lúc tác phẩm xuất hiện lần đầu, hầu theo dõi diễn biến cách dựng truyện và bút pháp của NNT theo thời gian. Tuy nhiên, để quân bình việc trình bày, bài viết sẽ được chia làm hai phần:

Bài 1, *Cái rầu bắt tận của Nguyễn Ngọc Tư*, sẽ đề cập tới hai tác phẩm sau:

- . Ngọn đèn không tắt (2000, in lần 4/ 85 trang)
- . Cánh đồng bắt tận (2005, in lần 5/ 213 trang)

Bài 2, *Sông nước Hậu giang và Nguyễn Ngọc Tư*, sẽ điểm hai tác phẩm còn lại:

- . Giao thừa (2003, in lần 1/ 161 trang)
- . Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư (2005, in lần 1/ 193 trang)

*

*Nắng Tiền giang mưa Hậu giang
Sông Tiền Mỹ thuận đọi đò sang
Cần thơ sông Hậu sang đò nữa
Chờ xuống Cà mau ngạp chuyến hàng*

Hãy lấy chuyến xe đò sớm nhất về Cà mau thăm NNT khi trời còn mát mẻ. Về thăm Tư để coi *Ngọn đèn không tắt* của Tư nó có còn tiếp tục cháy nữa hay không, và nếu còn cháy thì coi coi nó sáng tới mức nào.

Trước khi giờ tập truyện mỏng 85 trang này, tưởng cũng cần nhắc lại bối cảnh lịch sử cận đại của đất nước ta để đặt dấu mốc cho những cái nhìn cá biệt đến từ nhiều phía. Tôi thuộc thế hệ sanh ra trong những năm 40 nên lãnh trọn 30 năm chiến tranh đằng đẵng trên cái đất nước yêu dấu tang thương ngậm ngùi này..... Đệ rồi hơn 10 năm sau, bắt buộc phải Đổi Mới, chạy theo kinh tế thị trường của khối tư bản Chào đời sau “giải phóng”, tuy không trực tiếp ném mùi chiến tranh, nhưng thế hệ của Tư cũng bắt buộc phải gánh chịu hậu quả tang thương đổ nát nặng nề trên khắp cùng đất nước mà cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ 20 đã để lại.

Ngọn đèn không tắt, tiêu đề cho toàn tập, cũng là tựa của bài viết đầu tiên khi người đọc bắt đầu bước vào thế giới chơn chất thiết tha của Tư. Tại sao ngọn đèn không chịu tắt? Tại vì người ta muốn duy trì cho nó cháy hoài. Ngọn đèn đó là cái tinh thần *khởi nghĩa* khi xưa khi xưa, đã lâu lắm rồi, có lẽ từ hồi thời thuộc địa Tây. Nhưng muốn duy trì cho nó cứ tiếp tục cháy hoài thì hằng năm, tại cái Xóm Rạch nhỏ xíu này, xã tương bưng dựng cờ đỏ chói và gởi thơ mời các cựu lão ông tới ủy ban để “*nói chuyện khởi nghĩa*”

Ông Hai Tương trong xóm được mời tới đều đều để nói chuyện hằng năm vì ông đã tham gia khởi nghĩa và có thành tích lớn từ hồi năm. Vì nay ông đã già yếu nên Tư, cô cháu nội nhỏ tuổi (học lớp chín) được đặc phái đi theo để chăm sóc ông nội mình.

“*Con Tư ngồi chắt nước cơm ngoài sau bếp, than trong bụng: “Mấy chuyện đó kể muốn thuộc lòng rồi, bắt kể hoài, bộ mấy ông hồng chán sao?”* (trang 9). Nhưng có sao đâu! Cô gái nhỏ dù sanh sau đệ muộn, nhưng vì đại cuộc, cũng đã cất tiếng trả bài sang sáng trước bà con ta để khơi lại ngọn lửa khởi nghĩa đang có mùi tàn lụn của ông cha mình – dù sao cũng là anh hùng cứu nước hay là bà già giết giặc hết trời đó chớ giỡn chơi sao! “*Cô gái nói lời của ba cô năm trước, nói lời của ông nội cô năm trước, năm trước nữa. Cô nói lời của lịch sử. Mà lịch sử là thứ không thay đổi*” (trang 17) Quá đúng! Đúng hết sẩy. Cô gái đã chinh phục được cảm tình và sự chăm chú của ủy ban và bà con trong xóm có mặt tại bữa họp do xã tổ chức. “*Nhưng trong lời cô có cái nhiệt tình tuổi trẻ, trong mắt cô có màu đen sẫm của vốc đất bãi bùn, và cô dựng xương thịt cho cuộc khởi nghĩa bằng nét mềm mại của người con gái nên câu chuyện của cô rất sâu sắc và thu hút người khác*” (trang 17). Hoan hô! Hoan hô em nhỏ! Rồi đang “khởi nghĩa” nửa chừng, câu chuyện bỗng dưng hơi bắt sang chuyện thêu thùa áo gối của *Thầy* (cầm đầu khởi nghĩa) chung với bà nội mình hồi trước – chi tiết lạ lùng mà không một ai biết được. Nhưng may thay, cô gái nhỏ đã kịp thời lèo lái mọi người quay trở lại cái “tuồng ruột” của mình để giữ cho ngọn đèn khởi nghĩa đừng có đứt bóng bất tử. Cô kéo mọi người hướng trọn hết tâm can tới lời trần trời của *Thầy*: “*Thầy biểu mấy chú, à không mấy chú giữ đèn hải đăng cho nó đừng tắt. Và khi chiếc tàu chạy vào Xóm Rạch rồi, ngọn hải đăng vẫn cứ nhìn theo cháy hoài, cháy hoài, cháy hoài...*” (trang 19). Dĩ nhiên cây hải đăng phải cháy hoài cháy hoài mới nuôi được ngọn lửa hy vọng trong lòng bà con Xóm Rạch. Vì hy vọng, từ xưa tới nay, vẫn nuôi cho người ta sống. Sống để mà tiếp tục... hy vọng. Và rồi đây sẽ có ngày hy vọng cũng mệt mỏi buông tay cho bà con trong xóm chết đuối trong chờ đợi mỗi mòn. Hay là khi ngọn hải đăng “khởi nghĩa” tắt rồi, bà con ở cái Xóm Rạch nhỏ nhít này sẽ lạng lẽ chết âm thầm trong bóng tối lịch sử.

Nhưng bánh xe lịch sử vẫn cứ ngon trơn lăn tới trên con đường một chiều, không một ai cản nổi. Một khi kinh tế khá lên rồi thì Cách mạng bắt đầu phân phát ân sủng cho những người “khởi nghĩa” có công lớn: cất nhắc cho làm chức lớn tương xứng với công lao của mình. Đúng theo cái đường lối mà một đàn anh lãnh đạo đã đề ra: “Mấy em theo mình cực khổ từ trước tới

nay cũng đã mệt lắm rồi. Phải cho mấy em nó hưởng một chút!” Cũng bình thường thôi. Mà một khi có quyền rồi thì người ta muốn có tiền, thiệt nhiều tiền – cũng rất bình thường. Muốn có thiệt nhiều tiền thì người ta bèn tham những hoặc thâm lạm công quỹ – cũng rất bình thường. Đó là bối cảnh cho truyện *Nỗi buồn rất lạ* (tr 31): Ngày xưa Tư Đờ vốn là một tay du kích nổi tiếng lì. “*Tụi Ngụy ngoài chợ Rạch Ráng nghe nói tên Tư Đờ là thiếu điều té đái*” (tr 35). Nay thẳng trận rồi, Tư Đờ được Cách mạng ghi ơn cử làm giám đốc công ty xuất nhập khẩu. “*Không biết thế nào, công ty ông ta thâm hụt mấy tỉ mà ông thì ngày một giàu*” (tr 36). Mấy tỉ đây là tỉ đồng Việt Nam chứ không phải là tỉ đô la Mèo đâu nghen - đừng có nghèo mà ham! Đồ bể, Tư Đờ bị bắt và đi tù – rất bình thường? Nhân vật nhà báo xưng “tôi” về nói lại với ba mình vốn là đồng chí du kích đã từng sống chết với Tư Đờ cả chục năm hồi thời kháng chiến. “*Biết bao nhiêu lần tụi giặc càn vô vùng căn cứ Xóm Xẻo, tụi tao đánh giạt hết. Tao nè, Tư Đấu (Đờ?) nè, bác Mười Mực của mày nè... bây giờ đũa còn đũa chết*” (tr 36). Bởi lẽ đó, khi nghe con mình nói là Tư Đờ đã xô khám, ba nhứt định không tin, mặc dù thằng con cứ nhắc khéo: “*Làm kinh tế mà ba, đâu liên quan gì tới chuyện đánh giặc. Sẩy chân là chuyện thường*” (tr 36). “Cái thằng này! Mày nói cái gì mà kỳ cục vậy này? Tao nghe không có lọt lỗ tai!”

Bởi lẽ đó, mặc cho ai có nói gì thì nói, ông già vẫn cứ một mực không chịu tin. “*Bây nói vậy, chứ làm lớn ai cũng hư hết sao? Tao coi ti vi, coi tụi bây viết, hễ làm giám đốc là phải có bồ, phải tham lam tiền bạc, phải ăn chơi. Tao hông chịu*” (tr 37). Thằng con cắt nghĩa nữa, ông già vẫn cứ gặt ngang: “*Nhưng tao muốn nghe thằng Tư Đờ nó nói, nói thẳng thắn, thật thà, nó phải nói với tao sao mà tới nông nổi như vậy, nó phải trả lời bà con Xóm Xẻo, chỗ bà con cư mang nó mười mấy năm trời*” (tr 42). Ông già không hiểu nổi cái sự thể đồng chí anh hùng cứu nước Tư Đờ oanh liệt của ông ngày xưa mà giờ đây xô khám à? Không hiểu cũng phải, vì bây giờ ông vẫn còn tiếp tục cày ruộng, gặt lúa, tiếp tục “*đầu tắt mặt tối, mưa nắng dầu dãi, nghèo vẫn hoàn nghèo*” (tr 40). Có lẽ vì không hiểu nổi nên ông già đành phải níu vào một cái lý do, một cái cớ nào đó để mà tự an ủi, cho dù là một cái cớ hết sức mơ hồ, một cái lý do hết sức vu vơ. “*Làm lớn, cũng khổ tâm lắm... Câu cuối cùng ông buông xuống, nhẹ như một tiếng thờ dài*” (tr 42). Và khi câu này đã buông xuống rồi thì giữa ông già và thằng nhỏ, ai buồn hơn ai? “*Khi chuyến tàu chạy tuyến Cái Nước xa rồi, sao tự nhiên tôi buồn, buồn quá! Nỗi buồn này nặng hơn, trong suốt và nhiều gai nhọn hơn nỗi buồn của ba tôi*” (tr 42). Giữa ông già và thằng con, ai mới thiệt sự là người thất vọng, và thất vọng ê chề? Dù không chi li, nhưng bằng một cách khéo léo qua lối kể truyện, Tư vạch cho thấy tâm lý các nhân vật của mình một cách tài tình. Nỗi buồn của thằng con, một nỗi buồn nặng nề, *trong suốt và nhiều gai nhọn*.

Tuy nhiên, trong cái không khí thất vọng náo nê và buồn hiu đó, Tư cũng cố gắng đẩy ngòi bút mình vào một niềm vui lớn: đợt xóm kéo điện về. Trang 39 nhắc lại cái ngày lịch sử đó: “*Cái xóm nhỏ oai hùng, cái xóm nhỏ nghèo quê tôi hai mươi sáu năm sau giải phóng người ta thấy được ánh điện đầu tiên trong đời. Người già Xóm Xẻo uống trà quạu thức sáng đêm nhìn bóng đèn điện cho đã con mắt*” (tr 39). “*Đã*” như vậy mà đã “*đã*” chưa? Chưa! “*Cái ánh sáng làm cho người ta tự tin lên. Còn tụi con nít bị đánh quắn đít mà đổ hoài vẫn không ngủ được, tụi nó tưởng còn ban ngày*” (tr 39). Tuy khóc mà là khóc trong niềm vui, khóc trong niềm hoan lạc của cái Xóm Xẻo nhỏ nhứt mà thân thiết cật ruột. Và nhứt là oai hùng! Cái chi tiết nhỏ nhoi ngộ nghĩnh mà hết sức tuyệt vời!

Tập truyện đầu tay NĐKT của NNT được viết bằng loại mực tím than còn thơm mùi học trò. Bút pháp có những cái vụng về dễ thương mà lúc càng viết nhiều về sau này, đôi khi người ta thầm tiếc hùi hụi cái chất “*học trò*” bây giờ đã mất đó. Như một trinh nữ ngồi buồn nhớ lại, và chất lười... “*Hỏi anh anh nói học trò, Sao em lại thấy anh cỡi bò hôm qua?*” Truyện kể còn lan man, lộn xộn, thiếu mạch lạc và chưa thành hình rõ rệt. Đại khái, vẫn còn “*Ngổn ngang*” như một cái tựa truyện của Tư (tr. 60) trong NĐKT.

Tuy nhiên, ở thời buổi đó, ở cái tuổi đó, Tư viết như vậy kể như cũng đã là “được” lắm rồi.

*

*Nắng Hậu giang mưa Tiền giang
Bạc Liêu ghiền cốm dẹp Sóc Trăng
Chắc Bểng cạp rống Đầm Dơi hú
Ai đâm Hà bá miệt Năm Căn ?*

Đi vào thế giới của NNT, thỉnh thoảng chợt bắt gặp lại những địa danh tưởng chừng như đã mất tiêu trong cơn lốc lịch sử phùng phùng lửa sắt vừa qua : Đầm Chim, Đầm Dơi, Chắc Bểng, Cạnh Đèn, Gành Hào, Năm Căn, U Minh, Trèm Trèm, Mút Cà Tha... Rồi những tên đất, những tên rạch, những vàm, những xẻo, những làng, những xóm... ôi thôi kể sao cho hết ! Đối với những người thuộc địa phương khác thì những cái tên đó vô cùng xa lạ, hờ hững. Nhưng đối với những người đã từng lội bùn và tắm nước đục Hậu giang thì nó thân thiết vô cùng. Tên sông tên đất vang dội trong lòng như tiếng vượn hú không nguôi trong cánh rừng già. Hay tiếng mái dầm chợt đập chát trên mặt nước sông trong buổi chiều sẩm tối. Như một tiếng nhắn nhủ, như một lời mời gọi: “Về thăm! Về thăm em đi anh!”

Hãy thả chiếc xuồng nhỏ ba lá bơi vào Cánh đồng bắt tận của NNT. Sẽ bắt gặp những doi đất nhô xa, những rừng mắm um tùm, những rừng tràm đặc khít, đám mái dầm vươn cao, lùm ô rô gai góc, những đàn cá lội nhõn nhơ, những bầy vịt chạy ùn ùn trên ruộng đồng xa tắp. Những cánh đồng... những cánh đồng... và những cánh đồng... Những cánh đồng không tên, chỉ được ghi nhớ bằng một chi tiết nho nhỏ, một kỷ niệm lạ lùng còn giữ được từ nơi đó. Bằng không sẽ không có cách gì nhớ nổi. “*Bây giờ, gió chướng non xập xòe trên khắp cánh đồng Bất Tận (tên này tôi tự dung nghĩ ra)*” (tr. 208). Bằng linh tính bén nhạy, bất thần Tư tìm ra được tên gọi cho cánh đồng mình mộng mình đang đi qua: *Cánh đồng bắt tận*. Bất tận như một nỗi buồn. Như một buổi chiều chạng vạng trời mưa lâm râm, ngồi ngó trời đất mình mộng mà rầu rĩ một mình. Cánh đồng bắt tận. Hay là “*Cái rầu bắt tận*” của Nguyễn Ngọc Tư ?

*Mưa Hậu giang nắng Tiền giang
Nhiều đêm không ngủ dạ mơ màng
Nhớ người nhớ đất mùi quê cũ
Ôi nắng Tiền giang mưa Hậu giang!*

Tập truyện *Cánh đồng bắt tận*, 213 trang, chia làm 14 bài viết. Có 5 bài đã xuất hiện trong tập *Giao thừa: Cái nhìn khắc khoải, Hiu hiu gió bắc, Cuối mùa nhan sắc, Nhớ sông, Dòng nhớ*.

Bắt đầu CĐBT là một cuộc tìm kiếm trên khắp hang cùng ngõ hẻm của ông già Năm Nhỏ. Cất tiếng gọi lớn: “*Cải ơi!*” (tr.7). Ông Năm tìm kiếm lằng xằng đưa con gái của mình. “*Lúc nhỏ Cải mười ba tuổi, một bữa mê chơi làm mất đôi trâu, sợ đòn, nó trốn nhà*” (tr. 8). Rồi trong cuộc tìm kiếm vô vọng, một đêm nọ ông Năm chợt biến thành “Tên trộm đang tr”: ông đi ăn trộm trâu của người khác. Bị bắt, nhân lúc được phỏng vấn trên đài, ông nhắn nhe cầu may với con gái mình: “*Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè, nhà mình ở Cổ Cháy đó, nhớ không? Về nhà đi con, tội má con vô võ có một mình. Con là trọng chớ đôi trâu có nhằm nhò gì... Về nghe con, ơi Cải..*” Nhưng Cải có nghe được tiếng gọi tuyệt vọng của ba mình không? Cải có hồi tâm mà trở về với má mình không? “Về đi về đi, Cải ơi Cải!”

Gió đưa cây cải về trời, Rau răm ở lại chịu lời đắng cay. Sau khi “Cải ơi!” đã về trời rồi thì tiếp theo là truyện *Thương quá rau răm* (dĩ nhiên), với cái cù lao Mút Cà Tha xa lác - người miền Nam có thói quen nói “mút chỉ cà tha” để diễn tả cái gì kéo dài quá mức hoặc xa mút tí tề. Trên

cù lao có ông Tư Mốt rất là chí tình với cuộc đất Cà Tha. Nhưng vì đời sống quá khó khăn và nguy hiểm, mọi người dần dần bỏ cù lao mà ra đi hết. *“Và họ từ giã cù lao. Ông Tư Mốt ở ở ra chiều thông cảm, về mặt cố tỏ ra không buồn nhưng hàm râu xuôi xi. Họ ngoắc đò đi rồi chú còn đứng mãi trên bến, nghĩ gặt đám trẻ cù lao đã được học hành nhưng chẳng đũa nào chịu quay về”* (tr. 19) Cũng thường thôi. Một hiện tượng “bỏ cuộc đất” quê mùa mà ra đi đã xảy ra đều đều khắp mọi nơi, ra đi khi ánh sáng “văn minh” lấn tới.

Kịp thời Văn từ đâu trôi giạt về. Chàng thanh niên được đặc phái tới làm việc tại trạm xá cù lao. Ông Tư Mốt và cô nhỏ Nga tìm đủ hết mọi cách chịu đựng người từ xứ lạ tới để cầm chửng. *Nước ròng trong rạch chảy ra. Em chào anh đi học ở xa mới đia.* Nhưng rồi rốt cuộc Văn cũng im ả bỏ cù lao mà lẳng lẳng ra đi, không một lời từ giã. Trong một thoáng chùng chình, ông Tư Mốt tự hỏi: *“Bên ngoài cái đất Mút cà tha dường như đã có sự thay đổi lớn. Thí dụ như con cá, lá rau, hạt gạo mền thương của người cù lao không ràng buộc được một con người (như đã từng rịt chân ông lại), thì cái bóng nhỏ nhoi của đũa con gái đang tuyệt vọng đứng ngóng chờ dưới bến không có ý nghĩa gì sao? Tuyệt không đáng gì à?”* (tr. 25). Câu hỏi quăng xuống bến nước Mút cà tha chìm lĩm biệt tăm, không thấy ai lên tiếng trả lời. Như vậy thì chắc là tiêu tủng rồi nhỏ Nga ơi! *“Anh đi em một ngó chừng, Ngó sông sông rộng ngó rừng rừng sâu”*. Sao nở để rau rằm ở lại cù lao một mình chịu lời cay đắng?

Sang truyện khác: Không ai biết ông tên gì. Ông làm nghề nuôi vịt chạy đồng. Ông lừa bầy vịt lên một cánh đồng vừa mới gặt xong. Khi bầy vịt đã ăn mót hết lúa gặt rơi rớt trên ruộng rồi thì ông lừa vịt tới một cánh đồng khác. Rồi cứ vậy... cứ vậy... Trong bầy vịt của ông có con vịt xiêm tên Cộc rất khôn và hiểu được ông nói gì. *“Ông kêu: “Cộc, biểu!” Con Cộc chạy lại, vẩy nước và cọ đầu vào bắp đùi đen bóng của ông”* (tr. 50).

Một buổi chiều muộn, chợt ngó thấy một người đàn bà mặt mày buồn so ngồi dưới bụi cỏ đợi tàu, ông quạt chèo cho ghe ghé lại. *“Ông biểu chị xuống ghe cho quá giang. Chị vẫn khóc: “Tui biết đi đâu mà quá giang bây giờ. Hay... làm ơn cho tui theo anh đêm nay nhen”*. Ông suy nghĩ rất lâu và trả lời một câu nhỏ xíu...” (tr. 52). Tuy nhỏ xíu mà lại đồ nợ lớn. *“Thùng thùng trống đánh ngũ liên, Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa”*. *“Đôi chân đàn bà dè dặt bỏ xuống đầu ghe, con Cộc cúi đầu không nói không rằng lùi lũi lại tính mỗ một cái vô chân chị mừng chơi nhưng ông la: “Cộc! bị đòn nghe mậy!”* (tr. 52).

Người đàn bà (cô Út) về tá túc, và phụ tiếp bếp núc trong căn nhà lá cũ mèm của ông – căn nhà mà năm ba tháng ông mới về một lần. Mái lá có bốc lên chút khói xanh um ướn éo cũng bớt lạnh lẽo và đỡ buồn. Rồi cảm tình qua lại giữa hai người có con Cộc làm chứng. Rồi thời gian qua... Rồi mùa lúa chín tới. Rồi bọn thợ gặt kéo về. Trong đám thợ gặt có tình nhen cũ của cô Út. Và cô Út đành đoạn lia bỏ căn nhà lá ớn nghĩa cũ mèm để đi theo tiếng gọi của lòng. Bỏ người đàn ông ở lại một mình buồn hiu như cũ. Với con Cộc khôn dần trời, dĩ nhiên. *Nhái kêu chiều xế dưới mương, Thiếp đà an phận còn thương nỗi chàng.*

“Ông ngồi lại, bồn chồn. Hồi lâu, ông nói như chỉ nói với mình: “Mai mốt mình đi nữa hen Cộc?” Con vịt cạp mắt cá ông, đi thi đi, tui đâu ngán!” (tr. 61). Rồi ông già ngó con Cộc, con Cộc ngó ông già, bốn mắt nhìn nhau chẳng nói một câu. Chợt có ngọn *“gió lừa lao xao trên những tàu lá chuối. Tiếng lá khô vỡ giòn gióng hết bước chân ai vậy. Ông không nén được, mắc ngoái nhìn”* (tr. 61). Rồi ánh flash lóe lên và đồng thời “rắc” một tiếng! Gã thợ chụp hình giải thích: *“Và tôi đã chụp chân dung ông trong cái ngoái nhìn khắc khoải đó”* (tr. 61).

Chỉ với một chi tiết nhỏ của cái nhìn có ngấn nước ở khóe mắt trên tấm ảnh mà Tư đã viết được một truyện ngắn độc đáo, *Cái nhìn khắc khoải* (tr. 49). Tuy khắc khoải nhưng có xen lẫn một chút diễu cợt nhẹ nhàng, một chút chọc phá duyên dáng. Cười, mà bù ngùi. Tư làm nhớ

tới cái sắc sảo và tinh tế của Võ Phiến. Nói thế, nhưng chưa ngòi bút nào đi xa hơn Võ Phiến trong công việc quan sát, mô tả và thường thức những tình tiết chi li trong đời sống thường nhật. Ngoài ra, giọng văn của VP và NNT thuộc hai miền khác nhau: một Bình Định, một Cà Mau. Tuy nhiên, cho dù đang còn ở trong cuộc đất Cà mau, giọng văn của Tư trong CĐBT đã pha lẫn những tiếng không thuộc miền đất Hậu giang. Một sự chuyển hướng? Cũng giống như mọi người đã lần lần bỏ cù lao Mút Cà Tha mà ra đi trong niềm tiếc nuối của ông Tư Mốt và nhỏ Nga? Bỏ đi. Như một định mạng khắc nghiệt, *bỏ đi* là một hành động nòng cốt xảy ra đều đều trong truyện của Tư. Bỏ nhà: *Cái ơi!* Bỏ cù lao: *Thương quá rau răm.* Bỏ người, bỏ vật: *Cái nhìn khắc khoải.* Bỏ chồng: *Một mối tình.* Lại bỏ chồng và bỏ đi: *Biển người mênh mông.* Bỏ trốn: *Một dòng xuôi mãi miết.* Bỏ ghe: *Nhớ sông.* Bỏ tùm lum, bỏ dài dài: *Cánh đồng bất tận.* Bỏ người yêu, bỏ bến: *Duyên phận so le, Dòng nhớ.* Chợt nhớ thơ Nguyễn Bính: *“Bỏ thuyền bỏ bến bỏ dòng trong, Cô lái đò kia đi lấy chồng. Vắng bóng cô em từ dạo ấy, Để buồn cho những khách sang sông...”* Dặn hò: *“Tư ơi Tư! Đừng có bỏ đi bắt tử nghe Tư! Buồn lắm đó nghe! Buồn nát cả tâm can. Buồn như “rót lệ vào tim” (điều này chắc tui chết!). Đừng có bỏ đi bắt tử nghe Tư!”*

*Mưa Tiên giang nắng Hậu giang
Ngày đi binh lửa rười rượi tàn
Ngày về Bình Thủy miền quê ngoại
Biết có hiền hòa như xưa chăng?*

Bỏ đi. (Bỏ đi Tám?) Như đã nói, *bỏ đi* gần như là một ám ảnh ray rứt không thể nào thiếu vắng được trong truyện của NNT. *Biển người mênh mông* (tr. 99) cũng theo thông lệ đó mà thôi. Mả bỏ đũa con rơi của mình (Phi) để theo ba. Phi sống với bà ngoại. Đang học nửa chừng, Phi thôi học, bỏ đi (lại bỏ đi!) theo đoàn hát. Khít vách Phi có ông già Sáu Đèo làm nghề bán vé số mới dọn về mượn một căn để ở. Lúc dọn làm mất hết mất thùng cạc tông đựng mũn mền quần áo nên ông Sáu chỉ còn vồn vẹn có một bộ đồ duy nhứt dính da.

Một bữa trời trở chướng, ông Sáu nhức mình nhức mẩy nên nhờ Phi qua nhà cạo gió cho ông. Nhắc chuyện xưa, ông Sáu kể *“hồi trẻ, ông sống toàn trên sông, ông có chiếc ghe, hai vợ chồng ông lang thang xứ này xứ nọ (...) nước ngược cấm sào đậu lại thổi cơm, bìm bịp kêu, nước bò lên bãi ông cho ghe ra bến. Cuộc sống nghèo vậy mà vui lắm”* (tr. 108). Ông Sáu kêu vợ mình bằng *“cổ”*. Phi cạo mạnh, ông Sáu rên đau, Phi hỏi đau chỗ nào, ông trả lời: *“Ừ, cái chỗ này, chú mày không làm qua hết đau được đâu. Ông già Sáu máu mao chỉ về phía tim. “Cổ đi rồi. Sống khổ quá nên cổ bỏ qua. Cổ lên bờ, không từ già gì hết, bữa đó đúng là qua bậy, qua nhậu xỉn quá trời, rồi cũng có cựa cãi mấy câu, cánh nhà không con nên sanh buồn bực trong lòng, qua có hơi nặng lời, cổ khóc. Lúc thức dậy thì cổ đã đi rồi”* (tr. 109).

Kể từ lúc vợ lìa ghe lên bờ và bỏ đi (lại bỏ đi!) mất biệt, ông Sáu cũng bỏ ghe. Không phải để lấy vợ khác làm ăn mà là lên bờ đổi nghề bán vé số và lặn lội khắp bốn phương trời để tìm kiếm vợ mình. *“Tìm em như thể tìm chim, Chim ăn biển bắc đi tìm biển đông”*. *“Qua đã tìm gần bốn mươi năm, dờn nhà cả thấy ba mươi ba bận, lội gần rã cặp giò rồi mà chưa thấy”* (tr. 109). Rồi sau một đêm rượu đưa tiễn dưới trăng (như đưa tiễn trăng sĩ Kinh Kha sang sông Dịch hành thích bạo chúa) ông Sáu lại lên đường gian nan đi tìm *“cổ”*. Ông giao con bìm bịp lại cho Phi nhờ nuôi giùm. Nhiều bữa, bìm bịp kêu thê thiết cả đêm làm Phi không ngủ được. *“Phi giờ cửa lồng, con bìm bịp đập cánh xao xác, đứng niếng đầu nhìn anh buồn lắm, sao anh ngồi đây mà tí tía tôi đâu? (...) Tía thấy tao buồn nên để mày ở lại, nhưng rồi lúc ông già bé nhỏ ấy buồn, ai kêu nước lớn cho ông nghe?”* (tr. 110). *“Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi, Buôn bán không lời chèo chống mỗi mê”*

Rồi ông Sáu có tìm gặp lại vợ mình sau bốn mươi năm lặn lội? Hai người sẽ chung sống bên nhau hạnh phúc như xưa, trên một chiếc ghe thương hồ khác, với một con bìm bịp khác để nó kêu báo hiệu nước lớn cho ông Sáu xô ghe lên đàng? Không rõ. Chỉ biết kể “*từ đấy, ông Sáu Đèo chưa một lần trở lại. Từ đấy, giữa biển người mênh mông, Phi gặp biết bao nhiêu gương mặt, cùng cười đùa với họ, hát cho họ nghe, cùng chạm ly uống đến say...*” (tr. 111). Và Tư đã thông một câu kết: “*Biển người thì mênh mông vậy...*” (tr. 111).

Trong tập *Giao thừa*, Tư cũng đã thông một câu kết tương tự trong truyện *Đời như ý*: “*Làm gì có chuyện đời như ý?*” (GT, tr. 66). Những câu kết đại loại như một “phán xét cuối cùng” này, thiết tưởng nên để cho độc giả tự suy gẫm lấy thì tốt hơn. Nếu thực sự tha thiết với ý đó, Tư có thể viết một cách khác để kết việc.

Ngoài cái “tuồng ruột” một người bỏ đi, một người tìm kiếm, qua truyện BNMM Tư cho thấy lòng tin cần của mình đặt vào cái bản năng *chân thật* hồn nhiên của muông thú, như bìm bịp chẳng hạn – còn con người thì nói chi! Cái lòng tin này của Tư cũng được thể hiện qua vệt xiêm Cộc trong *Cái nhìn khắc khoải* và con vệt đuôi trong *Cánh đồng bất tận*. Có cảm tưởng Tư thích sống chung đụng với thú vật, thích sống trà trộn với thiên nhiên, với đất đai, với sông nước. Tự muôn đời, đó vẫn luôn luôn là những nguồn an ủi lớn lao sau những lần va chạm não nề với loài có lý trí (hiu hiu) và với cái gọi là (le lói) văn minh.

Sau khi vượt qua *Biển người mênh mông*, người đọc lọt vào *Cánh đồng bất tận*, tựa cuối của tập truyện mang cùng tên của NNT. Cánh đồng này dàn trải từ tr. 155 đến tr. 213, cộng 59 trang, có thể coi như *truyện vừa* – không dài, không ngắn. Chỉ nghe cái tên truyện thôi cũng đã thấy mỗi chợn. Oải! Mệt thấy rõ! Tuy nhiên cũng cứ đi thử coi nó ra làm sao. Để coi cánh đồng nó “bất tận” tới mức nào ở cái vùng đất Cà mau bùn phèn bát ngát này.

*Nắng Hậu giang mưa Tiền giang
Đám Dơi tay ngoắc cánh chim ngàn
Mơ một về Cà mau ăn Tết
Hưng Mỹ hăng mùi pháo nổ ran*

Bắt đầu là một cánh đồng. Tiếp theo là một cánh đồng thứ hai. Rồi lại một cánh đồng nữa... tiếp giáp một cánh đồng khác nữa... khác nữa... « *Cánh đồng không có tên. Nhưng với tôi và Diên, chẳng có nơi nào là vô danh, chúng tôi nhắc, chúng tôi gọi tên bằng những kỷ niệm mà chúng tôi có trên mỗi cánh đồng. Chỗ chị em tôi trồng cây, chỗ Diên bị rắn cắn, chỗ tôi có kỳ kinh nguyệt đầu tiên...* » (tr. 159). Cho tới một bữa nọ nhân vật nữ, Nương (hay là Tư ?) tự dưng nhận thức ra... « *bây giờ gió chướng non xập xòe trên khắp cánh đồng Bất Tận...* » (tr. 208). Phải rồi! Cái tên sao mà đúng quá đúng: *Cánh đồng bất tận!* Vì cánh đồng này có bao giờ chấm dứt ở một chỗ nào đâu. Đi hoài, đi hoài. Vẫn còn cánh đồng.

Bây giờ đi vào CĐBT, Tư đã có một số kinh nghiệm trong công việc đưa đẩy ngòi bút của mình. Tư không viết như hồi cái thuở ban đầu (lưu luyến ấy) của *Ngọn đèn không tắt*, nghĩ gì viết nấy, không cần sắp xếp, lộn xộn. Hoặc như trong *Giao thừa*, truyện kể đơn độc, một dòng. Tư đã biết đưa đẩy ngòi bút của mình trở ngược trở xuôi trong thời gian, trong ký ức. Đã biết lúc nào thì cho nhân vật nào xuất hiện, cho chuyện gì xảy ra. Đi sâu hơn nữa vào tâm lý nhân vật. Biết dàn dựng cốt truyện, chọn lựa bút pháp. Đọc lồi cuốn. Và kết thúc gọn nhẹ. Đẹp. Có tiến bộ tốt rõ rệt. Một điểm son.

Trên CĐBT xuất hiện nhân vật đầu tiên: *cha* (Ủa! bộ ở cái mũi Cà mau tận cùng miền Nam này, bà con ta đã bắt đầu gọi *ba* bằng *cha* hết rồi sao?) Cha và hai con mình, một gái (Nương), một trai (Diên) sống trên ghe làm nghề du mục, nuôi vẹt chạy đồng. Khởi thủy, cha làm nghề

mộc, thường xa nhà. Má, người đàn bà đẹp nhứt xóm, trắng tươi như bông bưởi, ham mê vải vóc. Để đổi lấy xấp vải đỏ, má khứng chịu cho tên buôn vải dày vò thể xác mình. Rất tình cờ, từ kẹt bồ lúa hai con chứng kiến. Lỡ dở, má bỏ hết đồ đạc lại nhà và trốn sang xứ khác để khỏi phải chịu đựng nhục nhã với chồng con. Nhưng rốt cuộc người chồng cũng biết. Ông đốt nhà, đốt hết đồ đạc vợ để lại rồi dắt hai con xuống ghe sống đời du mục, nuôi vịt lùa. Mối hận đầy ứ trong tim. Hận vợ. Hận hết thầy đàn bà trên đời.

Để băng bó và rịt thuốc cho vết thương mình, người đàn ông trả thù. Trả thù không phân biệt, trả thù trên bất cứ người đàn bà nhẹ dạ nào đã trót nghe theo lời ông dụ dỗ mà trao thân. Ông dày vò, cắn xé họ hả hê, khinh bỉ, kiêu ngạo. Một người, hai người... Rồi năm người, mười người... Xong, ông vớt họ lên bờ như một băng vải nhóp nhúa đã giúp ông tạm rịt vết thương mừng mủ của mình. Càng kinh nghiệm về đàn bà, ông càng sắp đặt kỹ, càng thâm hiểm hơn. *“Với những người đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bề bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc”* (tr.189).

Những cuộc trả thù của cha đã từ từ thấm độc vào cơ thể thằng con trai mình hồi nào không hay. Tới tuổi mười sáu dậy thì, Điền có những triệu chứng bất thường. Trong thế giới của Điền, giờ đây có thêm một người đàn bà từ bên ngoài lọt vào, đầy ứ sức sống, lồ lộ, ám ảnh: Sương, một cô gái đi “du mục” được cha con Điền tình cờ cứu thoát sau khi bị đánh ghen một trận như tử. *“Điền yêu chị, nhưng tình yêu đó khiếm khuyết mất rồi. Sau giấc ngủ dài, bản năng nó không trở dậy. Trái tim nó chỉ là một hòn than nhỏ, không thể hâm nóng lại cơ thể ngả màu tro”* (tr. 200). Trong cơ thể đứa con trai, một ngọn đèn trời ban sẵn cho mỗi người đã tắt: bản năng tình dục. Cái bản năng đã thúc đẩy má nó ham làm đẹp, đã xúi giục tên buôn vải thềm muồn thân thể trắng muốt của má, cái bản năng đã thúc đẩy Sương bước vào nghề làm đi. Tuy nhiên, trong cơn bão trót phăng cuốn hết mọi người quanh mình, cái linh tính tự nhiên vẫn khiến cho Nương thâm nghĩ : *“Tôi không chắc lắm, nhưng dục tình và xác thịt không xấu xa, không đáng bị khinh bỉ, không phải là nguyên nhân đẩy chị em tôi đến cuộc sống này với những đổ vỡ này...”* (tr. 193)

Đời sống du mục với bầy vịt ốm nhom vẫn tiếp tục buồn bã trôi xuôi trên dòng không mông quạnh, vắng bật tiếng người. Như vậy vẫn chưa đủ. Dịch cúm gia cầm thỉnh linh từ trên cao úp chụp xuống bầy vịt chạy đồng như một màng lưới đan khít, vô phương đào thoát. Mọi người giương mắt thao láo chứng kiến cuộc tàn sát tập thể, bất lực. *“Xuyên qua những lớp đất bấy nhầy, tôi nghe vịt của tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đớn vì những cái cổ gãy, rồi quặt quẹo, chúng hỏi vì sao tại người ta lại ác. Rồi thình lạng. Trong cái im ắng đến rợn người, tôi nhận ra tiếng của con vịt mù, có lẽ vì không sợ tối, nên sự sống kéo dài (...) Tôi tiếc thôi là tiếc sinh linh nhỏ bé đã thiếu được tim mình”* (tr. 197/198). Một nhận xét tinh tế, đầy ấp xúc cảm và chan chứa xót thương.

Để cứu vãn tình thế, Sương tự ý nạp mạng cho hai nhân viên được nhà nước đặc phái tới cánh đồng hoang để kiểm tra và tổ chức cuộc tàn sát tập thể. Sáng hôm sau ngất ngư trở lại ghe, bị cha diều cợt độc ác, Sương đã chua chát ngó thẳng vào bộ mặt người đàn ông chai đá, để rớt từng lời một với Nương: *“Má cưng ác một, nhưng người cha này của cưng ác tới mười.”* Rồi Sương bỏ đi. *“Thằng Điền xách nước về, nó cuồn lên hỏi chị đâu. Tôi chỉ con đường kinh xao xác hoa cỏ dại. Em tôi chạy hồng hộc về phía đó”* (tr. 204)

Sương bỏ đi. Điền cũng bỏ đi. Mọi người bỏ đi hết. Chỉ còn đứa con gái ở lại với người cha trợ trợ của mình, đôi mắt không ngừng mong ngóng, lòng đầy ấp những câu hỏi thảng thốt: *“Không biết tới nay thằng Điền có được một nhồi úp lên chị, hay vật vạ ở đâu đó, bên vách buồng (hay một tấm ri đô bằng vải), đau vật đau vãi nghe hoan lạc chảy thành những dòng rên*

xiết, kêu thét” (tr. 205) Câu hỏi thất lạc giữa đồng không mông quạnh. Để Nương ở lại chèo queo một mình trong lòng ghe tối đen không ngừng chao lắc.

Dù bị trục trặc lớn, cuộc đời du mục vẫn gắng gượng tiếp diễn trong nhàm chán. Và Nương vẫn tiếp tục lớn lên theo thời gian. Cho tới thời kỳ trở mã con gái, đẹp hẳn ra. Đẹp hấp dẫn. Đẹp náo nùng. Đẹp bắt mắt. Đám thanh niên trên cánh đồng bắt đầu kiếm cố lảng vảng quanh. Và cha cũng bắt đầu để ý tới đứa con gái của mình. *“Không cần gương, tôi nhìn thấy hình bóng má trong mắt người đối diện. Trước ánh nhìn của cha, tôi cảm giác mình soi xuống dòng nước đêm”* (tr. 206).

Cuộc sống nuôi vịt càng lúc càng khó khăn, sinh ra giành giật, tranh lán, cưỡng đoạt. Bắt đầu có những trận đánh nhau hung tợn, đánh nhau chí tử để tranh giành miếng ăn. Cho tới một bữa nọ... Một biến cố quyết định cuộc đời Nương thình lình từ trên cao ụp xuống như đám mây chì đen nghịt. *“Ba người họ ập tới từ phía sau, quây lấy tôi, quần áo vẫn còn đầm bùn, mặt mũi sưng sĩa. Những thằng con trai hơi ngờ ngàng khi nhìn thẳng vào tôi, một đứa gầy gò trạc tuổi thằng Điền lau dãi ròng rãi trên khoe miệng, thẳng thốt, “Con nhỏ đẹp quá, máy” (...)* Và món hàng bị ghi ngừa trên mặt ruộng bị bơm nước” (tr. 210). Nghe tiếng kêu cứu tuyệt vọng của con gái mình, cha hoảng hốt nôn nả chạy ngược trở lại, xông thẳng vào đám côn đồ, tay chân vung đánh loạn đả. *“Một tên côn đồ ối lên một tiếng, bùm lấy mắt, vừa kêu rên vừa chửi bới ngậu xỉ. Không đánh trả, nó có cách trừng phạt khác, nó đè nghiêng, giữ cho mặt ông hướng về phía tôi. Và bọn chúng thay phiên nhau, giữ cho cha chỉ một tư thế đó”* (tr. 211).

Rồi...

Người đọc thấp thỏm theo dõi cuộc cưỡng hiếp dai dẳng diễn ra trên cánh đồng hoang vắng cho đến cuối truyện. Và bồi hồi đón nhận thông điệp mà người con gái bất hạnh (hay Tư?) muốn nhắn nhủ với giống người hung hăng đang gieo rắc tội ác trên *Cánh đồng bất tận*.

*Nắng Hậu giang mưa Tiền giang
Nuôi tôi khôn lớn phù sa vàng
Mời tôi về đất xin cho rắc
Xuống con sông Cửu nhúm tro tàn*

Bài *Cái rầu bất tận của NNT* chấm dứt ở dòng này. Bài thứ hai, *Sông nước Hậu giang và NNT* sẽ đề cập đến hai tác phẩm còn lại: *Giao thừa* và *Tạp vãn*.

Điên như Kiệt Tấn K.Đ.

Tên thật: Khuất Đầu. Sinh 1940 tại Bình Định.
Hiện sống tại Việt Nam.

Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi!

Thuở còn bé, St Exupéry vẽ một con trăn nuốt con voi mà bao nhiêu người lớn nọ cứ tưởng là vẽ một cái mũ. Cái hồn mộng mị mà người lớn không sao hiểu được ấy, mãi sau này, giữa sa mạc mông mênh, giữa chết và sống, chú mới tìm được người đồng cảm. Đó là một cậu bé mong manh như ánh trăng từ một tinh cầu bé xíu đi lạc xuống trần gian, nhờ vẽ cho một cái rọ

bị mất. Phải mất một lúc lâu, từ người lớn trở lại làm đứa bé, anh mới vẽ được một cái thùng hình hộp đủ cho trí tưởng tượng của chú bé tin là mình đang nhốt một con cừu.

Hoàng tử bé của tôi ơi! Biết bao người ở khắp nơi trên thế giới đã từng kêu lên như thế. Nhờ cậu mà tâm hồn khô cằn của họ bỗng dưng xanh mướt như cỏ tháng giêng, để cho đứa bé của năm xưa bước đi núng nính. Nhưng họ là những cư dân của phố thị giàu có rộn ràng. Họ reo vui khi tìm lại được thiên đường tuổi nhỏ nhưng với một anh nông dân cho dù là ở xứ Bạc Liêu giàu có nếu một hôm bất ngờ gặp hoàng tử bé thì cũng chỉ biết giương mắt ếch mà nhìn. Vì sao? Vì chú mong manh quá, cao sang quá, con của vua mà lại!

Cho dù Kiệt Tấn đã có bằng đại học ở Canada và đang sống ba mươi năm hơn ở Pháp, tôi vẫn tin ông là một nông dân. Mà lại là nông dân thứ thiệt, chẳng tin, thử đọc *Em vịt vàng nhỏ của tôi* thì hết cãi. Kiệt Tấn không kêu Hoàng tử bé của tôi ơi mà lại kêu em vịt vàng nhỏ của tôi ơi!, kêu lên giữa Paris hoa lệ, giữa xứ sở của St Exupéry, kêu lên giữa lúc khôn nguôi nhớ về cái tuổi nhỏ quê mùa ở tận Hậu Giang, chỉ mong đến Tết để được ăn thèo lèo cửt chuột!

Mà lại kêu bằng *em* mới dễ thương và dễ ghét làm sao! Dễ thương vì một cậu bé sáu tuổi tượng tui con vịt bé xíu như em út của mình là thương đứt đuôi con nòng nọc rồi, không trật một ly ông cụ nào. Còn dễ ghét là vì anh dám gọi con vịt bằng em trong khi tôi là vợ anh cho dù đã già nhưng rất hiền lại cứ bị gọi mụ nọ mụ kia! Hay là tại ông điên như Bùi trung niên thi sĩ đã từng kêu các nàng dê bằng em! Kêu sượng miệng quá, ước gì tôi cũng điên được như ông.

Nói vậy mà chơi chữ ông không điên đâu, ông khôn bỏ mẹ. Ông mượn cái chết của con vịt vàng để chửi Pháp, chửi chiến tranh, chửi thằng con bà chủ, chửi luôn cả bà, lại nói kháy cả ông cụ sinh ra mình. (Cái chi tiết bà chủ đi ra bờ ao xả nước thải bị con vịt xiêm cồ cuồng dầm rĩa cái bàn tọa la chơi chói đã lạ rồi mà ông bố bảo gặp tao, tao cũng rĩa hưởng hồ là con vịt, quả thật là có một không hai trong văn chương Việt).

Xin được trở lại với em vịt vàng. Câu chuyện bắt đầu bằng một cái trứng vịt (trứng sinh ra vịt đấy nhé, đừng có cãi cù nhày nữa). Cậu bé Kiệt sáu tuổi một hôm nhặt được một cái trứng giữa đám ruộng trước nhà. Cậu lấy mực đánh dấu rồi nhờ con vịt xiêm mẫu hậu ấp nở giùm. Con vịt xiêm là mẹ nuôi còn cậu tự xưng là anh ruột. Nhưng vịt vàng xinh xinh lại tưởng mẫu hậu là mẹ ruột nên suốt ngày cứ lẻo đẻo chạy theo. Và rồi một hôm trước tết, bị một đoàn xe nhà binh và xe thiết giáp của Pháp cán chết.

Chỉ có vậy thôi, nhưng tôi nghĩ Trường hận ca của Bạch Cư Dị khóc Dương Quý Phi, hay Tự Đức khóc Trịnh Bằng Phi cũng không lâm ly nào nuốt bằng chú bé Kiệt Tấn khóc em vịt vàng của mình. Không bằng, bởi vì cái chết của con vịt vàng tội nghiệp quá. Mười mấy chiếc xe mười bánh và xe tăng xích sắt kêu loảng xoảng cán qua thì còn gì là xương thịt. Không bằng, cũng bởi ông quan tư mã áo xanh và ông vua ốm yếu mặc hoàng bào ấy dẫu sao cũng đã là người lớn. Mà người lớn thì đã chắc gì khóc thiệt nhất là khóc bằng cách “*đập cổ kính ra tìm lấy bóng/ xếp tàn y lại để dành hơi*”

Có một thời tôi cũng đã khóc con chó mực của mình, nhưng khi cột ba đồng tiền vào cổ liệng xuống sông là hết khóc ngay. Có đâu như Kiệt Tấn, qua Canada rồi qua Paris mà vẫn còn khóc đến tận bây giờ. Xem cái đoạn cậu bé sáu tuổi phải mất một buổi ngồi nhặt từng sợi lông, cạy từng chút đất sỏi dính máu dính thịt bỏ vào tờ báo gói đem đi chôn, tôi không khỏi liên tưởng đến người mẹ Gio Linh *nghe ngào không nói một câu mang khăn gói đi lấy đầu*. Có biết bao người mẹ đi nhặt xác con, người chị đi nhặt xác em, người vợ đi nhặt xác chồng trong cuộc chiến dài lê thê vừa qua! Bây giờ ông hãy còn khóc là khóc cho bọn họ, những nạn nhân không tên không tuổi ở quê hương mình.

Cái tuổi thơ của những người Việt nay sáu bảy chục tuổi là vậy. Mất mát nhiều quá. Chỉ một con vịt vàng bé xíu kêu lép lép đã đau như thế huống hồ mất mẹ, mất cha, mất cả quê hương. *Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi! Từ ngày em bị chiếc xe nhà binh mười bánh và chiếc xe tăng nghiền nát, cuộc chiến tranh không ngừng tiếp diễn khốc liệt ở quê hương hai anh em mình* Tôi tô đậm sáu chữ này để khắc sâu một lần nữa cái quê hương đang đặng ba mươi năm chiến tranh khiến một người giàu xúc cảm như ông xót xa khi nhớ tới. Con vịt vàng bé xíu bị hàng chục chiếc xe mười bánh và những chiếc xe tăng nghiền nát sao giống với thân phận của nước Việt mình quá.

Năm nay đào lại nở, năm nào đào chẳng nở, nhưng ông chẳng nhớ tới ông đồ già, cũng chẳng nhớ tới một nhân diện đào hoa tương ánh hồng nào, lại càng không nhớ tới một tà áo tiểu thư hay tóc vàng sợi nhỏ mà nhớ tới em vịt vàng nhỏ của mình. Nhớ tiếng kêu lép lép, nhớ màu lông vàng tức là nhớ tới cái xóm Mới tuy nghèo vẫn rộn ràng đón xuân. Nhớ tài kho thịt của cha, quần áo mới do má xỏ kim may có hai túi trắng hai bên coi cũng le lói lắm. Trên tầng thứ mười lăm của một cao ốc lạnh lẽo ở ngoại ô Paris, ông nhớ thương quê cha đất tổ còn hơn bà huyện Thanh Quan *nhớ nước đau lòng con quốc quốc / thương nhà mới miệng cái gia gia* khi đi qua đèo Ngang.

Ông Kiệt(không có chữ Trụ) ơi, bắt chước một câu thơ nổi tiếng, tôi cũng kêu lên rằng, ông ơi, ông ở rất xa/ mà sao tôi thấy rất là ViệtNam. Ông đã là dân Paris rồi nhưng không mất gốc, những người đã gần bảy chục tuổi đầu mà còn biết nhớ tới con vịt vàng bé xíu là không bao giờ mất gốc. Nỗi nhớ như rễ được cắm sâu ở rừng Cà Mau thì sóng gió nào nhỏ bật lên được.

Cũng đừng bảo rằng chuyện một con vịt be bé bị xe cán có chi đâu mà phải âm ỉ. Hãy nhớ rằng đối với một đứa bé sáu tuổi, con vịt xấu xí đó đã được cậu yêu thương hơn cả cha, yêu như yêu mẹ đó, thì trên đời này không có gì to tát bằng. *Yêu nước, yêu dân*, cậu không biết yêu ra làm sao, nhưng bảo yêu con vịt từ lúc xí được cái trứng cho đến khi biết kêu lép lép là cậu hiểu được và yêu được. Yêu mãi cho đến già, đến chết.

Trở lại câu chuyện Hoàng tử bé. Tác giả bảo cảnh đẹp nhất là cảnh vẽ một ngôi sao cô độc trên nền trời sa mạc. Còn đây là cảnh đẹp và buồn nhất mà ông Kiệt vẽ ra cho tôi, một người đồng niên ở tận quê nhà: *trên cụm mây xa thiệt xa, tôi hình dung một đứa nhỏ sún răng đang ôm con vịt vàng nhỏ của mình trong lòng và hai anh em đang bồi hồi ngó xuống trần gian ngắm thiên hạ nở pháo rộn ràng đón Xuân...*

Cảm ơn ông đã cho tôi sống lại thuở lên năm lên sáu bằng một truyện nhỏ đầy chất dân dã mộc mạc như những câu hát buồn muốn chết mà thương cũng muốn chết trên Cửu Long giang.

Ờ, đào lại nở trên đất Paris! Lại một mùa xuân rưng rức hoa đào làm lạnh thêm một người xa xứ. Để ấm lòng, ông Kiệt Tấn hết nhớ em vịt vàng bé xíu lại nhớ đến những người đàn bà mà có lẽ chỉ có ông trên đời này mới nhớ tới họ mà thôi.

Những người đàn bà ấy, một bà lượm lon, một bà bán càrem, một bà bán đậu phộng. Ba người ấy là những “mối tình đầu” theo như cách nói của ông. Mối tình đầu của tuổi học trò! Ông có đùa dai không đấy. Sao không là Diễm để những chiều mưa sao em không lại? Sao không là Ngọc để theo Ngọc về? Sao không là người em xóm học để em ơi “khoác” đi em? Mà lại là những bà cụ hom hem chít khăn mỏ quạ đi dép Nhựt cũ đến nổi cao su bè ra, hoặc đội một chiếc nón rách tơi tả, hoặc để đầu trần đi cẳng không, áo trắng rách lưng đã ngã màu vàng xỉn! Yêu lần đầu mà yêu như thế, bảo sao người ta không bảo ông điên!

Người tình đầu thứ nhất ông gặp ở xóm Hàng Xanh. Mới Tết xong ba bữa đã lại hỏi: *thưa ông cho nhà cháu hỏi thăm, còn mấy hôm nữa thì là tết ạ? Còn lâu lắm cụ ạ! Thế hở ông? Thế mà cháu quên mất, làm phiền ông quá. Ông cho nhà cháu xin lỗi.*

Những câu nói làm tôi bỗng giật mình. Cụ bà đồng bằng bắc bộ di cư ấy những năm mươi năm trước đây sao ăn nói lễ phép và lịch sự đến như vậy. Chả bù với bây giờ, nào nỡm, nào cút xéo ngay không bà đánh cho nát mặt!

Và cụ lại hỏi: *Phiền ông cho nhà cháu hỏi thêm. Ông có biết nhà ông Đa ở lối nào, xin ông chỉ hộ cho nhà cháu!* Lịch sự hơn cả Tây, hơn cả Mỹ!

Ông Đa là ông nào, có trời mà biết, nhưng bà cụ lượm lon cứ quanh quẩn ở xóm Hàng Xanh hỏi mãi. Ông Kiệt đoán chừng có thể là người tình cũ lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm, cũng có thể là người chồng đi lạc lúc trốn lên tàu di cư vào Nam. Một cụ bà còm cõi lần lần đi tìm người xưa cứ tới lui hỏi mãi khiến ông Kiệt đa đoan của chúng ta “yêu” lúc nào không hay. Vì yêu nên thương. Vì thương nên lo. Vì lo nên sợ. Và ông sợ rằng, *xe tăng thiết giáp rần rần rộ rộ kéo lê những khẩu đại bác dài ngoằng băng qua xóm Hàng Xanh một ngày nào đó sẽ làm cho cái khăn mỏ quạ, đôi dép Nhựt bốn, mấy cái lon vừa lượm được văng tung toé và trái tim vẫn còn ấp ủ hình bóng người xưa còn đập, nhảy trên mặt đường!*

Người tình đầu thứ hai là một bà già bán cà rem lúc tác giả còn học tiểu học. (Yêu sớm quá ông Kiệt nhỉ?). Không như bây giờ, kem đông cứng thơm ngon đựng trong thùng xốp, kem của sáu mươi năm trước xanh đỏ toàn nước đá đựng một tí là vỡ tan, lại giữ trong tẹt mốt làm bằng thuỷ tinh, nên người bán phải nâng niu ôm giữ trong lòng.

Bà không thể chạy theo khách hàng là đám học trò nghịch phá như quỷ, không thể cạnh tranh với bọn con trai ma mãnh bày trò đồ xingầu để vét sạch túi bọn nhỏ. Bà chỉ ngồi một chỗ vẩy vẩy cái chuông bằng đồng bóng loáng, leng keng, leng keng mời mọc *như con chó hiền lành chỉ chờ có người ngó là vẩy đuôi ngoắc!* Bà già nghèo xấu xí đó không ngờ hiện ra dưới mắt cậu bé Kiệt thân thương đến nỗi cậu thấy đó là *má tôi đang ngồi chồm hổm.* Gọi má ngon lành, *má tôi tay xách bình cà rem, đứng ngó thẳng con trai của bà đang xếp hàng đi vào lớp.*

Yêu như ông đúng là điên thật, một người điên vô lượng thanh khiết, dẫu tôi có muốn điên cũng đâu có dễ.

Người tình đầu thứ ba là một bà già bán đậu phộng ở bến xe Mỹ Tho. Bà cũng rách rưới, xập xệ nhưng lúc nào cũng sẵn sàng tặng không một nụ cười móm mém cho khách. Cũng như bà bán cà rem, bà không thể nào tranh khách được với các cô gái nhanh nhẹn trẻ trung. Vì vậy bà bán ế. Mà càng ngày càng ế ảm hơn nữa vì bà buộc phải bán đậu lép. *Trời hỡi! Sao khốn cùng tới mức phải đi bán đậu lép!* Tác giả kêu lên nghe đứt ruột. Đứt ruột vì một người biết việc bán đậu lép là không lương thiện mà vẫn cứ phải bán. Dù có lí nhí cảm ơn, dù có tặng không bao nhiêu nụ cười thì trong lòng bà vẫn nặng trĩu xấu hổ xót xa. Con trai đi lính chết, con dâu phải tần tảo nuôi con. Hạt chắc cô dâu luộc bán ban ngày, hạt lép để bà lập lờ đánh lộn con đen lừa bán trong đêm. Có vậy mới kiếm được chút tiền lời nuôi mình và nuôi cháu! Thế là những người nghèo muốn sống lương thiện cũng khó mà sống được. Cứ phải dối gạt một chút. Một chút nhưng mà cả một đời dài thì dối gạt bao nhiêu?! Cho nên những hạt đậu ấy tan vào miệng ông đắng chát.

Ngồi ở tầng cao Paris bên ly rượu vàng sóng sánh mà ông không nhắm nháp được hương vị nồng nàn của mùa xuân vì ông nhớ ra không chỉ ở Hàng Xanh, ở sân trường tiểu học Bạc Liêu,

ở bến xe Mỹ Tho mà còn ở bến phà Rạch Miễu, Cần Thơ, Vàm Cống...nhiều không đếm hết những bà già quê hương, những bà có làn da nhăn thom tho mùi đất, có nụ cười rì rào tre trúc, có bàn chân nứt nẻ phù sa, có trái tim từ bi vô lượng đã bơm máu vào rún tôi từ thưở còn trong bụng mẹ. Những bà mẹ Việt Nam không một chút anh hùng, những bà mẹ bình thường của bao nhiêu năm chinh chiến. Vẫn còn đó những mối tình đầu của ông. Vẫn còn đó cho dù thời gian qua mau và cuộc sống quay cuồng khiến chúng ta vô tình hay ơ hờ không thấy.

Ông Kiệt (không có Trụ) ơi, đọc xong truyện này tôi thấy mắc cỡ quá. Mắc cỡ vì tôi đã từng gặp bao nhiêu người lượm lon, bán cà rem, bán đậu phộng, bán chuối chiên, cóc ổi xoài như ông mà sao lòng tôi lúc ấy và cả đến bao năm sau vẫn cứ dửng dưng. Tôi không khinh họ nghèo vì tôi có giàu có gì hơn đâu, nhưng tôi lại chỉ động lòng trắc ẩn với những người ăn mặc lành lặn và nói ra ông chớ cười, xinh đẹp một chút, trẻ trung một chút, sẵn sàng lao vào dòng xe cộ như mắc cửi để nhặt cho nàng một chiếc khăn rơi, hay gồng mình làm Lục Vân Tiên trước bọn lục lâm thảo khấu cho dù sau đó ôm đầu máu vì dở hơi trói gà không chặt. Tôi nào dám gọi một bà bán cà rem, bà lượm lon hay bà bán đậu phộng bằng má một cách thực lòng như ông.

Nhiều người khen ông là bồ tát nhưng tôi không nghĩ vậy. Ông yêu họ một cách thực lòng vì cuồng rún của ông chưa lìa, vì mùi bùn đất phù sa vẫn chưa rửa sạch ở tim ông dù ông đang sống ở Paris. Sống ở Paris mà lòng ông thì ở Bạc Liêu, ở Việt Nam, còn tôi và chắc cũng có nhiều người khác sống ở Việt Nam mà hồn mộng ở tận Paris hay Nữ Ớc! Sống xa quê hương mà ông lại nhớ, lại yêu. Còn tôi sống giữa quê hương mà lại quên lại ghét. Đôi khi ghét quá vì nghèo đói, vì tụt hậu, vì ...hàng trăm thứ...!

Có ngứa ngáy cầm bút một đôi khi, tôi mới thấy viết được một truyện như ông viết, nếu có phải lăn ra chết thì cũng thực là sướng. Sướng vì ít ra cũng làm được một việc nhỏ có ích cho mình và cho đời. Mà đọc lại cho kỹ thì thấy ông đâu có viết, ông chỉ trải lòng mình ra, không như trải thảm đỏ ở nhà hàng khách sạn hay các cuộc đón rước phượng diện quốc gia quan trên ngó xuống người xa trông vào, mà là trải như lúa rạp mình trên đồng ruộng, như nước phù sa đọng đưa vào tận thềm nhà, trải như ghé con gọi mẹ như cháu sà vào lòng bà. Tự nhiên phơi hết gan ruột chứ không kỳ khu gọt dũa, không làm văn theo kiểu cách tân.

Ông Kiệt ơi, cảm ơn ông đã cho tôi tìm gặp lại quê hương ngay chính giữa quê hương mình. Tôi cũng như ông, chỉ mỗi một quê hương chiến tranh nghèo đói, nhưng đó là một quê hương thật với những bà mẹ quê hương, mà dù có đi khắp năm châu bốn bể cũng không dễ gì tìm ra được. Ở, cũng như ông, tôi yêu họ, dù đây là tình cuối chứ không phải tình đầu....